

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

– CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3

.....o0o.....

**BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN**

**“NHÀ MÁY GIẾT MỒ VÀ CHẾ BIẾN THỊT,
CÔNG SUẤT GIẾT MỒ ĐẠT 37.440.000
CON GÀ/NĂM; 374.400 CON HEO/NĂM
VÀ CHẾ BIẾN THỊT ĐẠT CÔNG SUẤT
2.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM
– GIAI ĐOẠN 1: DỰ ÁN ĐẠT CÔNG SUẤT
GIẾT MỒ 18.720.000 CON GÀ/NĂM”**

**ĐỊA ĐIỂM: LÔ B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN MINH HƯNG SIKICO,
XÃ ĐỒNG NƠ, HUYỆN HƠN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

BÌNH PHƯỚC, THÁNG 11 NĂM 2022

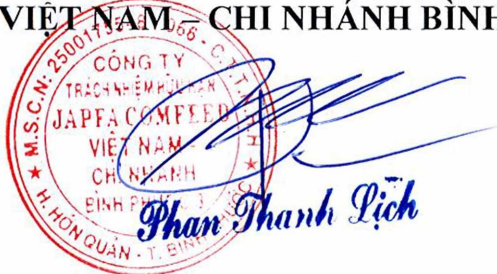
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
– CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3
.....o0o.....

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN
“NHÀ MÁY GIẾT MỠ VÀ CHẾ BIẾN THỊT,
CÔNG SUẤT GIẾT MỠ ĐẠT 37.440.000
CON GÀ/NĂM; 374.400 CON HEO/NĂM
VÀ CHẾ BIẾN THỊT ĐẠT CÔNG SUẤT
2.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM
– GIAI ĐOẠN 1: DỰ ÁN ĐẠT CÔNG SUẤT
GIẾT MỠ 18.720.000 CON GÀ/NĂM”

ĐỊA ĐIỂM: LÔ B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN MINH HƯNG SIKICO,
XÃ ĐỒNG NƠ, HUYỆN HƠN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED
VIỆT NAM – CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3



ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT



BÌNH PHƯỚC, THÁNG 11 NĂM 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH	6
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	7
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	8
1. Tên Công ty đầu tư	8
2. Tên dự án đầu tư	8
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	9
3.1. Công suất của dự án đầu tư	9
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	10
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	12
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	13
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng của dự án	13
4.2. Nhu cầu sử dụng điện	17
4.3. Nhu cầu nước.....	17
5. Các thông tin khác	20
5.1. Nhu cầu lao động.....	20
5.2. Nhu cầu máy móc, thiết bị.....	20
5.3. Các hạng mục công trình của dự án	22
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	24
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)	24
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có).....	24
CHƯƠNG III KẾT QUẢ VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	26
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	26
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	26
1.2. Thu gom, thoát nước thải	27
1.3. Xử lý nước thải	29
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	45

2.1. Khí thải từ quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị cho giai đoạn 2:.....	45
2.2. Bụi từ quá trình sản xuất	46
2.3. Khí thải từ máy phát điện dự phòng.....	47
2.4. Khí thải từ lò hơi.....	47
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	51
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	54
4.1. Dự báo về khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành	54
4.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại.....	55
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	56
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	56
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	64
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	65
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	65
1.1 Nội dung thu gom đầu nối nước thải.....	65
1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.....	65
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	81
2.1. Nguồn phát sinh khí thải.....	81
2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải.....	81
2.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có).....	82
2.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường	83
3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn:	84
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	84
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	84
3.3. Tiếng ồn, độ rung	84
3.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	85
3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường	86
CHƯƠNG V KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	87
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	87
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	87

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	87
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	89
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	89
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	90
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	91
CHƯƠNG VI CAM KẾT CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ.....	92
4.1. Các cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	92
4.2. Cam kết về việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan	92
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	93

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Sản phẩm và công suất sản xuất của Dự án trong giai đoạn 1	13
Bảng 1.2. Sản lượng thịt từ quá trình giết mổ gà của nhà máy (Giai đoạn 1).....	13
Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hóa chất của Dự án trong giai đoạn 1	13
Bảng 1.4. Thành phần, tính chất hóa học hóa chất sử dụng của dự án	15
Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án trong giai đoạn 1	17
Bảng 1.6. Thống kê tái sử dụng nước tại Dự án trong giai đoạn 1	19
Bảng 1.7. Thống kê nguồn nước cấp tại Dự án trong giai đoạn 1	19
Bảng 1.8. Nhu cầu lao động của Công ty trong giai đoạn 1	20
Bảng 1.9. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất trong giai đoạn 1	20
Bảng 1.10. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tại dự án trong giai đoạn 1	22
Bảng 3.1. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom thoát nước mưa	27
Bảng 3.2. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom nước thải tại Dự án	28
Bảng 3.3. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thoát nước thải.....	28
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của bồn tự hoại composite 3 ngăn.....	30
Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại tại Nhà máy.....	31
Bảng 3.6. Các hạng mục bể của hệ thống xử lý nước thải	40
Bảng 3.7. Nhu cầu hóa chất trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải 4.850 m ³ /ngày.đêm.....	43
Bảng 3.8. Nhu cầu hóa chất trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước tái sử dụng công suất 1.000 m ³ /ngày.đêm.....	45
Bảng 3.9. Thông số kỹ thuật các hạng mục của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ	50
Bảng 3.10. Thành phần và khối lượng chất thải rắn sản xuất không nguy hại phát sinh tại Nhà máy.....	52
Bảng 3.11. Số lượng và mã số chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành Nhà máy tại giai đoạn 1	54
Bảng 3.12. Số lượng và mã số chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình xây dựng các hạng mục và lắp đặt máy móc thiết bị.....	55
Bảng 3.13. Bảng phương hướng khắc phục sự cố trong vận hành hệ thống xử lý nước thải	63
Bảng 3.14. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM.....	64
Bảng 4.1. Danh mục máy móc thiết bị của HTXL nước thải của Nhà máy.....	67

Bảng 4.2. Danh mục máy móc thiết bị của HTXL nước tái sử dụng của Nhà máy.....	74
Bảng 4.3. Vị trí xả thải và lưu lượng xả khí thải lớn nhất.....	81
Bảng 4.4. Các chất ô nhiễm trong khí thải sau HTXL khí thải lò hơi và giá trị giới hạn	82
Bảng 4.5. Thông số kỹ thuật các hạng mục của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ	82
Bảng 4.6. Vị trí của các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	84
Bảng 4.7. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn	85
Bảng 4.8. Giới hạn tối đa cho phép về độ rung	85
Bảng 5.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	87
Bảng 5.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu khí thải trước khi thải ra môi trường	88
Bảng 5.3. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải trước khi thải ra môi trường	88
Bảng 5.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	91

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Dây chuyền sơ chế gà tại Nhà máy (Giai đoạn 1).....	10
Hình 1.2. Dây chuyền sản xuất thịt gà tươi tại Nhà máy (Giai đoạn 1).....	12
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy hiện nay	27
Hình 3.2. Cấu tạo bồn tự hoại composite 3 ngăn	30
Hình 3.3. Bể tự hoại 3 ngăn.....	31
Hình 3.4. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m ³ /ngày.đêm (Giai đoạn 1: HTXL nước thải hoạt động với công suất 2.425 m ³ /ngày.đêm)	33
Hình 3.3. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ	49

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD ₅	:	Nhu cầu oxy sinh hoá trong 5 ngày
BTCT	:	Bê tông cốt thép
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
COD	:	Nhu cầu ôxy hóa học trong nguồn nước
CP	:	Cổ phần
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
DO	:	Hàm lượng ôxy hòa tan trong nguồn nước
DVE	:	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
HTXL	:	Hệ thống xử lý
KCN	:	Khu công nghiệp
KPH	:	Không phát hiện
LOD	:	Ngưỡng phát hiện
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QTSX	:	Quy trình sản xuất
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TDS	:	Tổng chất rắn hòa tan
TNMT	:	Tài nguyên và Môi trường
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng
XLNT	:	Xử lý nước thải
UBND	:	Ủy ban Nhân dân

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên Công ty đầu tư

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3

- Địa chỉ văn phòng: Lô B7-1, B7-2, B7-3 KCN Minh Hưng Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty đầu tư: Ông NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG
- Chức vụ: Giám đốc sản xuất Thức ăn chăn nuôi Khu vực phía Nam.
- Điện thoại: (0211) 3866 170
- E-mail: infor@japfavietnam.com
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước 3 đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh 2500175548-066 đăng ký lần đầu ngày 24/12/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 15/03/2021.

2. Tên dự án đầu tư

“NHÀ MÁY GIẾT MỔ VÀ CHẾ BIẾN THỊT, CÔNG SUẤT GIẾT MỔ ĐẠT 37.440.000 CON GÀ/NĂM; 374.400 CON HEO/NĂM VÀ CHẾ BIẾN THỊT ĐẠT CÔNG SUẤT 2.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM – GIAI ĐOẠN 1: DỰ ÁN ĐẠT CÔNG SUẤT GIẾT MỔ 18.720.000 CON GÀ/NĂM”

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.
- Người đại diện theo pháp luật của dự án đầu tư: Ông PETER TERINATE
- Chức vụ: Giám đốc Phát triển kinh doanh thực phẩm
- Điện thoại: (0211) 3866 170
- Email: infor@japfavietnam.com
- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh: Nhà máy giết mổ và chế biến thịt thuộc Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước 3 đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số địa điểm kinh doanh 00001, đăng ký lần đầu ngày 04/01/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/06/2021.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Nhà máy giết mổ và chế biến thịt thuộc Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước 3 đã được Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 2145163347, chứng nhận lần đầu ngày 11/12/2020, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 10/06/2021.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có):
 - + Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam đã được Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép xây dựng số 44/GPXD ngày 14/10/2021. Theo đó, Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam được phép xây dựng các công trình thuộc Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt” tại Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:
 - + Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm” do Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam làm Chủ đầu tư tại Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 11/10/2021.
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):
 - + Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn theo quy định tại mục số 16 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
 - + Dự án có tổng vốn đầu tư 402.500.000.000 VNĐ (Bốn trăm lẻ hai tỷ, năm trăm triệu đồng), tương đương 17.500.000 USD (Mười bảy triệu, năm trăm ngàn đô la Mỹ), thuộc mục số 3, điều 09, tiêu chí phân loại dự án nhóm B của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 do Quốc Hội ban hành ngày 13/06/2019.
 - + Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm, 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm” tại Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4 Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty làm chủ đầu tư được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 11/10/2021.

Do đó, căn cứ quy định tại Điều 39 và Điểm c, Khoản 3, Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của Ủy ban nhân tỉnh Bình Phước.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

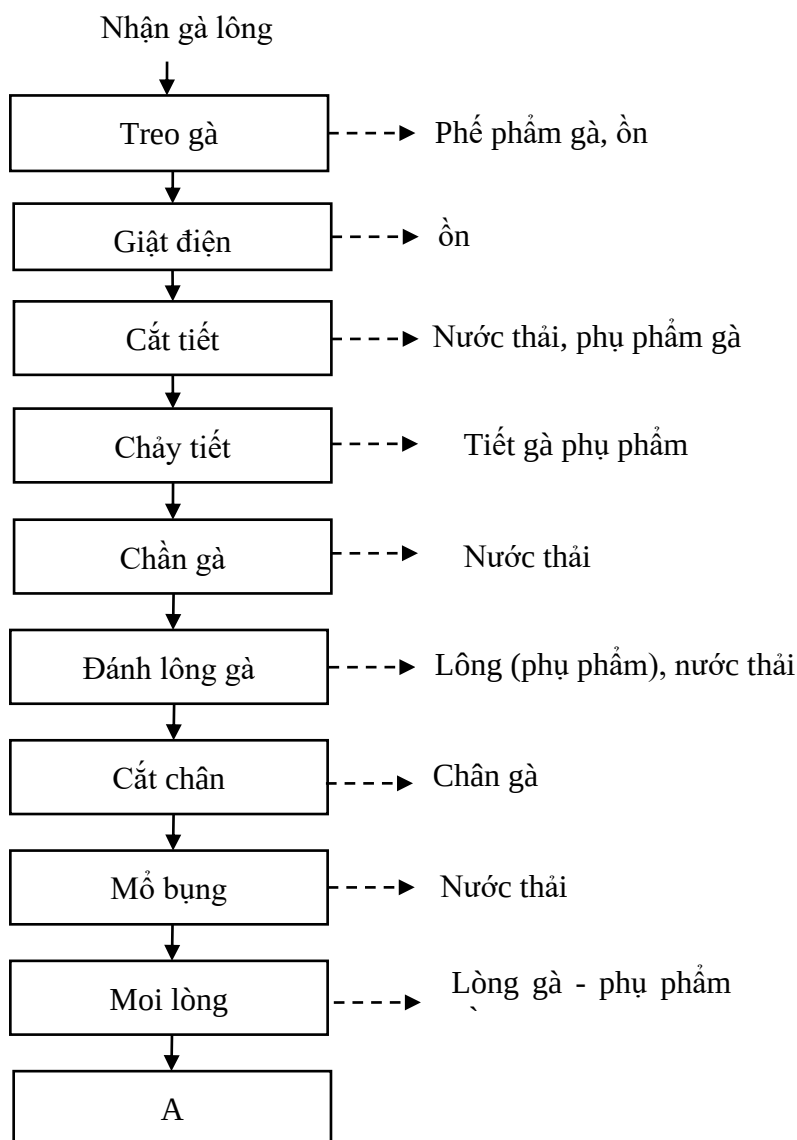
Công suất giết mổ của Nhà máy (Giai đoạn 1): Giết mổ gà với quy mô 18.720.000 con/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Công nghệ sản xuất của dự án tại Giai đoạn 1 là công nghệ giết mổ bằng phương pháp thủ công kết hợp với một số máy móc thiết bị bán tự động và tự động nhằm hỗ trợ cho quá trình sản xuất. Công nghệ giết mổ của dự án là công nghệ đang áp dụng phổ biến tại Việt Nam hiện nay.

Quy trình sản xuất của Dự án trong giai đoạn 1 được trình bày như sau:

❖ Dây chuyền sơ chế gà:



Hình 1.1. Dây chuyền sơ chế gà tại Nhà máy (Giai đoạn 1)

Thuyết minh quy trình:

Gà lông khỏe mạnh, không mắc bệnh tại các trang trại gà sẽ được kiểm dịch thú y trước khi xuất trại để đảm bảo gà đưa về nhà máy giết mổ không có gà chết do dịch bệnh. Gà lông khỏe mạnh được nhốt trong lồng nhựa chuyên dụng, khoảng 20 con/lồng và vận chuyển bằng xe tải về nhà máy. Khi về nhà máy, xe tải vào khu vực nhà chờ. Tại nhà chờ, xe nâng bốc lồng gà đưa vào dây chuyền giết mổ. Lồng gà được

đưa lên băng tải qua hệ thống gấp và treo gà tự động lên băng chuyền. Lòng gà được chuyển hoàn vào xe tải và xe di chuyển về các trang trại để tiếp tục vận chuyển gà về nhà máy giết mổ.

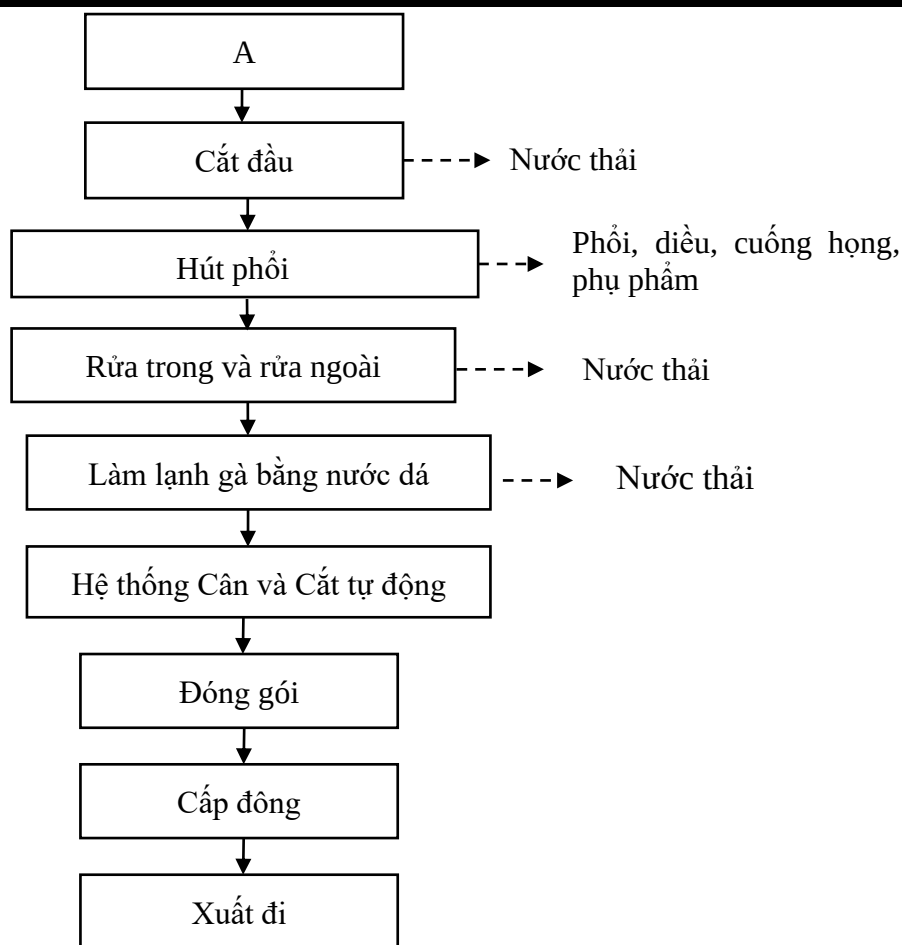
Gà lông theo băng chuyền nhập gà vào khu vực sơ chế của Nhà máy. Tại đây, gà sẽ được móc lên dây chuyền treo để vận chuyển đến công đoạn tiếp theo. Trong quá trình treo gà, công nhân sẽ tiến hành kiểm tra gà để đảm bảo không có gà lông bị chết do quá trình vận chuyển, nếu phát hiện có trường hợp gà lông chết, công nhân sẽ chuyển gà ra khỏi dây chuyền giết mổ và chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý. Tiếp đó, gà sẽ theo dây chuyền treo đi qua bồn nước có điện áp từ 100 -300Volt AC để gây choáng gà trước khi cắt tiết.

Sau khi treo gà, gà được làm ngất khi đi qua dòng nước có điện. Sau đó được cắt tiết 100%. Sau khi gà chảy hết tiết sẽ được nhúng qua nước nóng nhiệt độ từ $\pm 60^{\circ}\text{C}$, nhiệt được cấp từ lò hơi 4 tấn/giờ của Công ty. Sau đó, gà sẽ theo băng chuyền đến máy đánh lông để làm sạch lông gà (lông gà trong máy đánh lông được thu gom vào cuối mỗi ca làm việc). Sau đó, gà chuyển qua công đoạn cắt chân và mổ bụng. Gà sau khi mổ bụng sẽ được tiến hành moi lòng, gà được đi qua máy đục điều và cuống họng. Tiếp đến gà sẽ được chuyển đến dây chuyền A để tiếp tục quy trình sản xuất thịt gà tươi.

Toàn bộ hoạt động sản xuất đều diễn ra trong dây chuyền tự động và khép kín.

Gà sau khi mổ bụng và moi lòng sẽ được chuyển qua dây chuyền sản xuất thịt gà tươi.

❖ Dây chuyền sản xuất thịt gà tươi:



Hình 1.2. Dây chuyền sản xuất thịt gà tươi tại Nhà máy (Giai đoạn 1)

Thuyết minh quy trình:

Tại dây chuyền này, gà sẽ được cắt đầu, lấy điều, cuống họng, hút phổi và nội tạng còn sót trong bụng gà. Gà sau khi làm sạch được chuyển qua phòng làm lạnh bằng không khí, nhiệt độ phòng $\leq 4^{\circ}\text{C}$, thời gian làm lạnh khoảng 2,5 giờ. Sau thời gian này, gà sẽ được chuyển sang công đoạn cân, phân loại để kiểm soát khối lượng và chất lượng sản phẩm, sau đó công nhân tiến hành móc gà lên dây chuyền treo và đưa đến công đoạn cắt gà thành từng loại thịt bằng máy tự động. Thịt gà thành phẩm sau khi cắt sẽ được đóng gói theo từng nhu cầu của Công ty. Thịt gà sau khi đóng gói sẽ được đưa vào kho cấp đông với nhiệt độ phòng từ (-30°C) đến (-40°C) cấp đông trong thời gian ≥ 6 tiếng, sản phẩm khi đạt nhiệt độ $\leq (-18^{\circ}\text{C})$ sẽ được đóng thùng và chuyển vào kho bảo quản đông với nhiệt độ $\leq (-20^{\circ}\text{C})$ và chờ xuất đi.

Toàn bộ hoạt động sản xuất đều diễn ra trong dây chuyền bán tự động và khép kín.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Sản phẩm của Dự án trong giai đoạn 1 được thể hiện qua bảng sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

Bảng 1.1. Sản phẩm và công suất sản xuất của Dự án trong giai đoạn 1

TT	Tên sản phẩm	Công suất		Thị trường tiêu thụ
		Con/năm	Con/ngày	
1	Gà được giết mổ	18.720.000	62.400	- Cung cấp dự kiến cho nhà máy thuộc tập đoàn Japfa Comfeed Việt Nam tại Bình Dương khoảng 50 tấn/ngày. - Cung cấp cho chuỗi cửa hàng Japfa Best khoảng 56 tấn/ngày.

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Phân loại thịt trong xẻ thịt gà (Trọng lượng: 2,2 kg/một con) được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.2. Sản lượng thịt từ quá trình giết mổ gà của nhà máy (Giai đoạn 1)

TT	Phân loại	Trọng lượng	
		Kg/con	Kg/ngày
1	Thịt + xương	1,7	106.080
2	Nội tạng	0,18	11.232
3	Lông + tiết	0,3	18.720
4	Chất thải từ lòng	0,02	1.248
Tổng		2,2	137.280

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng của dự án

Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hoá chất sử dụng cho hoạt động sản xuất và xử lý môi trường trong năm được trình bày trong các bảng sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hóa chất của Dự án trong giai đoạn 1

TT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Công đoạn sử dụng	Xuất xứ
A	Dây chuyền giết mổ gà				
1	Gà	Con/năm	18.720.000	-	Từ các trang trại chăn nuôi của Chủ dự án
2	Bao bì nhựa	Tấn/năm	5	Đóng gói	Việt Nam
3	Thùng carton	Tấn/năm	3	Đóng gói	Việt Nam

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

TT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Công đoạn sử dụng	Xuất xứ
B Hóa chất dùng trong hoạt động của Nhà máy					
4	Cồn	Lít/năm	3.000	Lau sạch bao bì, vệ sinh tay, bàn, dụng cụ	Việt Nam
5	Nước giặt	Lít/năm	1.500	Dùng trong giặt đồ bảo hộ	Việt Nam
6	Chất tẩy trắng	Lít/năm	1.500	Dùng trong giặt đồ bảo hộ	Việt Nam
7	Calvatis W94	Lít/năm	900	Dùng trong giặt đồ bảo hộ	Việt Nam
8	Chế phẩm EM	Lít/năm	150	Khử mùi trong khu vực nhốt chờ giết mổ	Việt Nam
C Nhiên liệu					
1	Nhiên liệu đốt lò hơi (Biomass)	Tấn/năm	8.000	Dùng cho đốt lò hơi	Việt Nam
2	Dầu DO	Lít/năm	50	Chạy máy phát điện dự phòng	Việt Nam
D Hóa chất cho xử lý nước thải					
1	PAC	Kg/ngày	165	-	Việt Nam
2	NaOH (32%)	Kg/ngày	210	-	Việt Nam
3	Na ₂ CO ₃ (99%)	Kg/ngày	344	-	Việt Nam
4	A-Polymer	Kg/ngày	3	-	Việt Nam
5	C-Polymer	Kg/ngày	6	-	Việt Nam
6	Javel (10%)	Kg/ngày	82	-	Việt Nam
E Hóa chất cho xử lý nước tái sử dụng					
1	Axit citric 98%	Kg/ngày	17	-	Việt Nam
2	Javel	Kg/ngày	3,6	Rửa lọc	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

❖ Thành phần hóa học và đặc tính của hoá chất

Bảng 1.4. Thành phần, tính chất hóa học hóa chất sử dụng của dự án

STT	Tên hóa chất	Thành phần	Mã CAS	Đặc tính chung	Tính nguy hại
1	NaOH (32%)	Sodium hydroxide – 32% ± 1%	1310-73-2	Chất lỏng, không màu, Mùi đặc trưng: Không mùi. Độ hòa tan trong nước : Tan trong nước ở 20°C	- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Gây bỏng mắt, nặng có thể dẫn đến rủi ro bị mù. - Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Gây bỏng. - Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Gây kích thích màng nhầy trong miệng, họng, thực quản và dạ dày ruột. Nguy hiểm làm xuyên thủng dạ dày, thực quản.
2	PAC	Poly aluminum chloride – 30%	1327-41-9	Dạng bột, màu vàng, không mùi; Độ hòa tan: Tan trong nước; pH: 3 – 5 .	- Làm tổn thương các sinh vật trong hệ sinh thái với lượng lớn. - Một lượng lớn chất thải ra có thể gây ra sự axit hóa các dòng chảy, là một chất gây đông có thể gây ra sự lắng đọng các thể rắn trong hệ sinh thái. - Mức độ phân hủy sinh học: không bị vi khuẩn phân hủy.
3	A – Polymer	-	-	Dạng hạt, màu trắng, không mùi; Nhiệt độ tự cháy: >150°C; Tỷ lệ hóa hơi: 8-13%; Khối lượng riêng: 0,75-	-

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Tên hóa chất	Thành phần	Mã CAS	Đặc tính chung	Tính nguy hại
				0,95 g/m ³ .	
4	C – Polymer	-	-	Dạng hạt, màu trắng, không mùi; Nhiệt độ tự cháy: >150°C; Tỷ lệ hóa hơi: 7 - 8%; Khối lượng riêng: 0,75g/m ³ ; pH: 3 – 5.	-
5	Javel	Sodium Hypochlorite (NaOCl) – 10-12% Sodium Hydroxide (NaOH) – 1% Nước (H ₂ O) – 87-89%	7681-52-9 1310-73-2 7732-18-5	Chất lỏng, màu vàng, mùi đặc trưng giống Chlor; Điểm sôi: 40°C; Tan hoàn toàn trong nước; Khối lượng riêng: 1.070 – 1140 kg/m ³ .	- Đường mắt: gây dị ứng có thể gây bỏng làm mù loà. - Đường hô hấp: gây dị ứng đường hô hấp, tùy thuộc mức độ hít phải. - Đường da: gây dị ứng da - Đường tiêu hóa: gây nôn mửa
6	Ethanol	Ethanol (C ₂ H ₅ OH) – 100%	64-17-5	Chất lỏng, trong suốt, mùi ether; Điểm sôi: 78°C; Nhiệt độ tự cháy: 362°C; Có thể hòa tan trong nước hoàn toàn ở 20°C; Khối lượng riêng: 816,4 kg/m ³ ở 15°C.	- Kích ứng da: Kích ứng nhẹ cho da. Tiếp xúc lặp lại có thể gây khô da hoặc nứt nẻ. - Kích ứng mắt: Kích ứng mạnh đối với mắt. - Kích ứng hô hấp: Hít vào hay hơi sương có thể gây khó chịu cho hệ hô hấp. - Mức độ nhạy cảm: Không là chất nhạy cảm đối với da. - Gan: Có thể gây tổn thương gan mãn tính nếu tiếp xúc nhiều lần với hàm lượng cao.

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Điện được sử dụng cấp cho các máy móc thiết bị của nhà máy, phục vụ chiếu sáng công trình, điện chiếu sáng toàn Công ty. Điện năng tiêu thụ khoảng 100.000 kWh/tháng tương đương 1.200.000 kWh/năm.

Dự án sử dụng 02 máy phát điện dự phòng công suất 2.000 KVA/máy trong quá trình hoạt động.

Nguồn cung cấp điện: Toàn bộ nguồn điện cung cấp cho Dự án được sử dụng nguồn điện từ hệ thống điện của KCN Minh Hưng - Sikico.

4.3. Nhu cầu nước

Nước được sử dụng tại Nhà máy phục vụ cho hoạt động sản xuất và nhu cầu sinh hoạt của công nhân viên. Ngoài ra, nước còn dùng cho tưới cây và phòng cháy chữa cháy. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.5. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án trong giai đoạn 1

STT	Nội dung	Định mức dùng nước	Lưu lượng (m ³ /ngày)
1	Nước cấp cho sinh hoạt	45 lít/người.ca	4,5
2	Nước cấp cho nấu ăn	25 lít/bữa ăn	2,5
3	Nước cấp cho quy trình giết mổ	25 lít/con.ngày	1.560
4	Nước rửa sàn khu vực nhốt gà chờ giết mổ	Theo kinh nghiệm chủ dự án	15
5	Nước dùng cho giặt quần áo bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất	20 lít/bộ	1,7
6	Nước cấp cho quá trình vệ sinh xe vận chuyển	300 lít/xe	3,9
7	Nước cấp bổ sung cho lò hơi	4 m ³ /giờ	96
8	Nước cấp cho rửa lọc (HTXL nước tái sử dụng)	-	50
9	Nước cấp cho quá trình làm mát trong khu vực nhốt chờ giết mổ	2 lít/con	120
10	Nước dùng để tưới cây, rửa đường	4 lít/m ²	485,3
	Tổng cộng		2.338,9

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Tính toán nhu cầu sử dụng nước

Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn sản xuất và hoạt động sinh hoạt của công nhân viên của Dự án như sau:

- Nước dùng cho sinh hoạt khoảng 4,5 m³/ngày, được tính toán dựa trên các cơ sở sau:
 - + Số lượng công nhân viên làm việc trong nhà xưởng và văn phòng: 100 người.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

- + Tiêu chuẩn cấp nước: 45 lít/người.ca (TCXDVN 33-2006).
- Nước dùng cho nấu ăn khoảng 2,5 m³/ngày, được ước tính dựa trên cơ sở sau:
 - + Số lượng công nhân viên là: 100 người.
 - + Tiêu chuẩn cấp nước nấu ăn: 25 lít/người.bữa ăn. Mỗi ngày công nhân chỉ dùng 1 bữa ăn vào buổi trưa (TCXDVN 33-2006).
- Nước cấp cho quy trình giết mổ: 1.560 m³/ngày.
 - + Lượng nước sử dụng cho việc giết mổ gà chủ yếu là nước rửa trong quá trình giết mổ, nước rửa sàn và máy móc khoảng 25 lít/con.
 - + Số lượng gà giết mổ: khoảng 62.400 con/ngày.
- Nước rửa sàn khu vực nhốt gà chờ giết mổ: 15 m³/ngày (Theo kinh nghiệm của chủ đầu tư).
- Nước dùng cho giặt quần áo bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất: 1,7 m³/ngày.
 - + Lượng nước sử dụng cho quá trình giặt quần áo bảo hộ cho công nhân ước lượng khoảng 20 lít/bộ;
 - + Số lượng công nhân trực tiếp tham gia sản xuất: 85 người.
- Nước cấp cho quá trình vệ sinh xe vận chuyển: 3,9 m³/ngày.
 - + Định mức rửa xe: ước tính khoảng 300 lít/xe bao gồm rửa lớp xe, thành xe và phun rửa gầm xe, khoang xe chứa heo đối với xe chở nguyên liệu. Dùng vòi xịt áp lực để rửa xe;
 - + Số lượng chuyển xe vận chuyển: 13 chuyến/ngày.
- Nước cấp cho lò hơi lớn nhất: 96 m³/ngày.
 - + Công ty sẽ lắp lò hơi 4 tấn/giờ để sử dụng trong quá trình sản xuất;
 - + Lò hơi vận hành 24 giờ/ngày, nước cấp lần đầu cho lò là 96 m³ và được cấp mới mỗi ngày (Số liệu nước sử dụng theo khuyến cáo của đơn vị cung cấp lò hơi).
- Nước cấp cho rửa lọc (HTXL nước cấp): 50 m³/ngày.
 - + Mỗi ngày Công ty sẽ tiến hành vệ sinh hệ thống lọc để loại bỏ các thành phần bẩn bám trên lọc, nhằm đảm bảo lượng nước qua hệ thống xử lý đạt quy chuẩn cho phép.
- Nước cấp cho quá trình làm mát trong khu vực nhốt chờ giết mổ: 120 m³/ngày.
 - + Lượng nước cấp cho quá trình làm mát khu vực nhốt chờ giết mổ được định mức khoảng 2 lít/con gà.
 - + Lượng gà chờ giết mổ mỗi ngày: 62.400 con/ngày.
- Nước cấp cho tưới cây khoảng 485,3 m³/ngày.
 - + Định mức cấp nước: 4 lít/m² (TCXDVN 33-2006).
 - + Diện tích cây xanh là 121.325 m².

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

Ngoài ra, Công ty còn dự trữ một lượng nước cho PCCC. Lượng nước dự trữ cấp nước cho hoạt động chữa cháy khoảng 162 m³, được tính cho 1 đám cháy trong 3 giờ liên tục với lưu lượng 15 lít/giây/đám cháy.

$$W_{cc} = 15 \text{ lít/giây/đám cháy} \times 3 \text{ giờ} \times 1 \text{ đám cháy} \times 3.600 \text{ giây/1.000} = 162 \text{ m}^3.$$

Nguồn cung cấp nước:

Nguồn cấp nước cho tất cả các hoạt động của Dự án là nguồn nước cấp từ KCN Minh Hưng - Sikico.

Ngoài ra, Công ty đã xây dựng Hệ thống tái sử dụng nước công suất 1.000 m³/ngày.đảm bảo nước đầu ra đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A sau đó sẽ tái sử dụng vào một số công đoạn sau:

Bảng 1.6. Thống kê tái sử dụng nước tại Dự án trong giai đoạn 1

STT	Nội dung	Định mức dùng nước	Lưu lượng (m ³ /ngày)
1	Nước cấp cho sinh hoạt	45 lít/người.ca	4,5
2	Nước rửa sàn khu vực nhốt gà chờ giết mổ	Theo kinh nghiệm chủ dự án	15
3	Nước dùng cho giặt quần áo bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất	20 lít/bộ	1,7
4	Nước cấp cho quá trình vệ sinh xe vận chuyển	300 lít/xe	3,9
5	Nước cấp bổ sung cho lò hơi	4 m ³ /giờ	96
6	Nước cấp cho rửa lọc (HTXL nước cấp)	-	50
7	Nước cấp cho quá trình làm mát trong khu vực nhốt chờ giết mổ	2 lít/con	120
8	Nước dùng để tưới cây, rửa đường	4 lít/m ²	485,3
	Tổng cộng		776,4

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Lưu lượng nước cấp cho Dự án trong giai đoạn 1 từ các nguồn cung cấp nước được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.7. Thống kê nguồn nước cấp tại Dự án trong giai đoạn 1

STT	Nguồn nước cấp	Lưu lượng (m ³ /ngày)
1	Nước cấp từ nguồn nước cấp của KCN Minh Hưng - Sikico	1.562,5
2	Nước tái sử dụng tại Dự án	776,4
	Tổng cộng	2.338,9

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

5. Các thông tin khác

5.1. Nhu cầu lao động

Phân bố lao động của Nhà máy được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.8. Nhu cầu lao động của Công ty trong giai đoạn 1

STT	Loại lao động	Số lượng (người)
1	Quản lý	5
2	Nhân viên văn phòng	10
3	Công nhân	85
Tổng		100

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Thời gian làm việc: 8 giờ/ca, 3 ca/ngày và 6 ngày/tuần (Công nhân được bố trí công việc đảm bảo 1 ca/ngày).

Ngày nghỉ làm việc là các ngày chủ nhật, các ngày lễ, nghỉ tết theo quy định của Nhà nước.

5.2. Nhu cầu máy móc, thiết bị

Nhu cầu máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất cho Dự án trong giai đoạn hoạt động được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.9. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất trong giai đoạn 1

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng	Năm sản xuất	Xuất xứ
I	HỆ THỐNG DÂY CHUYỀN GIẾT MỔ GÀ					
1	Băng tải tự động nhập gà lông	Hệ thống	1	Mới 100%	2021	Hà Lan
2	Dây chuyền cắt tiết	Hệ thống	1	Mới 100%	2021	Hà Lan
3	Dây chuyền đánh lông gà	Hệ thống	1	Mới 100%	2021	Hà Lan
4	Dây chuyền moi lòng tự động	Hệ thống	1	Mới 100%	2021	Hà Lan
5	Hệ thống lạnh	Hệ thống	1	Mới 100%	2021	Hà Lan
7	Hệ thống nhà chờ giết mổ	Hệ thống	1	Mới 100%	2021	Hà Lan
9	Dây chuyền phân loại	Hệ thống	1	Mới 100%	2021	Hà Lan

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

TT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng	Năm sản xuất	Xuất xứ
10	Bộ đệm chuyển và ACM	Hệ thống	1	Mới 100%	2021	Hà Lan
11	Hệ thống băng tải	Hệ thống	15	Mới 100%	2021	Hà Lan
12	Máy xay xương	Máy	1	Mới 100%	2021	Việt Nam
14	Dây chuyền pha lóc BB	Hệ thống	1	Mới 100%	2021	Hà Lan
18	Thiết bị cắt (9P)	Máy	4	Mới 100%	2021	Việt Nam
19	Cân điện tử	Máy	20	Mới 100%	2021	Việt Nam
20	Máy siêu mép túi sản phẩm	Máy	6	Mới 100%	2021	Việt Nam
21	Máy giặt	Máy	1	Mới 100%	2021	Việt Nam
22	Máy sấy	Máy	1			
23	Rổ	Máy	1.500	Mới 100%	2021	Việt Nam
24	Xe đẩy/giỏ hàng	Máy	100	Mới 100%	2021	Việt Nam
25	Lò hơi 4 tấn/giờ	Hệ thống	1	Mới 100%	2019	Việt Nam
26	Máy phát điện 2.000 KVA	Máy	2	Mới 100%	2020	Việt Nam
II	THIẾT BỊ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG					
1	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 12.000 m ³ /giờ	Hệ thống	1	Mới 100%	2021	Việt Nam
2	Hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m ³ /ngày.đêm (Giai đoạn 1 hoạt động với công suất 2.425 m ³ /ngày.đêm)	Hệ thống	1	Mới 100%	2021	Việt Nam
3	Hệ thống xử lý nước cấp tái sử dụng công suất 1.000 m ³ /ngày. đêm	Hệ thống	1	Mới 100%	2021	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

5.3. Các hạng mục công trình của dự án

Tổng diện tích đất của dự án là 148.209 m² (Theo Hợp đồng cho thuê lại đất Số JAPFA-SH02-2020/MOO.LSA) giữa Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam và Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng – Sikico).

Quy hoạch chi tiết các hạng mục xây dựng của Dự án được trình bày trong Bảng sau:

Bảng 1.10. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tại dự án trong giai đoạn 1

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
A	Hạng mục chính				
1	Nhà xưởng chính	1	7.591,48	5,12	-
2	Nhà chờ (nhập gà)	1	312,0	0,21	-
3	Xưởng gia công	1	315	0,21	-
4	Văn phòng chính (3 lầu)	1	416,41	0,28	-
5	Nhà lò hơi 4 tấn/giờ	1	270,0	0,18	-
B	Hạng mục phụ trợ				
1	Nhà rửa xe 2	2	624	0,42	-
2	Tháp nước	2	63	0,04	-
3	Nhà máy bơm	2	100	0,07	-
4	Hồ nước ngầm	2	760	0,51	-
5	Phòng máy (Trạm biến áp, phòng điện)	1	232	0,16	-
6	Nhà để xe máy	1	433,6	0,97	-
7	Căn tin	1	544,5	0,37	-
8	Nhà giặt	1	120	0,08	-
9	Nhà bảo vệ 1	1	44,9	0,03	-
10	Nhà bảo vệ 2	1	66,2	0,04	-
11	Đường và sân bãi	1	12.463,91	8,41	-
C	Hạng mục bảo vệ môi trường				
12	Nhà rác	1	44	0,03	-
-	Nhà chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường	1	14,7	0,01	-
-	Nhà chứa chất thải giết mổ (phụ phẩm)		14,7	0,01	-
-	Nhà chứa chất thải nguy hại	1	14,6	0,01	-
13	Hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m ³ /ngày.đêm và hệ thống xử	1	2.283	1,54	-

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	lý nước cấp tái sử dụng công suất 1.000 m ³ /ngày.đêm				
D	Cây xanh		121.325	81,86	-
-	Tổng diện tích		148.209	100	-

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)

Dự án nằm hoàn toàn trong KCN Minh Hưng - Sikico đã được quy hoạch và xây dựng hoàn thiện về cơ sở hạ tầng và đã có đầy đủ thủ tục về môi trường nên Dự án hoàn toàn phù hợp về mặt quy hoạch thu hút ngành nghề, quy hoạch mặt bằng chức năng của KCN đã được phê duyệt tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 23/03/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Minh Hưng – Sikico mở rộng xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 18/07/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thành lập Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico tại Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico và Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số 00001 đăng ký lần đầu ngày 04/01/2021, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 09/06/2021.

Đồng thời, trong giai đoạn 1, Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam thực hiện quy trình giết mổ gà và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM theo Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 11/10/2021. KCN Minh Hưng – Sikico đã được quy hoạch và xây dựng hoàn thiện về cơ sở hạ tầng trong đó được thu hút nhóm ngành nghề giết mổ. Do đó, dự án hoàn toàn phù hợp về mặt quy hoạch kinh tế xã hội. Đồng thời, Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4 được quy hoạch phân khu chức năng của KCN là các dự án giết mổ (sản xuất các sản phẩm, phụ liệu có vai trò hỗ trợ cho việc sản xuất các thành phẩm chính thuộc những ngành nghề được phép đầu tư vào KCN). Tính chất ngành nghề đầu tư của dự án tương tự ngành nghề trên.

Do đó, vị trí thực hiện dự án phù hợp với quy hoạch của tỉnh.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)

Dự án nằm hoàn toàn trong KCN Minh Hưng - Sikico đã được quy hoạch và xây dựng hoàn thiện về cơ sở hạ tầng và đã có đầy đủ thủ tục về môi trường nên Dự án hoàn toàn phù hợp về mặt quy hoạch thu hút ngành nghề, quy hoạch mặt bằng chức năng của KCN đã được phê duyệt tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 23/03/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Minh

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

Hưng – Sikico mở rộng xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 18/07/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thành lập Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico tại Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico và Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ 37.440.000 con gà/năm, 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.00 tấn sản phẩm/năm” do Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam làm Chủ đầu tư tại lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng – Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước đã được Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2145169947 Chứng nhận lần đầu ngày 11/12/2020, Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 10/06/2021.

Trong quá trình dự án đi vào vận hành có phát sinh nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất), chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường), chất thải nguy hại và khí thải (khí thải từ quá trình sản xuất). Với những nguồn thải trên chủ dự án đã có biện pháp giảm thiểu, xử lý và quản lý phù hợp với từng nguồn phát sinh, không để chất thải chưa xử lý hoặc xử lý chưa đạt quy chuẩn theo quy định ra môi trường. Bên cạnh đó, ngành nghề hoạt động của dự án phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Minh Hưng – Sikico nên khá thuận lợi cho hoạt động của nhà máy, do đó, dự án phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Hiện nay, Công ty đã hoàn thành xây dựng các hạng mục theo Giấy phép xây dựng số 44/GPXD được cấp ngày 14/10/2021. Bên cạnh đó trong giai đoạn 1, Công ty sẽ tiến hành xây dựng các hạng mục và lắp đặt thêm máy móc thiết bị để phục vụ cho nhu cầu hoạt động sản xuất trong giai đoạn 2 của Dự án, Nhà máy hiện hữu hoạt động của giai đoạn 1 vẫn hoạt động bình thường, đối với khu vực thi công sẽ được che chắn và có những biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt thiết bị để không ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của công nhân trong giai đoạn 1.

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn trong quá trình xây dựng và lắp đặt thiết bị tại Nhà máy

Lượng nước mưa chảy tràn trong quá trình xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị chuẩn bị cho hoạt động sản xuất tại giai đoạn 2. Công ty sẽ áp dụng các biện pháp để giảm thiểu hạn chế tối đa lượng nước mưa này trong quá trình xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị, Chủ đầu tư đều áp dụng các biện pháp sau:

- Hạn chế thi công vào những ngày mưa.
- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải hay bụi bặm xâm nhập vào công thoát nước gây tắc nghẽn.
- Tiến hành bố trí các hố ga lắng nước tạm thời dọc đường tiêu thoát nước mưa chảy tràn, để giảm thiểu chất ô nhiễm khác thải ra môi trường. Sau khi hệ thống thoát nước mưa tại khu vực mở rộng của Công ty hoàn thiện, nước mưa được đầu nối vào cống thu gom nước mưa của KCN Minh Hưng - Sikico.
- Không để rơi vãi nhiên liệu, dầu nhớt và hoá chất ra môi trường xung quanh để tránh làm ô nhiễm nước mưa chảy tràn.
- Thu gom chất thải rắn trong quá trình lắp đặt thiết bị máy móc về vị trí đổ thải quy định dưới sự giám sát của tư vấn giám sát để không gây ô nhiễm.
- Dọn dẹp sạch sẽ, gọn gàng mặt bằng thi công đảm bảo thoát nước mặt, tránh gây ứ đọng nước.

b. Thu gom, thoát nước mưa trong quá trình vận hành giai đoạn 1

Mạng lưới thu gom nước mưa được bố trí xung quanh nhà xưởng sản xuất, nhà văn phòng và đường nội bộ đảm bảo thu gom triệt để toàn bộ lượng nước trên toàn diện tích. Nước được đi vào hệ thống thu gom nước mưa đi âm dưới nền đất được xây dựng xung quanh các công trình xây dựng, một số khu vực bố trí đường thoát nước mưa bằng BTCT có nắp đậy sắt với đường kính BTCT D400, D600, D800. Tổng chiều dài đường ống, cống, đường thoát nước tại Nhà máy khoảng 967,3 m, tổng số hố ga

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

sử dụng là 62 cái. Nước mưa từ nhà máy được đầu nối với cống thoát nước mưa của KCN Minh Hưng – Sikico thông qua 02 điểm đầu nối trên đường N1.

Số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom thoát nước mưa của Dự án tại được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.1. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom thoát nước mưa

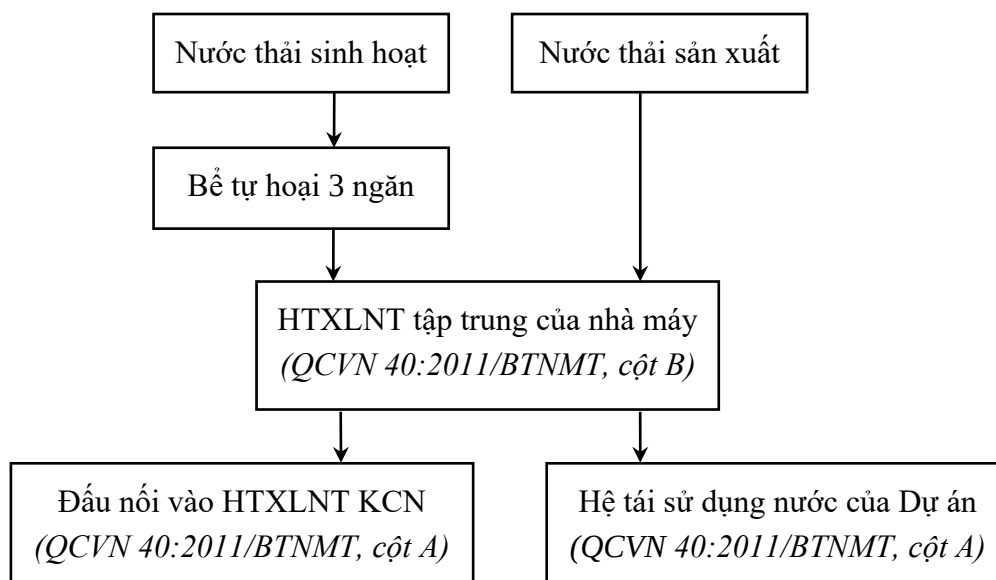
STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Vật liệu
1	Cống D400	m	467,3	BTCT
2	Cống D600	m	463,3	BTCT
3	Cống D800	m	36,8	BTCT
9	Hố ga (1,2m x 1,2m)	hố	33	BTCT
10	Hố ga (1,4m x 1,4m)	hố	24	BTCT
11	Hố ga (1,6m x 1,7m)	hố	5	BTCT

Hệ thống thoát nước mưa của Công ty được bố trí dọc theo Nhà máy và riêng biệt với tuyến thoát nước thải.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Công trình thu gom nước thải

Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy hiện nay được trình bày như hình sau:



Hình 3.3. Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy hiện nay

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm trong Nhà máy và công nhân xây dựng sẽ được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn xử lý sơ bộ. Sau đó nguồn nước thải sinh hoạt sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy với công suất 4.850 m³/ngày.đêm (Giai đoạn 1: HTXL nước thải hoạt động với công suất 2.425 m³/ngày.đêm) để xử lý chung với nước thải sản xuất.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

- Nước thải sản xuất: nước thải từ quá trình giết mổ, nước thải từ hoạt động giặt đồ bảo hộ của các công nhân trực tiếp tham gia sản xuất; nước xả đáy lò hơi; nước rửa xe vận chuyển sẽ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Minh Hưng – Sikico (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B). Công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải là 4.850 m³/ngày.đêm (Giai đoạn 1: HTXL nước thải hoạt động với công suất 2.425 m³/ngày.đêm).

Tổng chiều dài đường ống thu gom nước thải tại Nhà máy là 811,2 m và 27 hố ga thu gom nước thải với kích thước 1m x 1m. Số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom nước thải của Dự án tại địa điểm 1 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.2. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom nước thải tại Dự án

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống HDPE D200	m	473,75
2	Ống HDPE D100	m	25
3	Ống HDPE D250	m	4,45
4	Ống HDPE D150 (có áp)	m	48
5	Ống HDPE D50 (có áp)	m	260
6	Hố ga (1m x 1m)	hố	27

b. Công trình thoát nước thải

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và sản xuất của Nhà máy sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy với công suất 4.850 m³/ngày.đêm (Giai đoạn 1: HTXL nước thải hoạt động với công suất 2.425 m³/ngày.đêm) để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico. Nước thải của Nhà máy sau xử lý sẽ được dẫn đến hệ thống thoát nước của KCN Minh Hưng – Sikico bằng đường ống nhựa PVC Ø114 với chiều dài 36,86 m và được đầu nối với cống thoát nước thải của KCN Minh Hưng – Sikico thông qua 01 điểm đầu nối trên đường D3.

Số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thoát nước thải của Dự án được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.3. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thoát nước thải

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống SUS 304 (DN300)	m	8,4
2	Ống HDPE (DN300)	m	28,1
3	Hố ga (1m x 1m)	hố	1

c. Điểm xả nước thải sau xử lý:

Nước thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy với công suất 4.850 m³/ngày.đêm (Giai đoạn 1: HTXL nước thải hoạt động với công suất

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

2.425 m³/ngày.đêm) sẽ được đầu nối với cống thoát nước thải của KCN Mung Hưng – Sikico thông qua 01 điểm đầu nối trên đường D3, thuộc vị trí tiếp giáp phía Tây khu vực Dự án.

Hố ga đầu nối có kích thước 1,2m x 1,2m.

Điểm đầu nối đã được KCN Minh Hưng – Sikico quy hoạch phù hợp về yêu cầu kỹ thuật cho toàn bộ các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt điều chỉnh nội dung Quyết định phê duyệt ĐTM Dự án “Đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico từ 495,5 ha lên 655 ha” tại Quyết định số 1782/QĐ-BTNMT ngày 17/09/2021.

d. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải: (Thể hiện trong bản vẽ mặt bằng tổng thể thoát nước mưa, thoát nước thải được đính kèm trong Phụ lục báo cáo)

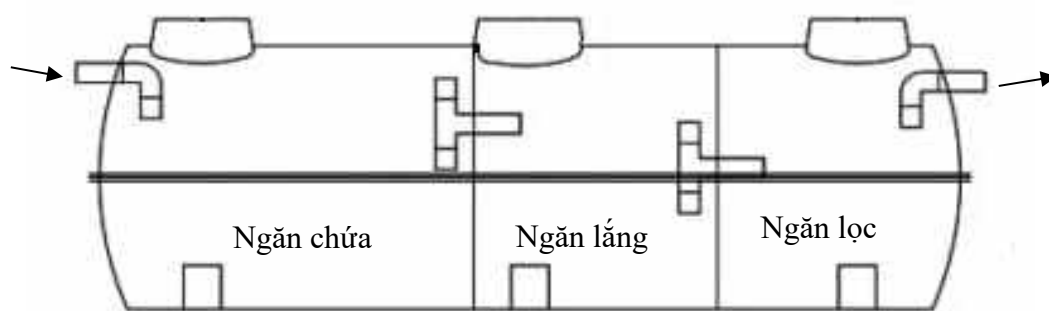
1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Nước thải sinh hoạt

Để giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt tại Nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh không để phát tán ra ngoài.
- Công nhân làm việc tại nhà máy và công nhân tham gia xây dựng sẽ sử dụng nhà vệ sinh đã xây dựng của Nhà máy, nhằm thu gom và xử lý triệt để nước thải sinh hoạt.
- Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom và xử lý sơ bộ qua bồn tự hoại composite 3 ngăn hoặc bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được dẫn đến HTXL nước thải tập trung của Nhà máy với công suất 4.850 m³/ngày.đêm (Giai đoạn 1: HTXL nước thải hoạt động với công suất 2.425 m³/ngày.đêm) để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng – Sikico là Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, trước khi đầu nối vào hệ thống cống thoát nước thải chung của KCN dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Sikico tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và thải ra nguồn tiếp nhận (suối Tà Mông).

Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của bồn tự hoại composite 3 ngăn được trình bày trong hình sau:



Hình 3.4. Cấu tạo bồn tự hoại composite 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động của bồn tự hoại composite 3 ngăn:

Nước thải sinh hoạt của của cán bộ, công nhân tại nhà kỹ thuật sẽ được thu gom về bồn tự hoại composite 3 ngăn để xử lý. Nước thải vào bồn tự hoại đầu tiên sẽ qua ngăn chứa. Tại ngăn này, các chất thải sẽ được phân hủy, những loại dễ phân hủy sẽ tạo thành bùn, các chất khó phân hủy sẽ đóng lại và tiếp tục được xử lý ở công đoạn sau với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau đó, nước qua ngăn lắng. Tại đây, các thành phần hữu cơ có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau ngăn lắng cặn, nước được đưa qua ngăn lọc với vật liệu lọc bao gồm sỏi, than, cát được bố trí từ dưới lên trên nhằm tách các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (nitơ, phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%.

Thông số kỹ thuật bồn tự hoại composite 3 ngăn:

Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của bồn tự hoại composite 3 ngăn

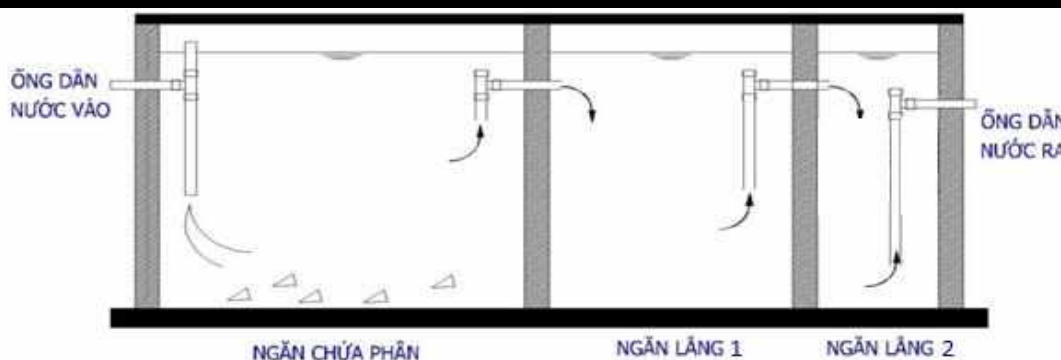
TT	Tên hạng mục	Kích thước			Kết cấu
		Đường kính (m)	Dài (m)	Thể tích (m ³)	
1	Ngăn chứa	1,2	2,2	2,5	BTCT
2	Ngăn lắng	1,2	1,15	1,3	BTCT
3	Ngăn lọc	1,2	1,15	1,3	BTCT
Thể tích 1 bể tự hoại		5,1			-

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn được trình bày trong hình sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”



Hình 3.5. Bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại

Nước thải sinh hoạt của của cán bộ, công nhân sẽ được thu gom về bể tự hoại để xử lý. Nước thải vào bể tự hoại đầu tiên sẽ qua ngăn chứa. Tại ngăn này, các cặn rắn được giữ lại và phân hủy một phần với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau đó, nước qua lắng 1. Tại đây, các thành phần hữu cơ có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau ngăn lắng cặn, nước tiếp tục được đưa qua ngăn lắng 2 để tiếp tục phân hủy các thành phần hữu cơ khó phân hủy còn lại. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (nitơ, phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%.

Thông số kỹ thuật bể tự hoại 3 ngăn:

Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại tại Nhà máy

TT	Tên hạng mục	Kích thước			Thể tích (m ³)	Kết cấu
		Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)		
1	Ngăn chứa	1,56	1	1,15	1,8	BTCT
2	Ngăn lắng 1	0,73	1	1,15	0,8	BTCT
3	Ngăn lắng 2	0,73	1	1,15	0,8	BTCT
Thể tích 1 bể tự hoại		3,4				-
Tổng thể tích 8 bể tự hoại		27,2				-

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Kiểm tra kích thước bể tự hoại tính cho 100 công nhân viên làm việc tại nhà máy và 50 công nhân xây dựng và lắp đặt thiết bị:

- Thể tích ngăn chứa

$$W_1 = a \times N \times T \times (1 - P) / 1000 \text{ (m}^3\text{)}$$

Trong đó:

a : Hệ số phát thải bùn: 400 g/người/ngày, tương đương 0,4 lít/người/ngày.

N : Số người sử dụng: 150 người.

T: Thời gian lưu bùn: $T = 90 - 720$ ngày, chọn $T = 90$ ngày

P: hệ số phân hủy bùn: $P = 0,2$

Vậy thể tích ngăn chứa $W_1 = 4,32 \text{ m}^3$. Chọn $W_1 = 4,5 \text{ m}^3$

- Thể tích ngăn lắng:

$$W_2 = Q \times t_2$$

Q: Lưu lượng nước thải qua bể tự hoại. Với định mức 12 lít/người.ca, lượng nước thải qua bể tự hoại là $1,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

t_2 : Thời gian lưu nước. Chọn $t_2 = 2$ ngày

Vậy thể tích ngăn lắng $W_2 = 3,6 \text{ m}^3$. Chọn $W_2 = 4 \text{ m}^3$

- Thể tích ngăn lọc:

$$W_3 = Q \times t_3$$

Trong đó:

Q: Lưu lượng nước thải qua bể tự hoại. Với định mức 12 lít/người.ca, lượng nước thải qua bể tự hoại là $1,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

t_3 : thời gian lưu nước, Chọn $t_3 = 2$ ngày

Vậy thể tích ngăn lọc $W_3 = 3,6 \text{ m}^3$, Chọn $W_3 = 4 \text{ m}^3$

Tổng thể tích bể tự hoại cần thiết: $W = W_1 + W_2 + W_3 = 4,5 + 4 + 4 = 12,5 \text{ m}^3$.

Hiện tại, Nhà xưởng đã lắp đặt 01 bồn tự hoại composite 3 ngăn và 08 bể tự hoại BTCT 3 ngăn, tổng thể tích các bể tự hoại $32,3 \text{ m}^3 > 12,5 \text{ m}^3$, đủ khả năng tiếp nhận xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh.

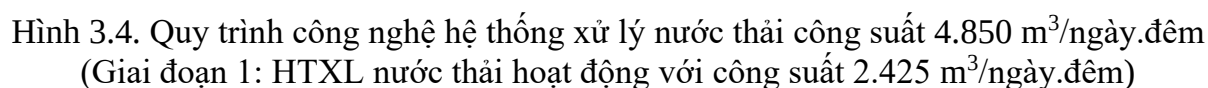
- Đơn vị tư vấn, thiết kế: Viện kiến trúc quốc gia – BXD Trung tâm kiến trúc Miền Nam.
- Đơn vị thi công, giám sát thi công và thầu xây dựng: Tổng Công ty 319 Bộ quốc phòng.
- Sơ đồ minh họa: (Đính kèm trong phụ lục).

1.3.2. Nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu từ quá trình giết mổ, nước thải từ hoạt động giặt đồ bảo hộ của các công nhân trực tiếp tham gia sản xuất; nước xả đáy lò hơi; nước rửa xe vận chuyển. Nhà máy đi vào hoạt động ở giai đoạn 1 với quy mô giết mổ là 18.720.000 con gà/năm thì nước thải sẽ với tổng lưu lượng phát sinh là $1.733,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$. HTXL nước thải hiện hữu với công suất là $4.850 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (Giai đoạn 1: HTXL nước thải hoạt động với công suất $2.425 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$), đảm bảo khả năng tiếp nhận và xử lý nước thải của Nhà máy trong giai đoạn 1.

Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $4.850 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (Giai đoạn 1: HTXL nước thải hoạt động với công suất $2.425 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$) của Công ty. Quy trình xử lý nước thải được trình bày trong hình sau:

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”



Thuyết minh quy trình:

Nước thải từ quá trình giết mổ sẽ được thu gom về hồ gom nước thải. Sau đó, nước thải từ quá trình giết mổ và nước thải từ các nguồn khác sẽ được dẫn song song qua máy lược rác thô để loại bỏ rác thải, vật chất có kích thước lớn trước khi chảy vào trạm bơm. Từ trạm bơm này nước thải sẽ được bơm qua máy lược các tinh để loại bỏ các loại rác có kích thước nhỏ hơn trước khi đổ vào bể điều hòa cho quá trình xử lý tiếp.

Bể điều hòa

Bể điều hòa được thiết kế với thời gian lưu thủy lực cao để cân bằng tốc độ dòng chảy và nồng độ ô nhiễm của dòng chảy đầu vào. Một số lợi thế của bể cân bằng được thể hiện như sau:

- Giữ phát sinh nước thải vào giờ cao điểm và phân phối vào các bể sau.
- Kiểm soát chất ô nhiễm cao trong dòng nước thải.
- Tránh sự quá tải của tốc độ dòng chảy trong quá trình tiếp theo.
- Bể điều hòa có vai trò là bể chứa nước thải khi dừng hệ thống để sửa chữa hoặc bảo trì quá trình.
- Máy khuấy chìm được lắp vào bể để trộn nước thải một cách hiệu quả, ngăn ngừa tình trạng yếm khí, gây ra mùi.
- Mùi phát sinh từ nước thải có thể gây cảm giác khó chịu cho khu vực xung quanh nhà máy. Vì vậy, bể điều hòa được che phủ và mùi bên trong bể được thu và dẫn qua hệ thống xử lý mùi để loại bỏ trước khi thải ra ngoài.
- Sau bể điều hòa, nước thải được bơm đến hệ hóa lý và bể tuyển nổi DAF.

Quá trình hóa lý và bể DAF

Nước thải được bơm qua hệ hóa lý trên đường ống. Tại đây, nước thải được hòa trộn với hóa chất keo tụ được châm từ bồn chứa hóa chất thông qua bơm định lượng. Chất keo tụ giúp làm mất ổn định các hạt cặn có tính “keo” và kích thích chúng kết lại với các cặn lơ lửng khác để tạo thành các hạt có kích thước lớn hơn. Thiết bị trộn tĩnh lắp trên đường ống giúp nước quá trình hòa trộn được tối ưu.

Tương tự như quá trình keo tụ, polymer anion sẽ được châm vào giúp cho quá trình tạo thành các bông cặn lớn hơn. Polymer này có tác dụng hình thành các “cầu nối” liên kết các bông cặn lại với nhau tạo thành các bông cặn có kích thước lớn hơn nhằm nâng cao hiệu quả của bể lắng phía sau. Một số ưu điểm của polymer như sau:

- Tăng hiệu quả keo tụ.
- Giảm liều lượng chất keo tụ.
- Giảm thời gian đông tụ.
- Tăng kích thước các hạt keo, giúp nâng cao khả năng lắng của bông keo trong bể tuyển nổi.

Nước thải sau khi trải qua quá trình hóa lý, được dẫn đến bể tuyển nổi khí hòa tan DAF để loại bỏ cặn, chất lắng lơ lửng khỏi nước thải.

Bể DAF (Dissolved air flotation) có chức năng tách các bông cặn ra khỏi nước thải nhờ sự hỗ trợ của các phân tử khí hòa tan. Các phân tử khí được xáo trộn với nước thải đầu ra bể tuyển nổi ngay trong bồn tạo áp và được bơm ngược lại đầu bể tuyển nổi. Các bọt khí li ti này sẽ bám vào các bông cặn mới hình thành, các bọt khí sẽ giúp các bông cặn dễ dàng nổi lên trên bề mặt bể. Các bông cặn, đầu mỡ còn lại nổi lên trên bề mặt sẽ được dàn gạt văng nổi thu gom về bể phân hủy bùn. Ngoài ra đối với các bông cặn có khả năng lắng, bùn sau một thời gian tích lũy tại đáy bể sẽ được xả vào bể phân hủy bùn.

Nước thải sau khi qua bể DAF, sẽ tiếp tục được dẫn qua bể điều chỉnh pH trước khi bơm tiếp vào bể UASB để tiến hành quá trình xử lý kỵ khí.

Bể điều chỉnh pH

Quá trình xử lý sinh học đạt hiệu quả tốt nhất ứng với pH của nước thải phải tối ưu (pH = 6,0 - 7,5). Khi pH của nước thải nằm ngoài giá trị pH tối ưu, thì hệ thống châm axit hoặc xút sẽ hoạt động tự động châm vào thiết bị trộn tĩnh, giúp điều chỉnh pH của nước thải về giá trị tối ưu.

Bể trung gian

Nước thải sau khi qua bể điều chỉnh pH được chứa tại đây trước khi qua bể UASB.

Bể UASB

Trước khi vào bể UASB, Xút được châm vào bể điều chỉnh pH để đảm bảo điều kiện tối ưu cho hệ xử lý sinh học hoạt động nhờ vào hệ thống. pH của nước thải được đo bằng thiết bị đo pH tự động, thiết bị này đọc giá trị pH và truyền tín hiệu về hệ thống điều khiển tự động điều khiển bơm định lượng châm xút vào nước thải để thực hiện chỉnh pH của nước về khoảng giá trị 6,5 - 7,5.

Trong bể UASB, quá trình phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ diễn ra trong môi trường không có oxy. Quá trình xử lý kỵ khí được coi như một phương pháp thay thế cho quá trình xử lý hiếu khí nhằm xử lý các chất hữu cơ có nồng độ ô nhiễm từ trung bình cho đến cao.

Các nguyên tắc cơ bản của quá trình xử lý kỵ khí.

Sự phân hủy kỵ khí các hợp chất hữu cơ được thực hiện trong bể phản ứng kín. Vô số các chủng vi sinh vật trong bể sẽ thực hiện quá trình liên hợp gồm một chuỗi các bước xử lý nhằm phân hủy các chất hữu cơ như sau:

(1) Các chất hữu cơ phức tạp (protein, carbohydrate, chất béo) sẽ được thủy phân thành các chất hữu cơ đơn giản hơn (axit amin, đường, peptide).

(2) Các chất hữu cơ này tiếp tục được lên men nhờ vào nhóm vi khuẩn Acidogenesis thành các axit dễ bay hơi, trong đó, axit axetic là axit được tạo thành phổ biến nhất. Các nhóm vi sinh vật thực hiện quá trình chuyển đổi này bao gồm các nhóm vi khuẩn kỵ khí không ràng buộc (tùy nghi) và nhóm vi khuẩn kỵ khí bắt buộc được gọi chung là Acidogens hoặc Acid formers.

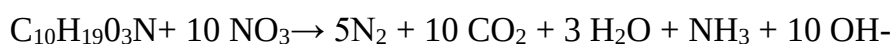
(3) Sau cùng, tại bước thứ 3, sự sản sinh khí bao gồm quá trình chuyển hóa axit axetic và khí hydro thành khí CH_4 và khí CO_2 . Các vi sinh vật thực hiện quá trình chuyển hóa này là nhóm vi khuẩn kỵ khí bắt buộc.

- Dòng nước thải sẽ được phân phối vào bể UASB từ dưới đáy với vận tốc phù hợp cho quá trình phân hủy kỵ khí.
- Nước thải được thu phía bên trên bể và được dẫn vào ngăn trung gian. Tại ngăn trung gian, nước thải được bơm tuần hoàn về lại vào đường đầu vào của bể UASB để tiếp tục khuấy trộn, giúp tăng cường hiệu quả phân hủy chất ô nhiễm trong bể.
- Khí biogas được tách ra khỏi hỗn hợp bùn bằng hệ thống tách 03 pha, được thu gom trên bề mặt và được dẫn đến hệ thống đầu đốt khí.
- Lượng bùn dư từ bể UASB sẽ được bơm định kỳ về bể nén bùn.
- Nước thải sau bể UASB sẽ tiếp tục dẫn qua bể Anoxic.

Bể Anoxic

Anoxic là một phần của quá trình xử lý sinh học bùn hoạt tính. Bể anoxic trong môi trường hoạt động thiếu khí diễn ra quá trình khử nitrat và giải phóng N_2 ra khí quyển, mục đích làm giảm nitrat trong nước thải.

Phương trình khử nitrate từ bsCOD (biodegradable soluble Chemical Oxygen Demand):



Hệ thống châm kiềm được lắp đặt sẵn để cung cấp thêm lượng kiềm cho quá trình khử Nitrat hóa diễn ra tối ưu.

Máy khuấy chìm được lắp đặt tại bể anoxic nhằm tạo sự khuấy trộn giữa nước thải và lớp bùn vi sinh, giúp quá trình xử lý diễn ra hiệu quả hơn.

Nước thải sau khi qua bể Anoxic, tiếp tục đi sang bể thổi khí Aerotank.

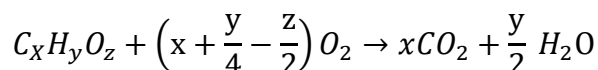
Bể hiếu khí

Bể hiếu khí là bể xử lý sinh học đóng vai trò quan trọng trong hệ thống xử lý nước thải. Bể hiếu khí là bể vi sinh sục khí dạng truyền thống, tại đó không khí được cấp vào trong bể tạo điều kiện xáo trộn bùn hoạt tính và nước thải. Vi sinh vật sử dụng oxy được cấp vào để tiêu thụ các chất ô nhiễm hữu cơ có trong nước thải.

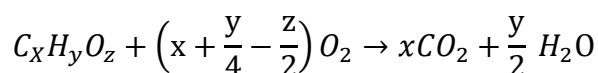
Các quá trình diễn ra trong bể sinh học hiếu khí bao gồm:

✚ Quá trình xử lý các chất ô nhiễm hữu cơ – BOD, COD:

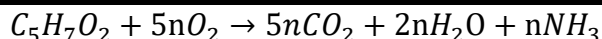
- Oxy hóa các chất hữu cơ:



- Tổng hợp sinh khối tế bào:



- Tự oxy hóa vật liệu tế bào



Khi hàm lượng chất hữu cơ không đáp ứng nhu cầu sử dụng của vi khuẩn, vi khuẩn sẽ trải qua quá trình hô hấp nội bào hay là tự oxy hóa để sử dụng nguyên sinh chất của bản thân chúng làm cơ chất.

Để thực hiện quá trình xử lý các chất ô nhiễm hữu cơ, ban đầu một lượng bùn hoạt tính sẽ được cấy vào trong bể với nồng độ tương ứng với lượng cơ chất đầu vào. Sự phù hợp giữa hai yếu tố này được đánh giá qua hai chỉ tiêu MLSS (hàm lượng sinh khối lơ lửng - mg/L) và tỉ lệ F/M (lượng cơ chất/lượng vi sinh vật).

🌈 Quá trình chuyển hóa nitrate

- Quá trình nitrate hóa: diễn ra trong bể với sự góp mặt của 2 chủng loại vi sinh vật tự dưỡng Nitrosomonas và Nitrobacter theo cơ chế sau:

Bước 1: Ammonia được chuyển thành nitrit bởi loài Nitrosomonas



Bước 2: Nitrite được chuyển thành nitrate bởi loài Nitrobacter



Tổng hợp 2 phản ứng trên được viết lại như sau:



🌈 Quá trình hấp thụ các chất dinh dưỡng dạng N, P vào bùn

- Một phần Nitơ, Photpho sẽ được giảm thiểu nhờ việc hấp thụ vào bùn thải trong quá trình xử lý sinh học.
- Tỷ lệ Nitơ trong bùn thải: 5-7,5%.
- Tỷ lệ Photpho trong bùn thải: 1,5-2%.

Sau khi tiến hành quá trình xử lý sinh học, phần lớn các chất hữu cơ có trong nước thải được loại bỏ. Nước thải sau khi qua quá trình xử lý sinh học tiếp tục chảy vào bể lắng sinh học.

Bể lắng sinh học

Hỗn hợp bùn nước trong bể sinh học Aeroten sẽ được dẫn sang bể lắng sinh học. Tại bể lắng này, bùn và nước được tách ra. Bùn (tế bào vi sinh vật) được lắng xuống đáy bể.

Bùn lắng được thu về hồ bùn của bể lắng nhờ dàn gạt bùn đáy bể và tự chảy vào ngăn bơm bùn sinh học, sau đó bùn hoạt tính được bơm hồi lưu trở lại bể anoxic giúp ổn định nồng độ bùn hoạt tính cho hệ thống xử lý sinh học. Một phần bùn dư được bơm sang bể nén bùn.

Nước thải sau đó đi thu trên bề mặt qua máng tràn và tự chảy qua bể khử trùng.

Bể khử trùng

Trong bể khử trùng, nước thải được hòa trộn với hóa chất khử trùng được cung cấp bởi hệ thống định lượng khử trùng để tiêu diệt Coliform có trong nước thải.

Quá trình khử trùng gồm 2 bước:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

- + Đầu tiên, chất khử trùng khuếch tán vào trong vỏ tế bào vi khuẩn.
- + Sau đó, chất khử trùng chiếm chỗ trong các chuỗi phản ứng của Enzym trong tế bào vi khuẩn, phá hủy sự trao đổi chất của tế bào, làm chết vi khuẩn.

Nước thải sau bể khử trùng đạt tiêu chuẩn xả thải QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, $K_q=K_f=1,0$ và được xả thải ra nguồn tiếp nhận.

Bể phân hủy bùn

Bùn từ bể DAF, bể UASB và bể lắng sinh học được bơm về bể phân hủy bùn.

Bể phân hủy bùn có chức năng phân hủy bùn lắng hệ hóa lý, làm ổn định bùn sinh học.

Khí sẽ được đưa vào bể để tạo sự xáo trộn và cung cấp oxy cho vi sinh vật oxy hóa và lên men bùn hiếu khí.

Bùn sau bể phân hủy được bơm sang bể nén bùn.

Bể nén bùn

Bể nén bùn là bể cô đặc bùn bằng trọng lực. Tương tự như cơ chế của bể lắng bùn được dẫn đến đường ống trung tâm và lắng tại phễu chứa bùn của bể.

Kết quả của quá trình xử lý bùn:

- + Tăng nồng độ chất rắn trong hỗn hợp bùn.
- + Giảm thành phần hữu cơ trong hỗn hợp bùn, ổn định bùn.
- + Giảm khối lượng bùn trước khi đến máy ép bùn.
- + Bùn đặc sẽ được bơm sang máy ép bùn.

Máy ép bùn

Máy ép bùn là thiết bị mới để xử lý bùn từ quá trình hóa lý và sinh học hiếu khí. Bùn được bơm định kỳ vào máy.

Polymer cation được bổ sung, giúp giảm độ ẩm của bùn sau khi ép.

Bánh bùn sau khi ép được xử lý định kỳ.

Nước dư từ máy được đưa về trạm bơm để xử lý lại.

Tháp xử lý mùi

Bể điều hòa được bao phủ bởi nắp composite/thép không gỉ để tránh mùi hôi phát sinh từ nhà máy xử lý ra môi trường. Mùi hôi từ bể này sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý mùi bằng quạt thổi.

Tại tháp loại bỏ mùi, khí thải được di chuyển ngược dòng từ đáy lên chiều cao của tháp. Khi nó di chuyển, khí thải đi qua lớp vật liệu được đặt bên trong tháp. Vật liệu này là nơi khí hôi được hấp thụ vào dung dịch khử mùi trên bề mặt vật liệu đóng gói. Dung dịch khử mùi là dung dịch NaOH - sẽ được bơm vào đáy tháp theo định kỳ, tạo thành bể chứa ở đáy này, dung dịch NaOH sẽ được bơm và phun đều lên bề mặt vật liệu tấm lót. Không khí đã qua xử lý sẽ được thải vào khí quyển.

Tháp xử lý mùi thiết kế trong hệ thống xử lý nước thải là dạng tháp xử lý ướt (wet scrubber).

- + Vật liệu cấu tạo của tháp là FRP hoặc SUS304.
- + Tháp sử dụng môi chất hấp thụ là dung dịch xút lỏng. Không sử dụng vật liệu hấp phụ.

Mô tả thêm về hệ thống xử lý mùi:

Khí có mùi hôi từ bể này sẽ được thu gom bằng đường ống và dẫn đến hệ thống xử lý mùi nhờ quạt thổi.

Hệ thống xử lý mùi được sử dụng là dạng tháp xử lý ướt.

Tại tháp này, khí có mùi hôi được quạt thổi đẩy di chuyển từ đáy lên đỉnh của tháp. Dung dịch khử mùi là dung dịch xút NaOH - sẽ được bơm lên đỉnh tháp. Phân phối đều trên bề mặt vật liệu đệm và chảy xuống phía đáy tháp. Khi dòng khí có mùi hôi di chuyển qua lớp vật liệu đệm, chúng tiếp xúc với bề mặt lớp dung dịch xút. Các chất gây mùi được giữ lại, bị dung dịch xút oxy hóa, tẩy sạch khỏi dòng khí.

Vật liệu đệm giúp gia tăng diện tích dòng chảy, tăng bề mặt tiếp xúc giữa dung dịch khử mùi và dòng khí.

Khí sau khi được khử mùi. Thải ra khí quyển bên ngoài từ phía đường ống trên đỉnh của tháp.

Dòng xút chảy xuống phía đáy tháp, được dẫn về hệ bơm và được bơm tuần hoàn lại lên đỉnh tháp, cho quá trình xử lý tiếp tục.

Các hạng mục bể và thiết bị chính của hệ thống xử lý nước thải được trình bày như sau.

Bảng 3.6. Các hạng mục bể của hệ thống xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Đơn vị	Số lượng	Kích thước				Vật liệu
					Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	Thể tích (m ³)	
I	Cụm bể xử lý								
1	Hố bơm	PP01	Bể	1	5,65	5,5	6,3	195,8	BTCT
2	Bể điều hòa	TK01	Bể	1	19,5	17,5	5,5	1.876,9	BTCT
3	Bể điều chỉnh pH	TK02	Bể	1	2,3	1,8	4,0	16,6	BTCT
4	Bể trung gian	TK03	Bể	1	4,1	2,3	4,0	37,7	BTCT
5	DAF	-	Thiết bị	1	Lưu lượng: 101 m ³ /giờ D x H= 5,7m x 2m H _{chứa nước} = 1m				SUS304
6	Bể UASB	TK04	Bể	1	20	19,5	6,9	2.691,0	BTCT
7	Bể Anoxic	TK05A/B	Bể	2	15,75	8	5,5	693,0	BTCT
8	Bể sinh học hiếu khí	TK06A/B	Bể	2	15,75	10,5	5,5	909,6	BTCT
9	Bể lắng sinh học	TK07A/B-01	Bể	2	13,6	13,6	5	924,8	BTCT
10	Ngăn chứa bùn sinh học	TK07A/B-02	Bể	1	2,95	1,8	5	26,6	BTCT
11	Bể phân hủy bùn	TK09-01	Bể	1	7,6	5,65	5	214,7	BTCT
12	Bể khử trùng	TK08	Bể	1	8	3,95	5	158,0	BTCT
13	Bể nén bùn	TK09-02	Bể	1	13,6	5,65	5	384,2	BTCT
14	Bể chứa nước thải sau xử lý	TK10	Bể	1	8	3,95	5	158,0	BTCT
II	Cụm nhà								

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Đơn vị	Số lượng	Kích thước				Vật liệu
					Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	Thể tích (m ³)	
1	Phòng bảo trì, bảo dưỡng	-	Phòng	1	6	4,2	-	-	Tường gạch, sơn nước trong và ngoài, mái bê tông, sàn bê tông
2	Phòng điều khiển	-	Phòng	1	12,05	6	-	-	Tường gạch, sơn nước trong và ngoài, mái bê tông, sàn bê tông
3	Nhà ép bùn và chứa bùn	-	Nhà	1	8,9	6	-	-	Tường gạch, sơn nước trong và ngoài, mái bê tông, sàn bê tông
4	Nhà chứa máy thổi khí	-	Nhà	1	6,4	6	-	-	Tường gạch, sơn nước trong và ngoài, mái bê tông, sàn bê tông
5	Nhà pha hóa chất	-	Nhà	1	9,65	6	-	-	Tường gạch, sơn nước trong và

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Đơn vị	Số lượng	Kích thước				Vật liệu
					Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)	Thể tích (m ³)	
									ngoài, mái bê tông, sàn bê tông
6	Nhà kho hóa chất	-	Nhà	1	3,4	6	-	-	Tường gạch, sơn nước trong và ngoài, mái bê tông, sàn bê tông
7	Nhà hệ tái sử dụng nước sau xử lý	-	Nhà	1	13,95	6	-	-	Tường gạch, sơn nước trong và ngoài, mái bê tông, sàn bê tông

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

- Đơn vị thi thiết kế, thi công và lắp đặt: Công ty TNHH Koastal Eco Industries.
- Sơ đồ minh họa: (Đính kèm trong phụ lục).
- Hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3.7. Nhu cầu hóa chất trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải 4.850 m³/ngày.đêm

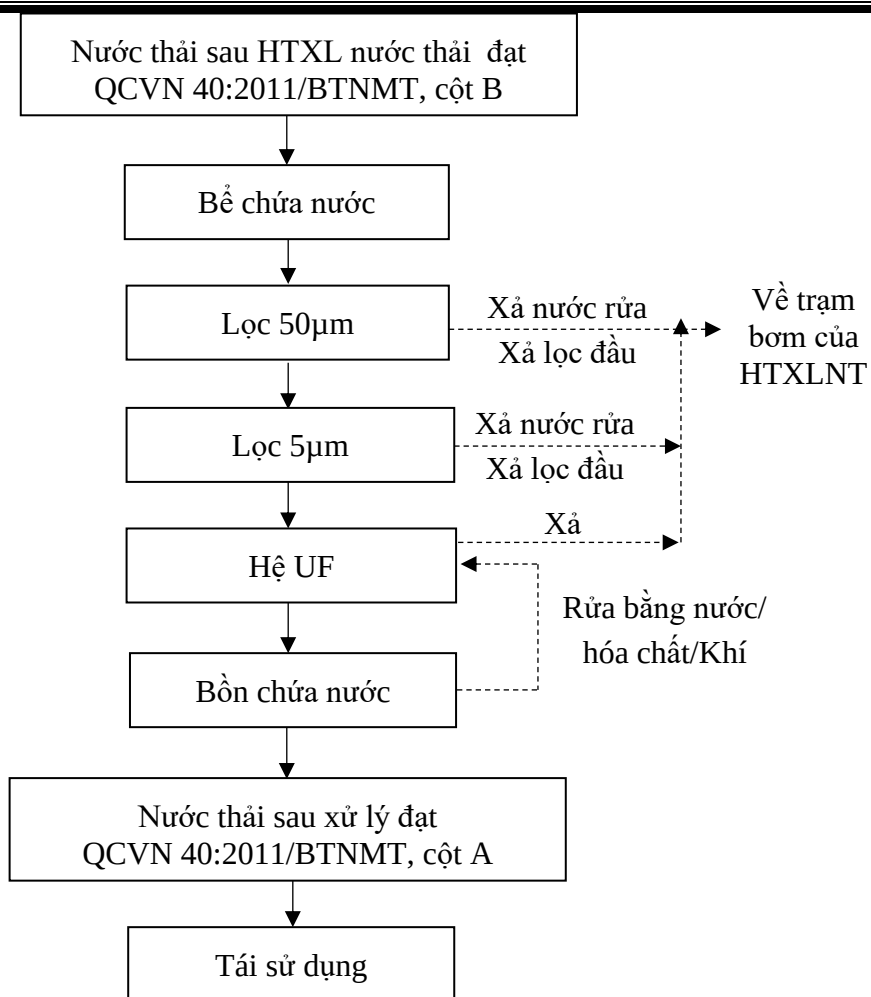
STT	Nội dung	Khối lượng (tấn/năm)	Xuất xứ
1	PAC	59,4	Việt Nam
2	NaOH (32%)	75,6	Việt Nam
3	Na ₂ CO ₃ (99%)	123,84	Việt Nam
4	A- Polymer	1,08	Việt Nam
5	C – Polymer	2,16	Việt Nam
6	Javel (10%)	29,52	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

- Định mức tiêu hao điện năng: cho hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m³/ngày (Giai đoạn 1 hoạt động với công suất xử lý 2.425 m³/ngày) của Nhà máy là 4.481,28 kWh/ngày.
- Yêu cầu về quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý:

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được một phần được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Sikico để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận (Suối Tà Mông) và một phần được tiếp tục xử lý qua hệ thống xử lý nước tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày.đêm của Dự án. Nước sau hệ thống xử lý nước tái sử dụng đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và được công ty sử dụng cho các mục đích cấp nước như đã trình bày trong Bảng 1.6

Quy trình xử lý nước tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày.đêm được trình bày qua hình sau:



Hình 3.5. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày.đêm

Thuyết minh quy trình

Nước thải từ bể chứa đã qua HTXL nước thải được đưa đến bộ lọc 50µm và bộ lọc 5µm để loại bỏ chất rắn lơ lửng.

Hộp lọc micro sẽ được thay thế định kỳ. Nước thải sau quá trình rửa ngược được đưa trở lại trạm bơm nước thải của Nhà máy xử lý nước thải để xử lý lại.

Nước sau đó đi đến hệ lọc UF. Màng siêu lọc UF có cấu tạo từ màng sợi rỗng có kích thước lỗ khoảng từ 0,01 đến 0,1 micromet. Khi nước từ đầu nguồn vào qua áp lực từ màng lọc sẽ loại bỏ được bùn đất, tạp chất, chất rắn lơ lửng, vi sinh vật.

Sau đó, nước chảy đến bồn chứa để tái sử dụng.

- Đơn vị thi thiết kế, thi công và lắp đặt: Công ty TNHH Koastal Eco Industries.
- Sơ đồ minh họa: (Đính kèm trong phụ lục).
- Hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước tái sử dụng:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

Bảng 3.8. Nhu cầu hóa chất trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày.đêm

STT	Nội dung	Khối lượng (tấn/năm)	Xuất xứ
1	Axit citric 98%	6,12	Việt Nam
2	Javel (Rửa lọc)	1,3	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

- Định mức tiêu hao điện năng: cho hệ thống xử lý nước tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày của Nhà máy là 1.622,64 kWh/ngày.
- Yêu cầu về quy chuẩn áp dụng đối với nước tái sử dụng sau xử lý:

Nước sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A được Công ty tái sử dụng cho các mục đích rửa chuồng, rửa xe, giặt đồ bảo hộ, làm mát nhà chờ giết mổ, dội bồn cầu, cấp cho lò hơi, rửa lọc.

1.3.2. Nước thải xây dựng chuẩn bị cho giai đoạn 2

Để giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, Chủ đầu tư đều áp dụng các biện pháp sau:

- Thu gom toàn bộ lượng nước thải xây dựng phát sinh không để phát tán ra môi trường bên ngoài.
- Bố trí hệ thống mương thu gom nước thải xây dựng tạm thời xung quanh khu vực xây dựng và bố trí hố thu gom nước thải xây dựng tại cuối đường mương dẫn, tại hố thu gom sẽ đặt lớp màng chống thấm để thuận lợi thu gom nước thải và không để nước thải thấm vào đất. Công ty sẽ tái sử dụng hoàn toàn nước thải xây dựng. Gắn bẫy cát để lắng bùn, cát, đất,... trong nước thải xây dựng và tuần hoàn tái sử dụng lượng nước thải này cho công đoạn trộn bê tông trong quá trình xây dựng, không xả ra ngoài môi trường. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải hay cát xây dựng xâm nhập vào cống thoát nước gây tắc nghẽn.
- Không để rơi vãi nhiên liệu, dầu nhớt, phụ gia xây dựng và hoá chất ra môi trường xung quanh để tránh làm ô nhiễm nguồn nước.
- Thu gom chất thải rắn trong thi công và chuyển về vị trí đổ thải quy định dưới sự giám sát của tư vấn giám sát để không gây ô nhiễm.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Khí thải từ quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị cho giai đoạn 2:

2.1.1. Các biện pháp khống chế ô nhiễm không khí do hoạt động của các phương tiện vận chuyển

Để giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển máy móc thiết bị, Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển phục vụ cho Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường.

- Tất cả các máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển sẽ được bảo dưỡng thường xuyên để giảm thiểu sự phát sinh bụi và khí thải.
- Bố trí tuyến vận chuyển và thời gian vận chuyển hợp lý. Hạn chế vận chuyển trên các tuyến thường xuyên tắc nghẽn giao thông đặc biệt trong các giờ cao điểm.
- Thực hiện các biện pháp phụ trợ như phun nước tại các đoạn đường dễ phát sinh bụi, đặc biệt là các khu vực xe vận chuyển ra vào, các vị trí xây dựng, nơi tập kết vật liệu (đặc biệt trong những ngày khô nóng, gió lớn).
- Tổ chức rửa bánh xe, thân xe khi ra vào công trường để giảm thiểu lượng bụi phát sinh.

2.1.2. Các biện pháp khống chế ô nhiễm không khí từ quá trình hàn công trình lắp đặt thiết bị

Để giảm thiểu ô nhiễm do bụi và khí thải từ quá trình hàn công trình lắp đặt thiết bị, Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Công nhân tham gia các hoạt động cơ khí tại công trình phải được tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công cơ khí.
- Bố trí thời gian làm việc hợp lý cho công nhân thi công.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: quần áo bảo hộ, khẩu trang, kính, mũ, găng tay,....

2.2. Bụi từ quá trình sản xuất

❖ Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên liệu

Đối với bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên liệu, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động bao gồm:

Biện pháp quản lý:

- Bố trí lối đi riêng cho xe ra vào của hoạt động xây dựng và xe ra vào của hoạt động sản xuất của nhà máy để dễ quản lý.
- Đối với xe chở hàng của nhà máy, người phụ trách lái xe phải được học đầy đủ các luật về giao thông và các quy định về vận chuyển. Lái xe được giao trách nhiệm chăm sóc và quản lý xe cụ thể.
- Đối với các phương tiện là xe máy ra vào nhà máy phải tắt máy, dắt bộ.
- Khi ký hợp đồng vận chuyển yêu cầu các chủ xe phải đảm bảo về tình trạng kỹ thuật của xe, trình độ lái xe, chấp hành các quy định về môi trường cũng như các quy định khác về vận chuyển hàng hóa và giao thông.
- Bố trí bãi đậu xe hợp lý trong khuôn viên nhà máy.
- Bê tông hóa toàn bộ đường giao thông nội bộ trong khu vực cơ sở. Lối xe ra vào được phân luồng quy định nhằm tránh tình trạng ùn tắc xe.
- Vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

- Phun nước sân bãi giảm bụi và hơi nóng do khả năng hấp thu nhiệt của bê tông gây ra, nhất là vào mùa nắng.
- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy nhằm hạn chế phát tán bụi và khí thải ra môi trường, đồng thời tạo cảnh quan và điều hòa vi khí hậu khu vực nhà máy.

Biện pháp kỹ thuật:

- Xe của nhà máy được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng đúng kỹ thuật, đảm bảo các thông số khói thải của xe đạt yêu cầu quy định về môi trường;
- Xe chở đúng tải trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giao thông như chẳng, neo đảm bảo an toàn, thời gian lưu thông, phủ bạt chống bụi, không bóp còi nơi cần yên tĩnh.

2.3. Khí thải từ máy phát điện dự phòng

Nhà máy đã bố trí 2 máy phát điện dự phòng dùng nhiên liệu dầu DO công suất 2.000 KVA/máy. Để giảm thiểu ô nhiễm do bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng cách âm;
- Nền móng đặt các máy phát điện được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao;
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy phát điện để giảm độ rung;
- Lắp đặt bộ phận giảm thanh cho các máy phát điện;
- Kiểm tra độ cân bằng của máy phát điện và hiệu chỉnh nếu cần thiết;
- Bảo dưỡng các máy phát điện định kỳ;
- Sử dụng nguyên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp ($S = 0,05\%$);
- Phát tán khí thải bằng ống khói cao 4,5m đường kính 0,5m để không ảnh hưởng đến môi trường không khí mặt đất.

2.4. Khí thải từ lò hơi

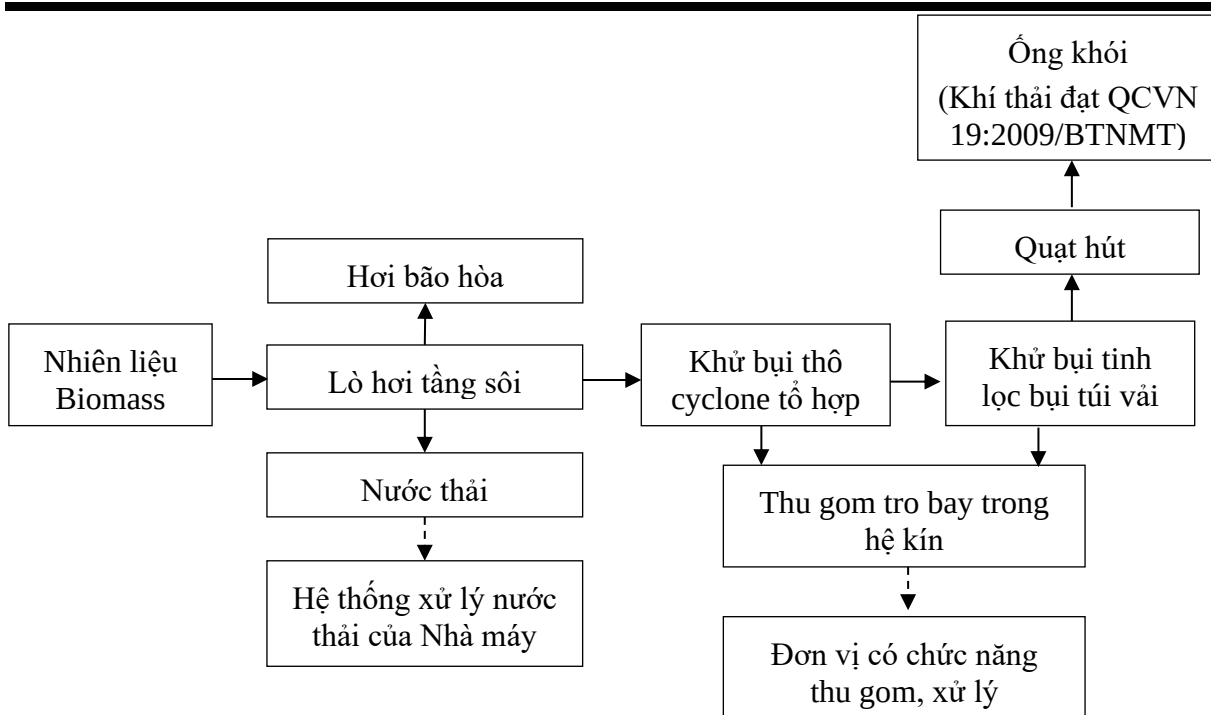
Trong quá trình vận hành của dự án có sử dụng 1 lò hơi đốt biomass công suất 4 tấn hơi/giờ.

Để giảm thiểu bụi và khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu của lò hơi 4 tấn/giờ, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Kiểm soát quá trình cháy để quá trình cháy diễn ra với hiệu suất tốt nhất giảm tối đa lượng CO phát sinh bằng cách:
 - + Nguyên liệu đốt được tập kết trong khu vực có mái che, đảm bảo không để nước mưa làm ướt.
 - + Tăng cường oxy cho quá trình đốt bằng quạt hút cấp khí để oxy hóa CO thành CO₂.

- + PLC điều khiển cấp liệu vào buồng đốt, đồng thời tín hiệu cũng được gửi đến bộ điều khiển buồng lửa. Giá trị áp suất hơi được hiển thị và khi áp suất hơi cao sẽ phát âm thanh cảnh báo hoặc tự động dừng lò tạm thời để bảo vệ áp suất lò hơi theo cài đặt.
- + Mô-đun điều khiển buồng đốt bao gồm bộ điều khiển tốc độ quạt, cảm biến áp suất âm buồng đốt, cảm biến nhiệt độ buồng đốt, cảm biến nhiệt độ hơi, cảm biến nồng độ oxy dư, nhiệt độ khói thải.
- + Các tín hiệu cảm biến được hệ thống xử lý và đưa ra các tín hiệu điều khiển tốc độ quạt cấp gió, quạt hút khói để tối ưu hiệu quả quá trình cháy.
- + PLC sẽ liên tục giám sát áp suất hơi và gửi tín hiệu điều khiển nhiệt độ buồng đốt. Các thông số sẽ liên tục thay đổi cho đến khi đạt giá trị áp suất hơi ổn định theo giá trị cài đặt.
- + Tại hệ thống cấp liệu, hệ thống tự động điều khiển băng tải để đưa nhiên liệu từ hố cấp liệu đến phễu cấp liệu trung gian. Phễu cấp liệu trung gian được bố trí van xoay cấp liệu, nhiên liệu được cấp định lượng và điều chỉnh phù hợp với tải đầu ra của lò dựa trên hệ thống điều khiển HMI và biến tần (việc hiệu chỉnh được thực hiện trong quá trình vận hành thử nghiệm). Gió thổi liệu có nhiệm vụ phân bố đều nhiên liệu lên khắp mặt ghi đốt nhằm điều chỉnh quá trình đốt cháy nhiên liệu của lò không diễn ra quá trình đốt cháy không hoàn toàn (hoặc hạn chế đến mức thấp nhất việc cháy không hoàn toàn) sẽ làm phát sinh ít khi CO trong khí thải đảm bảo khi thải có thành phần CO đạt Quy chuẩn cho phép (Cột B, QCVN 19:2019/BTNMT).
- Thực hiện các biện pháp quản lý tốt lò hơi, đảm bảo hiệu suất đốt nhiên liệu ở mức cao bằng các biện pháp như sau:
 - + Nhân viên vận hành cần có kiến thức chuyên môn, có am hiểu rõ ràng về chế độ vận hành, nguyên lý hoạt động của lò hơi để kịp thời ứng phó khi có các sự cố xảy ra.
 - + Dán hướng dẫn vận hành và xử lý các sự cố tại khu vực đặt lò.
 - + Lò phải ngừng vận hành ngay nếu có hiện tượng hư hỏng các bộ phận chịu áp lực của lò hơi có nguy cơ gây tai nạn nghiêm trọng.
 - + Định kỳ từ 3 đến 6 tháng vận hành phải ngừng lò kiểm tra, sửa chữa toàn diện, kết hợp vệ sinh cấu kiện cho lò.
 - + Phát tán khí thải qua ống khói cao qua mái nhà xưởng để không ảnh hưởng đến không khí khu vực xung quanh.

Bên cạnh đó, Công ty đã lắp đặt 01 hệ thống để xử lý khí thải lò hơi công suất 16.000 m³/giờ. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được trình bày trong như sau:



Hình 3.6. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ

Thuyết minh quy trình:

Khí thải sau khi ra khỏi buồng đốt của lò hơi chứa nhiều bụi được dẫn đến hệ thống cyclon lọc bụi thô. Dòng khí đi vào Cyclone tổ hợp nhờ lực hút của quạt hút đặt phía sau. Sau đó dòng khí được phân bố đều đến các phần tử Cyclone. Tại đầu các phần tử Cyclone, dòng khí bắt đầu chuyển động xoắn ốc theo dạng hình tròn nhờ cánh hướng. Điều này được gọi là “dòng xoắn ngoài”. Do vận tốc dòng khí ngày càng tăng, gây ra bởi lực ly tâm, các hạt bụi trong khí có kích thước lớn được đẩy xuyên tâm hướng tới thành phần tử Cyclone. Điều xảy ra với tất cả các hạt có kích thước lớn do vượt quá lực ly tâm bởi chuyển động xoắn ốc.

Khi hạt va chạm tới thành thì nó sẽ bị chậm lại do lực ma sát. Các hạt này sẽ được tách ra khỏi dòng khí chính và đẩy xuống phần hình nón bởi các thành phần đi xuống của vận tốc. Tại đây, các hạt rắn được tách rời khỏi phần tử Cyclone và đi xuống phễu thu tro bộ Cyclone. Dòng khí khi đi đến phần dưới cùng hình nón của phần tử Cyclone sẽ đổi hướng quay ngược trở lại và chuyển động lên trên và hình thành “dòng xoắn trong”. Dòng khí quay quanh ống trụ tâm của phần tử Cyclone và thoát ra ngoài tại cửa ra.

Bụi lắng xuống phễu thu tro và được xả ra ngoài qua van xoay và vít theo chu kỳ. Bụi xả qua van xoay và vít sẽ được đóng bao để thuận tiện cho việc vận chuyển và vệ sinh. Dòng khí sau khi qua Cyclone tổ hợp được dẫn vào bộ Lọc bụi túi vải nhờ lực hút của quạt hút. Tại đó, các hạt bụi sẽ bám dính phía trên bề mặt của tấm vải lọc trong quá trình va chạm. Các hạt bụi mịn đi cùng dòng khí sau khi đi qua bề mặt túi vải sẽ được giữ lại trên bề “mặt ngoài” túi vải. Dựa vào thông số đo chênh áp trước và sau túi vải để xác định lượng bụi tích tụ trên bề mặt túi vải là đủ dày, van xả bụi bằng khí nén sẽ tự động tác động rũ bụi để làm sạch bề mặt túi vải.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

Tro sau khi đã bụi được thu gom tại phễu chứa tro, được hệ thống vận chuyển tro đưa vào khu vực chứa tro. Toàn bộ quá trình diễn ra trong một hệ kín đảm bảo không phát tán tro ra ngoài môi trường. Hiệu quả lọc bụi đạt tới 99,9% và lọc được cả các hạt bụi rất nhỏ.

Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, công ty sẽ áp dụng quy trình xử lý khí thải như trên, nếu kết quả thử nghiệm không đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT cột B, chủ dự án sẽ thực hiện nâng cấp và làm hồ sơ điều chỉnh hệ thống xử lý khí thải này.

Khu vực chứa nhiên liệu đốt, khu vực chứa tro lò đốt được che chắn kín xung quanh để giảm thiểu bụi, nhiên liệu phát tán theo gió gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Trong quá trình sản xuất, bụi phát sinh cũng có thể gây ảnh hưởng đến công nhân sản xuất trong dây chuyền, về lâu dài sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân, vì vậy, chủ dự án sẽ trang bị bảo hộ lao động (khẩu trang) cho công nhân.

Các hạng mục công trình của HTXL khí thải lò hơi 4 tấn/giờ được trình bày như sau:

Bảng 3.9. Thông số kỹ thuật các hạng mục của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Cyclon tổ hợp	Kích thước D x R x C = 1.806mm x 1.760mm x 4.407mm Gồm 16 đơn Clyclone Ø376/Ø114 x 1.643mm Chụp hút: Ø1500/Ø600 x 2.425mm x 725mm Đường ống dẫn: D x L = 400 (500) x 1.500mm Vật liệu: Thép tấm SS400	1 cái
2	Quạt hút	Công suất: 15kW/380V/3 phase/50Hz Lưu lượng: 12.000 m ³ /giờ Áp suất: 3.000 Pa Vật liệu: Thép	1 bộ
3	Bộ lọc bụi túi vải	Kích thước D x R x C = 3.207mm x 2.104mm x 7.149mm Vật liệu: Thép tấm	1 bộ
3.1	Túi lọc bụi	Vật liệu: Vải PPS (Ryton), miệng túi vòng thép đàn hồi Kích thước: D x H = 165mm x 2.500mm Độ dày: 1,8 mm	135 túi
3.2	Van rũ bụi	Xuất xứ: SBFEC – Trung Quốc Liên doanh Gore-USA Kiểu nối: nối ren trong Kiểu màng: đôi (2 màng van) Áp làm việc: Max 8 bar	15 cái
3.3	Khung túi lọc	Kích thước: D x H = 150mm x 3.970mm Vật liệu: Thép mạ kẽm	135 khung
4	Ống khói	Xuất xứ: Đài Loan	1 bộ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
		Kích thước: D x H = 0,5m x 18m (chiều cao ống thoát tính từ mặt đất lên tới đỉnh ống khói) Vật liệu: Thép tấm SS400	
5	Kênh dẫn khói từ quạt hút vào ống khói	Kích thước: D x L = 500 (252)mm x 750mm Vật liệu: Thép tấm SS400	1 bộ

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

- Đơn vị thi thiết kế, thi công và lắp đặt: Công ty TNHH Phúc Trường Hải.
- Sơ đồ minh họa: (Đính kèm phụ lục).
- Định mức tiêu hao điện năng: cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ khoảng 528 kWh/ngày.
- Yêu cầu về quy chuẩn áp dụng đối với khí thải sau xử lý:

Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và được thải qua ống thoát ra môi trường tiếp nhận.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Công ty cam kết quản lý toàn bộ chất thải rắn và chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt tại Nhà máy, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Trong quá trình sản xuất hiện nay Công ty đã bố trí các thùng chứa rác chuyên dụng bằng nhựa, có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Dự án;
- Rác sinh hoạt sẽ được nhân viên thu gom vào thùng rác bố trí nhiều nơi trong văn phòng và khuôn viên nhà xưởng. Toàn bộ rác sinh hoạt được thu gom vào các bao bì chuyên dụng và vận chuyển đến khu vực tập kết rác.
- Giai đoạn 1, số lượng công nhân (hoạt động theo công suất giai đoạn 1) tại Nhà máy là 100 người, công nhân thi công lắp đặt thiết bị là 50 người, khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh là 78 kg/ngày.
- Rác thải sinh hoạt được thu gom vào thùng rác và tập kết về khu vực lưu chứa rác thải sinh hoạt có diện tích 5 m². Tại khu vực lưu trữ Công ty sẽ bố trí các thùng chứa rác chuyên dụng bằng nhựa có nắp dung tích 660 lít với để thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy. Khối lượng CTRSH phát sinh là 156 kg/ngày, các thùng chứa đảm bảo khả năng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

- Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV TM DV Phạm Thịnh để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Tần suất thu gom rác thải sinh hoạt về khu vực lưu chứa CTR sinh hoạt là 1 ngày/lần. Tần suất đơn vị có chức năng đến thu gom đi xử lý rác thải sinh hoạt là 3 lần/tuần vào thứ 3, thứ 5, thứ 7 (Theo hợp đồng thu gom Chất thải rắn sinh hoạt đính kèm phụ lục). Tần suất thu gom xử lý có thể tăng lên tùy thuộc vào khối lượng phát sinh tại Nhà máy.
- Đối với mùi và ruồi nhặng phát sinh tại khu vực lưu chứa rác, Công ty sẽ tiến hành vệ sinh, quét dọn khu vực lưu chứa rác hằng ngày sau khi chuyển giao hạn chế vi khuẩn và ruồi nhặng phát sinh.

b. Chất thải rắn sản xuất không nguy hại

Chất thải rắn sản xuất không nguy hại tại nhà máy bao gồm chất thải sản xuất phát sinh từ quá trình giết mổ (phụ phẩm) và phế liệu, chất thải sản xuất không nguy hại khác. Thành phần và lưu lượng chất thải rắn sản xuất không nguy hại phát sinh tại Nhà máy được trình bày theo bảng sau:

Bảng 3.10. Thành phần và khối lượng chất thải rắn sản xuất không nguy hại phát sinh tại Nhà máy

STT	Tên chất thải	Số lượng (kg/tháng)
A	Chất thải từ quá trình giết mổ	947.232
1	Lông gà	561.600
2	Tiết, lòng	336.960
3	Chất thải từ lòng	37.440
4	Phân gà	11.232
B	Phế liệu và chất thải sản xuất không nguy hại khác	59.749,2
1	Tro thải	7.999,2
2	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	51.750

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Trong đó, bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải của nhà máy theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT có ký hiệu “KS”, Công ty sẽ tiến hành phân định mẫu bùn thải nếu nồng độ/hàm lượng tuyệt đối nằm trong ngưỡng QCVN 50:2013/BTNMT quy định về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quy trình xử lý nước, Công ty sẽ thu gom theo chất thải rắn sản xuất không nguy hại.

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn sản xuất không nguy hại của quá trình vận hành tại Nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

❖ Chất thải từ quá trình giết mổ:

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải phát sinh từ quá trình giết mổ (lông, tiết lòng) sau mỗi ca làm việc. Bên cạnh đó, chất thải từ lòng sẽ theo dòng nước trong quá trình giết mổ dẫn về HTXL nước thải tập trung của Dự án để xử lý. Ngoài ra, lượng phân gà phát sinh sẽ được thu gom vào cuối ngày và đưa về máy ép bùn bằng xe

đầy, sau khi ép xong lượng phân khô thu được khoảng 30% phân tươi, tương đương 3.369,6 kg/tháng, phân khô sẽ được đóng vào bao và đưa vào kho chứa.

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh từ quá trình giết mổ đưa vào khu vực lưu trữ với diện tích 14,7 m² hiện hữu. Kho có kết cấu là mái tole, nền gạch, vách tường gạch, có gờ chắn không cho nước từ quá trình vệ sinh kho tràn ra ngoài gây ô nhiễm. Sức chứa của kho được 36,8 tấn. Quá trình giết mổ phát sinh khoảng 30,06 tấn/ngày chất thải rắn giết mổ, kho chứa vẫn đảm bảo khả năng tiếp nhận và lưu trữ;
- Công ty đã hợp đồng với Cơ sở Đào Thị Hoàng Thủy để thu gom, xử lý chất thải rắn phát sinh từ quá trình giết mổ (làm thức ăn cho cá) theo đúng quy định của pháp luật. Tần suất thu gom là 1 ngày/lần và có thể tăng tần suất thu gom để hạn chế mùi phát sinh.
- Sau mỗi đợt thu gom, Công ty sẽ tiến hành vệ sinh kho lưu trữ để giảm thiểu mùi hôi và vi khuẩn phát sinh tại khu vực này.

❖ **Phế liệu và chất thải sản xuất không nguy hại khác:**

- Bố trí kho chứa phế liệu và chất thải sản xuất không nguy hại khác với diện tích 14,7 m², Kho chứa có nền cao chống thấm và vách tường, mái tôn. Dung tích chứa của kho khoảng 58,8 m³ rác thải, tương đương 59 tấn rác. Lượng phế liệu và chất thải sản xuất không nguy hại khác phát sinh khoảng 59 tấn/tháng, kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đủ khả năng lưu chứa chất thải sản xuất phát sinh của dự án.
- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sản xuất chất thải rắn từ quá trình sản xuất, bao bì,...phát sinh đưa vào khu vực lưu chứa;
- Phân loại thành chất có khả năng tái chế để bán phế liệu cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định của pháp luật về quản lý phế liệu;
- Công ty đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông để thu gom, xử lý phế liệu và chất thải sản xuất không nguy hại khác phát sinh từ quá trình sản xuất theo đúng quy định của pháp luật. Tần suất thu gom xử lý tùy thuộc vào khối lượng phát sinh tại Nhà máy.

b. Chất thải rắn chất thải rắn của quá trình thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị cho giai đoạn 2

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, Chủ đầu tư đều áp dụng các biện pháp sau:

- Tận dụng san nền tại chỗ đối với bê tông, đá, cát, xi măng, gạch. Thu hồi phế liệu như sắt, thép, tôn cũ để bán cho các đơn vị có chức năng thu mua sắt và tôn phế liệu theo đúng quy định của Pháp luật.
- Các chất thải rắn xây dựng không thể tận thu được thu gom và lưu chứa tạm cùng với chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất. Tổng khối lượng chất thải rắn của quá trình thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị phục vụ giai đoạn 2 của Nhà máy phát sinh khoảng 7,1 tấn/tháng. Kho chứa chất thải rắn sản xuất không nguy hại hiện hữu có diện tích 14,7 m² kết cấu tường, nền gạch, mái lợp tôn, với sức

chứa khoảng 36,8 m³ chất thải tương đương 30 tấn rác, đảm bảo đủ diện tích lưu chứa chất thải phát sinh.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đem đi xử lý theo các quy định hiện hành đối với lượng chất thải lắp đặt máy móc, thiết bị.
- Công ty cam kết thực hiện quản lý chất thải rắn xây dựng theo đúng quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Dự báo về khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành

Lượng chất thải nguy hại phát sinh của Dự án chủ yếu là chất thải có các thành phần nguy hại: Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; Bóng đèn huỳnh quang thải; Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại; Bao bì mềm thải; Bao bì cứng bằng nhựa thải; Bao bì cứng bằng kim loại; Dầu nhớt thải; Pin, ắc quy chì thải; Chai đựng hóa chất, bao bì cứng thải bằng vật liệu khác; Que hàn thải có các thành phần nguy hại; Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải, bao gồm hoặc có chứa các chất nguy hại. Khối lượng chất thải nguy hại của Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.11. Số lượng và mã số chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành Nhà máy tại giai đoạn 1

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	8
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	2
3	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	1
4	Bao bì thải	18 01 01	Rắn	5
	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	0,5
	Chất tẩy rửa thải có thành phần nguy hại	16 01 10	Lỏng	25
	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	621.000
Tổng cộng		-	-	621.041,5

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Trong đó, bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải của nhà máy theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT có ký hiệu “KS”, Công ty sẽ tiến hành phân định mẫu bùn thải nếu nồng độ/hàm lượng tuyệt đối vượt ngưỡng QCVN 50:2013/BTNMT quy định về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quy trình xử lý nước, Công ty sẽ thu gom theo chất thải nguy hại.

Ngoài ra trong giai đoạn 1, Công ty sẽ tiến hành xây dựng các hạng mục và lắp đặt máy móc thiết bị chuẩn bị cho quá trình hoạt động Dự án trong giai đoạn 2.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt thiết bị sẽ phát sinh chất thải nguy hại bao gồm giẻ lau dính dầu nhớt, bao bì mềm thải, bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng chứa sơn, thùng chứa phụ gia), dầu nhớt thải, que hàn thải,... Tuy nhiên, số lượng chất thải nguy hại phát sinh không nhiều, không thường xuyên.

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình xây dựng các hạng mục và lắp đặt máy móc thiết bị được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.12. Số lượng và mã số chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình xây dựng các hạng mục và lắp đặt máy móc thiết bị

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã số CTNH	Số lượng (kg/tháng)
1	Giẻ lau , vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	4,5
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	18 01 01	2
3	Cặn sơn thải	Rắn	18 01 03	2
4	Dầu nhớt thải (dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải)	Lỏng	17 02 03	7
5	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Rắn	07 04 01	4
Tổng cộng		-	-	19,5

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

4.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Để giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa xe, máy móc công trình tại dự án. Các phương tiện vận chuyển sẽ được bảo trì tại garage;
- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng được thu gom, phân loại và lưu trữ cùng với CTNH trong quá trình sản xuất tại giai đoạn 1;
- Thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng nhựa có dung tích khác nhau, bao bì chuyên dụng, cột kín có dán nhãn cảnh báo;
- Công ty đã yêu cầu công nhân tiến hành thu gom, phân loại chất thải nguy hại phát sinh tại các khu vực phát sinh. Các loại chất thải được chứa trong các thùng và bao bì chuyên dụng, sau đó công nhân đưa vào khu vực lưu trữ để chờ đơn vị đến thu gom xử lý định kỳ;
- Chất thải nguy hại được lưu trữ trong khu vực lưu chứa có thành kín, mái che, nền gạch, mái lợp bằng tôn, tường xây gạch, bình phòng cháy chữa cháy phân khu, dán nhãn theo đúng quy định. Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 14,6 m². Sức chứa của kho khoảng 29,2 tấn, kho chứa đảm bảo khả năng tiếp nhận và lưu trữ;

- Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông để thu gom, xử lý theo quy định. Tần suất thu gom và xử lý tùy vào khối lượng chất thải phát sinh hoặc theo yêu cầu của Công ty.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao như hệ thống nén khí,...
- Các thiết bị thi công phải có chân đế để hạn chế độ rung;
- Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ dự án phải đạt tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường;
- Không thi công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến người dân xung quanh;
- Lắp đặt máy móc thiết bị mới có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn;
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị, định kỳ 3 tháng bôi trơn dầu máy;
- Công ty sẽ tiến hành đăng ký kiểm tra giám định máy móc thiết bị hàng năm để tránh các sự cố liên quan, các máy móc đã lắp đặt sẽ được bảo dưỡng thường xuyên;
- Duy trì cây xanh có tán xung quanh dự án, diện tích cây xanh đạt 20% so với tổng diện tích của dự án.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

a. Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động

Để đảm bảo an toàn lao động trong Nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

❖ Trong hoạt động thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:

Tập huấn luyện an toàn và bảo hộ lao động

- Chỉ huy trưởng công trình và công nhân được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động phù hợp với công việc an toàn lao động.
- Chỉ huy trưởng công trình hướng dẫn và giám sát chặt chẽ việc tuân thủ an toàn lao động của công nhân thi công.
- Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động trước khi làm việc.
- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân tương ứng với từng công việc.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

An toàn khi làm việc trên cao

- Bảo đảm chân giàn giáo dựng trên nền vững chắc, tuân thủ TCXDVN 296:2004 - Giàn giáo - Các yêu cầu về an toàn.
- Nếu dựng từ 3 tầng giáo trở lên, dùng dây thừng giăng về 4 hướng hoặc gá vào phía có kết cấu vững chắc. Giăng giữa các tầng giáo với nhau tránh trường hợp nhỏ chân giáo.
- Dùng lưới bảo hiểm khi chồng nhiều tầng giáo.
- Công nhân làm việc trên cao bắt buộc phải đeo dây an toàn.
- Trước khi công nhân lên cao kiểm tra giày bảo hộ tránh trường hợp dính dầu, mỡ gây trơn trượt.
- Kiểm tra lại giàn giáo trước khi dỡ giáo hoặc di dời giáo.
- Không dịch chuyển giáo khi có người ở trên giáo.

An toàn khi vận hành máy móc thi công

- Kiểm tra nguồn điện cung cấp cho máy móc thiết bị trước khi thi công.
- Kiểm tra các thông số kỹ thuật của thiết bị nâng hạ đảm bảo đúng kỹ thuật trước khi hoạt động.
- Có biển báo cấm đi lại khi không có nhiệm vụ dưới tầm hoạt động của thiết bị nâng hạ.
- Chạy thử máy để xác định máy đang vận hành tốt.
- Che chắn khu vực thi công tránh trường hợp xảy ra sự cố gây vung, bắn phé thải vật tư ra xung quanh gây nguy hiểm hoặc do lửa bắn ra gây bắt cháy.
- Yêu cầu công nhân vận hành có đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động.

An toàn khi thi công lắp đặt

- Bố trí máy móc đủ công suất, nhân lực đầy đủ khi đưa vật tư lên cao lắp đặt.
- Trường hợp vật tư thiết bị nặng bố trí cần cầu bảo đảm trọng tải cần thiết, dựng biển báo hiệu khu vực nguy hiểm.
- Có các biện pháp neo đỡ vật tư thiết bị phòng trường hợp sự cố.
- Kiểm tra các giá treo, giá đỡ, cầu tháp trước khi đỡ vật tư thiết bị lên lắp đặt.
- Khi có tai nạn lao động xảy ra chuyển đến trạm y tế gần nhất để điều trị kịp thời.

Ứng phó tai nạn lao động

- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân tương ứng với từng công việc;
- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,... tại vị trí dễ thấy để liên hệ;
- Khi có tai nạn lao động xảy ra tiến hành sơ cấp cứu cho người bị tai nạn và chuyển đến trạm y tế gần nhất để điều trị kịp thời.

❖ ***Trong hoạt động sản xuất:***

Phòng ngừa tai nạn lao động:

Các biện pháp để bảo vệ an toàn lao động cho người công nhân là không thể thiếu. Vì vậy Công ty phải quan tâm đến các yếu tố vi khí hậu nhằm đảm bảo môi trường lao động an toàn và hợp vệ sinh cho công nhân như sau:

- Thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra để không xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị;
- Toàn bộ máy móc thiết bị sẽ được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch để bảo đảm luôn ở tình trạng tốt;
- Về an toàn kỹ thuật điện: Công ty sẽ chú trọng công tác thực hiện các biện pháp an toàn kỹ thuật tại các bộ phận của các phân xưởng. Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy;
- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động;
- Trang bị đầy đủ các phục trang cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho sức khỏe công nhân. Các trang phục này bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, kính bảo vệ mắt, ủng...
- Ngoài ra, trong những trường hợp cần thiết phải sử dụng thêm quạt thông gió để làm thoáng và mát cục bộ;
- Điều kiện về ánh sáng và tiếng ồn cũng cần được tuân thủ chặt chẽ;
- Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng: địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa...

Ứng phó tai nạn lao động:

- Trang bị các dụng cụ và thiết bị cần thiết cho việc sơ cấp cứu người bị tai nạn lao động;
- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,... tại vị trí dễ thấy để liên hệ;
- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị tai nạn hoặc chuyển người bị nạn đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị nạn.

Nhà máy cũng tổ chức bộ phận sơ cứu tai nạn, bố trí phòng y tế ngay tại nhà máy và ký hợp đồng chăm sóc sức khỏe với cơ sở y tế tại địa phương, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân làm việc tại nhà máy. Bố trí cán bộ an toàn vệ sinh lao động làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

b. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông

Để đảm bảo an toàn giao thông tại khu vực dự án, Công ty đã thực hiện các biện pháp như sau:

- Cấu trúc đường giao thông trong nội bộ Công ty sẽ được bố trí hợp lý, tránh xung đột giao thông, gây nguy hiểm cho người và phương tiện ra vào bốc dỡ hàng hóa;
- Bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại. Hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm có mật độ người qua lại cao;
- Chở đúng tải trọng quy định;
- Bố trí xe có trọng tải phù hợp để tránh làm hư hỏng đường sá;
- Lắp rào chắn cách ly các khu vực nguy hiểm như trạm biến thế, vật liệu dễ cháy nổ...

Ứng phó tai nạn giao thông

- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,... tại vị trí dễ thấy để liên hệ;
- Khi có tai nạn giao thông xảy ra tiến hành sơ cấp cứu cho người bị tai nạn và chuyển đến trạm xá, bệnh viện gần nhất để điều trị kịp thời.

c. Phòng chống cháy nổ

Để giảm phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

Biện pháp phòng ngừa sự cố chống cháy:

- Bố trí máy móc, thiết bị, nguyên liệu một cách thích hợp.
- Thực hiện hệ thống thông gió để giảm nồng độ chất gây cháy, giảm nhiệt độ không khí cũng như cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển;
- Đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cảnh báo tự động đảm bảo đúng quy định; thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các phương tiện và thiết bị chữa cháy hiệu quả;
- Trang bị đầy đủ trang thiết bị sẵn sàng ứng phó với sự cố cháy nổ: cát chữa cháy, bình khí CO₂ và bình bột cầm tay tại các khu vực dễ phát sinh cháy nổ như khu vực nguyên liệu, khu vực thành phẩm, khu vực lưu trữ CTNH để kịp thời ngăn chặn khi có đám cháy nhỏ phát sinh;
- Có phương án PCCC và đội PCCC của Công ty được phân công nhiệm vụ và trách nhiệm khi có sự cố cháy nổ;
- Tập huấn và đào tạo cho đội PCCC của Công ty và định kỳ 1 lần/năm diễn tập PCCC cho toàn bộ công nhân trong nhà máy;
- Thường xuyên kiểm tra các trang thiết bị, đến niên hạn thay mới phải lập kế hoạch thay mới, tránh trường hợp khi có sự cố cháy nổ lại không sử dụng được.
- Lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ (khu vực chứa nguyên liệu, trạm biến áp ...);
- Tổ chức tuyên truyền, kiểm tra công tác phòng chống cháy nổ tại các kho, lán trại của các đơn vị thi công;

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và tuân thủ các qui định về Phòng cháy Chữa cháy của tỉnh Bình Phước.

Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ:

1. **Dập lửa:** Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa.

Khi xảy ra sự cố cháy nổ tại nhà máy: đặc biệt tại các khu vực cháy có liên quan đến hóa chất, nhanh chóng khóa hoặc chặn hệ thống thoát nước mưa, nhằm hạn chế khả năng nước sau quá trình dập lửa có thể nhiễm hoá chất, chảy vào hệ thống thoát nước mưa. Đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình chữa cháy được dẫn về hệ thống thu gom nước thải để xử lý.

2. **Dọn dẹp:** Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

3. **Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm:** Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó, Công ty sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Công ty sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phân cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

d. Sự cố rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ hóa chất

Để phòng ngừa sự cố rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ hóa chất trong Nhà máy, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu, cụ thể như sau:

- Tuân thủ chặt chẽ các quy trình xuất nhập và tồn chứa trong kho: các thùng chứa hóa chất được xếp đúng theo quy cách, đảm bảo an toàn ngăn nắp và có thể nhìn thấy nhãn;
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn khi vận chuyển. Tránh chất đóng bừa bãi trong quá trình vận chuyển. Những thùng chứa chất lỏng dễ cháy phải được sắp xếp một cách có khoa học để đảm bảo chống va đập và ngăn chặn sự phát sinh lửa do chính chất lỏng tạo ra;
- Công nhân quản kho và trực tiếp sử dụng hóa chất được huấn luyện an toàn hóa chất theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;
- Việc lưu trữ, sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5507:2002 về Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm (QCVN 05:2020/BCT).

Phòng ngừa sự cố rò rỉ, rơi vãi hóa chất:

- Ban hành quy trình vận hành an toàn từ khâu bốc dỡ, sắp xếp nguyên liệu từ xe vào kho chứa, khâu vận chuyển nguyên liệu sản xuất, thao tác trong quá trình sản xuất;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

- Tuyển chọn công nhân lành nghề vận hành xe nâng để bốc dỡ và nạp liệu nhằm hạn chế tối đa việc rơi đổ hóa chất;
- Lựa chọn nhà cung cấp hóa chất uy tín, đảm bảo chất lượng hóa chất và bao bì an toàn, không rách, thủng trong quá trình di chuyển;
- Tiến hành xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất gồm các nội dung cơ bản quy định tại khoản 3 điều 36 của Luật Hóa chất;
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm quần áo bảo hộ lao động, bao tay bảo hộ, kính bảo vệ mắt, khẩu trang than hoạt tính,... cho công nhân khi thao tác với hóa chất trong quá trình sản xuất;
- Công nhân làm việc trong công ty phải được huấn luyện kỹ thuật an toàn về hóa chất, biện pháp ứng cứu khẩn cấp khi có sự cố hóa chất xảy ra;
- Thông tin về hóa chất được thông báo đầy đủ và có sẵn ở nơi dễ thấy;
- Lắp đặt dấu hiệu cảnh báo đối với các hóa chất độc hại, dễ cháy đồng thời lắp đặt nội dung sơ cấp cứu trong khu vực nhà máy để thực hiện khi cần thiết.

Ứng phó sự cố rò rỉ, rơi vãi hóa chất:

- Nhanh chóng sơ tán công nhân ra khỏi nơi rò rỉ, tràn đổ hóa chất để tiến hành thu gom hóa chất;
- Công nhân thu gom được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động khi tiếp xúc với hóa chất trong quá trình ứng cứu;
- Sơ cấp cứu cho công nhân nhiễm độc nếu có theo quy trình sơ cấp cứu đã được ban hành và nhanh chóng chuyển công nhân đến bệnh viện gần nhất.

e. Sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm

Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho công nhân viên làm việc tại Nhà máy, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

❖ Biện pháp phòng ngừa:

- Thực phẩm được bảo quản đúng quy trình vệ sinh thực phẩm cũng như quy trình chế biến thức ăn;
- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Đảm bảo thực phẩm tươi, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và đã được kiểm định vệ sinh An toàn vệ sinh thực phẩm;
- Đảm bảo không gian bếp luôn sạch sẽ, thoáng mát;
- Đảm bảo điều kiện lưu trữ thực phẩm an toàn, sạch sẽ, tránh lây nhiễm chéo;
- Khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên;
- Tuân thủ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đã nêu trên.

❖ Ứng phó khi xảy ra ngộ độc thực phẩm:

- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,... tại vị trí dễ thấy để liên hệ;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị ngộ độc hoặc chuyển người bị ngộ độc đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị ngộ độc.

f. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp, thoát nước

Phòng ngừa sự cố:

- Đường ống cấp, thoát nước có đường cách ly an toàn;
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất;
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

Ứng phó sự cố:

Khi phát hiện sự cố rò rỉ, vỡ đường ống như sau: thực hiện khóa van đầu nguồn và tiến hành thay thế đường ống cấp, thoát nước bị hư hỏng trong thời gian sớm nhất. Sau khi khắc phục xong sự cố mới mở van cấp nước hoặc xả nước thải.

g. Sự cố bể tự hoại

Để phòng ngừa sự cố bể tự hoại, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu, cụ thể như sau:

- Định kỳ hợp đồng hút bùn thải từ bể tự hoại;
- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn;
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với bể tự hoại.

h. Sự cố hệ thống xử lý nước thải

Để phòng ngừa sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, Công ty đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa như sau:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, và bảo trì, bảo dưỡng HTXL nước thải;
- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn;
- Hàng ngày khi vận hành cần kiểm tra máy khi có tiếng kêu hay rung động lạ;
- Định kỳ kiểm tra bơm định lượng, vệ sinh màng bơm;
- Sơn lại các kết cấu bằng kim loại hàng năm;
- Nhân viên vận hành phải có trình độ để thực hiện đúng các yêu cầu vận hành và nhận biết các sự cố phát sinh;
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với HTXL nước thải;
- Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

- Một số biện pháp khắc phục sự cố cơ bản trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 3.13. Bảng phương hướng khắc phục sự cố trong vận hành hệ thống xử lý nước thải

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
Máy bơm nước thải	Máy không làm việc nhưng nóng	Điện nguồn mất pha đưa vào motor	Kiểm tra khắc phục
	Máy làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	Máy bị ngược chiều quay	Kiểm tra khắc phục
	Bơm làm việc nhưng không lên nước	Van đang mở bị nghẹt hoặc hư	Kiểm tra, phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng thì thay
		Đường ống bị tắc nghẽn	Kiểm tra và khắc phục
		Buồng bơm không có nước	Mỗi nước
	Lưu lượng bơm giảm	Bị nghẹt ở cánh bơm, van, đường ống, lupbe	Kiểm tra khắc phục
		Nguồn điện cung cấp không đúng	Kiểm tra khắc phục
Máy bơm định lượng	Máy phát ra tiếng kêu lớn	Khô dầu	Tra dầu máy
	Máy làm việc bình thường nhưng lưu lượng bơm giảm	Màng bơm bị bẩn	Vệ sinh màng bơm

i. Sự cố hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Để phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải lò hơi, hệ thống xử lý hơi hóa chất, Công ty đã thực hiện các biện pháp như sau:

Biện pháp phòng ngừa:

- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ nhằm duy trì hiệu suất lò hơi và sự hoạt động hiệu quả của lò hơi;
- Tuân thủ hướng dẫn vận hành lò hơi;
- Van an toàn luôn duy trì trong tình trạng hoạt động tốt;
- Kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống xử lý khí thải.

Biện pháp ứng phó:

- Dừng và kiểm tra tình trạng lò ngay khi phát hiện dấu hiệu bất thường;
- Công ty sẽ tạm ngưng sản xuất nếu lò hơi gặp sự cố;
- Công ty sẽ nhanh chóng kiểm tra và khắc phục lỗi lò hơi trước khi vận hành trở lại;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

- Vận hành theo yêu cầu thiết kế;
- Kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của Công ty được trình bày cụ thể trong bảng sau:

Bảng 3.14. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM

STT	Nội dung thay đổi	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh thay đổi thực hiện	Đánh giá sự thay đổi
1	Quy trình sản xuất	Nhận gà lông → Treo gà → Giật điện → Cắt tiết → Chảy tiết → Chần gà → Đánh lông gà → Dứt đầu gà → Cắt chân → Chuyển chuyên → (A) → Đục hậu môn → Mở bụng → Moi lòng → Kiểm tra chất lượng gà → Đục điều, cuống họng, hút phổi → Rửa trong, rửa ngoài → Kiểm tra lần cuối → Chuyển chuyên → Làm lạnh → Chờ xuất đi nhà máy chế biến thực phẩm hoặc dùng cho chế biến thực phẩm trong nhà máy	Nhận gà lông → Treo gà → Giật điện → Cắt tiết → Chảy tiết → Chần gà → Đánh lông gà → Cắt chân → Mở bụng → Moi lòng → (A) → Cắt đầu → Đục điều, cuống họng, hút phổi → Làm lạnh → Cân gà, phân loại → Cắt tự động → Đóng gói → Cấp đông → Xuất đi	Công ty đã sắp xếp lại quy trình sản xuất, lược bỏ một số công đoạn để quy trình sản xuất được tối ưu hơn. Tuy nhiên, sự thay đổi không làm ảnh hưởng đến các tác động đã được đánh giá theo ĐTM đã được phê duyệt.
2	Nước tái sử dụng	Mục đích sử dụng: nước cấp cho sinh hoạt, rửa sàn khu vực nhốt gà chờ giết mổ, rửa xe, giặt quần áo, cấp cho lò hơi, rửa lọc (HTXL nước tái sử dụng), làm mát gia cầm tại nhà chờ với lưu lượng 291,1 m ³ /ngày.đêm	Mục đích sử dụng: nước cấp cho sinh hoạt, rửa sàn khu vực nhốt gà chờ giết mổ, rửa xe, giặt quần áo, cấp cho lò hơi, rửa lọc (HTXL nước tái sử dụng), làm mát gia cầm tại nhà chờ. Bổ sung thêm mục đích sử dụng: tưới cây, rửa sàn khu vực trong sản xuất, với tổng lưu lượng tái sử dụng nước là 776,4 m ³ /ngày.đêm	Sử dụng hiệu quả nguồn nước thải phát sinh, giảm lưu lượng nước thải ra ngoài môi trường tiếp nhận

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1 Nội dung thu gom đầu nối nước thải

Nước thải phát sinh từ dự án sau khi xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT sẽ được đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Dự án không thuộc đối tượng xin cấp phép đối với nước thải.

1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

1.2.1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa

- Dự án đã xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải.
- Nước mưa trên mái nhà xưởng sản xuất, nhà kho, khối văn phòng được thu gom bằng hệ thống máng thu, dẫn bằng ống nhựa PVC xuống hệ thống thoát nước mưa dưới đất cùng với nước mưa chảy tràn trên mặt đất thông qua các hố ga thu gom nước mưa kết hợp với song chắn rác dẫn về hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại dự án.
- Mạng lưới thu gom nước mưa tại dự án là các đoạn ống bê tông cốt thép chịu lực nối liền với nhau có đường kính D400mm, D600mm, D800mm tùy đoạn; chế độ tự chảy, được lắp đặt bao quanh các nhà xưởng, công trình hạng mục và lắp ngầm dưới lòng đất. Nước mưa sau khi được thu gom tại dự án sẽ đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Minh Hưng - Sikico.
- Tại dự án bố trí 02 hố ga đầu nối nước mưa, có kích thước $D \times R = 1,4 \times 1,4(m)$ và $D \times R = 1,6 \times 1,7(m)$ trên đường số N1 của KCN Minh Hưng - Sikico (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $106^{\circ}15'$, múi chiếu 3°), gồm:
 - + Hố ga đầu nối số 1 với tọa độ $X=1271691$; $Y=533404$;
 - + Hố ga đầu nối số 2 với tọa độ $X=1271752$; $Y=533589$;

Dự án có 62 hố ga BTCT, khoảng cách giữa các hố ga là khoảng 10-31m, tại mỗi hố ga bố trí 01 cửa thu nước mặt đường, trên cửa có lắp đặt thanh chắn rác để tách rác. Thông số kỹ thuật các hố ga thu nước mưa là $D \times R=1,2 \times 1,2(m)$; $D \times R=1,4 \times 1,4(m)$; $D \times R=1,6 \times 1,7(m)$.

1.2.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thoát nước thải nội bộ.

Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh của công nhân viên của dự án được thu gom bằng đường ống HDPE D250mm, D200mm, D100mm và đường ống HDPE (có áp) với kích thước D150mm và D50mm; sau đó chảy về 01 bồn tự hoại composite 3 ngăn đối với khu vực nhà kỹ thuật và 08 bể tự hoại 3 ngăn đối với các khu vực khác để xử lý sơ bộ lắng cặn, tách nước [08 bể tự hoại có kích thước bằng nhau $L \times B \times H = 2,1 \times 1,56 \times 1$ (m) và 01 bồn tự hoại composite 3 ngăn có kích thước $D \times L = 1,2 \times 4,5$]. Nước thải sau đó tự chảy về hồ thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày.đêm của Dự án để tiếp tục xử lý.

Nước thải sau xử lý của HTXL nước thải trung công suất 4.850 m³/ngày.đêm (Giai đoạn 1: HTXL nước thải hoạt động với công suất 2.425 m³/ngày.đêm) của Dự án đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng - Sikico, sẽ được thu gom bằng đường ống SUS 304 DN300mm, L=8,4m và ống HDPE DN300, L= 28,1m, tự chảy về 01 hố ga đầu nối nước thải có cấu tạo vật liệu BTCT có kích thước $D \times R = 1,2 \times 1,2$ (m) trên đường D3 được đặt bên ngoài phạm vi dự án (ngoài tường rào dự án) để đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico có tọa độ $X(m)=1271702$; $Y(m)=533244542$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106°15', vĩ độ 3°) để được tiếp tục xử lý theo quy định.

1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Công ty xây dựng 01 HTXL nước thải tập trung công suất 4.850 m³/ngày.đêm (Giai đoạn 1: HTXL nước thải hoạt động với công suất 2.425 m³/ngày.đêm) để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh (nước thải sinh hoạt của công nhân viên; nước thải nhà ăn; nước thải từ hoạt động giết mổ và nước thải từ các nguồn khác). Nước thải sau xử lý sẽ được đầu nối với hệ thống thu gom của KCN và một phần được tiếp tục xử lý qua HTXL nước tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày.đêm của Dự án.

Tóm tắt quy trình công nghệ

- Quy trình xử lý nước thải của HTXL nước thải tập trung công suất 4.850 m³/ngày.đêm (Giai đoạn 1: HTXL nước thải hoạt động với công suất 2.425 m³/ngày.đêm):
 - + Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn (1)
 - + Nước thải từ nhà ăn → Bể tách dầu mỡ (2)
 - + Nước thải từ hoạt động giết mổ → Hồ gom (3)
 - + Nước thải từ các nguồn khác (4)
 - + (1) + (2) + (3) + (4) → Lược rác thô → Trạm bơm → Lược rác tinh → Bể điều hòa → Bể tuyển nổi DAF → Bể điều chỉnh pH → Bể trung gian → Bể UASB → Bể Anoxic → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN Minh Hưng – Sikico/HTXL nước tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày.đêm.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

+ Bùn thải → Bể phân hủy bùn → Bể nén bùn → Máy ép bùn → Bùn khô → Thu gom xử lý theo quy định.

Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m³/ngày.đêm của Nhà máy được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.1. Danh mục máy móc thiết bị của HTXL nước thải của Nhà máy

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
I Hố bơm					
1	Lược rác thô	Hệ	1	Loại: Song chắn rác tự động Kích thước khe: 15mm Điện năng: 1,5Kw, 3ph/380V/50Hz Vật liệu: SUS304 Bao gồm: 02 thùng chứa rác 120L bằng nhựa, có bánh xe.	Việt Nam
2	Bơm nước thải	Cái	2	Loại: Bơm chìm Lưu lượng: 202 m ³ /h Cột áp: 14m Điện năng: 15Kw, 3ph/380V/50Hz Bao gồm: khớp nối nhanh (Việt Nam)	Japan
3	Công tắc mực	Bộ	3	Loại: Phao	Italy
II Bể điều hòa					
1	Lược rác tinh	Bộ	1	Dạng: trống quay Lưu lượng: 404 m ³ /h Lưới: khe hở 2mm Motor: 0,75kW, 3pha, 380V, 50Hz Vật liệu: Inox304 Bao gồm: 2 thùng chứa rác (HDPE) 240L, loại có bánh xe	Việt nam
2	Bơm nước thải	Cái	2	Loại: bơm chìm Lưu lượng: 101 m ³ /h Cột áp: 13m Điện năng: 75kW, 3ph/380V/50Hz Bao gồm: khớp nối nhanh (Việt Nam)	Nhật Bản
3	Biến tần cho bơm nước thải	Cái	2	Điện năng: 7,5Kw, 3ph/380V/50Hz	EU G7/Châu Á
4	Công tắc mực	Bộ	3	Loại: Phao	Ý

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
	nước				
5	Đồng hồ lưu lượng	Bộ	1	Loại: điện tử, hiển thị lưu lượng tức thời và lưu lượng tổng Đường kính: DN125	EU/G7
6	Máy khuấy chìm	Cái	4	Loại: Máy khuấy chìm Công suất: 3,2kW, 3ph/380V/50Hz Cấp bảo vệ: IP68 Vật liệu: Cánh-SS, Motor-Thép, Trục-SS	Ý
7	Thanh trượt máy khuấy chìm	Cái	4	Vật liệu: SUS304	Việt Nam
8	Hệ khử mùi	Bộ	1	Loại: Tháp hấp thụ ướt Bao gồm: Tháp khử mùi, Quạt hút, Bơm tuần hoàn	Việt Nam
9	Nắp	Bộ	1	Vật liệu: FRP/SUS304	Việt Nam
III	Bể điều chỉnh pH				
1	Máy khuấy trong bể	Bộ	1	Động cơ: + Tốc độ: 70-100rpm + Điện năng: 1,5 kW, 3ph/380V/50Hz Cánh khuấy và trục: + Vật liệu: SUS304	Motor: Singapore Trục và cánh: Việt Nam
2	Thiết bị đo pH	Bộ	1	Loại: Đo và kiểm soát pH Khoảng đo pH: 0-14 Bao gồm: 01 transmitter và 01 sensor pH	Bỉ
3	Bơm định lượng xút	cái	2	Loại: Bơm màng Lưu lượng: 260L/h Cột áp: 7 bar Công suất: 0,37kW, 3ph/380V/50Hz Vật liệu: Đầu bơm-PP, Màng-PTFE	Ý
IV	Bể trung gian				
1	Máy khuấy trong bể	Cái	2	Loại: bơm chìm Lưu lượng: 150 m ³ /hr Cột áp: 8m	Nhật Bản

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
				Điện năng: 7,5kW, 3ph/380V/50Hz Bao gồm: khớp nối nhanh (Việt Nam)	
2	Biển tầng cho bơm nước thải	Cái	2	Điện năng: 7,5Kw, 3ph/380V/50Hz	EU/G7
3	Công tắc mực nước	Bộ	3	Loại: Phao	Ý
4	Đồng hồ lưu lượng bể UASB	Bộ	1	Loại: điện tử, hiển thị lưu lượng tức thời và lưu lượng tổng Đường kính: DN200	EU/G7
5	Đồng hồ lưu lượng đường by-pass	Bộ	1	Loại: điện tử, hiển thị lưu lượng tức thời và lưu lượng tổng Đường kính: DN100	EU/G7
V	DAF				
1	Thiết bị đo pH	Bộ	1	Loại: đo và kiểm soát pH Khoảng đo pH: 0-14 Bao gồm: 01 transmitter và 01 sensor pH	Bỉ
2	Bồn chứa Xút	Bộ	1	Thể tích: 3 m ³ Vật liệu: LLDPE	Việt Nam
3	Bơm định lượng xút	Cái	2	Loại: Bơm màng Lưu lượng: 155L/h Cột áp: 10 bar Công suất: 0,25kW, 3ph/380V/50Hz Vật liệu: Đầu bơm-PP, Màng-PTFE	Ý
4	Thiết bị trộn tĩnh (cho điều chỉnh pH)	Cái	1	Loại: trộn tĩnh trên đường ống Vật liệu: SUS316	Việt Nam
5	Bồn pha PAC	Cái	1	Thể tích: 3 m ³ Vật liệu: LLDPE	Việt Nam
6	Thiết bị khuấy pha PAC	Bộ	1	Động cơ: + Tốc độ: 100-150rpm + Điện năng: 1,1 kW, 3ph/380V/50Hz Cánh khuấy và trục: + Vật liệu: SUS304	Motor: Singapore Trục và cánh: Việt Nam

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
7	Bơm định lượng PAC	Cái	2	Loại: Bơm màng Lưu lượng: 155L/h Cột áp: 10 bar Công suất: 0,25kW, 3ph/380V/50Hz Vật liệu: Đầu bơm-PP, Màng-PTFE	Ý
8	Thiết bị trộn tĩnh (cho keo tụ)	Cái	1	Loại: trộn tĩnh trên đường ống Vật liệu: SUS316	Việt Nam
9	Hệ pha A-polymer tự động	Bộ	1	Hệ pha và chứa polymer hoàn chỉnh: + Công suất: 1.000 L/h + Hopper: Vật liệu 304SS – Motor stirrer (0,75kW)*3 cái/bộ + Đầu cấp bột khô: động cơ giảm tốc vô hạn, công suất: 0,18kW + Hệ thống cấp nước: Bao gồm đồng hồ đo áp suất, van điện tử, đồng hồ đo lưu lượng, máy trộn, giá đỡ,... + Bồn chứa dung dịch: Vật liệu 304SS + Tủ điện điều khiển.	Việt Nam/Trung Quốc
10	Bơm định lượng A-polymer	Cái	2	Loại: Bơm màng Lưu lượng: 260L/h Cột áp: 7 bar Công suất: 0,37kW, 3ph/380V/50Hz Vật liệu: Đầu bơm-PP, Màng-PTFE	Ý
11	Thiết bị trộn tĩnh (cho tạo bông)	cái	1	Loại: trộn tĩnh trên đường ống Vật liệu: SUS316	Việt Nam
12	Thiết bị DAF và phụ kiện	Bộ	1	Loại: tuyển nổi siêu nông Lưu lượng: 101 m ³ /giờ Kích thước: D=5,7m; H _{thân} =1.000 mm (phần chứa nước); H _{tổng} =2.800 mm Vật liệu: + Thân: SUS304 + Khung: Thép CT3 phủ epoxy	Việt Nam

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
				Công suất: + Motor đầm chính: 0,75kW, 3ph/380V/50Hz + Motor máng thu bọt: 0,75kW x 2 cái, 3ph/380V/50Hz Bao gồm: tủ điện và bồn tạo áp	
13	Bơm tuần hoàn	Cái	3	Loại: Bơm trục đứng Lưu lượng: 45 m ³ /h Cột áp: 40m Công suất: 7,5kW, 3ph/380V/50Hz	Ý
14	Biến tần cho bơm tuần hoàn	Cái	3	Điện năng: 7,5kW, 3ph/380V/50Hz	EU G7/Châu Á
15	Máy nén khí	Cái	1	Công suất: 2HP, 1ph/220V/50Hz	Việt Nam
VI	BỂ UASB				
1	Van điện dòng ra	Cái	1	Loại: van điện, tuyến tính Đường kính: DN200	Thụy Sĩ
2	Thiết bị đo lưu lượng dòng ra	Bộ	1	Loại: điện từ, hiển thị lưu lượng tức thời và lưu lượng tổng Đường kính: DN200	EU/G7
3	Thiết bị đốt khí biogas	Bộ	1	Loại: tự động đốt theo áp suất Công suất: 217 m ³ /h	Việt Nam
4	Bơm bùn	cái	1	Loại: Bơm trục vít Lưu lượng: 2 - 4 m ³ /h Cột áp: 2 bar Công suất: 1,5kW, 3ph/380V/50Hz	Ấn Độ
VII	BỂ Anoxic				
1	Máy khuấy chìm	Cái	2	Loại: Máy khuấy chìm Công suất: 3,2Kw, 3ph/380V/50Hz Cấp bảo vệ: IP68 Vật liệu: Cánh-SS, Motor-Thép, Trục-SS	Ý
2	Thanh trượt máy khuấy chìm	Cái	2	Vật liệu: SUS304	Việt Nam
VIII	BỂ sinh học hiếu khí				
1	Máy thổi khí	Cái	2	Loại: root	Đầu thổi khí:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
				Lưu lượng: 33Nm ³ /phút Cột áp: 5,5mH ₂ O Công suất: 45kW, 3ph/380V/50Hz Bao gồm: ống giảm thanh đầu ra	Nhật Bản Motor: Thái Lan
2	Biến tần máy thổi khí	Cái	2	Điện năng: 45kW, 3ph/380V/50Hz	EU G7/Châu Á
3	Đĩa khí	Cái	300	Loại: đĩa phân phối bột khí mịn Lưu lượng: 3-12 m ³ /giờ Kích thước đĩa: 12” Vật liệu màng: EPDM	EU/G7
4	Thiết bị đo DO	Bộ	1	Loại: đo và kiểm soát DO Khoảng đo: 0-20 Bao gồm: 01 transmitter và 01 sensor DO	Bỉ
5	Bơm nước thải tuần hoàn	Cái	3	Loại: bơm chìm Lưu lượng: 150 m ³ /hr Cột áp: 7m Điện năng: 5,5kW, 3ph/380V/50Hz Bao gồm: khớp nối nhanh (Việt Nam)	Nhật Bản
IX Bể lắng sinh học					
1	Thiết bị gạt bùn	Bộ	1	Motor: + Tốc độ: 0,1-0,2rpm + Điện năng: 0,37kW, 3ph/380V/50Hz Dàn gạt: SUS304, cao su	Motor: Singapore Trục và cánh: Việt Nam
2	Ống trung tâm, máng răng cưa, tấm chắn bọt	Bộ	1	Vật liệu: SUS304	Việt Nam
X Ngăn chứa bùn sinh học					
1	Bơm bùn tuần hoàn	Cái	2	Loại: bơm chìm Lưu lượng: 100 m ³ /hr Cột áp: 8m Điện năng: 5,5kW, 3ph/380V/50Hz Bao gồm: khớp nối nhanh (Việt Nam)	Nhật Bản

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
2	Van điện xả bùn dư	Cái	1	Loại: van điện, on-off Đường kính: DN100	Thụy Sĩ
XI	Bể khử trùng				
1	Bồn chứa Javel	Bồn	1	Thể tích: 3 m ³ Vật liệu: LLDPE	Việt Nam
2	Bơm định lượng Javel	Cái	2	Loại: Bơm màng Lưu lượng: 23L/h Cột áp: 12 bar Công suất: 0,25kW, 3ph/380V/50Hz Vật liệu: Đầu bơm-PP, Màng-PTFE	Ý
XII	Bể nén bùn				
1	Thiết bị gạt bùn	Bộ	1	Motor: + Tốc độ: 0,1-0,2rpm + Điện năng: 0,37kW, 3ph/380V/50Hz Dàn gạt: SUS304, cao su	Motor: Singapore Trục và cánh: Việt Nam
2	Ống trung tâm	Bộ	1	Vật liệu: SUS304	Việt Nam
3	Bơm bùn	Cái	1	Loại: Bơm trục vít Lưu lượng: 8-10 m ³ /h Cột áp: 2 bar Công suất: 2,2kW, 3ph/380V/50Hz	Ấn Độ
XIII	Hệ xử lý bùn				
1	Máy ép bùn	Bộ	1	Loại: trục vít đa đĩa Công suất: 3-5 m ³ /h Motor trục: 2,2Kw, 3ph/380V/50Hz Motor khuấy trộn bùn, polymer: 0,75Kw, 3ph/380V/50Hz Vật liệu máy: 304SS Bao gồm: tủ điện điều khiển	Việt Nam
2	Hệ pha C-polymer tự động	Bộ	1	Hệ pha và chứa polymer hoàn chỉnh: + Công suất: 2.000 L/hr + Hopper: Vật liệu 304SS – Motor stirrer (0,75kW)*3 cái/bộ	Trung Quốc/Việt Nam

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
				+ Đầu cấp bột khô: động cơ giảm tốc vô hạn, công suất: 0,18kW + Hệ thống cấp nước: Bao gồm đồng hồ đo áp suất, van điện từ, đồng hồ đo lưu lượng, máy trộn, giá đỡ,... + Bồn chứa dung dịch: Vật liệu 304SS + Tủ điện điều khiển.	
3	Bơm định lượng C-polymer	Cái	3	Loại: Bơm màng Lưu lượng: 520L/h Cột áp: 5 bar Công suất: 0,37kW, 3ph/380V/50Hz Vật liệu: Đầu bơm-PP, Màng-PTFE	Ý
4	Thùng chứa bùn	Cái	2	Vật liệu: SUS304, có bánh xe Thể tích: 6m ³	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

- + Công suất thiết kế HTXL NT: 4.850 m³/ngày.đêm (Giai đoạn 1: HTXL nước thải hoạt động với công suất 2.425 m³/ngày.đêm).
- + Hóa chất sử dụng: PAC, NaOH (32%), Na₂CO₃ (99%), A- Polymer, B-Polymer, Javel (10%)
- Quy trình xử lý nước tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày.đêm:
Nước thải sau HTXL 4.850 m³/ngày.đêm (Giai đoạn 1: HTXL nước thải hoạt động với công suất 2.425 m³/ngày.đêm) → Bể chứa nước → Lọc 50μm → Lọc 5μm → Hệ UF → Bồn chứa nước → Tái sử dụng.

Thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị đi kèm của hệ thống xử lý nước thải nước tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày.đêm:

Bảng 4.2. Danh mục máy móc thiết bị của HTXL nước tái sử dụng của Nhà máy

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số Kỹ thuật	Xuất Xứ
I	BỂ CHỨA NƯỚC				
1	Bơm cấp nước	Cái	4	Loại: Bơm ly tâm Lưu lượng: 33 m ³ /h Cột áp: 35m Động cơ: Siemens Công suất: 5,5 kW,	EU/G7

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số Kỹ thuật	Xuất Xứ
				3ph/380v/50Hz	
2	Biến tần cho bơm cấp nước	Cái	4	Công suất: 5,5 kW, 3ph/380v/50Hz	Châu Á
3	Thiết bị đo mức	Cái	3	Loại: phao dây báo mức nước	Ý
II	HỆ TÁI SỬ DỤNG				
1	Lọc tinh 50 um	Bộ	2	Loại: Lõi lọc micro Bao gồm: 1 lõi lọc dự phòng	Lõi lọc: Mỹ Vỏ: Việt Nam
2	Lọc tinh 5 um	Bộ	2	Loại: Lõi lọc micro Bao gồm: 1 lõi lọc dự phòng	Lõi lọc: Mỹ Vỏ: Việt Nam
3	Hệ thống lọc UF	Bộ	2	Màng UF (KOCH-Mỹ): - Vật liệu màng: PVDF - Kích thước màng: 220mm (OD) x 2.060mm (L) - Số lượng: 07 màng - Kích thước lỗ màng: 0,03 µm Vỏ vật liệu: SUS304	Màng lọc: Mỹ Vỏ: Việt Nam
4	Van điều khiển cho van cấp nước	Cái	2	Loại: Điều khiển ON-OFF, van bướm điều khiển khí nén - Van bướm: Kitz/ Châu Á - Solenoid – lò xo 220V: Pneumax/Ý - Hộp công tắc: Antomal Hàn Quốc Đường kính: DN65	Châu Á
5	Van điều khiển cho dòng sau xử lý	Cái	2	Loại: Điều khiển ON-OFF, van bướm điều khiển khí nén - Van bướm: Kitz/ Châu Á - Solenoid – lò xo 220V: Pneumax Ý - Hộp công tắc: Antoma/ Hàn Quốc Đường kính: DN65	Châu Á
6	Bơm rửa ngược	Cái	2	Loại: Bơm ly tâm Lưu lượng: 30 m ³ /h Cột áp: 10,5m Động cơ: Siemens Công suất: 2,2 kW,	EU/G7

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số Kỹ thuật	Xuất Xứ
				3ph/380V/50 Hz	
7	Biến tần cho bơm rửa ngược	Cái	2	Công suất: 2,2 kW, 3ph/380V/50Hz	Châu Á
8	Van điều khiển cho bơm rửa ngược	Cái	2	Loại: Điều khiển ON-OFF, van bướm điều khiển khí nén - Van bướm: Kitz/ Châu Á - Solenoid – lò xo 220V: Pneumax/Ý - Hộp công tắc: Antomal Hàn Quốc Đường kính: DN65	Châu Á
9	Van điều khiển cho van xả đáy	Cái	2	Loại: Điều khiển ON-OFF, van bướm điều khiển khí nén - Van bướm: Kitz/ Châu Á - Solenoid – lò xo 220V: Pneumax Ý - Hộp công tắc: Antomal Hàn Quốc Đường kính: DN65	Châu Á
10	Bơm CIP	Cái	2	Loại: Bơm ly tâm Lưu lượng: 28 m ³ /h Cột áp: 13,5m Động cơ: Siemens Công suất: 2,2 kW, 3ph/380v/50Hz	Châu Á
11	Biến tần cho bơm CIP	Cái	2	Công suất: 2,2 kW, 3ph/380V/50Hz	Châu Á
12	Van điều khiển cho CIP	Cái	2	Loại: Điều khiển ON-OFF, van bướm điều khiển khí nén - Van bướm: Kitz/Châu Á - Solenoid – lò xo 220V: Pneumax/Ý - Hộp công tắc: Antomal Hàn Quốc Đường kính: DN65	Châu Á
13	Van điều khiển cho xả hơi/cặn	Cái	2	Loại: Điều khiển ON-OFF, van bướm điều khiển khí nén - Van bướm: Kitz/Châu Á - Solenoid – lò xo 220V:	Châu Á

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số Kỹ thuật	Xuất Xứ
				Pneumax/Ý - Hộp công tắc: Antoma/ Hàn Quốc Đường kính: DN65	
14	Van điều khiển cho CIP	Cái	2	Loại: Điều khiển ON-OFF, van bướm điều khiển khí nén - Van bướm: Kitz Châu Á - Solenoid – lò xo 220V: Pneumax/Ý - Hộp công tắc: Antoma/ Hàn Quốc Đường kính: DN65	Châu Á
15	Máy thổi khí	Cái	4	Loại: rool Lưu lượng: 2,77 m ³ /min Cột áp: 30 kPa Công suất: 2,2, kW, 3ph/380V/50Hz	Đầu thổi khí: Nhật Motor: Thái Lan
16	Van điều khiển cho đường khí	Cái	2	Loại: Điều khiển ON-OFF, van bướm điều khiển khí nén - Van bướm: Kitz Châu Á - Solenoid – lò xo 220V: Pneumax Ý - Hộp công tắc: Antomal Hàn Quốc Đường kính: DN65	Châu Á
17	Đồng hồ đo lưu lượng đầu vào	Cái	2	Type: Đo lưu lượng dạng điện từ, thể hiện lưu lượng tức thời và tổng lưu lượng (compact) Đường kính: DN65	EU/G7
18	Đồng hồ đo lưu lượng đầu ra	Cái	2	Type: Đo lưu lượng dạng điện từ, thể hiện lưu lượng tức thời và tổng lưu lượng (compact) Đường kính: DN65	EU/G7
19	pH sensor	Cái	2	Loại: Đo và kiểm soát pH Khoảng đo: 0-14 pH	EU/G7
20	TSS sensor	Cái	2	Loại: Đo và kiểm soát TSS Khoảng đo: 0 - 4.000 mg/l	EU/G7
21	Đầu dò áp	Cái	4	Khoảng đo: 0 – 3,5 kg/cm ²	Hàn Quốc

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số Kỹ thuật	Xuất Xứ
	suất				
22	Đồng hồ đo áp	Cái	4	Khoảng đo: 0 – 3 kg/cm ²	Việt Nam/Châu Á
23	Thiết bị trộn tñnh	Cái	2	Vật liệu: SUS304	Việt Nam
24	Máy nén khí	Cái	1	Loại: piston Công suất: 1,0 HP, 1 pha, 220V/50Hz	Việt Nam
III HỆ THỐNG TÁI SỬ DỤNG NƯỚC					
1	Công tắc mức nước	Cái	6	Loại: Phao nổi	Ý
2	Bồn chứa nước sau xử lý	Cái	2	Thể tích: 20.000 Lít Vật liệu: SUS304	Việt Nam
IV HỆ THỐNG HÓA CHẤT					
1	Bồn chứa acid citric	Cái	1	Thể tích: 500 lít Vật liệu: LLDPE	Việt Nam
2	Máy khuấy bồn chứa acid citric	Cái	1	Động cơ giảm tốc Tốc độ: 100-150rpm Công suất: 0,37 kW/380V/50Hz Cánh khuấy và trục (Việt Nam): SUS304	Motor: Singapore Trục và cánh khuấy: Việt Nam
3	Bồn chứa Javel	Cái	1	Thể tích: 500 lít Vật liệu: LLDPE	Việt Nam
4	Bơm định lượng Javel (rửa định kỳ MC)	Cái	2	Loại: Bơm màng Lưu lượng: 50 lit/h Cột áp: 10 bar Công suất: 0,25 W, 3ph/380V/50Hz	Ý
5	Bơm định lượng acid citric (rửa định kỳ MC)	Bộ	1	Loại: Bơm màng Lưu lượng: 260 lit/h Cột áp: 7 bar Công suất: 0,37 W, 3ph/380V/50Hz	Ý
6	Bơm định lượng acid citric (rửa phục hồi RC)	Bộ	1	Loại: Bơm màng Lưu lượng: 260 lit/h Cột áp: 7 bar	Ý

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số Kỹ thuật	Xuất Xứ
				Công suất: 0,37 W, 3ph/380V/50Hz Gồm 4 thiết bị (2 hoạt động, 2 dự phòng)	
7	Bơm định lượng Javel (rửa phục hồi RC)	Bộ	1	Loại: Bơm màng Lưu lượng: 155 lit/h Cột áp: 7 bar Công suất: 0,37 W, 3ph/380V/50Hz Gồm 2 thiết bị	Ý
V	HẠNG MỤC PHỤ TRỢ				
1	Hệ thống chiếu sáng (trong nhà)	Bộ	1	Led lamp 20 W, Paragon/Duhal/Rạng Đông	Việt Nam
2	Bình chữa cháy	Bộ	1	Dạng khí CO ₂ : 5 kg (01 bình) Dạng bột: 8 kg (01 bình) Bao gồm kệ đặt bình và bảng tiêu lệnh	Châu Á
VI	HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG				
1	Tủ điện	Bộ	1	Hệ thống điều khiển PLC: Siemens Thiết bị đóng – cắt: Schneider/Mitsubishi Đèn, công tắc, nút nhấn: Idec Rơ le bảo vệ: Mikro Vỏ: sơn tĩnh điện (Việt Nam) Phụ kiện: Việt Nam, Châu Á	Siemens-EU/G7/ASIA Scheider-AsiaMitsubishi - AsiaOmron-Asialdec-Asia
2	Kết nối tín hiệu tới SCADA của WWTP	Hệ	1	Cáp tín hiệu Chương trình SCADA	KEI/Việt Nam
VII	HỆ THỐNG ỐNG/MÁNG – CÁP ĐIỆN				
1	Tray cáp, hệ thống ống bảo vệ	Hệ	1	Máng cáp: Thép mạ kẽm nhúng nóng	Việt Nam
2	Hệ thống cáp	Hệ	1	Vật liệu: Cu/PVC Cáp động lực: CVV, Cadivi Cáp tín hiệu: DVV, Cadivi	Việt Nam
3	Isolator	Hệ	1	Isolator: 3P – 400V	Việt Nam/Châu Á

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số Kỹ thuật	Xuất Xứ
	switch			Vật liệu: SUS304	
VII HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG					
1	Ống dẫn nước thải/Bùn/Khí	Hệ	1	Trên bề mặt nước/Mặt đất/Lối đi: SUS304, độ dày 1,5 – 3,0mm Dưới nước/Mặt đất/Lối đi: uPVC, PN6-8	Việt Nam/Châu Á
2	Ống hóa chất	Hệ	1	Loại: uPVC, 8-9 bar	Việt Nam/Châu Á
3	Hệ thống van và phụ kiện	Hệ	1	Phù hợp với hệ thống đường ống Chất liệu van bướm: - Thân: Gang - Đĩa: Thép không gỉ	Việt Nam/Hàn Quốc/Châu Á

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

- + Công suất thiết kế HTXL NT: 1.000 m³/ ngày.đêm
- + Hóa chất sử dụng: Axit citric 98%, Javel (Rửa lọc).

1.1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời trong các bể của hệ thống xử lý nước thải trong thời gian khắc phục sự cố. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, Công ty phải báo ngay với cơ quan có chức năng để kịp thời xử lý và dừng các công đoạn phát sinh nước thải để khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong nước thải sẽ được bơm từ các bể lưu chứa lên bể điều hoà rồi tiếp tục xử lý theo quy trình công nghệ xử lý của hệ thống.
- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý. Thường xuyên kiểm tra đường ống, công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.
- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

1.1.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nổi, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng KCN Minh Hưng - Sikico, không xả thải trực tiếp ra môi trường.
- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.
- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải, bao gồm các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục sự cố.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.
- Tuân thủ các quy định đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

Khí thải lò hơi 4 tấn/giờ.

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.2.1. Vị trí xả khí thải

Vị trí xả thải và lưu lượng xả khí thải lớn nhất đối với từng nguồn thải được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4.3. Vị trí xả thải và lưu lượng xả khí thải lớn nhất

TT	Vị trí	Tọa độ VN-2000: Kinh tuyến trục Bình Phước: 106°15', múi chiều 3 ⁰		Lưu lượng xả thải lớn nhất
		X (m)	Y (m)	
1	Tại ống thoát hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ	1271633	533453	12.000 m ³ /giờ

Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục theo thời gian hoạt động dự án.

2.2.2. Các chất ô nhiễm và giá trị tối hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với khí thải, cụ thể như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

Bảng 4.4. Các chất ô nhiễm trong khí thải sau HTXL khí thải lò hơi và giá trị giới hạn

TT	Vị trí	Chất ô nhiễm	QCVN 19:2009/ BTNMT - Cột B
1	Tại ống thoát hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ	Lưu lượng	-
		Bụi	200
		SO ₂	500
		NO _x	850
		CO	1.000

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

2.3.1. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ :

+ Quy trình công nghệ: Khí thải → Khử bụi thô (Cyclone tổ hợp) → Khử bụi tinh (lọc bụi túi vải) → Quạt hút → Khí thải thoát ra môi trường qua 01 ống thải (D500, chiều cao 18m).

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ như sau:

Bảng 4.5. Thông số kỹ thuật các hạng mục của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Cyclon tổ hợp	Kích thước D x R x C = 1.806mm x 1.760mm x 4.407mm Gồm 16 đơn Clyclone Ø376/Ø114 x 1.643mm Chụp hút: Ø1500/Ø600 x 2.425mm x 725mm Đường ống dẫn: D x L = 400 (500) x 1.500mm Vật liệu: Thép tấm SS400	1 cái
2	Quạt hút	Công suất: 15kW/380V/3 phase/50Hz Lưu lượng: 12.000 m ³ /giờ Áp suất: 3.000 Pa Vật liệu: Thép	1 bộ
3	Bộ lọc bụi túi vải	Kích thước D x R x C = 3.207mm x 2.104mm x 7.149mm Vật liệu: Thép tấm	1 bộ
3.1	Túi lọc bụi	Vật liệu: Vải PPS (Ryton), miệng túi vòng thép đàn hồi Kích thước: D x H = 165mm x 2.500mm Độ dày: 1,8 mm	135 túi
3.2	Van rũ bụi	Xuất xứ: SBFEC – Trung Quốc Liên doanh Gore-USA Kiểu nối: nối ren trong Kiểu màng: đôi(2 màng van) Áp làm việc: Max 8 bar	15 cái

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
3.3	Khung túi lọc	Kích thước: $D \times H = 150\text{mm} \times 3.970\text{mm}$ Vật liệu: Thép mạ kẽm	135 khung
4	Ống khói	Xuất xứ: Đài Loan Kích thước: $D \times H = 0,5\text{m} \times 18\text{m}$ (chiều cao ống thoát tính từ mặt đất lên tới đỉnh ống khói) Vật liệu: Thép tấm SS400	1 bộ
5	Kênh dẫn khói từ quạt hút vào ống khói	Kích thước: $D \times L = 500 (252)\text{mm} \times 750\text{mm}$ Vật liệu: Thép tấm SS400	1 bộ

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

+ Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.

2.3.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.
- Kiểm tra thường xuyên túi vải nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của HTXL.
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:
 - + Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.
 - + Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.
 - + Ngưng hoạt động nếu hệ thống xử lý không có khả năng bụi và khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép. Trong trường hợp này, nhà máy phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất, tạm ngừng sản xuất các dây chuyền phát sinh. Đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến HTXL. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng khí thải đầu ra sau HTXL mới tiến hành sản xuất bình thường.

2.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

- Thực hiện vận hành hệ thống xử lý khí thải đảm bảo chất lượng khí thải ra ngoài môi trường đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.
- Tuân thủ các quy định đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn:

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01 : từ khu vực hệ thống xử lý nước thải;
- Nguồn số 02: từ khu vực máy nén khí;
- Nguồn số 03: từ khu vực lò hơi 4 tấn/giờ (nhà lò hơi)
- Nguồn số 04 : từ máy phát điện (nhà máy phát điện).

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Công ty được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4.6. Vị trí của các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

TT	Vị trí	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực Bình Phước: 106°15', múi chiều 3 ⁰)	
			X(m)	Y(m)
1	HTXL NƯỚC THẢI	HTXL nước thải	1271714	533302
2	PHÒNG MÁY NÉN KHÍ	Máy nén khí	1271566	533494
3	NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN	Máy phát điện	1271614	533469
4	NHÀ LÒ HƠI	HTXL khí thải lò hơi 4 tấn/giờ	1271631	533448

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.3.1. Tiếng ồn

Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn được trình bày trong bảng sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

Bảng 4.7. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Tất cả các điểm ngoài sát hàng rào nhà máy (khu vực thông thường)

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.3.2. Độ rung

Giới hạn tối đa cho phép về độ rung được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.8. Giới hạn tối đa cho phép về độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Tất cả các điểm ngoài sát hàng rào nhà máy (khu vực thông thường)

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất. Thông thường, chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4-6 tháng/lần, các thiết bị cũ là 3 tháng/lần.
- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn
- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn;
- Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn;

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định.
- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.
- Tuân thủ các quy định đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của Dự án đầu tư được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 5.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	HTXL khí thải lò hơi 4 tấn/giờ	01/2023	03/2023	12.000 m ³ /giờ
2	HTXL nước thải công suất 4.850 m ³ /ngày.đêm (Giai đoạn 1 hoạt động 50% công suất 2.425 m ³ /ngày.đêm)	01/2023	03/2023	2.425 m ³ /ngày đêm
3	HTXL nước tái sử dụng công suất 1.000 m ³ /ngày.đêm	01/2023	03/2023	1.000 m ³ /ngày đêm

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải của công trình trước khi thải ra môi trường.

a. Khí thải

Căn cứ Khoản 5, Điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT Công ty thuộc đối tượng thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý khí thải.

Thời gian dự kiến lấy mẫu khí thải: 20/02/2023 – 22/02/2023.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (với K_p = 1 và K_v = 1), QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu khí thải trước khi thải ra môi trường được trình bày như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

Bảng 5.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu khí thải trước khi thải ra môi trường

STT	Tên mẫu, vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Số lần lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Khí thải sau ống thoát hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ	Lưu lượng, bụi, CO, SO ₂ , NO _x	3	- 20/02/2023 - 21/02/2023 - 22/02/2023

b. Nước thải

Căn cứ Khoản 5, Điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Công ty thuộc đối tượng thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

Thời gian dự kiến lấy mẫu khí thải: 20/02/2023 – 22/02/2023.

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải trước khi thải ra môi trường được trình bày như sau:

Bảng 5.3. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải trước khi thải ra môi trường

STT	Tên mẫu, vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Quy chuẩn so sánh	Số lần lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Nước thải tại hố ga đầu nổi nước thải vào KCN	Lưu lượng, pH, COD, BOD ₅ , chất rắn lơ lửng, Tổng N, Tổng P, Sunfua, Amoni, dầu mỡ động thực vật, Coliform	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng – Sikico (QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột B)	3	- 20/02/2023 - 21/02/2023 - 22/02/2023
2	Nước thải tại bể chứa sau HTXL nước tái sử dụng của Nhà máy	Amoni, Coliform Lưu lượng, pH, COD, BOD ₅ , chất rắn lơ lửng, Tổng N, Tổng P, Sunfua, dầu mỡ động thực vật	QCVN 02:2009/ BYT QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A	3	- 20/02/2023 - 21/02/2023 - 22/02/2023

❖ Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

- Tên công ty: Công ty CP đầu tư phát triển môi trường Đại Việt (DVE).
- Đại diện: Bà Phan Thanh Quý - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Địa chỉ liên lạc: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P.Thạnh Lộc, Q.12, TP.HCM.

- Điện thoại: 028.37010199 - Fax: 028.37010198.

- Email: daiviet@dve.vn.

 Điều kiện năng lực: (hồ sơ đính kèm phụ lục)

- Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với mã số chứng nhận VIMCERTS 066 kèm theo quyết định số 386/QĐ-BTNMT cấp ngày 04 tháng 03 năm 2021 về việc đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.
- Chứng nhận VILAS số hiệu VILAS 718 của Bộ Khoa học và công nghệ - Văn phòng công nhận chất lượng kèm theo quyết định số 660.2020/QĐ-VPCNCL ngày 11 tháng 08 năm 2020 về việc công nhận phòng thí nghiệm phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Giám sát khí thải

Căn cứ tại khoản 2, điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý khí thải của Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ. Tuy nhiên, để đảm bảo công tác quản lý môi trường chặt chẽ, Công ty sẽ đề xuất chương trình giám sát khí thải tại Nhà máy như sau:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí sau ống thoát hệ thống xử lý khí thải lò hơi 4 tấn/giờ.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi, CO, SO₂, NO_x.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, k_p=1, k_v=1.

b. Giám sát nước thải

Căn cứ tại khoản 2, điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý nước thải của Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ. Tuy nhiên, để đảm bảo công tác quản lý môi trường chặt chẽ, Công ty sẽ đề xuất chương trình giám sát nước thải tại Nhà máy như sau:

- ❖ *Giám sát HTXL nước thải công suất 4.850 m³/ngày.đêm (Giai đoạn 1 hoạt động với công suất xử lý 2.425 m³/ngày.đêm)*
- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hồ ga thoát nước thải trước khi đầu nối với KCN.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng, Tổng N, Tổng P, Sunfua, Amoni, dầu mỡ động thực vật, Coliform.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng – Sikico (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B).
- ❖ *Giám sát HTXL nước tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày*

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại bể chứa nước sau xử lý.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng, Tổng N, Tổng P, Sunfua, Amoni, dầu mỡ động thực vật, Coliform.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + Amoni, Coliform: QCVN 02:2009/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sinh hoạt.
 - + Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng, Tổng N, Tổng P, Sunfua, dầu mỡ động thực vật: QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

d. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

e. Giám sát chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải công nghiệp không nguy hại.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

f. Giám sát chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Về chất thải, Công ty sẽ tiếp tục ký kết hợp đồng với các đơn vị chức năng để chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại xử lý theo đúng quy định hiện hành.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ tại khoản 2, điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý nước thải của Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

Căn cứ tại khoản 2, điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý khí thải của Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục.

Vì vậy, Dự án không thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Bảng 5.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

TT	Nội dung	Đơn vị	Chi phí
1	Quan trắc khí thải	triệu đồng/năm	2
2	Quan trắc nước thải	triệu đồng/năm	8
3	Giám sát chất thải rắn sinh hoạt	triệu đồng/năm	0,8
4	Giám sát chất thải rắn công nghiệp không nguy hại	triệu đồng/năm	0,8
5	Giám sát chất thải nguy hại	triệu đồng/năm	0,8
Tổng cộng		Triệu đồng	12,4

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

CHƯƠNG VI

CAM KẾT CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ

4.1. Các cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Nội dung của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm” được thực hiện theo tình hình thực tế của Dự án. Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

4.2. Cam kết về việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam cam kết dự án sẽ xử lý môi trường đạt QCVN quy định về không khí, nước thải không ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng cũng như các hoạt động kinh tế - xã hội khác trong khu vực lân cận.

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam cam kết các nguồn gây ô nhiễm từ Dự án được phát hiện kịp thời, giám sát thường xuyên không để các nguồn này ảnh hưởng đến con người và môi trường xung quanh.

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam cam kết trường hợp các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường mà Công ty đã đề xuất không đảm bảo tiếp nhận, xử lý các chất thải phát sinh của quy trình sản xuất thì Công ty sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để cải tạo các công trình và thay đổi các phương pháp quản lý cho phù hợp.

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam cam kết các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất trong giấy phép này đảm bảo xử lý các chất thải phát sinh từ dự án đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam nếu dự án có bất kỳ vi phạm nào về việc bảo vệ môi trường.

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam cam kết các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất trong giấy phép này đảm bảo xử lý các chất thải phát sinh từ dự án đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do triển khai dự án.

Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm; 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm – Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm”

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Văn bản pháp lý
- Bản vẽ



JAPFA

GIẤY ỦY QUYỀN
(Số 03/2022/JCV-GA)



được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực kể từ ngày năm 2017;

Bộ luật Lao động được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020;

- Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020;

- Điều lệ hiện hành của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam ("Công Ty") và các văn bản sửa đổi điều lệ;

- Căn cứ Sơ Đồ Tổ Chức Nội Bộ hiện hành và Bảng Phân Quyền Nội bộ của Công ty áp dụng đối với bộ phận Hành Chính Nhân Sự,



Hôm nay, ngày ...03... tháng ...02... năm 2022, chúng tôi gồm có:

1. BÊN ỦY QUYỀN

Họ và tên : **HOÀNG PHAN TÂN**
Ngày tháng năm sinh : 12/06/1946
Địa chỉ cư trú : Số 15, Phố Hàng Bè, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Căn cước công dân số : 024046002792 cấp bởi Cục cảnh sát quản lý hành chính trật tự xã hội ngày 02/05/2021.

Là đại diện theo pháp luật của Công Ty.

(Sau đây gọi là "**Bên Ủy Quyền**");

Và

2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Họ và tên : **PHAN THANH LỊCH**
Ngày tháng năm sinh : 24/12/1987
Địa chỉ cư trú : Khu phố 2, Thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An
Chức vụ : Giám đốc Hành chính - Khu vực miền Nam.
Chứng minh nhân dân số : 301619952 do Công an tỉnh Long An cấp ngày 20/02/2013
(Sau đây gọi là "**Bên Được Ủy Quyền**")



(Signature)

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

3.1. Trong phạm vi Giấy ủy quyền này, Bên Được Ủy Quyền sẽ được quyền thay mặt Bên Ủy Quyền thực hiện các công việc sau đây:

- (a) Làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký, sửa đổi, bổ sung các giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận của Công Ty và các chi nhánh, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện của Công Ty, bao gồm nhưng không giới hạn: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh; giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế phòng cháy, chữa cháy; giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và các giấy phép, giấy chứng nhận khác cần thiết theo quy định của pháp luật tại khu vực miền Nam (từ thành phố Đà Nẵng đến hết các tỉnh miền Nam).
- (b) Làm việc với các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chính quyền địa phương, tổ chức/cá nhân khác để giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động, hình ảnh và người lao động của Công Ty, các đơn vị/chi nhánh trực thuộc Công Ty tại khu vực miền Nam (từ thành phố Đà Nẵng đến hết các tỉnh miền Nam).
- (c) Làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động môi trường, phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động của Công Ty, bao gồm nhưng không giới hạn: Báo cáo đánh giá tác động môi trường; đề án bảo vệ môi trường; báo cáo giám sát môi trường; báo cáo quản lý và chuyển giao chất thải nguy hại; báo cáo tình hình khai thác nước dưới đất; kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường; báo cáo an toàn vệ sinh lao động, kế hoạch phân bổ bảo hộ lao động, kiểm tra an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy. Đồng thời, tiến hành liên hệ, làm việc, tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra, tham gia các cuộc họp theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và ký các giấy tờ có liên quan cho mục đích thanh tra, kiểm tra, thảo luận đối với các vấn đề nêu trên tại khu vực miền Nam (từ thành phố Đà Nẵng đến hết các tỉnh miền Nam).
- (d) Làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chính quyền địa phương và các bên có liên quan để thực hiện các thủ tục hành chính cần thiết theo quy định của pháp luật, cũng như giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc sử dụng người lao động nước ngoài làm việc tại Công Ty và các đơn vị/chi nhánh trực thuộc Công Ty tại khu vực miền Nam (từ thành phố Đà Nẵng đến hết các tỉnh miền Nam).
- (e) Thực hiện tất cả các hành động, hành vi, giải quyết và những công việc liên quan đến việc thực hiện các quyền trên hoặc Bên Được Ủy Quyền nhận thấy là cần thiết hoặc có lợi ích cho Công ty.

3.2. Thời hạn của Giấy ủy quyền

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày **01 tháng 02 năm 2022** đến ngày **31 tháng 12 năm 2022**, trừ khi Giấy ủy quyền này bị hủy bỏ sớm hơn bởi một trong các sự kiện sau: (i) Bên



Ủy Quyền chấm dứt Giấy Ủy Quyền này bằng văn bản; (ii) Bên Được Ủy Quyền từ bỏ chức vụ của mình; hoặc (iii) Bên Được Ủy Quyền bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

3.3. *Bên Được Ủy Quyền sẽ không được ủy quyền lại cho bất kỳ người nào khác.*

3.4. Bên Ủy Quyền cam kết rằng, trong thời hạn ủy quyền, Bên Ủy Quyền sẽ chấp nhận và xác nhận mọi hành vi được Bên Được Ủy Quyền tiến hành một cách hợp pháp trong phạm vi quyền hạn mà Bên Được Ủy Quyền được trao tại văn bản này.

4. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

4.1. Hai bên cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về mọi thông tin của Giấy ủy quyền ở trên.

4.2. Mọi tranh chấp phát sinh giữa Bên Ủy Quyền và Bên Được Ủy Quyền sẽ do hai bên tự giải quyết.

4.3. Giấy ủy quyền này sẽ được điều chỉnh và được giải thích theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4.4. Giấy ủy quyền này được lập thành 03 (ba) bản gốc, trong đó 01 (một) bản gốc sẽ được lưu tại Công ty và 02 (hai) bản gốc còn lại sẽ được giao cho Bên Ủy Quyền và Bên Được Ủy Quyền.



Hoàng Phan Tấn
Chủ tịch Hội đồng thành viên/
Đại diện theo pháp luật

Bên Được Ủy Quyền

Phan Thanh Lịch
Giám đốc Hành chính – Khu vực miền Nam



POWER OF ATTORNEY

(No. 03/2022/JCV-GA)

Pursuant to:

- The Civil Code passed by the National Assembly on 24 November 2015 and was effective from 01 January 2017;
- The Labour Code passed by the National Assembly on 20 November 2019 and was effective from 01 January 2020;
- The Law on Enterprise passed by the National Assembly on 17 June 2020 and was effective from 01 January 2020;
- The current Charter of Japfa Comfeed Vietnam Limited Company (the “Company”) and its amendment;
- The current Internal Organizational Structures and current General Affairs Authority Matrix, Today, ... 03 March 2022, we include:

1. PRINCIPAL

Full name : **HOANG PHAN TAN**
Date of birth : 12 June 1946
Residential Address : No. 15, Hang Be Town, Hang Bac Ward, Hoan Kiem district, Ha Noi city.
Title : Chairman of the Members' Council
ID No. : 024046002792 issued by The police department for administrative management of social order dated 2 May 2021

Being the legal representative of Company.

(Hereinafter referred to as “Principal”);

And,

2. AUTHORIZED PERSON

Full name : **PHAN THANH LICH**
Date of birth : 24 December 1987
Residential Address : Group 2, Thach Hoa Tower, Thach Hoa District, Long An Province.
Title : GA Manager – South Area.
ID No : 301619952 issued by Police of Long An province dated on 20 February 2013

(Hereinafter referred to as “Authorized Person”)

3. SCOPE OF AUTHORIZATION

3.1. Within the scope of this Power of Attorney, the Authorized Person is hereby authorized to perform the followings for and on behalf of the Principal:

- (a) Working with competent state agencies to carry out administrative procedures related to the registration, modification and supplementation of operating licenses and certificates of



the Company and branches, business location, representative office of the Company, including but not limited to: Investment registration certificate; enterprise registration certificate; branch operation certificate; certificate of business location registration; Certificate of land use right and ownership of residential house and other assets onland; wastewater discharge permit; permit for underground water exploitation; certificate of fire safety design appraisal; certificates of satisfaction of food safety conditions and other necessary permits and certificates as prescribed by law at South (from Da Nang city to entire Southern provinces).

- (b) Working with competent state agencies, local authorities, other organizations/individuals to resolve issues related to the Company operations, image and employees, branches/units under the Company at South (from Da Nang city to entire Southern provinces).
- (c) Working with competent state agencies to carry out administrative procedures as prescribed by law related to the Company's environmental activities, fire prevention and safety, including but not limited to: Environmental impact assessment report; environmental protection schemes; environmental monitoring report; hazardous waste management and transfer reports; report on the situation of underground water exploitation; declare and pay environmental protection fees; report on occupational safety and health, plan on allocation of labor protection, inspection of occupational safety and fire prevention. At the same time, contact, work, meet the inspection and inspection delegations, attend meetings at the request of competent state agencies and sign relevant documents for inspection purposes, examine and discuss the above issues at South (from Da Nang city to entire Southern provinces).
- (d) Working with competent state agencies, local authorities and relevant parties to carry out necessary administrative procedures in accordance with the law, as well as resolve relevant issues related to the employment of foreign workers working at the Company and its subsidiaries/branches at South (from Da Nang city to entire Southern provinces).
- (e) To do all acts, deeds, settlements and things related to the exercise of the above powers or which the Attorney shall consider necessary or expedient for the interests of the Company.

3.2. Duration of the Power of Attorney

This Power of Attorney takes effect from **01 February 2022 to 31 December 2022**, unless it is revoked sooner by either one of the following occurrences: (i) the Power of Attorney is terminated by the Principal in writing; (ii) the Authorized Person resigns from his/her position; or (iii) the Authorized Person become limited legal capacity or lack of legal capacity.

3.3. *The Authorized Person is not allowed to re-authorize any other third person.*

3.4. The Authorized Person, undertakes, within the duration of this Power of Attorney, to accept and confirm all actions that shall lawfully be taken by the Authorized Person in the capacity within the scope of the authority hereby conferred on the Authorized Person.

4. UNDERTAKINGS OF THE PARTIES

4.1. The parties undertake to take full responsibility before the laws of Vietnam for all information of this Power of Attorney above.



- 4.2. All disputes arising between the Principal and the Authorized Person shall be settled by the two parties themselves.
- 4.3. This Power of Attorney shall be governed and construed in accordance with the laws of Vietnam.
- 4.4. This Power of Attorney is made into 03 (three) original copies, in which 01 (one) original copy will be filed in the Company and 02 (two) original copies will be delivered to the Principal and the Authorized Person.



Principal

Hoang Phan Tan
Chairman of Members' Council/
Legal Representative

Authorized Person



Phan Thanh Lich
GA Manager – North Area

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH VINH PHÚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2500175548

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 06 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 16, ngày 06 tháng 09 năm 2019

Các doanh nghiệp đã sáp nhập vào công ty:

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED LONG AN; MSDN: 1100600108

Các doanh nghiệp đã sáp nhập vào công ty:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JUPITER FOODS VIỆT NAM; MSDN: 3701737485

Các doanh nghiệp đã sáp nhập vào công ty:

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED BÌNH THUẬN; MSDN: 3400835873

(Cấp đổi nội dung đăng ký kinh doanh từ GCNĐT số 191033000044 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 29/06/2007)



1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JAPFA COMFEED VIETNAM LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: JAPFA LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thị trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại: 02113 866 170

Fax: 02113 866 182

Email: secretary@japfavietnam.com

Website: www.japfavietnam.com

3. Vốn điều lệ 1.578.909.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một nghìn năm trăm bảy mươi tám tỷ chín trăm lẻ chín triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY JAPFA VIETNAM INVESTMENTS PTE LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 201206845K

Ngày cấp: 20/03/2012 Nơi cấp: Cơ quan quản lý doanh nghiệp và Kế toán của Singapore

Địa chỉ trụ sở chính: 319B, Orchard Road #18-08, Ngee ann City Tower B, Singapore

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HOÀNG PHAN TÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: 12/06/1946 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011395022

Ngày cấp: 03/10/2011 Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 15, Phố Hàng Bè, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 121/192, Phố Lê Trọng Tấn, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



Cy-1

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 2500175548-066

Đăng ký lần đầu, ngày 24 tháng 12 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 15 tháng 03 năm 2021



1. Tên chi nhánh:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: JAPFA COMFEED VIETNAM LIMITED COMPANY - BRANCH BÌNH PHUOC 3

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Lô B7-1, B7-2, B7-3, Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: (0211) 3866 170

Fax: (0211) 3866 182

Email: info@japfavietnam.com

Website: www.japfavietnam.com

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 30/08/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 250261061

Ngày cấp: 13/08/2007 Nơi cấp: Công an Lâm Đồng

Địa chỉ thường trú: Khu phố 1, Phường B'Lao, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Chung cư Lê Thành, Lô A3, Căn 4.13 Đường An Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 2500175548

Địa chỉ trụ sở chính: Thị Trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Đăng ký lần đầu, ngày 04 tháng 01 năm 2020
Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 09 tháng 08 năm 2020



1. Tên địa điểm kinh doanh: NHÀ MÁY GIẾT MÓ VÀ CHẾ BIẾN THỊT

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Lô B6 – 1, B6 – 2, B6 – 3, B6 – 4, Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: (0211) 3866 170

Fax: (0211) 3866 182

Email: info@japfavietnam.com

Website: www.japfavietnam.com

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: PETER TERINATE

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/12/1973

Dân tộc:

Quốc tịch: Indonesia

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C3522484

Ngày cấp: 18/02/2020

Nơi cấp: KJRI Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Perumahan Pondok Jati, Blok Bi-18, Sidoarjo, Jawa Timur, Indonesia

Địa chỉ liên lạc: A12A.03 Căn hộ Happy Valley, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 2500175548-066

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: Lô B7-1, B7-2, B7-3, Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam



Nguyễn Duy Hải

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 2145169947

Chứng nhận lần đầu: Ngày 11 tháng 12 năm 2020

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 10 tháng 06 năm 2021

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 2500175548-066 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2020 và thay đổi lần thứ nhất ngày 15 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2145169947 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước 3 nộp ngày 10 tháng 06 năm 2021,

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chứng nhận:

Dự án đầu tư DỰ ÁN NHÀ MÁY GIẾT MỎ VÀ CHẾ BIẾN THỊT; mã số dự án 2145169947 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2020; được đăng ký điều chỉnh lần thứ nhất: Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án.

Nhà đầu tư:

- CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500175548 cấp ngày 29/06/2007 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc; trụ sở đăng ký tại thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện bởi: Ông HOÀNG PHAN TẤN; sinh ngày 12/06/1946; quốc tịch Việt Nam; chứng minh nhân dân số 011395022 cấp ngày 03/10/2011 tại Công an Thành phố Hà Nội; địa chỉ thường trú tại số 15, phố Hàng Bè, phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay tại số 121/192, phố Lê Trọng Tấn, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; số điện thoại: 02113 866 170; email: secretary@japfavietnam.com.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước 3, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 2500175548-066 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2020 và thay đổi lần thứ nhất ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN NHÀ MÁY GIẾT MỒ VÀ CHẾ BIẾN THỊT.
 2. Mục tiêu dự án: Hoạt động giết mổ gia súc, gia cầm; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
 3. Quy mô dự án: Giết mổ đạt công suất 37.440.000 con gà/năm và 374.400 con heo/năm, và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm. Cụ thể chia làm 03 giai đoạn như sau:
 - + Giai đoạn 1: Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm;
 - + Giai đoạn 2: Mở rộng triển khai thực hiện dự án với công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm và 374.400 con heo/năm;
 - + Giai đoạn 3: Mở rộng triển khai thực hiện dự án với công suất chế biến thịt 2.000 tấn sản phẩm/năm.
 4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4 Khu Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
 5. Diện tích mặt đất dự kiến: 148.209 m².
 6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 402.500.000.000 VNĐ (Bốn trăm lẻ hai tỷ, năm trăm triệu đồng), tương đương 17.500.000 USD (Mười bảy triệu, năm trăm ngàn đô la Mỹ).
- Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 110.400.000.000 VNĐ (Một trăm mười tỷ, bốn trăm triệu đồng), tương đương 4.800.000 USD (Bốn triệu, tám trăm ngàn đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 27% tổng vốn đầu tư.
- Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

- CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM: 110.400.000.000 VNĐ (Một trăm mười tỷ, bốn trăm triệu đồng), tương đương 4.800.000 USD (Bốn triệu, tám trăm ngàn đô la Mỹ), bằng tiền mặt, chiếm 100% vốn góp.

Tiền độ góp vốn: Thực hiện theo tiến độ thực hiện dự án, và tiền độ góp vốn cho giai đoạn cuối cùng không trễ hơn Quý IV/2025.

7. Thời hạn hoạt động của dự án đến ngày 30/05/2066.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

* *Giai đoạn 1:* Dự án đạt công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm.

- Quý III/2021: Hoàn thành các thủ tục pháp lý.

- Quý II/2022: Hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng; lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành thử.

- Quý III/2022: Đưa giai đoạn 1 vào hoạt động.

* *Giai đoạn 2:* Mở rộng triển khai thực hiện dự án với công suất giết mổ 18.720.000 con gà/năm và 374.400 con heo/năm.

- Quý I/2023: Hoàn thành các thủ tục pháp lý.

- Quý I/2024: Hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng; lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành thử.

- Quý II/2024: Đưa giai đoạn 2 vào hoạt động.

* *Giai đoạn 3:* Mở rộng triển khai thực hiện dự án với công suất chế biến 2.000 tấn sản phẩm/năm

- Quý III/2024: Hoàn thành các thủ tục pháp lý.

- Quý III/2025: Hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng; lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành thử.

- Quý IV/2025: Đưa giai đoạn 3 vào hoạt động.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và các hình thức hỗ trợ đầu tư:

Được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và các hình thức hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước 3 phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu

tư và mở tài khoản vốn đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Các quy định khác đối với nhà đầu tư khi thực hiện dự án: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước 3 phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư, môi trường, xây dựng, lao động...

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2145169947 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2020.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

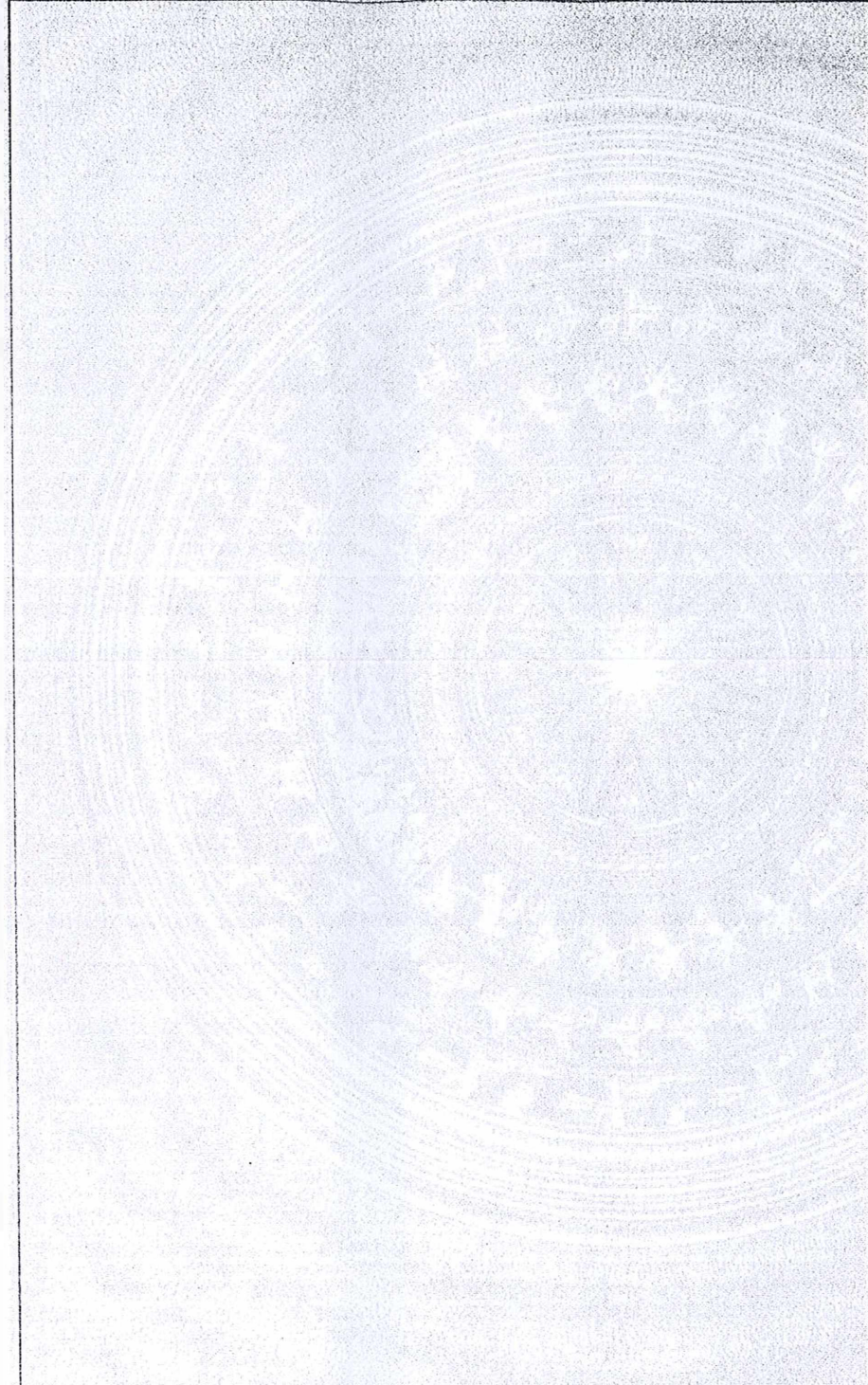
Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu VT.



Nguyễn Minh Chiến

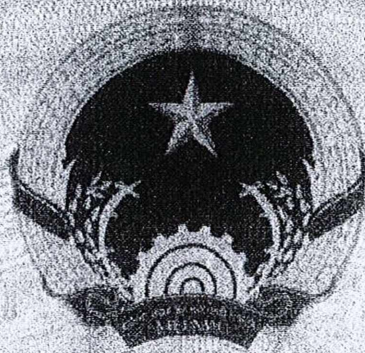
Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500175548 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp đổi lần thứ 16 ngày 06/9/2019.
- Địa chỉ trụ sở chính: thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

DB 917462

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 39, tờ bản đồ số: 02 (Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico)
- b) Địa chỉ thửa đất: xã Đông Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước,
- c) Diện tích: 36.867,2 m²,
(Bằng chữ: ba mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi bảy phẩy hai mét vuông),
- d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
- đ) Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp,
- e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 30/5/2066,
- g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

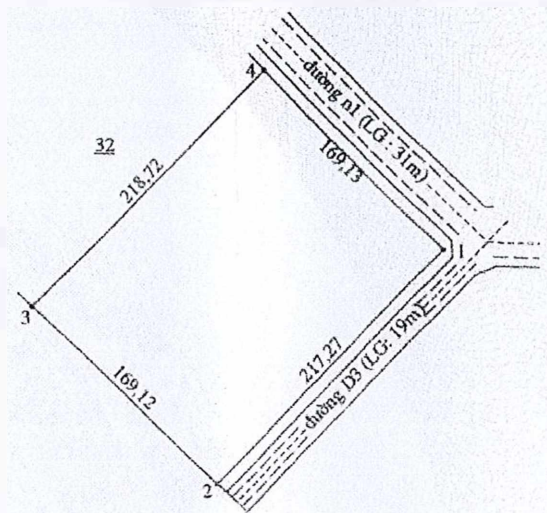
6. Ghi chú: -/-

Bình Phước, ngày 13 tháng 12 năm 2021
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC



Số vào sổ cấp GCN: CT 34495

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ 1:5.000



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 0 2 5 3 6 0 2 1 0 3 6 4 4 0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500175548 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp đổi lần thứ 16 ngày 06/9/2019.
- Địa chỉ trụ sở chính: thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

DB 917459

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 25 , tờ bản đồ số: 02 (Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico)
- b) Địa chỉ thửa đất: xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước,
- c) Diện tích: 36.488,1 m²,
(Bằng chữ: ba mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi tám phẩy một mét vuông),
- d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
- d) Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp,
- e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 30/5/2066,
- g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-

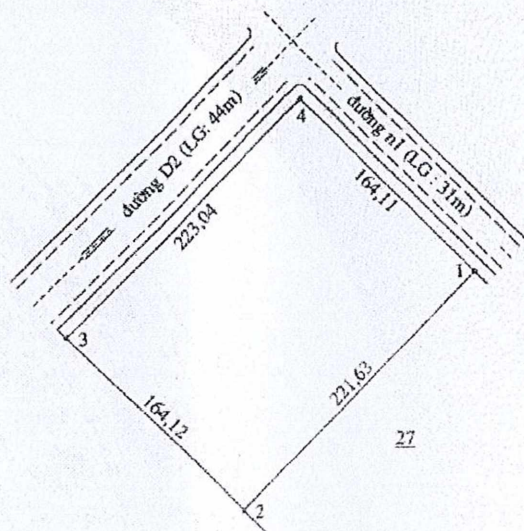
Bình Phước, ngày tháng năm 2021
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC



Dương Hồng Anh Tuấn

Số vào sổ cấp GCN: CT...44108...

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ 1:5.000



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

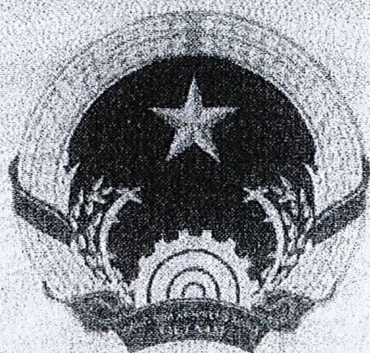
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 0 2 5 3 6 0 2 1 0 3 6 4 4 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500175548 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp đổi lần thứ 16 ngày 06/9/2019.
- Địa chỉ trụ sở chính: thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

DB 917460

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 27, tờ bản đồ số: 02 (Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico)
- b) Địa chỉ thửa đất: xã Đông Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước,
- c) Diện tích: 37.549,1 m²,
(Bằng chữ: ba mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi chín phẩy một mét vuông),
- d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
- đ) Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp,
- e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 30/5/2066,
- g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-

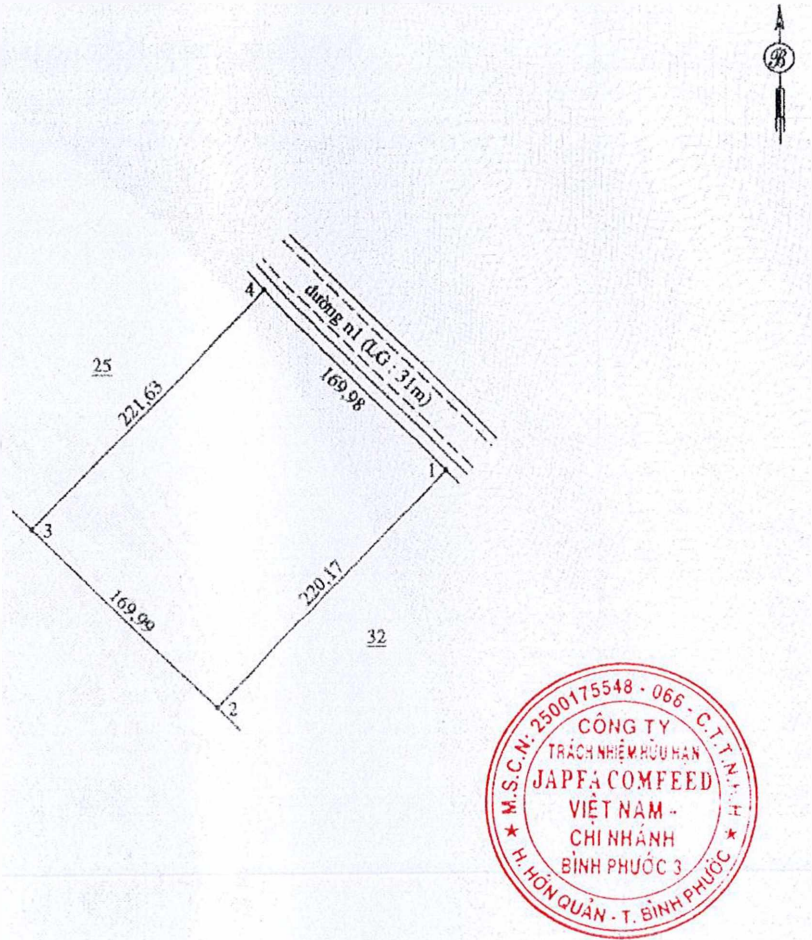
Bình Phước, ngày 13, tháng 04, năm 2021
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC



Trương Hoàng Anh Tuấn

Số vào sổ cấp GCN: CT...34491

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ 1:5.000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 0 2 5 3 6 0 2 1 0 3 6 4 4 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN **QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500175548 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp đổi lần thứ 16 ngày 06/9/2019.
- Địa chỉ trụ sở chính: thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

DB 917461

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 32, tờ bản đồ số: 02 (Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico)
- b) Địa chỉ thửa đất: xã Đông Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước,
- c) Diện tích: 37.304,6 m²,
(Bằng chữ: ba mươi bảy nghìn ba trăm lẻ bốn phẩy sáu mét vuông),
- d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
- đ) Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp,
- e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 30/5/2066,
- g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: -/-

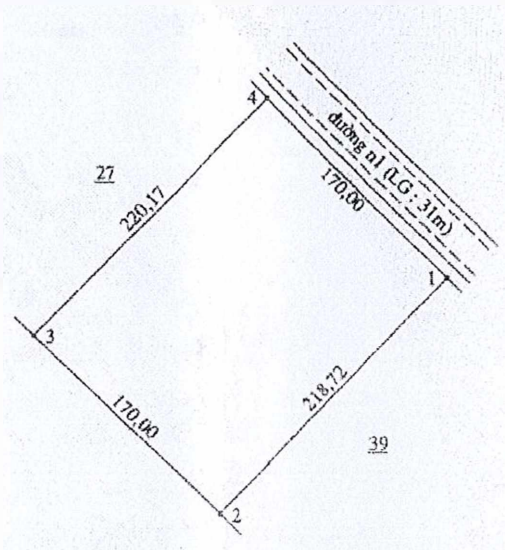
Bình Phước, ngày 13... tháng 04... năm 2021
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC
GIÁM ĐỐC



Trương Hoàng Anh Tuấn

Số vào sổ cấp GCN: CT...34406...

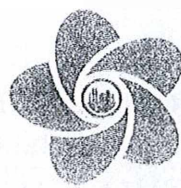
III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ 1:5.000



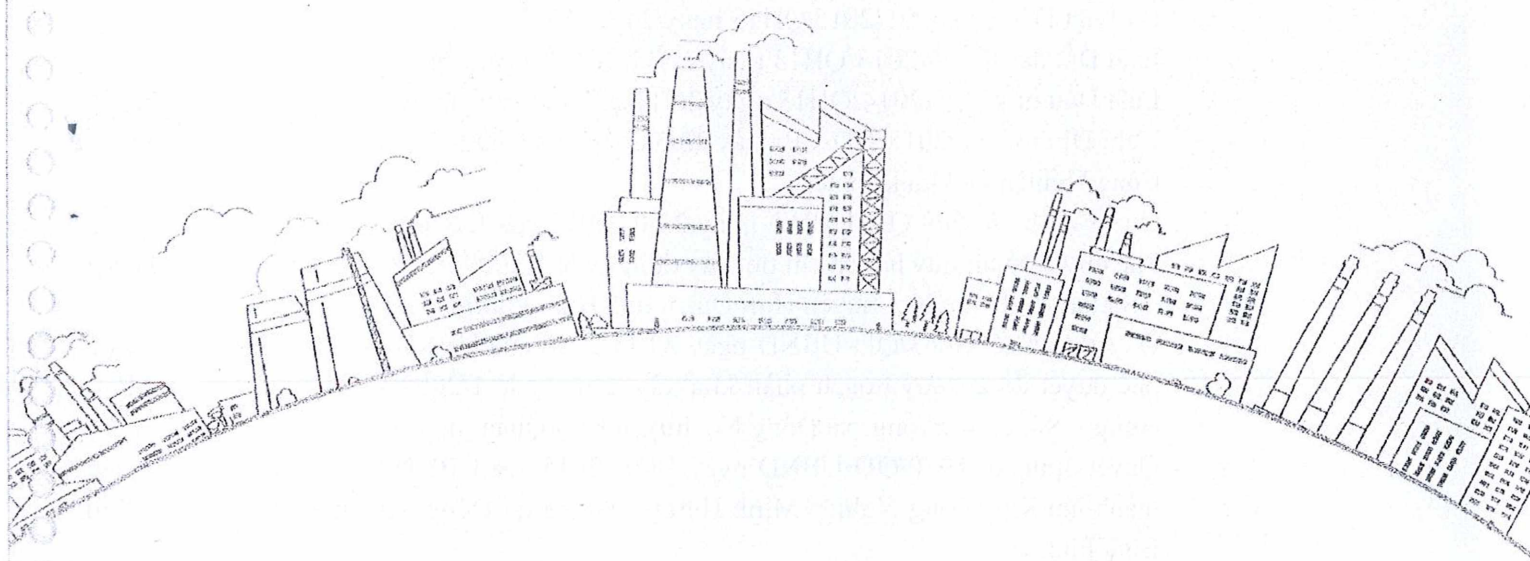
IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



INDUSTRIAL PARK

**MINH HƯNG
SIKICO**

BINH PHUOC PROVINCE



HỢP ĐỒNG CHO THUÊ LẠI ĐẤT

LAND SUBLEASE AGREEMENT



Lô đất/ Lot no.:

Số HĐ/ Contract no.: JAPFA - SH02 - 2020 / NOV. LSA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ LẠI ĐẤT

TẠI KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG – SIKICO

(Số: JAPFA – SH02.2020/MOULSA)

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
 - Luật Đất đai số: 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - Luật Đầu tư số: 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - Nghị Định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính Phủ quy định về quản lý Khu Công Nghiệp và khu kinh tế;
 - Quyết định số: 549/QĐ-UBND ngày 23/03/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
 - Quyết định số: 3063/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
 - Quyết định số: 1970/QĐ-UBND ngày 18/07/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thành lập Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico tại Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
 - Quyết định số: 3324/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico và Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có mã số dự án: 1781864278, do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Bình Phước chứng nhận lần đầu cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikico ngày 30/05/2016 và chứng nhận thay đổi lần 1 ngày 12/12/2019;
 - Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3801100876 của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 01/06/2015 và qua các lần thay đổi;
 - Quyết định số 587/QĐ-BTNMT ngày 13/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico từ 495,8ha lên 655ha” của Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico;
 - Biên Bản Ghi Nhớ số JAPFA-SH.02-2020 ngày 08/12/2020 giữa Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico và Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam (sau đây gọi là “**Biên Bản Ghi Nhớ**”)
- Trên cơ sở nhu cầu và thỏa thuận giữa Hai Bên,

Hôm nay, ngày 14 /12/2020, tại văn phòng Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng-Sikico, chúng tôi gồm có:

BÊN A (BÊN CHO THUÊ ĐẤT): CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO

- Địa chỉ trụ sở : Tổ 2, Khu phố Xa Cam, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long tỉnh Bình Phước, Việt Nam
 - Mã số thuế : 3801100876
 - Điện thoại : 0283.8999495
 - Tài khoản số : 100.0242367.00001 mở tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á, chi nhánh Trung tâm
 - Đại diện : Ông HUỖNH THÀNH CHUNG Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Sau đây gọi tắt là “Bên A”, hoặc “Bên Cho Thuê Đất” hoặc “Chủ Đầu Tư”

BÊN B: (BÊN THUÊ LẠI ĐẤT):
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

- Địa chỉ : Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
 - Mã số thuế : 2500175548
 - Điện thoại : 02113 866 170
 - Tài khoản số : 111000013505 mở tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam, chi nhánh Long An
 - Đại diện : Ông ARIF WIDJAJA Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Sau đây gọi tắt là “Bên B”, hoặc “Bên Thuê Lại Đất” hoặc “Nhà Đầu Tư” hoặc “Bên Thuê”

Xét rằng:

- Bên A là Chủ Đầu Tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico, tại xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là “Dự Án”), được Nhà nước cho thuê đất (trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê) để đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng và phát triển Khu Công Nghiệp;
 - Bên B đang thực hiện thủ tục đăng ký dự án đầu tư và thành lập Chi Nhánh Mới theo pháp luật Việt Nam tại tỉnh Bình Phước, mong muốn thuê lại đất của Chủ Đầu Tư để xây dựng nhà xưởng, tổ chức sản xuất kinh doanh tại Khu Công nghiệp.
 - Bên B sau khi được Bên A cung cấp, đã đọc, hiểu rõ toàn bộ hồ sơ pháp lý Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico (bao gồm cả hồ sơ quy hoạch chức năng chi tiết từng phân khu và báo cáo đánh giá tác động môi trường KCN), mong muốn được thuê lại đất để xây dựng nhà xưởng và thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh tại Khu Công Nghiệp.
- Các Bên tự nguyện ký kết bản Hợp Đồng này với các điều khoản như sau:

PHẦN C: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trừ khi ngữ cảnh quy định khác đi thì các từ viết hoa trong Hợp Đồng này và các từ, cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1. “**Khu Công Nghiệp**” hay “**KCN**” hoặc “**Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico**” là Khu công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 1970/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước ngày 18/07/2016 về việc thành lập khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico tại xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, thuộc Dự Án do Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico làm Chủ Đầu Tư.
2. “**Khu Đất**” là bao gồm các Lô Đất được nêu tại Hợp Đồng này, có tổng diện tích **148.209 m²** (*Một trăm bốn mươi tám nghìn, hai trăm lẻ chín mét vuông*) trong Khu Công Nghiệp (đính kèm Phụ Lục 2: Sơ đồ xác định vị trí Khu Đất, theo Bản đồ địa chính do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước ban hành ngày 15/10/2019).
3. “**Lô Đất**” là phần diện tích mỗi thửa đất thuộc Khu Đất trong Khu Công Nghiệp, được xác định theo Điều 1, đáp ứng quy định về diện tích tối thiểu của mỗi Lô Đất và theo quy hoạch tổng thể của Khu Công Nghiệp đã được cơ quan nhà nước phê duyệt.
4. “**Hợp Đồng**” hoặc “**Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất**” là Hợp Đồng chính thức được ký kết giữa Bên A và Bên B và toàn bộ các Phụ lục đính kèm cũng như mọi sửa đổi, bổ sung bằng văn bản do Các Bên lập và ký kết trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này.
5. “**Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư**”: là giấy chứng nhận do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế tỉnh Bình Phước cấp cho Bên B để thực hiện dự án đầu tư trong Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico.
6. “**Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Chi Nhánh**”: là giấy chứng nhận do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của tỉnh Bình Phước cấp cho Bên B để tiến hành hoạt động kinh doanh và triển khai thực hiện dự án đầu tư theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư tại Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico.
7. “**Chi Nhánh Mới**” là chi nhánh của Bên B được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Chi Nhánh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của tỉnh Bình Phước cấp, để thực hiện dự án đầu tư trong Khu Công Nghiệp theo quy định pháp luật và cũng là Bên Thuê Lại Đất theo Hợp Đồng này.
8. “**Bên B**” hoặc “**Nhà Đầu Tư**” hoặc “**Bên Thuê Lại Đất**” hoặc “**Bên Thuê**” được dẫn chiếu đến trong Biên Bản Ghi Nhớ và Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất là dẫn chiếu đến mỗi thành viên của Bên B và Chi Nhánh Mới; Bên B và các thành viên của Bên B sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới cho các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm thuộc Bên B nêu tại Hợp Đồng này.
9. “**Giá Trị Quy Đổi**”: là giá trị bằng tiền đồng Việt Nam sau khi quy đổi từ một đồng Đô La Mỹ (USD) ra tiền đồng Việt Nam (VND). Giá Trị Quy Đổi này được xác định trên cơ sở giá Bán đồng Đô La Mỹ của Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank). Tại mỗi lần thanh toán Tiền Thuê Đất và các loại phí dịch vụ cho Bên A, Bên B có trách nhiệm căn cứ vào Giá Trị Quy Đổi tại thời điểm đó để làm căn cứ thanh toán. Trong trường hợp Giá Trị Quy Đổi thay đổi, các khoản thanh toán tương ứng dựa trên cơ sở Giá Trị Quy Đổi sẽ được điều chỉnh tương ứng.

10. “Đơn Giá” hoặc “Đơn Giá Thuê Đất” là giá trị của mỗi mét vuông của Lô Đất, chưa bao gồm Thuế GTGT được quy định chi tiết tại Điều 3 của Hợp Đồng này.
11. “Tổng Tiền Thuê Đất” là Tiền Thuê Đất của toàn bộ Khu Đất với Đơn Giá Thuê Đất đã bao gồm thuế GTGT nhưng không bao gồm các khoản phí, thuế khác nêu tại Điều 4 của Hợp Đồng.
12. “Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất” là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc tên gọi khác theo quy định của pháp luật, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên B theo Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất được ký kết giữa Bên A và Bên B đối với (các) Lô Đất trong KCN để Bên B thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư trong Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico.
13. “Bên Nhận Chuyển Giao” là cách gọi chung đối với bên thứ ba được phép nhận chuyển giao và/hoặc được phép nhận chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của Bên Thuê khi thực hiện bất kỳ thủ tục nào theo đúng quy định pháp luật (chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng, chuyển nhượng tài sản trên đất gắn liền với quyền sử dụng đất, thực hiện ủy quyền, kế thừa, thừa kế được quy định tại Điều 7 Hợp Đồng này).
14. “Ngày”: là ngày dương lịch. “Ngày Làm Việc” là có nghĩa là một ngày trong tuần (từ thứ hai đến thứ sáu) mà các ngân hàng đã đăng ký mở cửa hoạt động kinh doanh chung ở Việt Nam, không bao gồm ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định của Luật lao động Việt Nam.

PHẦN II: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 1: MÔ TẢ LÔ ĐẤT THUÊ

- 1.1. Diện tích Khu Đất/Lô Đất là 148.209m² (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám nghìn, hai trăm lẻ chín mét vuông)
 - 1.1.1. Diện Tích được xác nhận trên Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất.
 - 1.1.2. Trường hợp nếu có sự chênh lệch về diện tích với bất kỳ lý do gì so với Diện Tích nêu tại Điều 1.1.1 thì Hai Bên sẽ điều chỉnh lại Tổng Tiền Thuê Đất theo Đơn Giá quy định tại Điều 3 Hợp Đồng này.
- 1.2. Vị trí và ranh giới Lô Đất:
 - 1.2.1. Ký hiệu Lô Đất: dãy B6 các lô 1, 2, 3, 4
 - 1.2.2. Địa chỉ Lô Đất: Xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
 - 1.2.3. Thuộc thửa đất số: 25, 27, 32, 39
Tờ bản đồ số 02 (Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico)
Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên Bên A do UBND tỉnh Bình Phước cấp:
 - Số GCN: CT766318; số vào sổ cấp GCN: CT21331; cấp ngày: 31/12/2019
 - Số GCN: CT766320; số vào sổ cấp GCN: CT21333; cấp ngày: 31/12/2019
 - Số GCN: CT766323; số vào sổ cấp GCN: CT21336; cấp ngày: 31/12/2019
 - Số GCN: CT766329; số vào sổ cấp GCN: CT21342; cấp ngày: 31/12/2019(Phụ Lục 3: đính kèm bản sao)

1.2.4. Vị trí Lô Đất: Theo sơ đồ, vị trí đính kèm.

1.2.5. Bản vẽ vị trí lô, các mốc tọa độ cụ thể của Lô Đất thể hiện trong Biên Bản Bàn Giao thực địa kèm theo Hợp Đồng (và được xác định trên Bản đồ địa chính do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước ban hành ngày 15/10/2019).

1.3. Loại đất và tiêu chuẩn cơ sở hạ tầng Lô Đất:

1.3.1. Lô Đất quy định tại Hợp Đồng là đất được Nhà nước cho Bên A thuê đất trả tiền thuê một lần để Bên A đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu Công Nghiệp và cho các nhà đầu tư thuê lại để xây dựng nhà xưởng, tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật

1.3.2. Bên A đầu tư xây dựng các hạng mục cơ sở hạ tầng Khu Công Nghiệp theo thiết kế được phê duyệt; bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đưa vào sử dụng phù hợp tiến độ đầu tư của Bên B.

1.3.3. Để tránh nhầm lẫn, Các Bên thống nhất rằng: (i) Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng, Bên A đang thi công các hạng mục cơ sở hạ tầng và sẽ hoàn thành theo lộ trình cam kết tại Hợp Đồng; (ii) Bên A chỉ cam kết hoàn thành các hạng mục cơ sở hạ tầng có liên quan và đến Lô Đất thuê của Bên B mà không phải toàn bộ diện tích Khu Công Nghiệp.

1.4. Mục đích sử dụng đất thuê:

Bên B cam kết sử dụng các Lô Đất để đầu tư xây dựng nhà xưởng và kinh doanh đúng với mục đích, ngành nghề sản xuất kinh doanh trong phạm vi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư và/hoặc Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Chi Nhánh do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì Bên B phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và của Khu Công Nghiệp trước khi tiến hành kinh doanh. Việc Bên B kinh doanh các ngành nghề có điều kiện nhưng chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh này cũng được xem là sử dụng đất thuê sai mục đích.

1.5. Tiến độ sử dụng đất:

1.5.1. Bên B cam kết xây dựng công trình, nhà xưởng trên Lô Đất theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư ghi trong Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên B. Trường hợp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư không quy định rõ tiến độ sử dụng đất/tiến độ đầu tư hoặc không có Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư thì tiến độ sử dụng đất/tiến độ đầu tư của Bên B sẽ là:

- a) Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: 06 tháng, kể từ ngày ký Hợp Đồng này.
 - (i) Ký Biên Bản Ghi Nhớ (nếu có);
 - (ii) Ký Hợp Đồng Nguyên Tắc;
 - (iii) Xin cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư, Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Chi Nhánh;
 - (iv) Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (nếu có);
 - (v) Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường.
 - (vi) Ký kết HĐ thuê đất, nhận bàn giao Lô Đất.

- b) Giai đoạn triển khai xây dựng: 12 tháng, kể từ ngày Bên B nhận bàn giao Lô Đất và không quá 18 tháng kể từ ngày Bên B ký Hợp Đồng này.
- (i) Khảo sát, thiết kế, lập dự toán công trình nhà xưởng;
 - (ii) Xin phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường;
 - (iii) Thẩm duyệt PCCC;
 - (iv) Xin giấy phép xây dựng;
 - (v) Lựa chọn nhà thầu và thi công xây dựng công trình nhà xưởng.
- c) Hoàn thành xây dựng công trình nhà xưởng và đưa vào vận hành sản xuất: 12 tháng kể từ ngày kết thúc giai đoạn triển khai xây dựng và không quá 24 tháng kể từ ngày Bên B nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư hoặc kể từ ngày ký Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất hoặc kể từ ngày Bên B nhận bàn giao Lô Đất theo Hợp Đồng này (tùy thuộc vào điều kiện nào đến trước).
- (i) Nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng, đánh giá an toàn chịu lực, an toàn vận hành trong quá trình khai thác, sử dụng;
 - (ii) Hoàn công công trình;
 - (iii) Vận hành sản xuất.
- Bên B có thể chủ động thực hiện chi tiết các công việc của mỗi giai đoạn theo tiến độ này nhằm đảm bảo tiến độ sử dụng đất/tiến độ đầu tư.

1.5.2. Nếu Bên B thay đổi kế hoạch, quy mô, tiến độ xây dựng nhà xưởng trên Lô Đất thì phải có phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Bên B chịu tất cả các chi phí liên quan.

1.5.3. Tại đây, Bên B hiểu và thừa nhận rằng: Bên B có thể bị chế tài theo pháp luật Việt Nam nếu Bên B vi phạm pháp luật, vi phạm tiến độ thực hiện dự án đầu tư và/hoặc tiến độ sử dụng đất ghi trong Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên B hoặc theo quy định tại Điều 1.5 này.

1.6. Mật độ xây dựng và tầng cao:

- 1.6.1. Bên B cam kết xây dựng nhà xưởng theo các tiêu chuẩn được quy định tại các Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico và các quy định pháp luật Việt Nam về xây dựng, có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt hồ sơ quy hoạch, xây dựng.
- 1.6.2. Các Bên hiểu và thừa nhận rằng, trong trường hợp các văn bản dẫn chiếu nói trên được sửa đổi, thay thế thì Bên B phải tuân thủ các quy chuẩn xây dựng mới, ghi nhận trong các văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm xây dựng.

ĐIỀU 2: THỜI HẠN THUÊ ĐẤT VÀ CHẤM DỨT THỜI HẠN THUÊ LẠI ĐẤT

2.1. Thời hạn thuê lại Lô Đất: kể từ ngày ký Hợp Đồng này đến hết Thời Hạn Sử Dụng Đất. Thời Hạn Sử Dụng Đất: đến hết ngày 30/05/2066 (sau đây gọi tắt là “Thời Hạn Thuê Đất”).

Thời Hạn Thuê Đất này được tính cả thời gian mà Bên B thực tế không sử dụng đất

hoặc tạm dừng sử dụng đất vì bất cứ lý do nào và bất cứ thời hạn nào. Các Bên có thể chấm dứt trước hạn theo quy định tại Hợp Đồng này hoặc gia hạn Thời Hạn Thuê Đất nêu tại Điều này phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện.

2.1.1. Thời Hạn Thuê Đất có thể được gia hạn khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau:

- a) Thời Hạn Sử Dụng Đất của Bên A theo hợp đồng thuê đất Khu Công Nghiệp giữa Bên A và Nhà nước Việt Nam được gia hạn, và
- b) Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam chấp nhận gia hạn thời hạn thực hiện dự án đầu tư của Bên Thuê Lại Đất tại Việt Nam, và
- c) Bên Thuê Lại Đất có văn bản đề nghị gia hạn gửi cho Bên A ít nhất 12 (mười hai) tháng trước khi chấm dứt Thời Hạn Thuê Đất và Các Bên đã thỏa thuận lại các điều khoản về Tiền Thuê Đất, Phí Quản Lý, thời hạn gia hạn, các nghĩa vụ tài chính khác và các điều khoản cơ bản khác khi gia hạn Thời Hạn Thuê Đất.
- d) Bên B phải trả Tiền Thuê Đất, các loại Phí Dịch Vụ trong KCN và các nghĩa vụ tài chính khác trong suốt Thời Hạn Thuê Đất (bao gồm thời gian được phép gia hạn) theo quy định tại Hợp Đồng.
- e) Hai Bên thực hiện thủ tục gia hạn Thời Hạn Thuê Đất theo quy định của pháp luật và việc gia hạn Thời Hạn Thuê Đất có hiệu lực tại thời điểm ký hợp đồng gia hạn.

2.1.2. Thời Hạn Thuê Đất có thể chấm dứt trước hạn trong các trường hợp:

- a) Các Bên có thỏa thuận về việc chấm dứt Thời Hạn Thuê trước hạn (nếu có);
- b) Đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai;
- c) Bên B vi phạm các cam kết thanh toán Tiền Thuê Đất theo quy định tại Điều 3 Hợp Đồng này;
- d) Dự án đầu tư của Bên B bị chấm dứt theo quy định của pháp luật đầu tư;
- e) Trong trường hợp Bất Khả Kháng theo quy định tại Hợp Đồng này.

2.2. Khi kết thúc **Thời Hạn Thuê Đất** và/hoặc khi chấm dứt **Thời Hạn Thuê Đất** trước hạn (vì bất kỳ lý do nào), Bên B có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi Lô Đất, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh, môi trường và bàn giao lại đất đúng theo nguyên trạng khi nhận bàn giao.

Kết thúc 30 ngày kể từ ngày phải bàn giao Lô Đất mà Bên B không tự nguyện tháo dỡ, di dời và dọn dẹp vệ sinh Lô Đất thì Bên A có quyền thuê bên thứ ba thực hiện các công việc này. Bên A không chịu trách nhiệm về các mất mát, hư hỏng, giảm giá trị và các rủi ro khác khi tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi Lô Đất. Bên B phải trả các chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi Lô Đất và các chi phí dọn dẹp vệ sinh, phục hồi nguyên trạng Lô Đất, bao gồm các chi phí xử lý ô nhiễm môi trường, chất thải công nghiệp cho các tài sản này (nếu có).



ĐIỀU 3: TIỀN THUÊ ĐẤT

3.1 Tổng Tiền Thuê Đất

3.1.1 Tiền Thuê Đất = Diện Tích Khu Đất x Đơn Giá Thuê Đất
= $148.209\text{m}^2 \times 1.347.340\text{VND}/\text{m}^2 = 199.687.914.060\text{VND}$

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi chín tỷ, sáu trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm mười bốn nghìn, không trăm sáu mươi Đồng).

Trong đó: Đơn Giá Thuê Đất là giá trị của mỗi mét vuông của Lô Đất, chưa bao gồm Thuế GTGT.

3.1.2 Thuế Giá Trị Gia Tăng được tính bằng 10% Tiền Thuê Đất = 19.968.791.140VND

3.1.3 Tổng Tiền Thuê Đất (đã bao gồm thuế GTGT) = Tiền Thuê Đất - Thuế GTGT = 219.656.705.466VND (Hai trăm mười chín tỷ, sáu trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu Đồng)

3.1.4 Tổng Tiền Thuê Đất được xác định cho toàn bộ Thời Hạn Thuê Đất (không bao gồm thời gian gia hạn) và không bao gồm các loại phí, thuế khác theo quy định tại Điều 4 Hợp Đồng này.

3.1.5 Tổng Tiền Thuê Đất: Bên B phải thanh toán cho Bên A khi đầu tư vào Khu Công Nghiệp theo Hợp Đồng này sẽ không được Bên A hoàn lại bất cứ khoản nào trong bất cứ trường hợp nào.

3.2 Tiến độ thanh toán Tổng Tiền Thuê Đất được thực hiện theo Phụ lục 1 đính kèm.

Nếu bất kỳ khoản tiền nào đến hạn thanh toán rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ hoặc ngày Tết thì Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A vào Ngày Làm Việc trước ngày đến hạn cuối cùng của đợt thanh toán đó.

3.2.1 **Đợt Thông Báo Làm Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất:** Bất kỳ lúc nào theo yêu cầu của Bên B về việc xin cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất và/hoặc trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được Thông Báo của Bên A về việc nộp hồ sơ xin cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên B, Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản sau:

- Số tiền còn lại mà Bên B phải thanh toán cho đủ 100% Tổng Tiền Thuê Đất của các Lô Đất và các khoản khác (nếu có);
- Lệ phí trước bạ;
- Các khoản phí, lệ phí khác liên quan đến việc cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất theo quy định pháp luật thuộc trách nhiệm của Bên B.
- Tất cả các khoản phải nộp theo Đợt này sẽ được Hai Bên xác định lại trên cơ sở các văn bản, chứng từ thanh toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này.

3.2.2 **Đợt Bàn Giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất:** Trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được Thông Báo bàn giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất và Hồ Sơ Đề Nghị Thanh Toán của Bên A, Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A:

- Các nghĩa vụ tài chính khác có liên quan đến Tiền Thuê Đất, bao gồm nhưng

không giới hạn bởi: số tiền do điều chỉnh tăng/giảm do chênh lệch diện tích, thuế GTGT, các khoản tiền phạt, bồi thường, lãi chậm thanh toán (nếu có).

- b) Hồ Sơ Đề Nghị Thanh Toán gồm:
 - (i) Giấy đề nghị thanh toán;
 - (ii) Các văn bản/ hồ sơ, minh chứng về các khoản chênh lệch phát sinh (nếu có);
 - (iii) Bản photo Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất;
 - (iv) Dự thảo hóa đơn GTGT do chênh lệch Diện Tích (nếu có).
- c) Bên A chỉ bàn giao bản gốc Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất của các Lô Đất cho Bên B sau khi Bên B thanh toán đủ số tiền phải thanh toán theo Đợt này đối với các Lô Đất tương ứng đó.

ĐIỀU 4: CÁC LOẠI PHÍ DỊCH VỤ TRONG KHU CÔNG NGHIỆP

4.1 Phí Quản Lý: là phí dịch vụ quản lý và phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng trong Khu Công Nghiệp, được tính kể từ ngày Bên B nhận bàn giao (các) Lô Đất trên thực tế, bất kể Bên B đã sử dụng Lô Đất hay chưa (sau đây gọi tắt là “**Phí Quản Lý**”).

4.1.1 Phí Quản Lý được tính như sau:

Phí Quản Lý hàng tháng = [Đơn Giá Phí Quản Lý X (nhân) Diện Tích (các) Lô Đất] + (cộng) thuế GTGT 10%.

Trong đó:

- a) Đơn Giá Phí Quản Lý: được tính trên mỗi mét vuông Diện Tích của Lô Đất, chưa bao gồm thuế GTGT, được xác định bằng 0,045 lần Giá Trị Quy Đổi. Giá Trị Quy Đổi tạm xác định tại thời điểm ký Hợp Đồng này là 23.230 VND. Giá Trị Quy Đổi được xác định vào ngày đầu tiên của tháng đầu tiên của mỗi quý.
- b) Đơn Giá Phí Quản Lý này sẽ áp dụng cố định đến hết ngày 31/12/2021. Kể từ ngày 01/01/2022 trở đi, Đơn Giá Phí Quản Lý sẽ do Bên A điều chỉnh và áp dụng theo nguyên tắc sau:
 - (i) Chu Kỳ Điều Chỉnh: 3 năm/lần (sau đây gọi là Chu Kỳ Điều Chỉnh), cụ thể là áp dụng Đơn Giá Phí Quản Lý điều chỉnh vào ngày 01 tháng 01 của các năm 2022, 2025, 2028, 2031 ... cho đến khi kết thúc **Thời Hạn Thuê Đất**.
 - (ii) Mức điều chỉnh: Đơn Giá Phí Quản Lý sẽ điều chỉnh tăng 10% so với Đơn Giá Phí Quản Lý của Chu Kỳ Điều Chỉnh liền kề trước đó.
 - (iii) Phương thức: theo Thông Báo chung của Bên A áp dụng cho Khu Công Nghiệp hoặc theo Thông Báo riêng áp dụng cho Bên B.

4.1.2 Thời hạn thanh toán Phí Quản Lý:

- a) Phí Quản Lý được thanh toán trước, theo định kỳ hàng quý.
- b) Ngày thanh toán: vào ngày làm việc, trước ngày 10 của tháng đầu tiên của mỗi quý, theo đó Bên B sẽ thanh toán vào trước các ngày 10/1, 10/4, 10/7,

10/10,


- c) Phí Quản Lý được tính từ ngày Bàn giao đất thực địa
- d) Phí Quản Lý của kỳ đầu tiên nếu không đủ 03 tháng, Bên B sẽ gộp chung với Phí Quản Lý của quý kế tiếp và thanh toán trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận bàn giao đất trên thực địa.

4.1.3 Hồ sơ đề nghị thanh toán Phí Quản Lý:

- a) Thông báo nộp Phí Quản Lý;
- b) Dự thảo Hóa đơn GTGT (bản chính hóa đơn sẽ được gửi cho Bên B trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên A nhận được tiền thanh toán của Bên B; ngày ghi trên hóa đơn là ngày Bên A nhận được tiền thanh toán)

4.2 Phí Xử Lý Nước Thải:

4.2.1 Phí Xử Lý Nước Thải được xác định như sau:

Phí Xử Lý Nước Thải = (Đơn Giá Phí Xử Lý Nước Thải X (nhân) khối lượng thực tế) + (cộng) thuế GTGT 10%

Trong đó:

- a) Đơn Giá Phí Xử Lý Nước Thải: chưa bao gồm thuế GTGT, được xác định theo Thông báo lần đầu (Phụ Lục 4) từ Bên A và theo nguyên tắc sau:
 - (i) Lượng nước xả thải của Bên B sẽ được tính dựa trên số đo của đồng hồ đo lượng nước thải ra của Doanh nghiệp tại cuối mỗi tháng.
 - (ii) Việc xác định mức nước thải Loại B và quy trình kiểm soát và đánh giá tỷ lệ vượt chuẩn nước thải sẽ được quy định tại Phụ lục Xử lý Nước thải của Khu Công Nghiệp (bao gồm tiêu chuẩn xả thải, phương pháp đo đạc và công nghệ đo đạc).
- b) Đơn Giá Phí Xử Lý Nước Thải theo Thông báo lần đầu nói trên được áp dụng đến hết ngày 31/12/2021.
Giá Trị Quy Đổi nếu có áp dụng đối với Phí Xử Lý Nước Thải được xác định tại ngày Bên A thông báo chung cho toàn bộ bên thuê lại đất trong Khu Công Nghiệp.
- c) Kể từ ngày 01/01/2022 trở đi, Đơn Giá Phí Xử Lý Nước Thải sẽ do Bên A điều chỉnh và công bố định kỳ để áp dụng cho toàn Khu Công Nghiệp.
 - (i) Đơn Giá Xử Lý Nước Thải sau điều chỉnh sẽ tăng/giảm theo biến động giá thị trường đối với các hàng hóa, nguyên liệu và mức lương tối thiểu cấu thành giá đầu vào của dịch vụ quản lý và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu Công Nghiệp.
 - (ii) Chu Kỳ Điều Chỉnh: 2 năm/lần, cụ thể là vào ngày 01 tháng 01 các năm 2022, 2024, 2026, 2028 cho đến khi kết thúc Thời Hạn Thuê Đất.

4.2.2 Tiêu chuẩn nước thải khi Bên A tiếp nhận:

- a) Bên A sẽ xây dựng quy trình lấy mẫu/đo đạc để xác định chuẩn nước thải đầu ra của Bên B làm cơ sở để xác định Đơn Giá Phí Xử Lý Nước Thải.
- b) Bên Thuê Lại Đất tự đầu tư hệ thống xử lý nước thải nội bộ bằng kinh phí riêng của mình để xử lý sơ bộ và đảm bảo rằng chuẩn nước thải của Bên

Thuê Lại Đất đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải chung của Khu Công Nghiệp.

- c) Áp dụng riêng cho Bên Thuê Lại Đất trong trường hợp trong hoạt động kinh doanh của mình có công đoạn xi mạ trong quy trình sản xuất, nước xả thải bắt buộc phải xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn tối thiểu Loại B (Lý tính và hóa tính), riêng chỉ tiêu kim loại phải đạt Loại A theo quy định của pháp luật Việt Nam trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu Công Nghiệp. Bên B phải chịu trách nhiệm xây dựng/lắp đặt hệ thống quan trắc trước khi đầu nối vào hệ thống xả thải chung của Khu Công Nghiệp. Hệ thống này phải bàn giao cho Bên A kiểm tra hàng ngày.
- d) Để tránh nhầm lẫn, Các Bên thống nhất rằng: để đảm bảo tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường và đảm bảo cơ chế giám sát tập trung từ phía cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường, toàn bộ lượng nước thải của Bên Thuê Lại Đất và của tất cả các Bên thuê khác trong Khu Công Nghiệp phải được đầu nối tập trung và duy nhất về hệ thống xử lý nước thải của Bên A để xử lý trước khi xả thải ra tự nhiên.
- e) Bên B có trách nhiệm xác định và đăng ký định mức lượng nước thải ra môi trường với Bên A và/hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải và được Bên A và đơn vị này chấp thuận. Việc chấp thuận này phải được lập thành văn bản và là cơ sở để xem xét hành vi Bên B vi phạm theo Hợp Đồng này. Định mức nước thải được đăng ký sẽ thực hiện phù hợp với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét cấp cho Bên B.

4.2.3 Thời hạn thanh toán Phí Xử Lý Nước Thải:

- a) Phí Xử lý Nước Thải được tính theo định kỳ hàng tháng dựa trên chỉ số đồng hồ đo lượng nước thải được Bên A xác nhận vào ngày cuối của mỗi tháng.
- b) Thời hạn thanh toán: Bên B thanh toán Phí Xử Lý Nước Thải trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận Thông Báo nộp Phí Xử Lý Nước Thải của Bên A.
- c) Hồ sơ đề nghị thanh toán Phí Xử Lý Nước Thải:
 - (i) Thông Báo nộp Phí Xử Lý Nước Thải;
 - (ii) Dự thảo Hóa đơn GTGT (bản chính hóa đơn sẽ được gửi cho Bên B trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên A nhận được tiền thanh toán của Bên B; ngày ghi trên hóa đơn là ngày Bên A nhận được tiền thanh toán)

4.3 Các loại phí dịch vụ và chi phí khác:

Để tránh hiểu nhầm, Các Bên thống nhất rằng Tổng Tiền Thuê Đất, Phí Quản Lý, Phí Xử Lý Nước Thải không bao gồm các loại phí dịch vụ và các chi phí sau:

- 4.3.1 Chi phí về trạm biến áp, chi phí lắp đặt, kết nối điện, nước, nước thải và các hệ thống khác từ điểm đầu nối thuộc hệ thống chung của Khu Công Nghiệp nằm bên ngoài hàng rào Lô Đất vào đến hệ thống riêng của Bên Thuê Lại Đất.

- 4.3.2 Chi phí cho các dịch vụ tiện ích trong quá trình hoạt động của Bên B, bao gồm chi phí sử dụng điện, nước, dịch vụ cung cấp gas, dịch vụ bưu chính, viễn thông, truyền hình, dịch vụ bảo vệ, phòng cháy chữa cháy... (trừ điện chiếu sáng công cộng, phòng cháy chữa cháy và an ninh bảo vệ chung của Khu Công Nghiệp).
- 4.3.3 Chi phí liên quan đến việc đăng ký và các thủ tục hành chính liên quan đến việc xây dựng công trình trên (các) Lô Đất, xin cấp tái cả các giấy phép và giấy chứng nhận có liên quan mà Bên B được yêu cầu thực hiện.
- 4.3.4 Các chi phí trực tiếp hoặc gián tiếp mà Bên B phải trả cho Nhà nước và/hoặc Bên thứ ba trong quá trình xây dựng nhà xưởng và sản xuất kinh doanh.
- 4.3.5 Lệ phí trước bạ, các khoản phí khác theo quy định mà Bên B phải thanh toán trong việc xin cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên B được quy định tại Hợp Đồng này và phù hợp với quy định của pháp luật.
- 4.3.6 Thuế và các chi phí khác phát sinh trong quá trình Bên B hoạt động kinh doanh trên (các) Lô Đất.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM THANH TOÁN

5.1 Tài khoản tiếp nhận thanh toán và hoá đơn GTGT

- 5.1.1 Tiền Thuê Đất, Phí Quản Lý, Phí Xử Lý Nước Thải và các loại phí dịch vụ khác mà Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A theo Hợp Đồng được chuyển vào tài khoản của Bên A nêu tại phần đầu Hợp Đồng.
Trong trường hợp có sự thay đổi về tài khoản nhận thanh toán nêu tại Điều này, Bên A sẽ thông báo thông tin tài khoản cho Bên B bằng văn bản cho đợt thanh toán đó.
- 5.1.2 Bên A có nghĩa vụ xuất hóa đơn GTGT và cấp cho Bên B trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B thanh toán cho Bên A

5.2 Đồng tiền thanh toán: bất kỳ khoản tiền nào được Bên B thanh toán cho Bên A theo Hợp Đồng này đều sử dụng tiền Đồng Việt Nam (VND).

5.3 Các biện pháp xử lý khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán:

- 5.3.1 Nếu Bên B chậm thanh toán cho Bên A bất kỳ khoản tiền nào theo thời hạn quy định trong Hợp Đồng thì ngoài số tiền phải thanh toán đó, Bên B phải trả thêm tiền lãi cho số tiền chậm thanh toán với mức lãi suất bằng 0,05%/ngày nhưng không quá 8% Tổng giá trị nghĩa vụ vi phạm, tính từ thời điểm đến hạn phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế, nhưng thời gian chậm thanh toán của mỗi đợt đến hạn thanh toán nêu tại Điều này không được vượt quá: (i) 30 ngày của mỗi đợt thanh toán và không quá 45 ngày cộng dồn của tất cả các đợt thanh toán đối với Tiền Thuê Đất, (ii) 30 ngày đối với Phí Quản Lý, Phí Xử Lý Nước Thải, (iii) 15 ngày đối với các khoản thanh toán khác (nếu có); theo đó số ngày xác định thời gian chậm thanh toán ở đây được gọi tắt là "**Thời Hạn Tính Lãi**".
- 5.3.2 Trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản khác của Hai Bên, nếu hết **Thời Hạn Tính Lãi** nói trên mà Bên B vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Bên B đã vi phạm Hợp Đồng và tùy thuộc Bên B vi phạm khoản thanh toán nào thì

Bên A được áp dụng biện pháp xử lý tương ứng:

a) **Vi phạm đối với Tiền Thuê Đất:**

- (i) Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này;
- (ii) Bên B chấp nhận mất toàn bộ số tiền đã thanh toán cho Bên A, kể cả cho thời gian thuê lại đất mà Bên B thực tế chưa sử dụng trừ trường hợp Cơ Quan Nhà Nước Có Thẩm Quyền không cấp hoặc từ chối không cấp Giấy Chứng Nhận Đầu Tư cho Bên B mà không do lỗi của Bên B. Ngoài ra Bên B còn phải thanh toán chi phí hành chính phát sinh liên quan khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Bên A theo quy định tại Điều này (chi phí di dời tài sản, trang thiết bị, dọn dẹp mặt bằng Lô Đất, ...);
- (iii) Bên A được toàn quyền quyết định đối với Lô Đất này (sử dụng, cho thuê lại, thế chấp, ...) mà không phải bồi hoàn bất cứ khoản nào cho Bên B kể từ thời điểm Bên A ban hành thông báo đơn phương chấm dứt Hợp Đồng với Bên B.

b) **Vi phạm đối với Phí Quản Lý:** Bên A được quyền tạm ngưng/đề nghị tạm ngưng mọi dịch vụ do Khu Công Nghiệp cung cấp, kể cả các dịch vụ không phải do Bên A trực tiếp cung cấp và/hoặc Bên A từ chối cho phép lưu thông các phương tiện vận tải, vật tư của Bên B cho đến khi Bên B hoàn thành việc thanh toán Phí Quản Lý và thanh toán các khoản tiền lãi tương ứng, mà không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại nào cho Bên B khi thực hiện các hành động này, và Bên B không có quyền khiếu nại các biện pháp này cho đến khi Bên B thanh toán đủ Phí Quản Lý, tiền phạt chậm thanh toán và các chi phí phát sinh khác có liên quan (nếu có). Trong thời hạn tối đa 48 giờ kể từ thời điểm Bên B thanh toán đủ Phí Quản Lý, tiền phạt chậm thanh toán và các chi phí phát sinh khác có liên quan (nếu có), Bên A sẽ khôi phục/đề nghị khôi phục các dịch vụ do Khu Công Nghiệp cung cấp cho Bên B.

Trong trường hợp Bên B không thanh toán đủ hoặc chậm thanh toán Phí Quản Lý từ 6 tháng trở lên, Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này mà không phải bồi thường bất kỳ khoản nào cho Bên B, khi đó việc xử lý vi phạm này được thực hiện như quy định tại điểm a Điều 5.3.2 nêu trên.

c) **Vi phạm đối với Phí Xử Lý Nước Thải:** Bên A được quyền ngắt kết nối, không tiếp nhận nước thải từ Bên B mà không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại nào cho Bên B khi thực hiện các hành động này, và Bên B không có quyền khiếu nại các biện pháp này cho đến khi Bên B thanh toán đủ các Phí Xử Lý Nước Thải, tiền phạt chậm thanh toán và các chi phí phát sinh khác có liên quan (nếu có). Trong thời hạn tối đa 48 giờ kể từ thời điểm Bên B thanh toán đủ Phí Xử Lý Nước Thải, tiền phạt chậm thanh toán và các chi phí phát sinh khác có liên quan (nếu có), Bên A sẽ khôi phục việc kết nối

và tiếp nhận nước thải từ Bên B. Trong trường hợp Bên B không thanh toán đủ hoặc chậm thanh toán Phí Xử Lý Nước Thải từ 6 tháng trở lên, Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này mà không phải bồi thường bất kỳ khoản nào cho Bên B, khi đó việc xử lý vi phạm này được thực hiện như quy định tại điểm a Điều 5.3.2 nêu trên. Để bảo vệ môi trường trong Khu Công nghiệp khi Bên A ngắt kết nối, không tiếp nhận nước thải từ Bên B, Bên B thừa nhận rằng Bên A có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền tạm đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên B nếu Bên B có khả năng gây ô nhiễm môi trường khi không được kết nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải của Bên A.

- 5.3.3 Nguyên tắc áp dụng các biện pháp xử lý tại Điều 5.3 như sau: Bên A được quyền áp dụng một hoặc đồng thời nhiều biện pháp xử lý được quy định cụ thể tại Hợp Đồng này, nếu việc áp dụng cùng lúc các biện pháp đó sẽ giải trừ chế tài nêu tại Điều 5.3 này thì ưu tiên áp dụng chế tài/biện pháp xử lý nghiêm khắc hơn. Việc xác định chế tài/biện pháp xử lý nghiêm khắc hơn sẽ do Bên A tự quyết định và lựa chọn.

ĐIỀU 6: THỦ TỤC GIAO NHẬN LÔ ĐẤT

6.1 Giao nhận thực địa Lô Đất

- 6.1.1 Việc giao nhận thực địa Lô Đất phải lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của đại diện Các Bên.
- 6.1.2 Bên A có nghĩa vụ cắm mốc định ranh. Bên B có trách nhiệm bảo vệ Lô Đất và có quyền tiến hành khoan thăm dò địa chất, lập hồ sơ xây dựng, tập kết vật tư, thiết bị để khởi công xây dựng sau thời điểm giao nhận thực địa Lô Đất.
- 6.1.3 Sự kiện giao nhận thực địa Lô Đất là để Bên B tiếp nhận, bảo quản đất, khởi công xây dựng mà không làm phát sinh toàn bộ các quyền của Bên B với tư cách chủ thể sử dụng đất thuê.
- 6.1.4 Việc giao nhận Lô Đất do Bên B chuyển nhượng nhà xưởng gắn liền với quyền sử dụng đất thuê sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 7 Hợp Đồng này.
- 6.1.5 Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, Bên A chỉ bàn giao Lô Đất trên thực địa cho Bên B vào trước hoặc cùng thời điểm làm thủ tục xin cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất và gửi thông báo bàn giao (các) Lô Đất cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B đã thanh toán đầy đủ cho Bên A các khoản đến hạn thanh toán tại Đợt được nhận bàn giao (các) Lô Đất đó. Trong bất kỳ trường hợp nào nếu Bên B có nhu cầu nhận bàn giao Lô Đất trước thời hạn so với tiến độ và điều kiện được nhận bàn giao Lô Đất được quy định tại Điều 3.2 thì Bên B phải thanh toán cho Bên A đủ 70% Tổng Tiền Thuê Đất (các) Lô Đất.
- 6.1.6 Việc Bên B trì hoãn việc nhận Lô Đất trên thực địa sẽ không làm Bên B được miễn nghĩa vụ trả Phí Quản Lý nêu tại Hợp Đồng này, nếu việc thông báo của Bên A đã gửi đến Bên B tuân thủ đúng các quy định tại Hợp Đồng này.

6.2 Cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên B

- 6.2.1 Bên A có trách nhiệm nộp hồ sơ để được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên B không quá 90 ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nêu tại Đợt Thông Báo Làm Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất của Tiến Độ Thanh Toán Tiền Thuê Đất quy định tại Điều 3.2 và Bên B đã nộp đầy đủ hồ sơ xin cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất theo Thông Báo của Bên A.
- 6.2.2 Hồ sơ xin cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên B gồm:
- a) Đơn (theo mẫu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền);
 - b) Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất;
 - c) Bản vẽ hiện trạng Lô Đất;
 - d) Chứng từ nộp thuế GTGT trên 100% tổng số Tiền Thuê Đất của các Lô Đất;
 - e) Bản vẽ hoàn công và các tài liệu khác khi Bên B hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng trên Lô Đất (nếu có);
 - f) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật và/hoặc theo yêu cầu/hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 6.2.3 Các chi phí liên quan đến thủ tục cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất do Bên B thanh toán.
- 6.2.4 Nếu quá thời hạn 90 ngày kể từ ngày Bên B thanh toán đủ 100% Tổng Tiền Thuê Đất và các khoản khác theo quy định tại Đợt Bàn Giao Giấy Chứng Nhận nêu tại Điều 3.2 và đã nộp đầy đủ hồ sơ xin Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên A (gọi tắt là "**Thời Hạn Bàn Giao Giấy Chứng Nhận**") mà Bên A chưa bàn giao được Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất này thì Bên A chấp nhận bị phạt với mức phạt theo lãi suất hằng 0,05%/ngày nhưng không quá 8% Tổng giá trị nghĩa vụ vi phạm tính từ thời điểm vi phạm cho tới ngày chính thức bàn giao Giấy Chứng Nhận. Nếu cơ quan nhà nước chậm bàn giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất thì Thời Hạn Bàn Giao Giấy Chứng Nhận nêu tại Điều này sẽ được gia hạn tương ứng với thời gian cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm cấp và giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên B mà Bên A không bị xem là vi phạm Thời Hạn Bàn Giao Giấy Chứng Nhận.

6.3 Thủ tục bàn giao lại Lô Đất khi chấm dứt Thời Hạn Thuê Đất hoặc khi chấm dứt Hợp Đồng:

- 6.3.1 Hai Bên tiến hành thanh lý Hợp Đồng này, nếu Bên B không ký Biên bản thanh lý nêu tại Hợp Đồng này, thì khi đó Bên A sẽ phát hành Thông Báo Thanh Lý Hợp Đồng gửi hợp lệ đến đúng địa chỉ, thông tin của Bên B nêu tại Hợp Đồng này ("**Thông Báo Thanh Lý Hợp Đồng**") thì Bên B luôn chấp nhận Thông Báo Thanh Lý Hợp Đồng này sẽ thay thế Biên Bản Thanh Lý Hợp Đồng, khi đó Hợp Đồng này mặc nhiên được thanh lý kể từ ngày Bên A phát hành Thông Báo Thanh Lý Hợp Đồng.
- 6.3.2 Bên B có trách nhiệm hoàn tất thủ tục chấm dứt đầu tư theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư và/hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh mà Cơ Quan Nhà Nước Có Thẩm Quyền đã cấp cho Bên

B theo quy định của pháp luật.

6.3.3 Bên B bàn giao lại cho Bên A Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất đã cấp cho Bên B theo Hợp Đồng này (nếu có). Tại đây, Bên B đồng ý ủy quyền cho Bên A toàn quyền thực hiện thủ tục xóa đăng ký cho thuê đất theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác. Trong trường hợp Bên B không bàn giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên A theo quy định tại Điều này, Bên B được xem như từ bỏ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất đã được cấp và khi đó Bên A được toàn quyền quyết định đối với Lô Đất và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện thủ tục xóa đăng ký cho thuê theo quy định tại Điều này.

6.3.4 Bên B bàn giao lại Lô Đất theo quy định tại Điều 2.2 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 7: CHUYỂN GIAO QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG

7.1 Bên B được phép chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này trong trường hợp: Bên B giải thể; chia; tách; sáp nhập; hợp nhất; hoặc chuyển nhượng tài sản trên đất gắn với quyền thuê đất cho bên thứ ba ("**Bên Nhận Chuyển Giao**") và Bên A cam kết hỗ trợ các thủ tục để Bên B chuyển giao, khi Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao đáp ứng đủ các điều kiện sau:

7.1.1 Pháp luật có hiệu lực tại thời điểm chuyển giao không cấm các giao dịch này.

7.1.2 Bên B đã thanh toán cho Bên A đủ Tổng Tiền Thuê Đất theo Hợp Đồng, Các Loại Phí Dịch Vụ Trong Khu Công Nghiệp và các nghĩa vụ đến hạn thanh toán theo Hợp Đồng này.

7.1.3 Bên Nhận Chuyển Giao đồng ý kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Bên B phát sinh từ Hợp Đồng này, các phụ lục đi kèm và các quy định nội bộ của Khu Công Nghiệp.

7.1.4 Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao chịu mọi khoản phí, lệ phí, thuế cho Nhà nước (kể cả thuế nhà thầu áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài) và Bên thứ ba (nếu có) kể cả các chi phí xây dựng, đấu nối hạ tầng vào hệ thống chung của Khu Công Nghiệp và các chi phí khác liên quan đến giao dịch.

7.1.5 (Các) Lô Đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất thuê của Bên B không bị thế chấp, hoặc đang là tài sản đảm bảo tại các tổ chức tín dụng; Lô Đất không bị kê biên để thi hành án, hoặc các hạn chế khác mà Bên B không được phép dịch chuyển tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7.1.6 Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao tuân thủ quy trình, điều kiện và thủ tục hành chính của Cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai và đầu tư.

7.1.7 Tuân thủ quy định tại Điều 7.2.

7.2 **Quy định chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này:**

7.2.1 Khi có nhu cầu chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này, Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao phải gửi văn bản đề nghị chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng cho Bên A và Ban Quản Lý Khu Kinh Tế tỉnh Bình Phước được

biết và chấp thuận trước khi tiến hành giao dịch ("**Văn Bản Đề Nghị Chuyển Giao**"). Văn Bản Đề Nghị Chuyển Giao là bắt buộc thực hiện trước khi Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao tiến hành các thủ tục chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng ở các bước tiếp theo.

- a) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận Văn Bản Đề Nghị Chuyển Giao, Bên A có trách nhiệm thông báo các nghĩa vụ đến hạn mà Bên B còn phải thanh toán cho Bên A theo Hợp Đồng này.
- b) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo này, Bên B có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ còn lại theo Hợp Đồng để tiến hành giao dịch với Bên Nhận Chuyển Giao.

7.2.2 Trừ khi pháp luật có quy định khác đi, Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao thực hiện các thủ tục hành chính với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- a) Văn bản cho phép chuyển nhượng; văn bản chấp thuận (chủ trương) đầu tư; Hợp Đồng chuyển nhượng được công chứng, chứng thực theo quy định; Quyết định thu hồi dự án đầu tư của Bên B/Văn bản chấm dứt dự án đầu tư; Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư của Bên Nhận Chuyển Giao tại Lô Đất; các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước liên quan đến giao dịch này.
- b) Bên A và Bên B ký Biên Bản Thanh Lý Hợp Đồng này, Bên A ký lại Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất với Bên Nhận Chuyển Giao (nếu có).
- c) Bên B bàn giao lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất của Bên B đã được cấp theo Hợp Đồng này; Các Bên tiến hành thực hiện thủ tục xóa đăng ký cho thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai đối với Bên B; Bên A thực hiện thủ tục đăng ký biến động do thay đổi Bên Thuê Lại Đất là Bên Nhận Chuyển Giao và/hoặc có văn bản xác nhận hoàn thành việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng cho Bên Nhận Chuyển Giao phù hợp với quy định của pháp luật.

7.2.3 Văn Bản Đề Nghị Chuyển Giao phải có các nội dung chính sau:

- a) Thông tin đầy đủ của Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao;
- b) Giá Chuyển Giao: (i) Giá Trị Lô Đất được chuyển giao và (ii) Giá Trị Tài Sản gắn liền với Lô Đất được chuyển giao; (iii) Lượng nước xả thải ra môi trường (nếu có).
- c) Thời điểm chuyển giao: ghi rõ cụ thể ngày dự kiến các bên ký kết và công chứng Hợp Đồng; Ngày Bên B tiến hành thủ tục chấm dứt dự án đầu tư ghi trên Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư trên Lô Đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trách nhiệm của mỗi bên đối với Bên A; các cam kết của Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao về tuân thủ quy định của pháp luật đầu tư và pháp luật đất đai; cam kết sử dụng đất đúng mục đích thuê nếu tại Điều 1.4 và các nội dung thỏa thuận khác (nếu có).

7.2.4 Bên B nộp cho Bên A khoản phí thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến việc thực hiện chuyển giao theo quy định tại Điều 7 này theo thông báo của Chủ Đầu

Tư nhưng không quá là 50.000.000 VND (Năm mươi triệu đồng) và Bên B có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ theo thông báo của Chủ Đầu Tư trước khi thực hiện chuyển giao theo quy định tại Điều 7 này.

- 7.3 Ngoài quy định tại Điều 7.1 thì Bên B được thực hiện chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này theo thủ tục đặc biệt khác như thừa kế; theo phán quyết của Trọng Tài; theo Quyết định/Bản án của tòa án nhân dân có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật; xử lý tài sản bảo đảm/thế chấp; các thủ tục đặc biệt khác, ... Bên B hoặc người kế thừa, người được Bên B ủy quyền thực hiện phải có trách nhiệm thông báo cho Bên A biết trước khi thực hiện và tiến hành các bước thủ tục theo quy định của pháp luật tương ứng; và thông báo kết quả cho Bên A sau khi các thủ tục nêu tại điều này đã thực hiện xong.
- 7.4 Các quy định nêu tại Điều 7.2 và Điều 7.3 này có thể thay đổi thứ tự thực hiện trước hay sau để Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao chủ động trong giao dịch. Tuy nhiên giao dịch Chuyển Giao Quyền Và Nghĩa Vụ Theo Hợp Đồng nêu tại Điều này chỉ hoàn thành và Bên Nhận Chuyển Giao chỉ được xác định là chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản và chủ sử dụng đất hợp pháp đối với (các) Lô Đất tại thời điểm Bên A hoàn thành thủ tục đăng ký biến động tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do thay đổi Bên Thuê Lại Đất là Bên Nhận Chuyển Giao.
- 7.5 Bên A được chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này theo quy định của pháp luật và Bên nhận chuyển giao phải tiếp tục thực hiện toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng này đối với Bên B. Khi tiến hành chuyển giao, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B được biết và thực hiện thủ tục cần thiết (nếu có).
- 7.6 Toàn bộ các thủ tục cũng như chi phí phát sinh liên quan đến việc chuyển giao theo Điều 7 của Hợp Đồng do Bên B tự thực hiện và thanh toán các chi phí có liên quan, trừ trường hợp quy định tại Điều 7.5.

ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Hợp Đồng này thì Bên A còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

8.1 Quyền của Bên A:

- 8.1.1 Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng khi Bên B vi phạm một trong các điều khoản của Hợp Đồng hoặc trong trường hợp Bên B vi phạm pháp luật khác chưa được quy định trong Hợp Đồng mà Bên B không thể khắc phục theo quy định tại Hợp Đồng này hoặc theo văn bản xử lý của cơ quan có thẩm quyền. Bên A không phải bồi thường bất kỳ khoản tiền nào cho Bên B khi đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo Điều này;
- 8.1.2 Yêu cầu Bên B thanh toán tiền đúng thời hạn; yêu cầu Bên B xây dựng đúng quy định về kỹ thuật, quy chuẩn, mỹ quan đã được duyệt bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; yêu cầu Bên B dừng thi công bất cứ lúc nào nếu nhận thấy Bên B vi phạm.
- 8.1.3 Có quyền yêu cầu ngừng hoạt động nếu Bên B vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, trật tự, an ninh và có các hoạt động liên quan.

8.1.4 Thu hồi và/ hoặc đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư và/hoặc Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất đối với (các) Lô Đất khi Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền Thuê Đất hoặc các loại phí, tiền độ đầu tư và/hoặc tiền độ sử dụng đất theo cam kết trong Hợp Đồng.

8.2 Nghĩa vụ của Bên A:

- 8.2.1 Đầu tư, xây dựng đường giao thông, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điện nguồn, cây xanh, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải và hệ thống cấp nước sạch hoàn chỉnh trong Khu Công Nghiệp kết nối với Lô Đất của Bên B theo tiến độ cam kết.
- 8.2.2 Hỗ trợ Bên B khi Bên B thực hiện các thủ tục đăng ký cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Chi Nhánh, Giấy phép xây dựng (nếu có).
- 8.2.3 Hỗ trợ Bên B khi Bên B ký hợp đồng cấp điện, cấp nước với đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước trong Khu Công Nghiệp.
- 8.2.4 Có trách nhiệm đầu tư nhà máy xử lý nước thải cho Khu Công Nghiệp theo tiến độ đã cam kết.
- 8.2.5 Có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, đảm bảo an ninh trật tự tại Khu Công Nghiệp trên cơ sở thu Các Loại Phí Dịch Vụ Trong Khu Công Nghiệp nêu tại Điều 4 trong suốt Thời Hạn Thuê Đất.
- 8.2.6 Bên A đảm bảo quyền sử dụng Lô Đất ổn định cho Bên B khi Bên B đã tuân thủ đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp Đồng này trừ trường hợp Lô Đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN B

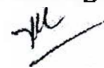
Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Hợp Đồng này thì Bên B còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

9.1 Quyền của Bên B

- 9.1.1 Được Nhà nước cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Lô Đất với hình thức thuê đất trả tiền một lần trong Khu Công Nghiệp. Trong trường hợp phải thay đổi hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bên A vẫn đảm bảo cho Bên B có quyền thuê đất, quyền sử dụng Khu Đất theo đúng Thời Hạn Thuê Đất nêu tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này; khi đó Bên A không chịu trách nhiệm về các thiệt hại (nếu có) khi phải thay đổi hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.

Để làm rõ, tại thời điểm ký Hợp Đồng này, Hai Bên xác nhận rằng Lô Đất của Bên A được nhà nước cho thuê đất là hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

- 9.1.2 Hương thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất.



- 9.1.3 Được bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình.
- 9.1.4 Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về những hành vi vi phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của mình và những hành vi khác vi phạm pháp luật về đất đai.
- 9.1.5 Góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; hoặc thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình trên đất thuê tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam sau khi đã thanh toán đủ 100% Tiền Thuê Đất (đã bao gồm Thuế GTGT) của (các) Lô Đất đó.
- 9.1.6 Bán tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình đồng thời với chuyển nhượng quyền thuê lại đất.
- 9.1.7 Bên B có quyền sử dụng Lô Đất thuê lại trong Khu Công Nghiệp đúng mục đích, đúng quy định của Khu Công Nghiệp và pháp luật Việt Nam.
- 9.2 Nghĩa vụ của Bên B**
- 9.2.1 Sử dụng Lô Đất đúng mục đích thuê, đúng ranh giới thửa đất, đúng quy định về độ sâu trong lòng đất và chiều cao trên không theo hồ sơ xây dựng đã được thẩm định hoặc phê duyệt và các quy định pháp luật có liên quan.
- 9.2.2 Tuân thủ các quy định, quy chế, nội quy Khu Công Nghiệp, không làm ảnh hưởng hoặc tổn hại đến lợi ích hợp pháp của Bên A và các chủ thể sử dụng đất khác trong Khu Công Nghiệp.
- 9.2.3 Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về việc tìm thấy cổ vật trong lòng đất.
- 9.2.4 Hoàn trả Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất, mặt bằng sạch khi Hợp Đồng chấm dứt và các trường hợp vi phạm Hợp Đồng bị buộc phải chấm dứt Hợp Đồng.
- 9.2.5 Bên B sử dụng Lô Đất để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với mục đích sử dụng đất và lĩnh vực đầu tư quy định trong Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên B và theo những quy định chung của Khu công nghiệp.
- 9.2.6 Bên B có trách nhiệm cung cấp những tài liệu pháp lý cần thiết và phối hợp cùng Bên A thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên B. Nộp lệ phí trước bạ và các khoản thuế, phí khác (nếu có) theo quy định của Nhà nước trước khi nhận Giấy Chứng Nhận.
- 9.2.7 Bên B cam kết tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường, khắc phục và bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường. Trường hợp Bên B tự đầu tư xây dựng vận hành hệ thống xử lý nước thải nội bộ thì hệ thống này vẫn phải chịu sự kiểm tra, giám sát bởi Bên A và/ hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thông qua các thiết bị dụng cụ quan trắc đo kiểm định, kiểm tra hồ sơ ghi chép theo dõi quá trình vận hành nhà máy xử lý nước thải của Bên B;
- 9.2.8 Bảo đảm các biện pháp phòng chống cháy nổ và thực hiện các biện pháp an ninh trật tự, vệ sinh môi trường theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.
- 9.2.9 Bên B tự xây dựng nhà xưởng, tường rào hoặc các kiến trúc khác phải phù hợp

với Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư, giấy phép xây dựng và theo đúng các quy định xây dựng công trình trong Khu Công Nghiệp và thực hiện việc ký quỹ xây dựng theo quy định của Bản Nội Quy hoặc theo thông báo của Chủ Đầu Tư (mức ký quỹ xây dựng dự kiến là 100.000.000 VND (Một trăm triệu đồng)). Mức ký quỹ này sẽ không được tính lãi trong mọi trường hợp và sẽ hoàn trả lại một phần hoặc toàn bộ tiền ký quỹ sau khi Bên B hoàn thành việc xây dựng và tùy thuộc vào mức độ gây ra bất cứ tổn hại nào của Bên B và Nhà thầu đến hạ tầng chung của Khu Công Nghiệp và các chủ thể lân cận khác trong suốt quá trình thi công xây dựng của Bên B.

- 9.2.10 Bên B chịu các chi phí lắp đặt trạm biến áp....., hệ thống đường dây nối từ chân tường rào vào công trình của Bên B bên trong Lô Đất; chi phí lắp đặt đường ống nối và đồng hồ nước từ tường rào tới công trình của Bên B bên trong Lô Đất.
- 9.2.11 Bên B nếu có nhu cầu xây dựng nhà xưởng hoặc các công trình phụ khác cần phải đào đường ống cấp nước, thoát nước hoặc các công trình công cộng khác ngoài phạm vi Lô Đất thì phải được sự đồng ý của Bên A trước khi tiến hành thi công và chịu mọi chi phí khôi phục lại hiện trạng ban đầu.
- 9.2.12 Để phục vụ cho việc giám sát, kiểm tra của bên A và thuận lợi trong hợp tác đầu nối các hạng mục hạ tầng (điện, nước, viễn thông, các công ra vào của Lô Đất với các trục đường của Bên A) trước khi nộp Hồ sơ thẩm định thiết kế, Bên B cung cấp cho Bên A các hồ sơ tài liệu sau: (i) bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể công trình nhà xưởng; (ii) Bản vẽ kiến trúc mặt chính của nhà máy; (iii) Hệ thống cấp, thoát nước của Lô Đất; (iv) hệ thống cấp điện Lô Đất. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, Bên A phải xem xét và thảo luận với Bên B để đạt hiệu quả kinh tế và kỹ thuật khi đầu nối các hạng mục cơ sở hạ tầng.
- 9.2.13 Trong quá trình hoạt động, Bên B chịu mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Chi Nhánh và các khoản thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của các quốc gia liên quan (nếu có).
- 9.2.14 Trường hợp Bên B cho bên thứ ba thuê lại văn phòng/kho/xưởng trong phạm vi Lô Đất đúng mục đích sử dụng đất thuê nêu tại Điều 1.4 thì Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A và phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A trước khi tiến hành ký hợp đồng cho thuê lại văn phòng/kho/xưởng với bên thứ ba.
- 9.2.15 Bên B không được phép đào, khoan giếng khai thác nước ngầm trong phạm vi Lô Đất thuê hay tại bất kỳ vị trí nào trong Khu Công Nghiệp khi chưa được sự chấp thuận của Bên A và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 9.2.16 Bên B cần chuẩn bị một bể chứa nước hoặc tháp nước riêng bằng phí tổn của Bên B để dự trữ nước trong trường hợp thiếu nước không do lỗi của Bên A và để duy trì áp suất nước ổn định trong quá trình sử dụng.
- 9.2.17 Bên B chịu trách nhiệm và bồi thường đầy đủ cho Bên A trong trường hợp Bên A bị thiệt hại về cơ sở hạ tầng Khu Công Nghiệp với bất cứ lý do nào phát sinh do việc làm cố ý hoặc không cố ý của Bên B hay nhân viên hoặc người thừa hành

của Bên B gây ra trong quá trình xây dựng và hoạt động sản xuất kinh doanh tại Khu Công Nghiệp.

ĐIỀU 10: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

10.1 Hợp Đồng chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- 10.1.1 Do Hai Bên thỏa thuận và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Trong trường hợp này, Các Bên thỏa thuận phương thức xử lý các nghĩa vụ, trách nhiệm còn lại của Các Bên khi chấm dứt Hợp Đồng.
- 10.1.2 Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 3.2.
- 10.1.3 Lô Đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi do các vi phạm pháp luật nghiêm trọng của Bên B. Trong trường hợp này, Bên B phải chấp nhận các thiệt hại từ việc bị thu hồi Lô Đất và chấm dứt Hợp Đồng trước hạn.
- 10.1.4 Trường hợp một trong các Bên bị phá sản thì Hợp Đồng chấm dứt hiệu lực và quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ căn cứ pháp luật phá sản. Bên A không có nghĩa vụ hoàn lại bất kỳ khoản tiền nào đã nhận từ Bên B kể cả trong trường hợp Bên B bị phá sản.

10.2 Các sự kiện bất khả kháng và nguyên tắc xử lý:

- 10.2.1 Sự kiện bất khả kháng có nghĩa là một sự kiện hoặc trường hợp bất thường:
 - a) Nằm ngoài khả năng kiểm soát của một Bên;
 - b) Bên đó không có thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết Hợp Đồng;
 - c) Đã xảy ra mà Bên đó không thể tránh hay khắc phục một cách hợp lý.
- 10.2.2 Sự Kiện Bất Khả Kháng có thể gồm, nhưng không giới hạn, những sự kiện hay trường hợp bất thường thuộc các loại được liệt kê dưới đây, nếu thỏa mãn các điều kiện nêu tại Điều 10.2.1 và không giới hạn bởi:
 - a) Chiến tranh, tình trạng chiến tranh (bất kể có tuyên bố chiến tranh không) sự xâm lược, hoạt động của kẻ thù nước ngoài;
 - b) Nổi loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, đảo chính hoặc nội chiến;
 - c) Nổi loạn, bãi công, hay bị bao vây;
 - d) Vũ khí đạn dược của chiến tranh, vật liệu nổ, phóng xạ ion hoặc ô nhiễm do hoạt động phóng xạ;
 - e) Các thiên tai như động đất, lở, bão hay hoạt động núi lửa.
 - f) Thay đổi quy định của pháp luật (luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận và liên quan trực tiếp đến việc tiếp tục thực hiện Hợp Đồng này mà không thể khắc phục.
- 10.2.3 Sự Kiện Bất Khả Kháng không bao gồm: việc thiếu sự cấp phép, giấy phép, giấy phép cư trú, nhập cảnh hoặc văn bản chấp thuận cần thiết cho việc thực hiện Hợp Đồng được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền; Khó khăn về tài chính; và tẩy chay, đình công và các vụ đóng cửa để gây áp lực, lãn công, chiếm giữ nhà máy, tòa nhà và các khu nhà, và dừng sản xuất, kinh doanh xảy ra ở nhà máy, tòa nhà thuộc (các) Lô Đất của Bên B.

10.2.4 Nguyên tắc xử lý:

- a) Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp Đồng nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đã:
 - (i) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do Sự kiện bất khả kháng gây ra.
 - (ii) Thông báo ngay cho Bên còn lại về Sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 24 giờ bằng điện thoại hoặc fax hoặc e-mail và trong vòng 48 giờ bằng văn bản sau khi xảy ra Sự kiện bất khả kháng.
- b) Trong trường hợp xảy ra Sự kiện bất khả kháng, trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của Hợp Đồng sẽ được kéo dài bằng với thời gian diễn ra Sự kiện bất khả kháng và thời gian khắc phục Sự kiện bất khả kháng. Thời hạn kéo dài này trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được phép vượt quá Thời Hạn Thuê Đất.
Bên bị ảnh hưởng được miễn trách nhiệm do công việc bị chậm trễ hoặc không thực hiện do Sự kiện bất khả kháng.
- c) Trong trường hợp Sự kiện bất khả kháng xảy ra mà một hoặc cả Hai Bên không thể khắc phục trong vòng 90 ngày hoặc không thể tiếp tục thực hiện Hợp Đồng thì Hai Bên thống nhất chấm dứt Hợp Đồng. Thiệt hại do Sự kiện bất khả kháng gây ra, mỗi bên sẽ chịu tương ứng với thiệt hại của mình, trừ các nghĩa vụ Bên B còn nợ Bên A tính đến thời điểm xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng. Bên A không có nghĩa vụ hoàn lại bất kỳ khoản tiền nào đã nhận từ Bên B kể cả trong trường hợp Bên B ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng.

ĐIỀU 11: THÔNG BÁO

- 11.1 Bất kỳ nội dung thông báo nào về Hợp Đồng này giữa Các Bên chỉ được xem là đã thông báo khi được thực hiện bằng văn bản và gửi bằng thư bảo đảm hoặc giao tận tay hoặc gửi đến số fax hoặc gửi qua thư điện tử phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam theo các thông tin đã nêu tại Hợp Đồng này (bao gồm cả thông tin thay đổi được thông báo giữa Các Bên).
- 11.2 Mọi thông báo, yêu cầu, khiếu nại hoặc thư từ giao dịch mà một Bên gửi theo Hợp Đồng này được xem là Bên kia nhận được:
 - 11.2.1 Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay có ký biên nhận hoặc gửi bằng thư điện tử; hoặc
 - 11.2.2 Vào ngày người gửi nhận được báo chuyển fax thành công trong trường hợp gửi bằng fax; hoặc
 - 11.2.3 Vào ngày thứ hai kể từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp thư chuyển phát nhanh hoặc thư bảo đảm.

11.3 Bên nhận thông báo là:

11.3.1 Bên A:

Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico

Địa chỉ: Tổ 2, Khu phố Xa Cam, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Hoặc Số 247 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người nhận: Bộ phận chăm sóc khách hàng Công ty Cổ phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico

Điện thoại: 0981 555 777 Email: customerservice@sikico.com

11.3.2 Bên B

Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam

Địa chỉ: Lầu 16, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 101 Tôn Dật Tiên, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Người nhận: Johnny Ng

Email: johnny@japfa.com

11.4 Một Bên sẽ không chịu trách nhiệm về việc Bên kia không nhận được các thông báo, kể cả việc gửi thông báo bàn giao, thông báo phạt hoặc thông báo đơn phương chấm dứt Hợp Đồng (nếu có) nếu việc gửi thông báo đã thực hiện đúng quy định nói trên.

11.5 Các Bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có thay đổi về địa chỉ, hình thức và tên người nhận thông báo; nếu khi đã có thay đổi này mà Bên có thay đổi không thông báo lại cho Bên kia biết thì Bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc Bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

12.1 Hai Bên cam kết tuân thủ các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này. Mọi thỏa thuận phải được lập thành văn bản, có chữ ký của cả Hai Bên, có dẫn chiếu sang Hợp Đồng này và tuyên bố hiệu lực áp dụng các điều khoản sửa đổi, bổ sung đó, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Tất cả các sửa đổi, điều chỉnh này được xem là phụ lục Hợp Đồng và là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng. Trường hợp Hợp Đồng và các Phụ lục Hợp Đồng phát hành cùng một thời điểm nhưng có nội dung mâu thuẫn nhau thì nội dung của Hợp Đồng sẽ đương nhiên được ưu tiên áp dụng. Nếu Hợp Đồng và các Phụ lục Hợp Đồng phát hành ở các thời điểm khác nhau mà có nội dung mâu thuẫn nhau thì văn bản được phát hành sau sẽ đương nhiên được ưu tiên áp dụng.

12.2 Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh mâu thuẫn thì trước hết phải được hai bên giải quyết thông qua con đường thương lượng hòa giải. Nếu một trong Hai Bên có hành vi gây cản trở việc thực hiện các điều khoản đã ghi trong Hợp Đồng, gây thiệt hại cho Bên kia thì phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm đó gây ra. Trong trường hợp Hai bên không tự giải quyết được thì hai bên sẽ đồng ý đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng để hai bên thực hiện. Trong thời gian chờ giải quyết của Tòa án,

Các Bên vẫn có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của mình nêu tại Hợp Đồng này.

- 12.3 Hai Bên cùng đồng ý rằng trong trường hợp có sự thay đổi pháp luật và/hoặc cơ quan Nhà nước không chấp nhận theo hình thức và/hoặc nội dung theo Hợp Đồng này và yêu cầu thực hiện theo hình thức, mẫu quy định và/hoặc nhằm phù hợp theo quy định của pháp luật tại thời điểm hiện hành để thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất hoặc trong trường hợp Bên A chuyển giao quyền và nghĩa vụ nêu tại Điều 7.5, thì Hai Bên sẽ cùng ký kết Hợp Đồng mới theo hình thức, mẫu được quy định tại thời điểm ký kết, trên cơ sở các nội dung cơ bản đã được thỏa thuận theo Hợp Đồng này. Bên được đề nghị không được từ chối ký kết lại Hợp Đồng theo quy định tại Điều này. Nếu từ chối, xem như Bên được đề nghị có lỗi, Bên đề nghị sẽ không phải chịu trách nhiệm gì trong trường hợp Hợp Đồng đã ký bị vô hiệu mà Bên được đề nghị không đồng ý ký kết lại Hợp Đồng mới.
- 12.4 Bên A được quyền tự điều chỉnh thiết kế, đề xuất và thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng (nếu có) của Khu Công Nghiệp mà không cần phải được sự đồng ý của Bên B, miễn sao sự điều chỉnh đó làm tăng giá trị của Khu Công Nghiệp và không làm mất đi quyền sử dụng hợp pháp Lô Đất của Bên B theo Hợp Đồng này, trừ trường hợp việc điều chỉnh này theo quy hoạch và/hoặc quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B khi có kết quả điều chỉnh chính thức (nếu có).
- 12.5 Các Bên thừa nhận rằng, các tên được đặt cho mỗi khu vực trong Khu Công Nghiệp không phải là một phần của Hợp Đồng này. Mọi việc sử dụng tên, nhãn hiệu, hình ảnh, logo Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico ngoài mục đích cung cấp thông tin, địa chỉ Nhà Đầu Tư cho đối tác, và/hoặc các tên, nhãn hiệu khác của Bên A đều phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A trước khi Bên B sử dụng.
- 12.6 Mỗi Bên đồng ý bảo mật và không tiết lộ hoặc thông báo dưới bất kỳ hình thức nào cho bên thứ ba (ngoại trừ các cố vấn, chuyên gia tư vấn, luật sư hoặc nhân viên của mình khi cần thiết để tư vấn, hoặc theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền) bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp Đồng này. Trong trường hợp một Bên vi phạm cam kết này, Bên kia có quyền thực hiện bất kỳ hoặc tất cả các biện pháp khắc phục kể cả yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài Hợp Đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 12.7 Các Bên cùng đồng ý rằng Hợp Đồng này cùng với các Phụ lục, Bản Nội Quy, quy chế, Quy định về Quản lý Xây dựng (Phụ lục 5); Quy chế xây dựng và kết nối hạ tầng trong KCN (Phụ lục 6) quy định chung trong Khu Công Nghiệp, ... và các tài liệu khác đính kèm Hợp Đồng này do Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp, Chủ Đầu Tư ban hành sẽ tạo thành một thỏa thuận hoàn chỉnh giữa Các Bên và là một phần không tách rời Hợp Đồng. Hợp Đồng này thay thế toàn bộ các thỏa thuận, ghi nhớ bằng văn bản hoặc bằng miệng trước đó liên quan đến nội dung cơ bản của Hợp Đồng này (bao gồm Biên Bản Ghi Nhớ) và Bên B hiểu và thừa nhận rằng Bên B sẽ kế thừa thực hiện toàn bộ các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên Thuê Lại Đất đã cam kết tại các văn bản này.
- 12.8 Bên B xác nhận rằng, bằng việc ký kết Hợp Đồng này, Bên B đã nghiên cứu kỹ, hiểu và

hoàn toàn đồng ý với các quy định trong Bản Nội Quy Khu Công Nghiệp đính kèm Hợp Đồng. Ngoài ra, Bên B chấp thuận và sẵn sàng ký kết bất kỳ cam kết, xác nhận nào theo yêu cầu của Bên A đối với Bản Nội Quy Khu Công Nghiệp và tuân thủ hoặc buộc người khác đang sử dụng Lô Đất tuân thủ nghiêm túc các quy định này.

- 12.9 Ngôn ngữ chính sử dụng trong Hợp Đồng, các phụ lục, văn bản, tài liệu kèm theo Hợp Đồng và các văn bản khác có liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng là tiếng Việt. Ngoài tiếng Việt, Các Bên có thể thỏa thuận sử dụng bản tiếng Hoa, tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt về nội dung giữa các ngôn ngữ thì bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng để giải thích, thực hiện và giải quyết tranh chấp (nếu có).
- 12.10 Sau thời điểm ký kết Hợp Đồng, Các Bên có thể thỏa thuận sửa đổi, bổ sung một, một số điều, khoản Hợp Đồng nhưng phải lập thành văn bản, có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của Các Bên,.
- 12.11 Hợp Đồng này được lập thành 6 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 4 bản, Bên B giữ 01 bản, 01 bản lưu tại Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Phước. Hợp Đồng có hiệu lực từ thời điểm ký kết.
- 12.12 Hai bên đã đọc kỹ và hiểu rõ các điều khoản quy định trong Hợp Đồng và tự nguyện ký tên bên dưới.



Arif Widjaja



Huỳnh Chánh Chung

PHỤ LỤC 1: TIỀN ĐỘ THANH TOÁN TỔNG TIỀN THUÊ ĐẤT
(Đính kèm Hợp Đồng số: JAPFA - SH02.2020/MOU.LSA)

1. Tiền độ thanh toán Tổng Tiền Thuê Đất

Dợt	Nội dung	Thời Hạn Thanh Toán	Tỷ lệ (%) so với Tổng Tiền Thuê Đất	Số tiền (VND)	Ghi chú
1	Đặt Cọc	ngay sau khi Bên B nhận Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư (dự kiến vào 25/12/2020)	35%	76.879.846.913	- Toàn bộ số tiền này (bao gồm tất cả các khoản Bên B đã thanh toán nếu tại Biên Bản Ghi Nhớ, nếu có) được gọi là "Tiền Đặt Cọc". - Đến hết Thời Hạn Thanh Toán Dợt 1 mà Bên B không đặt cọc đủ 35% Tổng Tiền Thuê Đất thì Hợp Đồng này đương nhiên bị hủy bỏ, Bên B bị mất toàn bộ số tiền đã thanh toán cho Bên A (nếu có).
2	Thanh toán đợt 2	25/01/2021	35%	76.879.846.913	- Đến hết Thời Hạn Thanh Toán Dợt 2 mà Bên B không thanh toán đủ thêm 35% Tổng Tiền Thuê Đất thì Hợp Đồng này đương nhiên bị hủy bỏ, Bên B bị mất toàn bộ số tiền đã thanh toán cho Bên A (bao gồm Tiền Đặt Cọc) - Sau khi thanh toán đủ 70% Tổng Tiền Thuê Đất, Bên B được nhận bàn giao (các) Lô Đất. Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A trước 15 ngày kể từ ngày dự kiến nhận bàn giao (các) Lô Đất tại giai đoạn này. Các Bên tiến hành bàn giao các Lô Đất trên thực địa theo quy định tại Điều 6 Hợp Đồng này.
3	Thanh toán đợt 3	25/02/2021	15%	32.948.505.820	
4	Thanh toán đợt 4	25/03/2021	15%	32.948.505.820	- Thực hiện thủ tục cấp GCN QSDĐ
TỔNG CỘNG			100%	219.656.705.466	

2. Phương thức xử lý Tiền Đặt Cọc

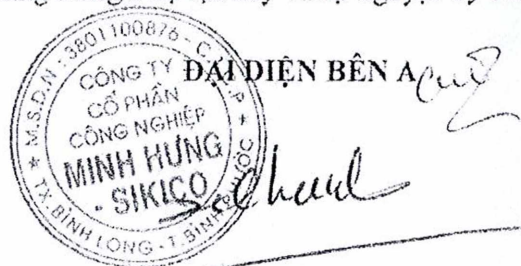
Bên A hoàn trả lại cho Bên B toàn bộ Tiền Đặt Cọc đã nhận, không có lãi, trong vòng 30 ngày kể từ ngày Các Bên chính thức xác nhận Cơ quan có thẩm quyền không cấp hoặc từ chối cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư cho Bên B mà không do lỗi của Bên B.

3. Phương thức xử lý việc thanh toán hoàn trả thay thế Tiền Đặt Cọc mà Bên B đã chuyển

Ngay sau khi Chi Nhánh Mới được thành lập, hoàn tất các thủ tục pháp lý về mở tài khoản vốn, nếu Chi Nhánh Mới và Bên B có yêu cầu bằng văn bản về việc chuyển lại khoản tiền đã đặt cọc để phù hợp quy chế góp vốn đầu tư thì Bên A sẽ hỗ trợ thủ tục này thông qua việc hoàn lại Tiền Đặt Cọc mà Bên B đặt cọc cho Bên A trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đủ Tiền Đặt Cọc thay thế do Chi Nhánh Mới chuyển cho Bên A. Các loại phí Ngân hàng, Bên B và Chi Nhánh Mới có trách nhiệm chi trả. Trong mọi trường hợp, Bên A chỉ hỗ trợ thực hiện thủ tục này trong phạm vi pháp luật cho phép.

4. Phụ lục này được ký đồng thời với Hợp Đồng, là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng.

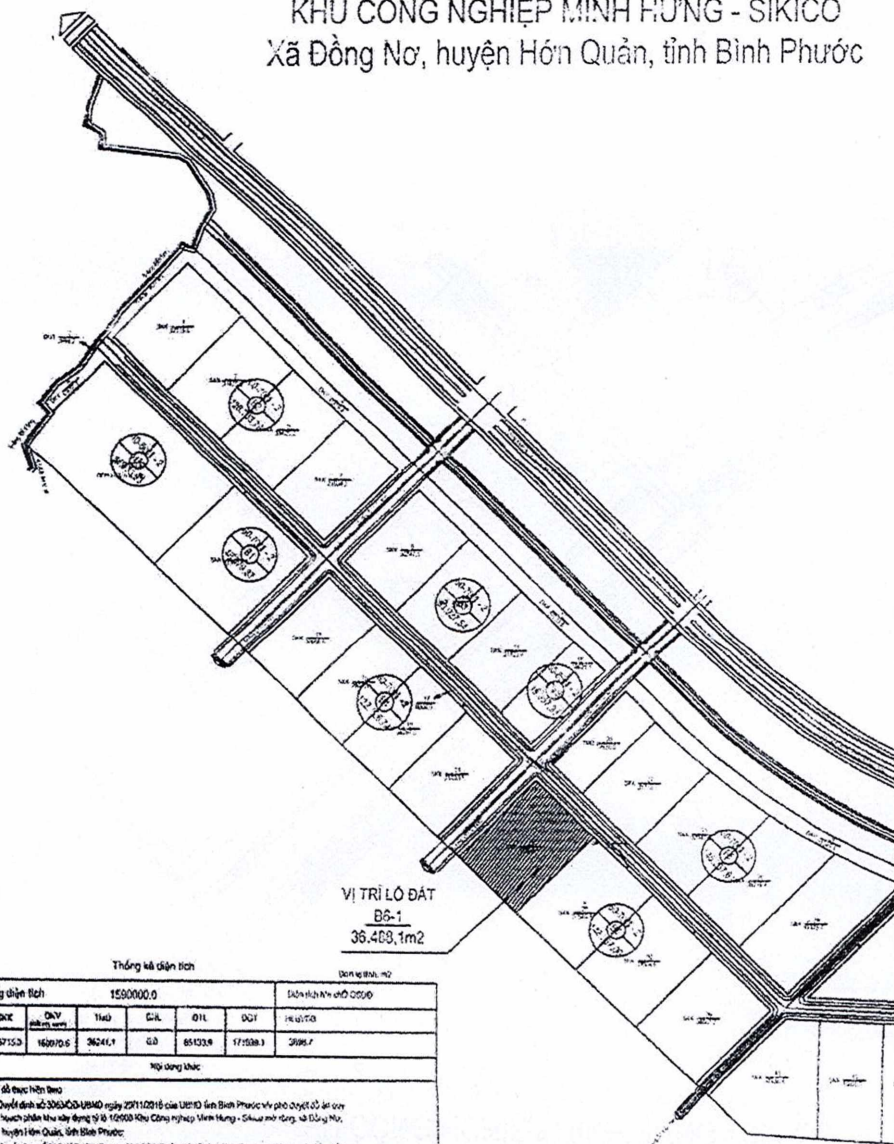
5. Hai bên đã đọc kỹ và hiểu rõ các nội dung trong Phụ lục này và tự nguyện ký tên bên dưới.



Huỳnh Thành Chung

PHỤ LỤC 2: SƠ ĐỒ, VỊ TRÍ CÁC LÔ ĐẤT
(Đính kèm Hợp Đồng số: JAPFA – SH02.2020/MOULSA)

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH
KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO
 Xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước



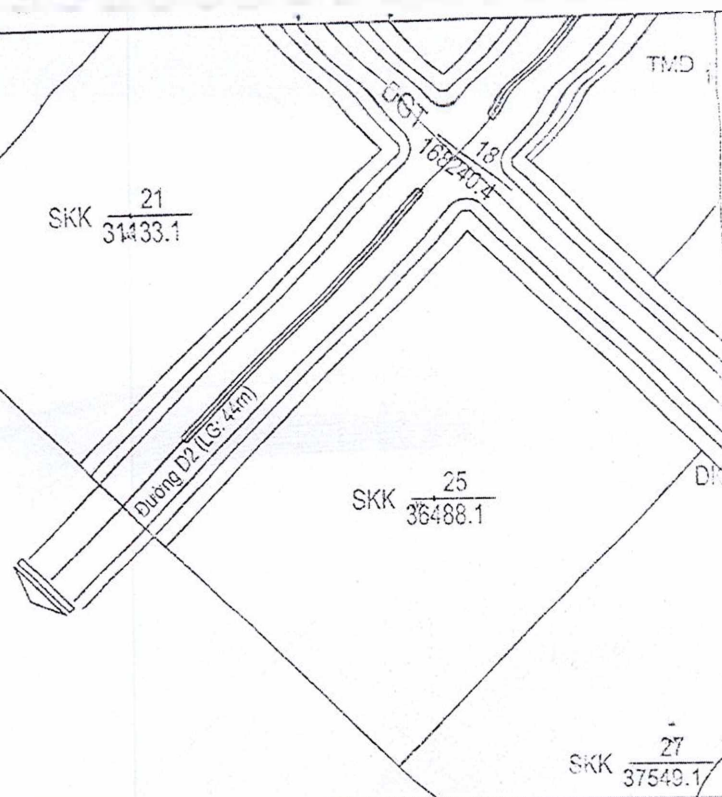
Thống kê diện tích

Tổng diện tích						Diện tích khu đất 025/0	
ĐVC	ĐVC	Thao	GiL	QTL	QDT	Tr. 01/03	Tr. 01/03
1128753	1699706	36241,1	0,0	85133,9	171538,1	36488,1	

Nội dung khác:

Tên chủ thực hiện báo

- Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt 02 dự án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1:20000 Khu Công nghiệp Minh Hưng - SIKICO mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt dự án chỉnh lý 30 quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1:20000 Khu Công nghiệp Minh Hưng - SIKICO mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 14/10/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt chỉnh đốn quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1:20000 Khu Công nghiệp Minh Hưng - SIKICO và Khu Công nghiệp Minh Hưng - SIKICO mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Bản đồ phục vụ chỉnh đốn quy hoạch 1:20000
- Diện tích đất giao thông 171538,1m² (tương đương với 25,2ha) thuộc 14/01/03

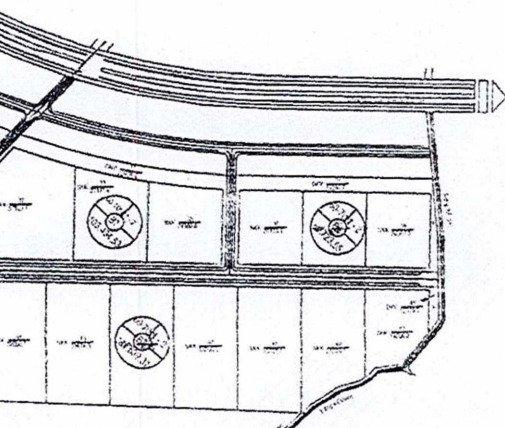


CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
MINH HƯNG - SIKICO

BẢN VẼ KHU ĐẤT

ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO

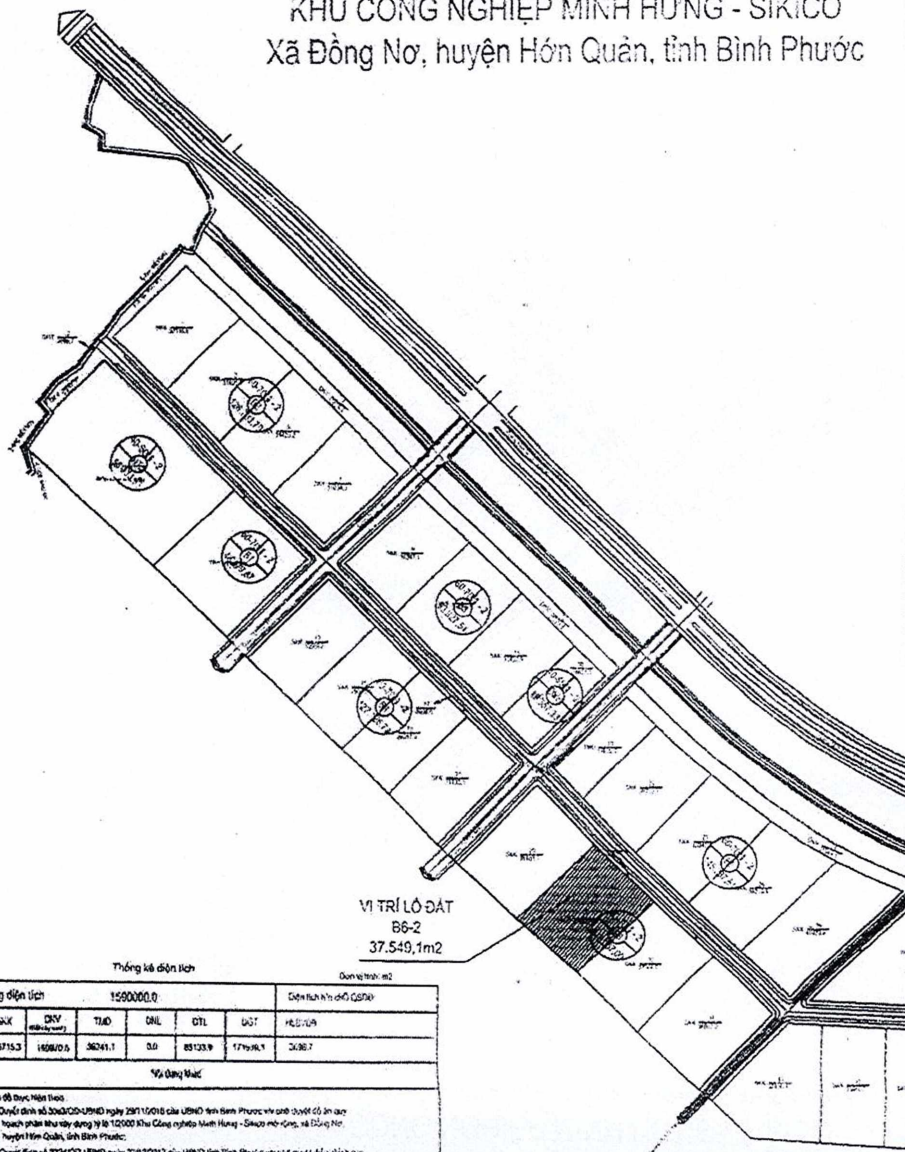
ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ



BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO

Xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước



VI TRÍ LÔ ĐẤT
B6-2
37.549,1m²

Thông kê diện tích

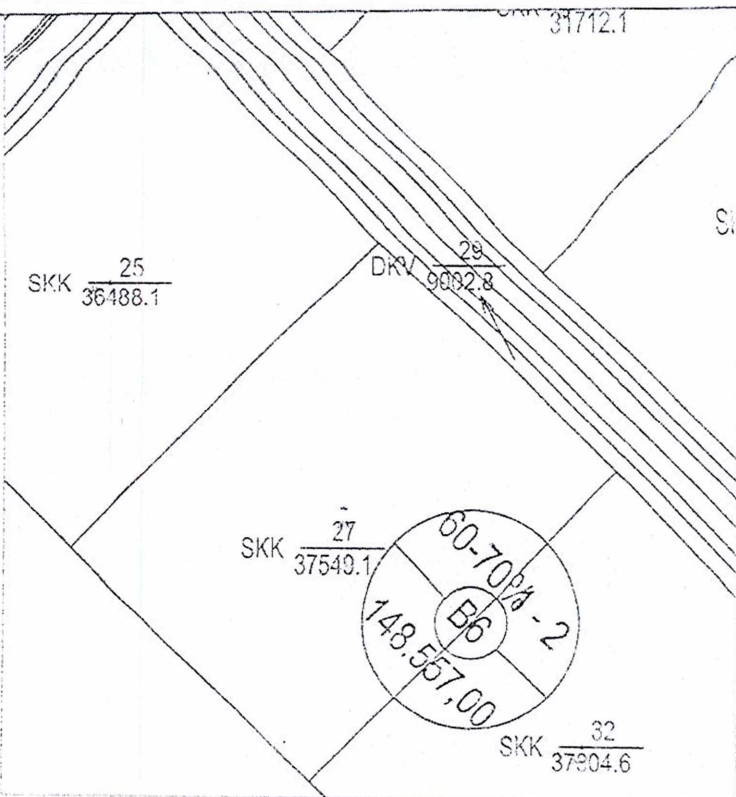
Đơn vị tính: m²

Tổng diện tích		1590000,0					Diện tích h/đ: 65/20	
SKK	ĐNV	TĐD	DNL	DTL	ĐVT	H/Đ/VH		
1128715,3	160870,5	36241,1	0,0	85123,9	17/10/1	20/8/7		

Vũ Quang Minh

Sản đồ được hiện theo:

- Quyết định số 3204/QĐ-UBND ngày 29/1/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1:20000 Khu Công nghiệp Minh Hưng - Saka mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 3304/QĐ-UBND ngày 22/2/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt đồ án chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1:20000 Khu Công nghiệp Minh Hưng - Saka mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 14/10/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1:20000 Khu Công nghiệp Minh Hưng - Saka và Khu Công nghiệp Minh Hưng - Saka mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Bản đồ phục vụ cho công tác đăng ký quyền sử dụng đất;
- Diện tích đất giao thông: 117938,1m² (trong đó có 3665,1m² thuộc H/Đ/VH).



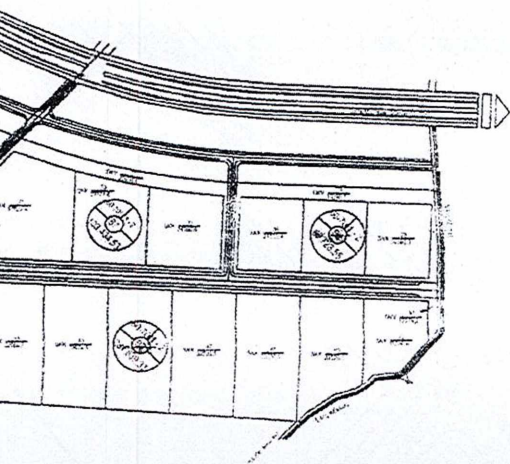
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
MINH HƯNG - SIKICO

BẢN VẼ KHU ĐẤT

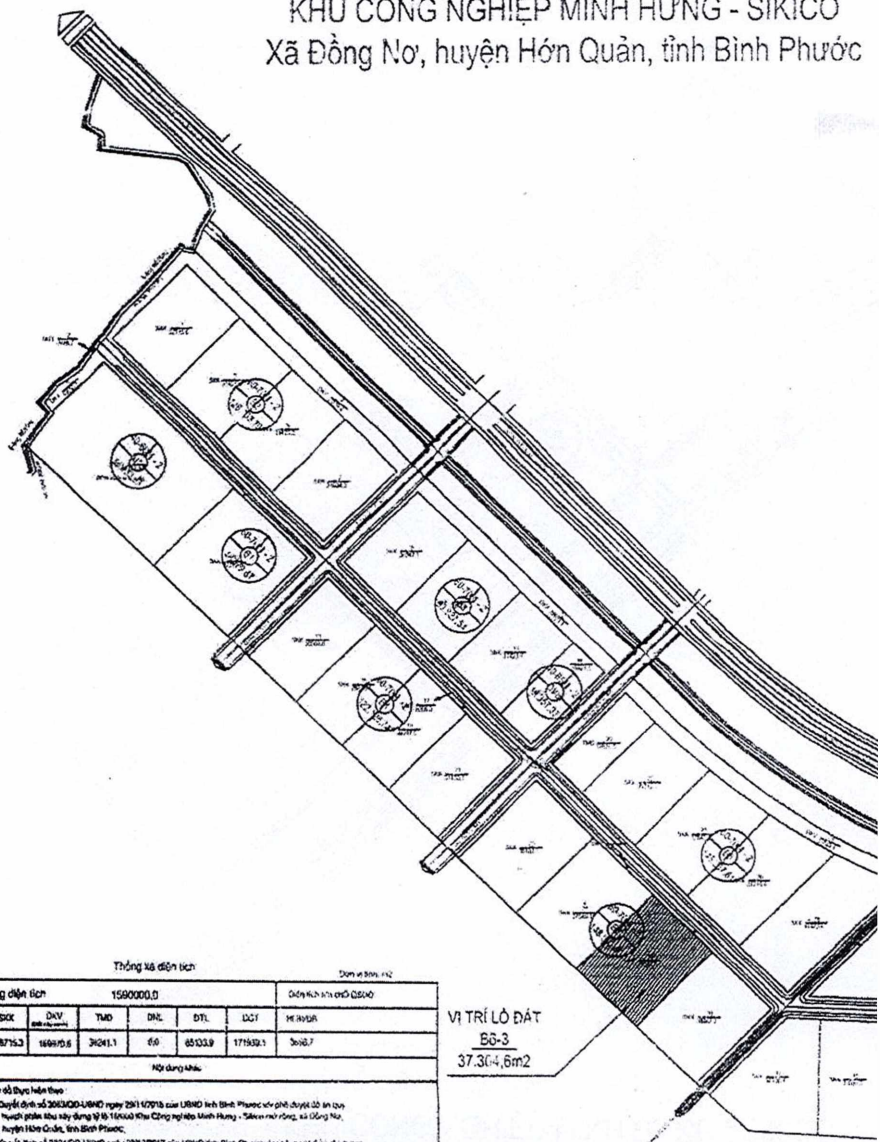
Đính Phụ lục, ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO

ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ



BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH
KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO
 Xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước



Thống kê diện tích

Đơn vị tính: ha

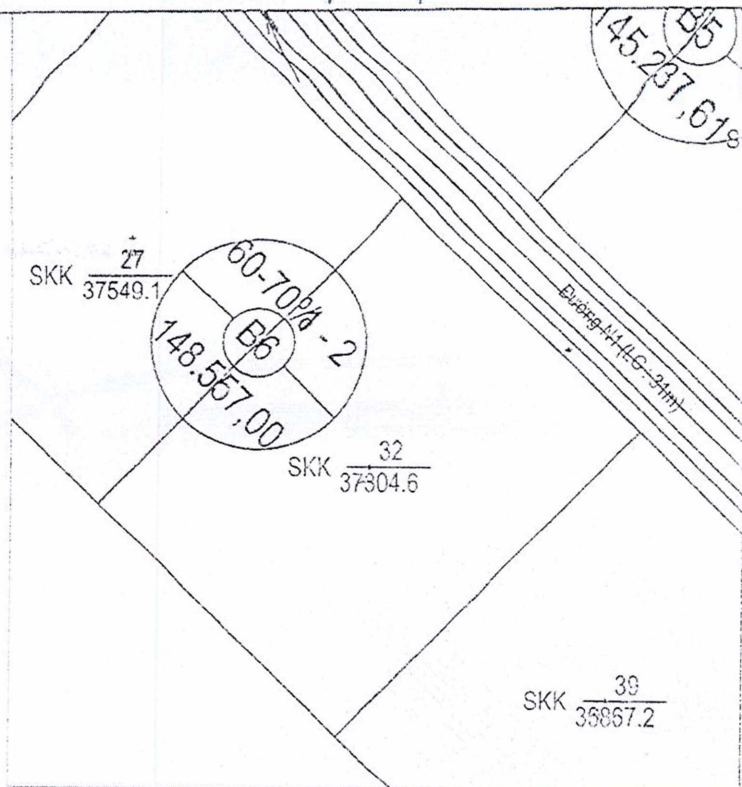
Tổng diện tích						Diện tích đất nông nghiệp	
SIKICO	ĐVY	TMD	DNL	DTL	ĐC/T	MI	HY/SH
11287563	1866/05	34041.1	6.6	65033.9	177839.1	3646.7	

Nội dung khác:

Bản đồ được hình thành:

- Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1:5000 Khu Công nghiệp Minh Hưng - SIKICO mới rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 3334/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1:5000 Khu Công nghiệp Minh Hưng - SIKICO mới rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 14/10/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1:5000 Khu Công nghiệp Minh Hưng - SIKICO mới rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Bản đồ phục vụ công tác đăng ký bất động sản;
- Diện tích đất giao bằng 177839,1m² (tổng số đất 3646,7ha) thuộc hệ thống kênh.

VI TRÍ LÔ ĐẤT
 B6-3
 37.3(-4,6m²)



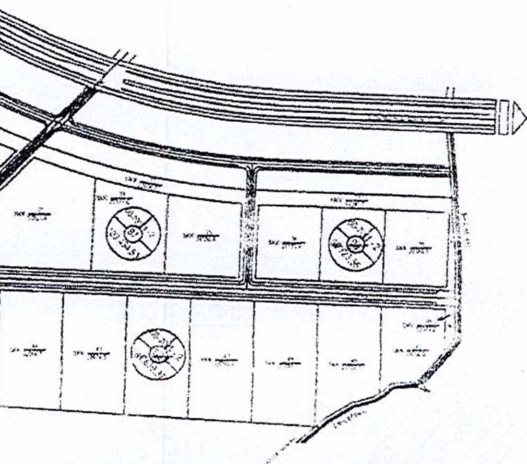
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
MINH HƯNG - SIKICO

BẢN VẼ KHU ĐẤT

Hưng Phúc, ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO

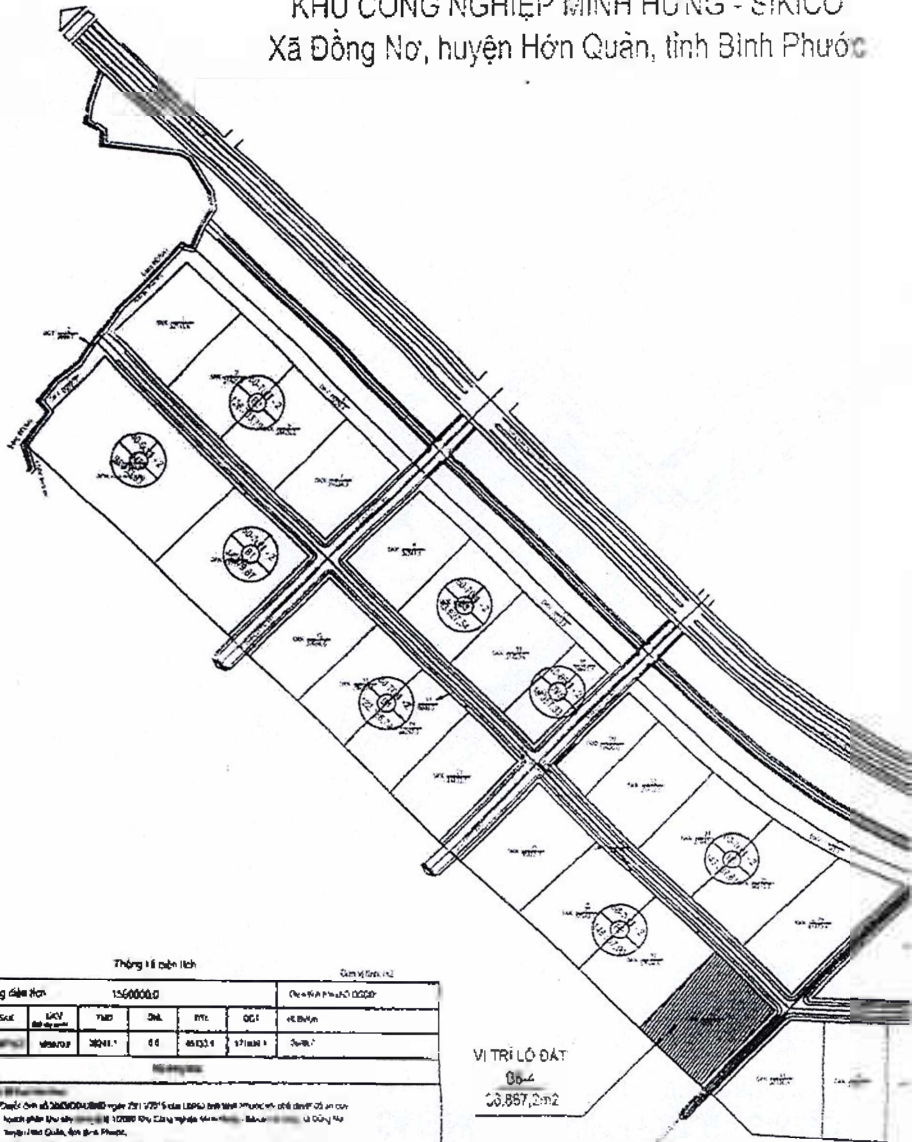
ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ



BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO

Xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước



Thống kê hiện trạng

Cum từ trước tới

Tổng diện tích	156000,0	Chưa tính thuế đất				
Số	Loại	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị	Đơn vị
156000,0	156000,0	36000,0	0,0	40000,0	171000,0	0,0
Hiện trạng						
1. Quyết định số 208/2004/QĐ-UBND ngày 20/11/2004 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt quy hoạch phân khu chức năng và quy hoạch chi tiết 1:50000 khu công nghiệp Minh Hưng - SIKICO, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. 2. Quyết định số 232/2004/QĐ-UBND ngày 20/12/2004 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Minh Hưng - SIKICO, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. 3. Quyết định số 232/2004/QĐ-UBND ngày 20/12/2004 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Minh Hưng - SIKICO, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. 4. Quyết định số 232/2004/QĐ-UBND ngày 20/12/2004 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Minh Hưng - SIKICO, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. 5. Quyết định số 232/2004/QĐ-UBND ngày 20/12/2004 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Minh Hưng - SIKICO, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.						

VỊ TRÍ LÔ ĐẤT

05-4

30.857,2m2

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
MINH HƯNG - SIKICO

BẢN VẼ KHU ĐẤT

Ban Phước, ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SGC00

DẠI DIỆN SẴN THUẾ

11/07/2022

PHỤ LỤC 3: BẢN SAO GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG CÁC LÔ ĐẤT
(Đính kèm Hợp Đồng số: JAPFA – SH02.2020/MOU.LSA)

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tiếp biến hoặc bổ sung bất kỳ nội dung vào trong Giấy chứng nhận. Nếu bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải làm báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

7 0 2 5 3 6 9 1 9 0 1 2 4 3 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sileco

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801100876 do Phòng Đăng ký kinh

doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 2 ngày 11/7/2018.

- Địa chỉ trụ sở chính: tổ 2, khu phố Xa Cạn, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

CT 568318

05/06/2018

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 25, tờ bản đồ số: 02 (Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico)
- b) Địa chỉ thửa đất: xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước,
- c) Diện tích: 36.438,1 m².
(Bằng chữ: ba mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi tám phẩy một mét vuông),
- d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
- đ) Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp,
- e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 30/5/2066.
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Miễn tiền thuê đất đối với diện tích 5.086.946,9 m² đất khu công nghiệp (đất SXKD phi nông nghiệp + đất thương mại dịch vụ + đất hạ tầng kỹ thuật) theo Quyết định số 2060/QĐ-CT ngày 13/12/2019 của Cục Thuế tỉnh cụ thể như sau:
 - + Tam miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản với số tiền: 39.432.697.716 đồng từ ngày 12/12/2019 đến ngày 11/12/2022 (tạm miễn 03 năm).
 - + Miễn tiền thuê đất ưu đãi theo địa bàn với số tiền: 197.163.488,58 đồng từ ngày 12/12/2022 đến ngày 11/12/2037 (miễn 15 năm)./.

Bình Phước, ngày 12 tháng 12 năm 2022

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

TUQ. CHỦ TỊCH

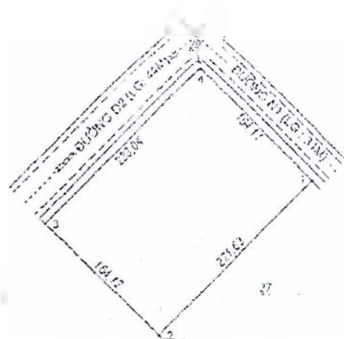
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Lê Hoàng Bình

Số vào sổ cấp GCN: CT...21111

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ 1:5.000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận trừ bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 0 2 5 3 6 0 1 9 0 1 9 4 3 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Siskico

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801100876 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 2 ngày 11/7/2018.
- Địa chỉ trụ sở chính: tổ 2, khu phố Xa Cam, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

CT 766020

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thửa đất số: 27, tờ bản đồ số: 02 (Khu công nghiệp Minh Hưng - Sứcco)
- Địa chỉ thửa đất: xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.
- Diện tích: 37.549,1 m².
(Bằng chữ: ba mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi chín phẩy một mét vuông).
- Hình thức sử dụng: sử dụng riêng.
- Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp.
- Thời hạn sử dụng: đến ngày 30/5/2066.
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Miễn tiền thuê đất đối với diện tích 5 086.946,9 m² đất khu công nghiệp (đất SXKD) phù nông nghiệp + đất thương mại dịch vụ + đất hạ tầng kỹ thuật) theo Quyết định số 2060/QĐ-CT ngày 13/12/2019 của Cục Thuế tỉnh cụ thể như sau:
 - Tạm miễn tiền thuê đất (trong thời gian xây dựng cơ bản với số tiền: 39.432.697.716 đồng từ ngày 12/12/2019 đến ngày 11/12/2022 (tạm miễn 03 năm).
 - Miễn tiền thuê đất ưu đãi theo địa bàn với số tiền: 197.163.488.58 đồng từ ngày 12/12/2022 đến ngày 11/12/2037 (miễn 15 năm).

Bình Phước, ngày 31 tháng 12 năm 2023
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Le Hoàng Lâm

Số vào sổ cấp GCN: CT... 2023

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ 1:500

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và vụ số ghi chép	Kiểm tra và ghi nhận của UBND huyện

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 0 1 3 3 6 6 1 9 6 1 0 4 6 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikico

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801100376 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 2 ngày 11/7/2018.
- Địa chỉ trụ sở chính: tổ 2, khu phố Xa Cam, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

CT 766323

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 32, tờ bản đồ số: 02 (Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico)
- b) Địa chỉ thửa đất: xã Đông Ngà, huyện Hòn Quán, tỉnh Bình Phước,
- c) Diện tích: 37.304,6 m²,
(Bằng chữ: ba mươi bảy nghìn ba trăm lẻ bốn phẩy sáu mét vuông),
- d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
- đ) Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp,
- e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 30/5/2056,
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả (tiền một lần).

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Miễn tiền thuê đất đối với diện tích 5.086.946,9 m² đất khu công nghiệp (đất SXKD) phi nông nghiệp + đất thương mại dịch vụ + đất hạ tầng kỹ thuật) theo Quyết định số 2060/QĐ-CT ngày 13/12/2019 của Cục Thuế tỉnh cụ thể như sau:
 - + Tạm miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản với số tiền: 39.432.697,716 đồng từ ngày 12/12/2019 đến ngày 11/12/2022 (tạm miễn 03 năm).
 - + Miễn tiền thuê đất ưu đãi theo địa bàn với số tiền: 197.163.488,58 đồng từ ngày 12/12/2022 đến ngày 11/12/2037 (miễn 15 năm),/.

Bình Phước, ngày 14 tháng 12 năm 2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

TUQ. CHỦ TỊCH

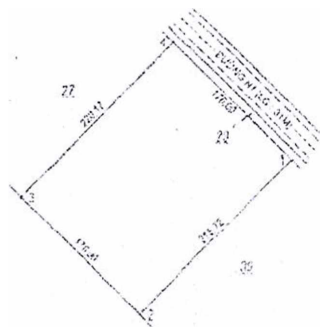
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Trà Hoàng Lâm

Số vào sổ cấp GCN: CT.....

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



1/500

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

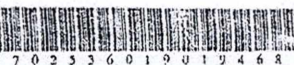
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

1/500

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 0 2 3 3 6 0 1 9 0 1 2 4 6 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikico

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801100876 do Phòng Đăng ký kinh

doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 2 ngày 11/7/2018.

- Địa chỉ trụ sở chính: tổ 2, khu phố Xa Cạn, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long,
tỉnh Bình Phước.

CT 766329

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 39, tờ bản đồ số: 02 (Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico)
- b) Địa chỉ thửa đất: xã Đông Ngạc, huyện Móng Quài, tỉnh Bình Phước,
- c) Diện tích: 36.867,2 m²,
(Bằng chữ: ba mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi bảy phẩy hai mét vuông).
- d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
- d) Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp,
- e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 30/5/2066,
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Miễn tiền thuê đất đối với diện tích 5.086.946,9 m² đất khu công nghiệp (đất SXKD phi nông nghiệp + đất thương mại dịch vụ + đất hạ tầng kỹ thuật) theo Quyết định số 2060/QĐ-CT ngày 13/12/2019 của Cục Thuế tỉnh cụ thể như sau:

+ Tạm miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản với số tiền: 39.432.697.716 đồng từ ngày 12/12/2019 đến ngày 11/12/2022 (tạm miễn 03 năm).

+ Miễn tiền thuê đất ưu đãi theo địa bàn với số tiền: 197.163.488,58 đồng từ ngày 12/12/2022 đến ngày 11/12/2037 (miễn 15 năm)./

Bình Phước, ngày 30 tháng 12 năm 2022

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

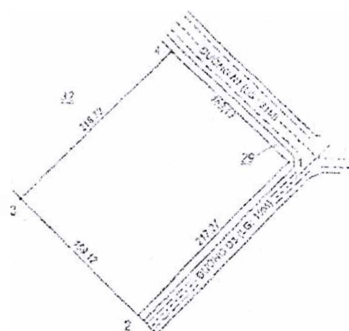
TU. CHU TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Số vào sổ cấp GCN: CT/2022/

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ 1:5.000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

PHỤ LỤC 4: THÔNG BÁO LẦN ĐẦU PHÍ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Đính kèm Hợp Đồng số: JAPFA – SH02.2020/MOULSA)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH
HUNG – SIKICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/TB.MHS.2020

Bình Phước, ngày tháng năm 2020

THÔNG BÁO

(về Mức thu lần đầu Phí Xử Lý Nước Thải trong Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico)

Kính gửi: Quý Khách Hàng

Lời đầu tiên, Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico xin trân trọng cảm ơn Quý Khách Hàng đã tin tưởng, lựa chọn Khu Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico làm nơi đầu tư và phát triển kinh doanh.

Chúng tôi hân hạnh được phục vụ Quý Khách Hàng và thông báo Phí Xử Lý Nước Thải trong Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico với mức thu lần đầu như sau:

Mức Level	BOD ₅ PPM	COD _{cr} PPM	Color Pt-Co	TSS PPM	T-N PPM	Phí Dịch Vụ Xử Lý Nước Thải Phải Trả / Payable Service Fee For Wastewater Treatment [USD/m ³]
						Đến tháng 12/2021 Until Dec 2021
A	B	C	D	E	F	G
1	50	150	150	100	40	0,45
2	65	195	195	130	52	0,58
3	75	225	225	150	60	0,65
4	100	300	300	200	60	0,80
5	125	375	375	250	60	0,90
6	150	450	450	300	60	1,22
7	300	750	750	400	60	1,22
8	500	1.050	1.050	500	60	1,22
9	700	1.350	1.200	500	60	1,22
10	800	1.500	1.200	500	60	1,22

- Lượng nước xả thải của Quý Khách Hàng sẽ được tính dựa trên số đo của đồng hồ đo lượng nước thải ra thực tế trong hoạt động kinh doanh của Quý Khách Hàng vào cuối mỗi tháng.
- Công suất được phép xả thải của Quý Khách Hàng sẽ được thực hiện, tuân thủ theo

quy định và điều kiện xả thải chung của Khu Công Nghiệp, và sẽ thực hiện phù hợp với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét cấp cho bên B.

- Việc xác định mức nước thải Loại B và quy trình kiểm soát và đánh giá tỷ lệ vượt chuẩn nước thải sẽ được quy định tại Phụ lục Xử lý Nước thải của Khu Công Nghiệp (bao gồm tiêu chuẩn xả thải, phương pháp đo đạc và công nghệ đo đạc).
- Trong trường hợp có bất kỳ chỉ tiêu nào ở các cột B, C, D, E, F rơi vào Mức cao hơn ở cột A thì Phí Dịch Vụ Xử Lý Nước Thải phải Trả của Mức cao nhất tương ứng sẽ được áp dụng và chỉ được áp dụng khi Chủ Đầu Tư đã có văn bản thông báo mức phí áp dụng đó cho Quý Khách Hàng.

Thời hạn áp dụng: Mức phí dịch vụ nêu tại thông báo này áp dụng kể từ ngày ký cho đến hết ngày 31/12/2021.

Kể từ ngày 01/01/2022, Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico sẽ thông báo mức phí dịch vụ mới gửi đến Quý Khách Hàng.

Một lần nữa, kính chúc Quý Khách Hàng đầu tư kinh doanh được thuận lợi và ngày càng phát triển bền vững tại Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico.

Trân trọng cảm ơn và kính chào.

*** Nơi nhận:**

- Quý Khách Hàng trong KCN;
- Lưu.
- Số điện thoại liên hệ: CSKH 0981 555 777

TỔNG GIÁM ĐỐC



**PHỤ LỤC 5: QUY CHẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH, KẾT NỐI VÀ SỬ DỤNG
HỆ THỐNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO**
(Đính kèm Hợp Đồng số: JAPFA – SH02.2020/MOULSA)

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ

Trong Quy Chế này, các thuật ngữ liên quan được hiểu như sau:

- 1.1 “**Chủ Đầu Tư**” hay “**Công Ty**” hoặc “**Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico**” là Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico (mã số thuế 3801100876) là Chủ Đầu Tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico, tại xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có mã số dự án: 1781864278, do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Bình Phước chứng nhận lần đầu cho Công Ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikico ngày 30/05/2016 và các giấy chứng nhận đầu tư thay đổi qua các thời kỳ.
- 1.2 “**Khu Công Nghiệp**” hay “**KCN**” hoặc “**Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico**” là Khu Công Nghiệp được thành lập theo Quyết định số 1970/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước ngày 18/07/2016 về việc thành lập Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico tại xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico do Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico làm Chủ Đầu Tư.
- 1.3 “**Nhà Đầu Tư**” là cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước có tư cách pháp nhân, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký đầu tư, thuê nhà, xưởng, hoặc thuê lại đất trong Khu Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico” xây dựng các công trình, nhà xưởng để sản xuất kinh doanh trong KCN.
- 1.4 “**Công Trình**” bao gồm và không giới hạn bởi: các công trình, nhà xưởng, kho bãi, nhà máy; công trình chính hoặc công trình phụ, công trình có yêu cầu phải xin cấp giấy phép xây dựng hoặc không xin giấy phép xây dựng được Nhà Đầu Tư và/Bên Thứ Ba đầu tư, xây dựng tại các khu đất thuê của Chủ Đầu Tư trong KCN.
- 1.5 “**Bên Thứ Ba**” là bao gồm các cá nhân, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp không phải là Nhà Đầu Tư nhưng có một hoặc một số hoạt động liên quan đến quá trình thi công xây dựng, giám sát, làm việc, hoạt động, vận hành, khai thác, kinh doanh và các hoạt động khác có liên quan trong KCN.
- 1.6 “**Nhà Thầu**” là Bên Thứ Ba, bao gồm: Nhà Thầu/đơn vị thiết kế, thi công, giám sát, cung ứng vật tư, trang thiết bị cho Nhà Đầu Tư để tiến hành triển khai thi công xây dựng, lắp đặt tại Công Trình.
- 1.7 “**Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp**” là toàn bộ các công trình hạ tầng chung của KCN bao gồm hệ thống đường giao thông, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc, các công trình công cộng, thoát nước, xử lý nước thải tập trung, kho tàng, bến bãi, hàng rào, cây xanh, bãi lưu giữ và khu xử lý chất thải rắn (nếu có), hệ thống phòng ngừa và ứng cứu sự cố thuộc trách nhiệm đầu tư xây dựng của Chủ Đầu Tư trong KCN theo quy định

pháp luật.

- 1.8 “Trạm Xử Lý Nước Thải” là công trình hạ tầng, thuộc Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp, có chức năng thu gom các loại nước thải từ nhiều nguồn khác nhau để xử lý theo tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.
- 1.9 “Bảo vệ môi trường” là các hoạt động nhằm giữ cho môi trường bên trong và vùng xung quanh KCN được trong sạch, cải thiện môi trường, ngăn chặn, khắc phục các hậu quả xấu do hoạt động công nghiệp gây ra cho môi trường.
- 1.10 “Quy Chế” là toàn bộ các nội dung được quy định tại bản Quy Chế này, bao gồm các bản sửa đổi, bổ sung được Chủ Đầu Tư ban hành tại từng thời điểm.
- 1.11 “Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất” là hợp đồng cho thuê lại đất được ký kết giữa Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico và Nhà Đầu Tư để xác lập quyền lợi và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư khi thuê lại đất của Chủ Đầu Tư tại Khu Công Nghiệp.
- 1.12 “Bên Nhận Chuyển Giao Quyền Và Nghĩa Vụ Theo Hợp Đồng” là bên thứ ba được phép nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư theo Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất.

Điều 2: Mục tiêu

- 2.1 Quy Chế này quy định việc quản lý thống nhất về xây dựng các Công Trình và kết nối, vận hành sử dụng Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp do Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico quản lý.
- 2.2 Đảm bảo Nhà Đầu Tư xây dựng Công Trình đúng quy hoạch chi tiết, kết nối Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp đồng bộ, hợp lý và các điều kiện về môi trường, mỹ quan chung của KCN.
- 2.3 Đảm bảo cho việc lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật và triển khai, vận hành, sử dụng dự án của Nhà Đầu Tư phù hợp với các điều kiện tự nhiên xã hội của khu vực.
- 2.4 Đảm bảo các điều kiện về an toàn, vệ sinh và điều kiện làm việc trong khu vực Công Trình xây dựng.
- 2.5 Đảm bảo việc sử dụng hiệu quả vốn đầu tư, đất đai, hạ tầng và các tài nguyên khác của dự án và của toàn KCN.

Điều 3: Đối tượng thực hiện

Quy Chế này được áp dụng cho tất cả cá nhân, đơn vị thuộc Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico, các Nhà Đầu Tư và Bên Thứ Ba kết nối, làm việc, thi công, khai thác, kinh doanh, vận hành và thực hiện các hoạt động khác có liên quan trong quá trình sử dụng Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp.

Điều 4: Phạm vi áp dụng

- 4.1 Việc quản lý, xây dựng Công Trình, kết nối, khai thác, vận hành sử dụng Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp phải tuân thủ Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản pháp luật liên quan, các quy định của Công Ty và Quy Chế này.
- 4.2 Các tiêu chuẩn xây dựng nêu tại Quy Chế này là các yêu cầu kỹ thuật tối thiểu mà Nhà Đầu Tư phải thực hiện để triển khai xây dựng các Công Trình nhà máy, kho xưởng hoặc các Công Trình hạ tầng cơ sở khác và tuân thủ theo giấy phép được cơ quan thẩm quyền cấp.

- 4.3 Các tiêu chuẩn xây dựng tại Quy Chế này dựa trên cơ sở: Quy định việc sử dụng đất, xây dựng Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp đã được phê duyệt, đảm bảo cảnh quan kiến trúc, bảo vệ môi trường và an toàn trong xây dựng, quản lý, khai thác sử dụng các Công Trình trong ranh giới quy hoạch chi tiết KCN đã được phê duyệt.
- 4.4 Các tiêu chuẩn này là cơ sở cho việc lập dự án, thiết kế, kiểm tra quá trình xây dựng, nghiệm thu cho phép sử dụng Công Trình và kết nối Công Trình vào Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp cũng như quản lý vận hành sử dụng, khai thác Công Trình.
- 4.5 Các tiêu chuẩn xây dựng này không bao gồm những quy định liên quan đến thủ tục hành chính, quản lý về xây dựng, trật tự, vệ sinh công cộng.
- 4.6 Căn cứ vào các nội dung quy hoạch chi tiết Khu Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico đã được duyệt và Quy Chế này, Chủ Đầu Tư có trách nhiệm hướng dẫn các Nhà Đầu Tư thực hiện triển khai dự án; thỏa thuận các giải pháp kiến trúc, quy hoạch các Công Trình xây dựng; thống nhất vị trí và kế hoạch thi công kết nối hạ tầng của Công Trình vào Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp; sau đó thỏa thuận, cam kết hoặc ký kết hợp đồng về khai thác, vận hành sử dụng, quản lý hạ tầng KCN.
- 4.7 Những trường hợp hạn chế đối với những Công Trình đặc biệt sẽ được quy định cụ thể bổ sung bằng văn bản.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 5: Thiết kế xây dựng

- 5.1 Thiết kế xây dựng phải tuân theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do Nhà nước ban hành. Nếu Nhà Đầu Tư áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng của nước ngoài thì phải được chấp thuận của Bộ Xây dựng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép bằng văn bản.
- 5.2 Nhà Đầu Tư chỉ được khởi công xây dựng Công Trình sau khi có đủ hồ sơ hợp lệ, có quyết định thẩm định thiết kế kỹ thuật Công Trình, đã thông báo và được chấp thuận của Chủ Đầu Tư.

Điều 6: Khởi công xây dựng Công Trình

- 6.1 Trước khi khởi xây dựng, trong thời hạn 10 ngày Nhà Đầu Tư cung cấp cho Công Ty các hồ sơ sau:
 - a) Giấy phép đầu tư (01 bản sao y có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền).
 - b) Quyết định chấp thuận thiết kế kỹ thuật hoặc giấy phép xây dựng (01 bản sao y có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền).
 - c) Bộ hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được cơ quan chức năng thẩm định (01 bản sao y).
 - d) Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy (PCCC) và thiết bị PCCC (01 bản sao y có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền).
 - e) Giấy đăng ký chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường (01 bản sao y có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền).
 - f) Nhà Đầu Tư cung cấp thông tin về Nhà Thầu: tên Công Ty, địa chỉ, số điện thoại, fax, người đại diện chỉ huy trưởng Công Trình, giám sát kỹ thuật, danh sách các

đội thi công và dựng biển báo tại công trường để Công Ty và các đơn vị quản lý chức năng liên hệ khi cần thiết.

6.2 Thông báo và cung cấp cho Chủ Đầu Tư các công việc khác:

- a) Nhà Đầu Tư và Nhà Thầu thông báo kế hoạch, tiến độ thi công hệ thống thoát nước mưa, nước thải cho Công Ty.
- b) Nhà Thầu phải đăng ký nhân sự tạm trú với Công an địa phương và chịu trách nhiệm quản lý nhân sự của mình trong thời gian thi công và bảo hành Công Trình. Công nhân thi công không ở lại ban đêm (từ 6 giờ tối hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau) trong công trường, ngoại trừ cán bộ quản lý, thủ kho, bảo vệ đã có đăng ký tạm trú và đã thông báo với Chủ Đầu Tư và/hoặc Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp.
- c) Trước khi thi công Công Trình, Nhà Thầu xây dựng thực hiện ký quỹ và gửi cho Công Ty bản cam kết xây dựng Công Trình đúng tiêu chuẩn xây dựng trong Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico và phối hợp thường xuyên với cán bộ kỹ thuật của Công Ty để được hướng dẫn trong quá trình thi công xây dựng. Nội dung cam kết của Nhà Thầu tham khảo theo biểu mẫu đính kèm.
- d) Ký quỹ của Nhà Thầu: Tất cả Nhà Thầu thi công trong KCN sẽ ký quỹ cho Chủ Đầu Tư số tiền 100.000.000 VND (một trăm triệu đồng) trong suốt thời gian thi công.
 - (i) Nhà Thầu phải khắc phục ngay các hành vi vi phạm ảnh hưởng đến các công trình thuộc Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp hoặc của Nhà Đầu Tư khác bị ảnh hưởng do hành vi vi phạm này gây ra hoặc sửa chữa ngay những tổn thất, thiệt hại, gia cố hoặc chỉnh sửa lại hệ thống hạ tầng, đường xá trong khu vực thi công trước khi yêu cầu Chủ Đầu Tư nghiệm thu xác nhận hoàn thành thi công. Nếu Chủ Đầu Tư tự sửa chữa hoặc thuê Nhà Thầu khác sửa chữa khắc phục, thì chi phí đó sẽ tính trừ vào tiền ký quỹ, nếu số tiền trừ vượt quá số tiền ký quỹ thì sẽ tính theo số tiền phát sinh thực tế, Nhà Đầu Tư phải trả toàn bộ số tiền khắc phục, sửa chữa phát sinh trên thực tế.
 - (ii) Tiền ký quỹ sẽ được hoàn trả không tính lãi sau khi đã được Chủ Đầu Tư và Nhà Thầu cùng ký biên bản nghiệm thu Công Trình.
 - (iii) Nhà Thầu phải đảm bảo rằng các kiến trúc công trình thuộc Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp hoặc của Nhà Đầu Tư lân cận luôn trong tình trạng tốt và an toàn. Các Công Trình đang thi công không được gây nguy hiểm cho các Nhà Đầu Tư khác, Bên Thứ Ba quanh khu vực đang thi công.
 - (iv) Nhà Thầu sẽ đóng tiền ký quỹ cùng với thư cam kết cho **Chủ Đầu Tư** trước khi bắt đầu công việc trong KCN.
- e) Trước khi trình cơ quan chức năng thẩm định bản vẽ thiết kế kỹ thuật Công Trình (đặc biệt là các hạng mục Công Trình hạ tầng của dự án có đầu nối vào hạ tầng chung của KCN như: Hệ thống giao thông, điện, cấp thoát nước, thông tin, vv ...), Nhà Đầu Tư tham khảo ý kiến của Công Ty để được tư vấn và thống nhất đầu nối hạ tầng theo quy định.

1) Nhà Thầu phải lập nhật ký thi công xây dựng Công Trình.

Điều 7: Các yêu cầu xây dựng Công Trình

- 7.1 Nhà Đầu Tư khi thiết kế và thi công các hạng mục Công Trình phải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật đã quy định và tiêu chuẩn do Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico yêu cầu.
- 7.2 Nhà Đầu Tư và Nhà Thầu chỉ được xây dựng trong phần đất Nhà Đầu Tư được phép thuê lại và đã được Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico giao mốc chỉ giới và cao độ mặt bằng để đảm bảo thoát nước cho dự án. Cao độ mặt bằng sàn nền không cao quá 0,1 mét so với tìm đường tại khu vực dự án Công Trình.
- 7.3 Các khu đất nằm ở góc (tiếp giáp với các nút đường giao thông) phải thực hiện phần cắt góc theo quy định về an toàn giao thông.
- 7.4 Ngoại trừ nhà bảo vệ, còn lại các Công Trình khác như nhà văn phòng, kho bãi, nhà xưởng, ... trong khu đất thuê phải có hành lang phòng cháy chữa cháy, cây xanh, các Công Trình này phải cách ly với tường rào của khu đất; không được đầu nối cửa hoặc cổng trực tiếp từ các Công Trình này ra đường giao thông chung của KCN.
- 7.5 Công Trình xây dựng không làm ảnh hưởng cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật KCN và Công Trình lân cận; nếu làm hư hỏng, mất mát phải bồi hoàn.
- 7.6 Trong quá trình chuẩn bị, đầu tư xây dựng và vận hành dự án Nhà Đầu Tư chịu trách nhiệm tuân thủ các nội dung liên quan đến công tác quản lý môi trường như: Xây dựng các Công Trình xử lý nước thải, khí thải, ... và tổ chức vận hành đảm bảo đúng các quy định đã được phê duyệt. Trước khi đưa Công Trình vào hoạt động chính thức phải mời Công Ty và các cơ quan quản lý nghiệm thu và công nhận.
- 7.7 Không gây ô nhiễm môi trường quá giới hạn tiêu chuẩn cho phép. Phải xử lý hoặc di chuyển chất thải rắn ra ngoài KCN; xử lý bụi, tiếng ồn, nước thải Công Trình (nếu có) trong khi xây dựng.
- 7.8 Nhà Đầu Tư, Nhà Thầu xây dựng không được tự ý di chuyển đất nền, xà bần còn thừa ra ngoài Công Trình hoặc lấy đất trong KCN để sử dụng cho Công Trình. Nhà Đầu Tư, Nhà Thầu xây dựng cần di chuyển đất nền, xà bần còn thừa ra ngoài Công Trình phải liên hệ với Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico để được hướng dẫn đổ đất đúng nơi quy định.
- 7.9 Xe máy Công Trình hoạt động và tập kết đúng nơi quy định. Xe vận chuyển vật liệu xây dựng, thiết bị, hàng hóa, vv ... phải đảm bảo tải trọng, quy cách, đi đúng tuyến đường và tốc độ quy định, có bạt che, không để rơi vãi vật tư xuống đường, không làm hỏng mặt đường và các hạng mục hạ tầng khác, nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến việc sử dụng hạ tầng KCN, Nhà Đầu Tư và các Nhà Thầu liên quan chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.
- 7.10 Nhà Thầu phải có trách nhiệm tự bảo vệ tài sản, giữ gìn trật tự an ninh, an toàn – vệ sinh lao động trong quá trình thi công, phải tuân thủ quy định và phối hợp chặt chẽ với bảo vệ của Công Ty.

Điều 8: Các tiêu chuẩn về xây dựng hàng rào, cổng của Nhà Đầu Tư

8.1 Hàng rào:

- a) Xây dựng hàng rào đúng đường ranh, mốc đã được bàn giao. Trước khi thi công, Nhà Thầu phối hợp với Công Ty để định vị lại ranh, mốc tại hiện trường.
- b) Phần ranh giới khu đất tiếp giáp với các khu đất khác phải xây dựng tường rào. Việc xây dựng và quản lý hàng rào ranh giới chung giữa các khu đất tiếp giáp nhau sẽ do các Nhà Đầu Tư tự thoả thuận, tránh lấn đất, lãng phí đất, làm ảnh hưởng đến nền đất hàng rào và Công Trình khu đất bên cạnh.
- c) Phần ranh giới khu đất tiếp giáp với đường giao thông của KCN, phải xây dựng hàng rào thoáng có song sắt. Hàng rào được chia làm 3 phần:
 - (i) Phần móng: Xây dựng ở độ sâu hợp lý để đảm bảo độ ổn định, bền chắc của tường rào, không làm ảnh hưởng nền đất và các Công Trình lân cận.
 - (ii) Phần đế: Được xây dựng bit kín có chiều cao tính từ nền đất là 70cm đến 100cm.
 - (iii) Phần song sắt: Được xây dựng thông thoáng, chiều cao đến 200cm.
- d) Để đảm bảo tầm nhìn an toàn giao thông, các Công Trình ở góc hàng rào tại vị trí có nút giao thông phải xây dựng thông thoáng, đẹp mắt.
- e) Sau khi xây dựng hàng rào hoặc các hạng mục Công Trình tiếp giáp với đất cây xanh, lộ giới, vỉa hè, vv ... Nhà Thầu cùng Nhà Đầu Tư Công Trình phải gia cố nền móng chắc chắn, đúng cao độ và vệ sinh xung quanh sạch sẽ.

8.2 Cổng:

- a) Cổng không được xây dựng tại vị trí đối diện với cột điện, hồ ga hoặc hạng mục Công Trình nổi hiện hữu. Trong quá trình xây lắp và sử dụng cổng, Nhà Đầu Tư phải đảm bảo đúng quy chuẩn kỹ thuật, không được làm hư hại đến hạng mục Công Trình ngầm và hạ tầng xung quanh của KCN.
- b) Đối với những khu đất nằm ở góc (tiếp giáp với các nút đường giao thông) cổng phải đặt ở vị trí cách xa góc tối thiểu là 20m (hai mươi mét) nhằm đảm bảo an toàn giao thông.
- c) Phần vỉa hè hai bên phía ngoài cổng chính (tiếp giáp với vỉa hè của đường trước Cổng đến hàng rào của Nhà Đầu Tư) có chiều ngang mỗi bên 2,7m đến 3m (tính từ mép ngoài cổng đến mép đường phía ngoài cổng) và phải được xây dựng và/hoặc lát gạch cùng chủng loại hoặc tương thích với gạch lát vỉa hè hiện hữu.
- d) Tùy theo diện tích, vị trí khu đất và quy mô ngành nghề sản xuất kinh doanh, Nhà Đầu Tư có thể mở cổng phụ, lối thoát hiểm, nhưng phải được sự đồng ý của Công Ty trước khi xây dựng.
- e) Cổng và khu vực xung quanh cổng phải có kiến trúc đẹp và sạch sẽ. Logo biểu tượng, tên đơn vị, doanh nghiệp hoặc các chỉ dẫn, quảng cáo khác phải đúng nội dung, trình bày theo đúng quy định và tuân thủ pháp luật về quảng cáo và treo bảng quảng cáo.

Điều 9: Hệ số sử dụng đất và bố trí cây xanh

9.1 Mật độ xây dựng: Mật độ xây dựng là tỷ lệ giữa diện tích xây dựng tầng trệt và diện tích lô đất, trong các lô đất xây dựng công nghiệp quy định như sau:

- a) Mật độ xây dựng: $\leq 70\%$.
- b) Tầng cao Công Trình: Không quy định, phụ thuộc vào yêu cầu sản xuất.
- c) Chi giới xây dựng: Cách tường rào tối thiểu 5m.

9.2 Yêu cầu về cây xanh: Cây xanh lâu năm, vườn hoa cảnh, thảm cỏ (nếu có) bên trong khuôn viên khu đất thuê lại phải đảm bảo tạo bóng mát, môi trường sạch sẽ, an toàn và mỹ quan. Không để cành lá cây xanh vươn ra ngoài hàng rào của khu đất thuê lại. Diện tích đất cây xanh, hoa cảnh, thảm cỏ chiếm đất phải đạt tối đa 20% trên diện tích khu đất thuê.

Điều 10: Hệ thống phòng chống cháy nổ - chống sét

10.1 Nhà Đầu Tư có trách nhiệm lập thiết kế, có thẩm định, xây dựng lắp đặt và nghiệm thu của cơ quan chuyên ngành PCCC. Đồng thời có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng các thiết bị PCCC cũng như hệ thống chống sét và biện pháp phòng chống cháy nổ các Công Trình, tài sản của mình.

10.2 Trường hợp Nhà Đầu Tư thiếu trách nhiệm trong việc trang bị, bảo dưỡng, phòng chống cháy nổ gây thiệt hại đến Công Trình, tài sản của Chủ Đầu Tư, Nhà Đầu Tư khác hoặc Bên Thứ Ba thì phải khắc phục hậu quả hoặc bồi hoàn.

Điều 11: Hệ thống thoát nước mưa, nước thải, kho bãi, phế liệu - chất thải rắn

11.1 Hệ thống thoát nước mưa:

- a) Hệ thống thoát nước mưa nội bộ Công Trình của Nhà Đầu Tư đấu nối với hệ thống thoát nước mưa chung của KCN do Nhà Đầu Tư thuê thiết kế, xây dựng và quản lý. Hệ thống này được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải.
- b) Tùy theo diện tích, địa hình khu đất, vị trí các hạng mục Công Trình để xác định số lượng, vị trí đặt hố ga và kích cỡ tuyến công phù hợp để kết nối vào hệ thống nước mưa chung của KCN, khu đất dưới 10ha được xây dựng nhiều nhất 02 hố ga. Hố ga nước mưa nội bộ Công Trình của Nhà Đầu Tư trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN phải có song chắn rác và đặt tại vị trí phía trong tường rào thuộc khu đất của Nhà Đầu Tư.
- c) Trước khi đấu nối vào hệ thống chung, Nhà Đầu Tư phải có văn bản và bản vẽ kỹ thuật chi tiết gửi Công Ty để thống nhất số liệu kỹ thuật, vị trí và kế hoạch đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN. Trong quá trình thi công đấu nối phải có sự giám sát của Công Ty.

11.2 Hệ thống thoát nước thải:

- a) Hệ thống thoát nước thải nội bộ Công Trình của Nhà Đầu Tư (bao gồm nước thải sản xuất, nước thải do vệ sinh máy móc trang thiết bị, nước thải sinh hoạt) do Nhà Đầu Tư thiết kế, xây dựng và quản lý. Hệ thống này được thiết kế, xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa để thu gom, đấu nối vào đường cống nước thải chung, dẫn nước thải về Trạm Xử Lý Nước Thải của KCN. Tuyệt đối không để nước thải thấm xuống đất gây ô nhiễm môi trường.

- b) Tùy theo diện tích, địa hình khu đất, vị trí các hạng mục Công Trình để xác định số lượng, vị trí đặt hố ga và kích cỡ tuyến công phù hợp để kết nối vào hệ thống nước thải chung của KCN (khu đất dưới 20ha được xây dựng nhiều nhất 01 hố ga nước thải).
- c) Hố ga nước thải (hố thử) dùng để lấy mẫu nước thải, thí nghiệm xác định chất lượng nguồn nước thải phải được làm vệ sinh thường xuyên hoặc định kỳ hàng tháng. Vị trí hố ga nước thải của nhà máy phải nằm sát tường rào, phía bên ngoài khu đất thuê (cách 30cm, tính từ tường rào đến mép tường bê tông hố ga). Phía trong tường rào, đường ống dẫn nước thải phải được chắn rác và làm vệ sinh thường xuyên, không được để rác hoặc đất, cát chảy vào hố ga.
- d) Nhà Đầu Tư có trách nhiệm đăng ký định mức lượng mức nước thải với Chủ Đầu Tư và/hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải; cung cấp các thông số về lưu lượng, tiêu chuẩn nước thải đầu ra, ... của đơn vị mình cho Công Ty để xác định các thông số kỹ thuật, đối chiếu các tiêu chuẩn so sánh, ký hợp đồng xử lý nước thải và phối hợp quản lý bảo dưỡng, vệ sinh môi trường.
- e) Đối với nước thải của những ngành sản xuất, chế biến, gia công có các thông số đầu ra cao hơn (nước thải độc hại) so với tiêu chuẩn nước thải công nghiệp TCVN 5945:2010 áp dụng cho KCN, Nhà Đầu Tư phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải cục bộ để đảm bảo tiêu chuẩn nước thải công nghiệp quy định trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung. Trong trường hợp quy định pháp luật có thay đổi về tiêu chuẩn nước thải nói trên thì Nhà Đầu Tư phải đáp ứng các tiêu chuẩn nước thải công nghiệp thay đổi tương ứng đó.
- f) Hệ thống nước thải của nhà máy, doanh nghiệp phải được nghiệm thu và có sự tham gia của Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico trước khi đi vào hoạt động.
- g) Trước khi thi công đầu nối hệ thống nước thải của nhà máy vào hệ thống chung, Nhà Đầu Tư phải có văn bản và bản vẽ kỹ thuật chi tiết gửi Công Ty để thống nhất số liệu kỹ thuật, vị trí, kế hoạch đầu nối và lộ trình xả thải của nhà máy vào hệ thống thoát nước thải của KCN. Trong quá trình thi công đầu nối phải có sự giám sát của Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico.

11.3 Kho bãi, điểm chứa phế liệu, chất thải rắn

- a) Kho bãi dùng để lưu trữ tạm thời phế liệu, chất thải rắn của nhà máy đơn vị phải xây dựng ở vị trí thích hợp trong khu đất thuê của Nhà Đầu Tư.
- b) Không được xây dựng các điểm hoặc thùng dự thi ở ngoài hàng rào hoặc trước công các nhà máy, doanh nghiệp.

Điều 12: Hệ thống cấp nước, cấp điện và thông tin

- 12.1** Nhà Đầu Tư hoặc Nhà Thầu Công Trình tuyệt đối không được xây dựng hoặc khoan giếng và khai thác sử dụng tầng nước ngầm trong khu đất thuê và tại bất kỳ vị trí nào trong KCN khi chưa có văn bản của cơ quan quản lý chức năng phê duyệt chấp thuận, việc tự ý khoan giếng và khai thác nước ngầm được xem là hành vi vi phạm nghiêm trọng Quy Chế này và Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất đã được ký kết. Trong trường hợp cần

thiết, Chủ Đầu Tư được quyền chấm dứt Hợp đồng cho thuê lại đất và thu hồi Khu Đất đã cho thuê mà không phải bồi hoàn/bồi thường bất kỳ khoản nào cho Nhà Đầu Tư.

- 12.2 Trường hợp nếu Nhà Đầu Tư hoặc Nhà Thầu xây dựng Công Trình có nhu cầu nước để thi công Công Trình, tưới cây xanh hoặc để trộn lẫn vào thành phẩm (không tạo ra nước thải công nghiệp) cần liên hệ với Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico để thống nhất việc quản lý, lắp đặt hệ thống cấp nước riêng biệt, định mức, chi phí sử dụng nước thực tế đối với Nhà Đầu Tư.
- 12.3 Hệ thống cấp nước, cấp điện và thông tin trong khu đất thuê phải được thiết kế, xây lắp và đầu nối đúng vị trí, tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo an toàn, mỹ quan và không làm ảnh hưởng đến hạ tầng kỹ thuật xung quanh. Nhà Đầu Tư liên hệ với các đơn vị cung cấp dịch vụ chuyên ngành và Công Ty để lấy số liệu thiết kế kỹ thuật, thỏa thuận vị trí đầu nối, lắp đặt, ký hợp đồng cung cấp dịch vụ và phối hợp quản lý hệ thống chung.
- 12.4 Nhà Đầu Tư có trách nhiệm thông báo kịp thời với đơn vị cung cấp dịch vụ chuyên ngành cũng như Công Ty và phối hợp xử lý giải quyết khi có sự cố hư hỏng, thất thoát điện, nước, thông tin.

Điều 13: Nhà ở - Chung cư

Nhà Đầu Tư không được phép xây dựng các khu nhà tạm (hoặc các hình thức tương tự khác), nhà ở kiên cố hoặc nhà ở chung cư cho công nhân và chuyên gia trong khu đất thuê của KCN.

Khi Nhà Đầu Tư vi phạm quy định này, Chủ Đầu Tư được quyền chấm dứt Hợp đồng cho thuê lại đất và thu hồi Khu Đất đã cho thuê mà không phải bồi hoàn/bồi thường bất kỳ khoản nào cho Nhà Đầu Tư.

Nhà Đầu Tư không được cho phép công nhân, chuyên gia, người lao động được ở lại nhà máy, nhà xưởng qua đêm dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp phục vụ công việc: tăng ca, giải quyết sự cố).

Điều 14: Các quy định khác

- 14.1 Trong quá trình xây dựng, Nhà Đầu Tư phối hợp với Công Ty để thống nhất các vấn đề thi công, xử lý đầu nối kỹ thuật. Khi Công Trình xây dựng hoàn tất, Nhà Đầu Tư và/hoặc Nhà Thầu phải gửi cho Chủ Đầu Tư và Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp mỗi bên 01 bộ hồ sơ gốc gồm: bản vẽ hoàn công, các tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc nghiệm thu Công Trình đưa vào sử dụng để phối hợp quản lý hạ tầng sau này.
- 14.2 Trong quá trình xây dựng, do nhu cầu thi công nếu phải phá dỡ toàn bộ hoặc một phần các công trình thuộc Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp như: Chặt đốn cây xanh, đào vĩa hè, đường giao thông, hệ thống thông tin, cấp thoát nước, điện chiếu sáng, vv ... hoặc cần sử dụng các công trình tiện ích công cộng khác thì Nhà Đầu Tư cùng Nhà Thầu xây dựng phải thỏa thuận trước và được chấp thuận bởi Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico về kế hoạch xử lý, thi công, giá trị đền bù, phương thức thanh toán để phục hồi công trình dự kiến bị tác động và các điều kiện khác (nếu có). Sau khi hoàn tất công việc và phục hồi nguyên trạng công trình trên, Nhà Đầu Tư và Nhà Thầu xây dựng, giám sát phải nghiệm thu; biên bản nghiệm thu phải được Chủ Đầu Tư (Phòng Quản Lý Xây Dựng/Phòng Quản Lý Và Phát Triển Dự Án và Phòng Tài chính -

Kế toán) xác nhận và Nhà Đầu Tư bàn giao lại các hạng mục công trình đã phục hồi nói trên cho Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico tiếp quản.

- 14.3 Bất kỳ giai đoạn nào trong suốt quá trình thi công xây dựng Công Trình, Nhà Đầu Tư và Nhà Thầu thi công phải đảm bảo vệ sinh sạch sẽ khu vực thi công, không gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn lao động và cho Bên Thứ Ba.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ KẾT NỐI, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ HẠ TẦNG

Điều 15: Kết nối hạ tầng Công Trình của Nhà Đầu Tư vào Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng KCN

- 15.1 Mục đích kết nối hạ tầng: Đảm bảo Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp và hạ tầng nội bộ của Nhà Đầu Tư được vận hành thông suốt, an toàn và hiệu quả, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà Đầu Tư và yêu cầu quản lý Khu Công Nghiệp.
- 15.2 Hệ thống hạ tầng nội bộ của Nhà Đầu Tư kết nối với Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng KCN bao gồm:
- (i) Hệ thống giao thông và an toàn giao thông
 - (ii) Hệ thống cung cấp điện
 - (iii) Hệ thống cung cấp nước
 - (iv) Hệ thống thoát nước mưa
 - (v) Hệ thống xử lý và thoát nước thải
 - (vi) Hệ thống thông tin liên lạc
 - (vii) Hệ thống cây xanh
- 15.3 Quy trình, thủ tục kết nối Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp:
- 15.3.1 Xác lập thông tin về khu đất và nhu cầu đấu nối hạ tầng của Nhà Đầu Tư:
- a) Sau khi Nhà Đầu Tư và Công Ty đạt được thỏa thuận về việc thuê lại đất (được xác định bởi biên bản, Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất), Phòng Kinh doanh có trách nhiệm chuyển thông tin về khu đất và nhu cầu xây dựng Công Trình cũng như đấu nối hạ tầng của Nhà Đầu Tư cho Phòng Quản Lý Xây Dựng của Công Ty.
 - b) Phòng Quản Lý Xây Dựng phối hợp với Nhà Đầu Tư thực hiện đo vẽ, cắm mốc khu đất, có biên bản bàn giao đất với Nhà Đầu Tư, thông báo cho Nhà Đầu Tư Quy Chế xây dựng công trình và kết nối, sử dụng hạ tầng nội bộ của Nhà Đầu Tư vào Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp; Nhà Đầu Tư có văn bản đề nghị kết nối hạ tầng và chuyển bản vẽ thiết kế kỹ thuật chi tiết kết nối hạ tầng cho Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico trước khi đề nghị các cơ quan chức năng thẩm định.
- 15.3.2 Kiểm tra thiết kế kết nối hạ tầng nội bộ của Nhà Đầu Tư vào Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng KCN:
- a) Công tác kiểm tra thiết kế của Công Ty nhằm bảo đảm thiết kế kỹ thuật kết nối hạ tầng phù hợp với Quy Chế quản lý, không phải là cơ sở để cơ quan chức năng thẩm định.

- b) Phòng Quản Lý Xây Dựng có trách nhiệm kiểm tra thiết kế theo Quy Chế xây dựng Công Trình và kết nối, sử dụng hạ tầng trong KCN:
 - (i) Nếu thiết kế phù hợp với các yêu cầu kết nối vào Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp, Phòng Quản Lý Xây Dựng thông báo cho Nhà Đầu Tư biết để Nhà Đầu Tư chuyển đến cơ quan chức năng thẩm định.
 - (ii) Nếu thiết kế có những điểm chưa phù hợp, Phòng Quản Lý Xây Dựng trao đổi với Nhà Đầu Tư để xem xét chỉnh sửa thiết kế cho phù hợp trước khi gửi cơ quan chức năng thẩm định hoặc trước khi thi công kết nối hạng mục hạ tầng đó.
 - c) Trường hợp những hạng mục Công Trình kết nối hạ tầng phải được cơ quan chức năng thẩm định:
Sau khi thiết kế Công Trình của Nhà Đầu Tư được cơ quan chức năng thẩm định, Nhà Đầu Tư phải gửi cho Công Ty (Phòng Quản Lý Xây Dựng) bản sao thiết kế đã được thẩm định, bản sao quyết định thẩm định của Cơ quan chức năng, danh sách ban chỉ huy và đội thi công xây dựng Công Trình để Phòng Quản Lý Xây Dựng của Công Ty thực hiện công tác giám sát thi công.
- 15.3.3 Giám sát, thi công xây dựng kết nối vào Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp:
- a) Phòng Quản Lý Xây Dựng chịu trách nhiệm giám sát công tác xây dựng kết nối hạ tầng các Công Trình của Nhà Đầu Tư theo đúng thiết kế đã được cơ quan chức năng thẩm định hoặc theo đúng bản vẽ thiết kế kỹ thuật kết nối đã được Nhà Đầu Tư và Công Ty đã thống nhất theo biên bản.
 - b) Nhà Đầu Tư có trách nhiệm chủ động phối hợp với Phòng Quản Lý Xây Dựng của Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico trong công tác chuẩn bị các điều kiện về thủ tục pháp lý, nguồn lực để thi công xây dựng kết nối các hạng mục hạ tầng liên quan với hạ tầng chung của KCN.

Điều 16: Quản lý sử dụng và bảo dưỡng Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp

16.1 Trách nhiệm của Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico:

- a) Đầu tư xây dựng, khai thác sử dụng, bảo dưỡng và quản lý Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp.
- b) Tư vấn, hướng dẫn, tạo điều kiện, yêu cầu và phối hợp với các Nhà Đầu Tư, Bên Thứ Ba trong KCN để kết nối các hệ thống hạ tầng nội vị của Nhà Đầu Tư vào Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp và quản lý việc sử dụng, bảo dưỡng hạ tầng theo đúng quy định.
- c) Đầu tư cung cấp dịch vụ duy tu bảo dưỡng Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp; cho thuê đất, nhà xưởng, nhà khách, nhà làm việc, hội trường, cung cấp các dịch vụ môi trường ...

16.2 Trách nhiệm của Nhà Đầu Tư:

- a) Chủ sở hữu Công Trình xây dựng có quyền và nghĩa vụ đối với Công Trình xây dựng theo quy định của pháp luật.
- b) Quản lý, sử dụng, khai thác đúng mục đích, công năng của Công Trình hạ tầng 1

phạm vi khu đất thuê lại. Thường xuyên bảo dưỡng, duy trì hoạt động và đảm bảo an toàn, mỹ quan chung trong KCN.

- c) Trong quản lý Công Trình xây dựng cơ bản phải tuân thủ đúng theo bản vẽ thiết kế đã được cơ quan quản lý chức năng thẩm định phê duyệt, không được xây dựng thêm các hạng mục Công Trình hoặc phá vỡ cấu trúc, cảnh quan môi trường khi chưa có chấp thuận của cơ quan quản lý chức năng.
- d) Trường hợp Nhà Đầu Tư có sự điều chỉnh chức năng, ngành nghề sản xuất kinh doanh hoặc chuyển quyền sở hữu Công Trình xây dựng và đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt cho phép xây dựng bổ sung hoặc điều chỉnh Công Trình thì phải có các bản vẽ thiết kế kỹ thuật được phê duyệt và thông báo bằng văn bản cho Công Ty; không tự ý mở thêm công, xây thêm Công Trình hoặc lấn chiếm đất ngoài dự án, vv ... không đúng thiết kế đã được phê duyệt.
- e) Trường hợp Bên Nhận Chuyển Giao Quyền Và Nghĩa Vụ Theo Hợp Đồng được Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico đồng ý và được cơ quan thẩm quyền chấp thuận cho phép nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho, ... từ Nhà Đầu Tư theo Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất phải làm thủ tục theo quy định của pháp luật để được cấp/cập nhật giấy chứng nhận quyền sở hữu Công Trình. Đồng thời, Bên Nhận Chuyển Giao Quyền Và Nghĩa Vụ Theo Hợp Đồng này phải kế thừa và tiếp tục tuân thủ việc xây dựng, sửa chữa, bảo dưỡng, quản lý Công Trình theo đúng quy hoạch, thiết kế đã được phê duyệt trước đây.
- f) Kết nối hạ tầng trong Công Trình vào hệ thống hạ tầng chung KCN phải đúng theo quy định; tuyệt đối không được thay đổi, đấu nối lẫn lộn giữa hai hệ thống thoát nước mưa và nước thải; chấp hành nghiêm túc tiêu chuẩn nước thải theo quy định. Nếu Nhà Đầu Tư sau 2 lần bị lập biên bản xác nhận vi phạm thì Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico có quyền đơn phương ngưng cung cấp các dịch vụ thuộc Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp mà không phải bồi thường cho Nhà Đầu Tư hoặc trường hợp nghiêm trọng hơn sẽ đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất đối với Nhà Đầu Tư.
- g) Nhà Đầu Tư có trách nhiệm trong việc quản lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến các hoạt động và khách hàng của mình trong KCN như: Không để xe cộ, hàng hóa của khách hàng của mình chờ đợi lâu ở khu vực công; lấn chiếm lòng, lề đường, chạy không đúng tuyến, chạy tốc độ cao, rơi vãi vật liệu, làm mất vệ sinh, hoặc các hành vi khác ảnh hưởng hoặc làm hư hỏng các công trình thuộc Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp.
- h) Nhà Đầu Tư có trách nhiệm phối hợp với Phòng Quản Lý Xây Dựng của Công Ty để xử lý các tình huống phát sinh, sự cố trong kết nối, duy tu, bảo dưỡng, quản lý sử dụng hệ thống hạ tầng của mình với Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp; đảm bảo hệ thống hạ tầng nội vi của Nhà Đầu Tư và Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng KCN luôn trong trạng thái liên thông, an toàn, sẵn sàng hoạt động hiệu quả.
- i) Mọi thiệt hại do Nhà Đầu Tư hoặc Nhà Thầu hoặc Bên Thứ Ba do Nhà Đầu Tư quản lý, kiểm soát không tuân thủ Quy Chế xây dựng Công Trình và kết nối, sử

dụng Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp, Nhà Đầu Tư phải chịu trách nhiệm bồi thường.

- j) Các tranh chấp (nếu có) về sử dụng Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp giữa các Nhà Đầu Tư, các Nhà Đầu Tư báo cáo kịp thời cho Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico để phối hợp giải quyết.

16.3 Trách nhiệm của Nhà Thầu:

- a) Nhà Thầu phải đảm bảo trong quá trình thi công xây dựng không gây ảnh hưởng, hư hỏng các công trình thuộc Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp.
- b) Nhà Thầu chịu trách nhiệm khắc phục, sửa chữa, bồi thường cho việc gây ảnh hưởng, hư hỏng các công trình thuộc Hệ Thống Cơ Sở Hạ Tầng Khu Công Nghiệp trong suốt thời gian thi công.

Chương IV

THỰC HIỆN VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 17: Điều khoản thi hành

- 17.1 Quy Chế này gồm 4 Chương và 18 Điều, có hiệu lực kể từ ngày ban hành, các quy định trước đây trái với Quy Chế này không còn hiệu lực thực hiện.
- 17.2 Bản Quy Chế này là một bộ phận không tách rời của Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất ... được ký kết giữa Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico và Nhà Đầu Tư, cùng với những nội dung cụ thể khác liên quan đến công tác quản lý xây dựng, nhằm đảm bảo các bên liên quan phải tuân thủ thực hiện việc đầu tư xây dựng các Công Trình và kết nối, vận hành sử dụng hạ tầng trong KCN theo đúng quy hoạch chung và các tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường KCN đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt.
- 17.3 Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Bản Quy Chế này và Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất, thì Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất được ưu tiên áp dụng.
- 17.4 Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico, Nhà Đầu Tư, Bên Thứ Ba và cá nhân, đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện Quy Chế này.
- 17.5 Trong quá trình thực hiện, Nhà Đầu Tư, Bên Thứ Ba, Công Ty được đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Khu Công Nghiệp. Việc bổ sung sửa đổi các điều khoản trong Quy Chế này do Tổng Giám đốc Công Ty toàn quyền quyết định và phê duyệt và sẽ được thông báo cho Nhà Đầu Tư, Bên Thứ Ba trong KCN để phối hợp thực hiện.

TỔNG GIÁM ĐỐC

HUỲNH THÀNH CHUNG

PHỤ LỤC: THÔNG TIN LIÊN HỆ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

PHÒNG KINH DOANH VÀ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO

Địa chỉ liên hệ: 247 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở chính: Tổ 2, Khu phố Xa Cam, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Hotline: 0981 555 777

Email: customerservice@sikico.com

Mẫu Thư cam kết của Nhà Thầu:

CAM KẾT CỦA NHÀ THẦU

Nhà thầu:

Nhận thầu thi công Công Trình: thuộc lô đường số của Công Ty
trong KCN Minh Hưng - Sikico.

Kính gửi: Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico

1. Chúng tôi cam kết tôn trọng và tuân theo Quy Chế xây dựng công trình, kết nối và sử dụng hệ thống cơ sở hạ tầng Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico và tất cả hướng dẫn do Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico đưa ra suốt thời gian xây dựng Công Trình của chúng tôi trong Khu Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico.

2. Chúng tôi xin ký quỹ với số tiền 100.000.000 VND (một trăm triệu đồng) trước khi bắt đầu thi công, số tiền ký quỹ này sẽ được hoàn trả lại sau khi Chúng tôi hoàn thành Công Trình và sau khi Chúng tôi được Chủ Đầu Tư xác nhận không có vi phạm trong quá trình thi công.

3. Tiền ký quỹ sẽ được hoàn trả lại không tính lãi suất sau khi đã được Công ty cổ phần công nghiệp Minh Hưng - Sikico kiểm tra xác nhận lại các khu vực quanh công trình mà nhà thầu đã hoàn thành thi công.

4. Chúng tôi đồng ý chịu trách nhiệm hoàn toàn về mọi thiệt hại hoặc khắc phục lại môi trường nếu có gây ra trong suốt thời gian thi công trong KCN.

5. Tiến độ thi công dự kiến của Chúng tôi như sau:

Từ ngày đến ngày: tập kết vật tư, máy móc, trang thiết bị kỹ thuật thi công.

Từ ngày đến ngày: khởi công và triển khai thi công

Ngày: ngày dự kiến hoàn thành Công Trình.

6. Thông tin liên hệ của Chúng tôi:

Ban Tổng Giám Đốc Công Ty

Địa chỉ:

+ Ông/Bà: Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Điện thoại: Email:

+ Ông/Bà: Chức vụ: Kỹ sư/chỉ huy trưởng Công Trình

Điện thoại: Email:

Chúng tôi mong nhận được hỗ trợ và phối hợp với Chủ Đầu Tư.

....., ngày tháng năm 20

TM. Công ty

(ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu của Nhà Thầu)

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

LAND SUBLEASE CONTRACT

in Minh Hung – Sikico Industrial Park
(No.: JAPFA – SH02.2020/MOU.LSA)

Pursuant to:

- Civil Code No. 91/2015/ QH13 dated November 24, 2015;
- Land Law No. 45/2013/ QH13 dated November 29, 2013 and documents guiding implementation;
- Law on Investment No. 67/2014/ QH13 dated November 26, 2014 and documents guiding implementation;
- Decree No. 82/2018/ NĐ-CP dated May 22, 2018 of the Government regulating the management of industrial parks and economic zones;
- Decision No. 549/ QĐ-UBND dated March 23, 2015 of the People's Committee of Binh Phuoc province approving the detailed construction planning project at scale 1/2000 of Minh Hung - Sikico Industrial Park, Dong No Commune, Hon Quan district, Binh Phuoc province;
- Decision No. 3063/ QĐ-UBND dated November 29, 2016 of Binh Phuoc Provincial People's Committee approving the construction zoning project of 1/2000 scale of expanded Minh Hung - Sikico Industrial Park, Dong No Commune, Hon Quan district, Binh Phuoc province;
- Decision No. 1970/ QĐ-UBND dated July 18, 2015 of the People's Committee of Binh Phuoc province on the establishment of Minh Hung - Sikico Industrial Park in Dong No Commune, Hon Quan District, Binh Phuoc Province;
- Decision No. 3324/ QĐ-UBND dated December 22, 2017 of the People's Committee of Binh Phuoc Province approving the partial adjustment of the zoning plan at scale 1/2000 of Minh Hung - Sikico Industrial Park and expanded Minh Hung - Sikico Industrial Park, Dong No commune, Hon Quan district, Binh Phuoc province;
- Investment registration Certificate with project number: 1781864278, certified by Binh Phuoc Economic Zone Authority for the first time for Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico on May 30, 2016 and amended for the first time on December 12, 2019;
- Enterprise Registration Certificate No. 3801100876 of Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico issued by the Business Registration Office - Department of Planning and Investment of Binh Phuoc province for the first time on June 1, 2015 and amendments;
- Decision No. 587/ QĐ-BTNMT dated 13 March 2019 of the Minister of Natural Resources and Environment on approving the report on Environmental Impact Assessment of the project "Investment in expanding infrastructure of Minh Hung - Sikico Industrial Park from

495.8ha to 655ha" of Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico;

Memorandum of Understanding JAPFA-SH.02-2020 dated 08/12/2020 between --Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico and Japfa Comfeed Vietnam Limited Company ("MOU");

On the basis of demands and agreement between the Two Parties,

On 14th December 2020, at the Head office of Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico, we are:

PARTY A (LESSOR): OWNER

CONG TY CO PHAN CONG NGHIEP MINH HUNG - SIKICO

Head office address : Group 2, Xa Cam, Hung Chien Ward, Binh Long Town, Binh Phuoc Province, Vietnam

Tax code : 3801100876

Tel : 028.38999495

Account No. : 100.0242367.00001 at Nam A Bank, Central branch.

Represented by : Mr. HUYNH THANH CHUNG Position: Chairman of the Board

Hereinafter referred to as "Party A", or "Lessor" or "Owner"

PARTY B: (LESSEE):

Name of the company : JAPFA COMFEED VIETNAM LIMITED COMPANY

Head address : Huong Canh Town, Binh Xuyen District, Vinh Phuoc Province

Tax code : 2500175548

Telephone No. : 02113 866 170

Account No. : 111000013505 at Vietinbank, Long An branch

Represented by : Mr. ARIF WIDJAJA Position: General Director

Hereinafter referred to as "Party B", or "Sub-leasing Party" or "Investor" or "Lessee"

Whereas:

- Party A is the Owner of the Minh Hung - Sikico Industrial Park infrastructure construction and business project, in Dong No commune, Hon Quan district, Binh Phuoc province (hereinafter referred to as the "Project"), leased land by the state (one-off payment for the entire lease term) for investment in infrastructure construction, commercial operation and development of the Industrial Park;
- Party B is on the process of registering its investment project and establishing a New Branch in Binh Phuoc province in accordance with Vietnamese law, and wishes to sublease the Owner's land to build its factories and organize its manufacture and business in the Industrial Park.
- Party B, after being provided by Party A, has read and understood all legal documents of Minh Hung - Sikico Industrial Park (including detailed functional planning documents

for each subdivision and the Report on Environmental Impact Assessment of IP), wishes to sublease land to build factories and perform manufacture and business activities in the Industrial Park.

The Parties voluntarily enter into this contract with the following provisions :

PART 1: DEFINITIONS

Unless the context otherwise states, capital letters in this contract and the following words and phrases are construed as follows:

1. **"Industrial park"** or **"IP"** or **"Minh Hung -Sikico Industrial Park"** is the Industrial Park established under Decision No. 1970/ QĐ-UBND of People's Committee of Binh Phuoc Province dated July 18, 2016 on the establishment of Minh Hung - Sikico Industrial Park in Dong No Commune, Hon Quan District, Binh Phuoc Province under the Project of Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico as Owner.
2. **"Land"** includes the Land lots specified in this contract, with total area of 148,209m² (*One hundred forty eight thousand, two hundred and nine square meters*) in the Industrial Park (Appendix 2 attached: Site Location Map, according to the Cadastral Map issued on October 15, 2019 by the Department of Natural Resources and Environment of Binh Phuoc province).
3. **"Land lot"** is the area of each parcel of land within the Land in the Industrial Park, determined according to Article 1, meeting the minimum area requirement of each Land Lot and according to the master plan of the Industrial Park approved by the state agency.
4. **"Contract"** or **"Land Sublease Contract"** means this official Contract signed between Party A and Party B and all attached Appendices as well as any written amendments and supplements made and signed by the Parties during the implementation of this contract.
5. **"Investment Registration Certificate"**: is a certificate issued by Binh Phuoc Economic Zone Authority to Party B to implement an investment project in Minh Hung Industrial Park- Sikico.
6. **"Enterprise Registration Certificate"**: is a certificate issued by a competent state agency of Binh Phuoc province to Party B to conduct its business activities and to implement investment projects under the Investment Registration Certificate in Minh Hung Industrial Park- Sikico
7. **"New Branch"** means a branch of Party B that is established in Vietnam according to the Branch Registration Certificate issued by a competent state authority of Binh Phuoc province to carry out an investment project in the Public Park Industry in accordance with the law and also the Sub-leasing Party under this Contract
8. **"Party B"** or **"Investor"** or **"Sub-leasing Party"** or **"Lessee"** referred to in the MOU and the Land Sublease Contract is to refer to each member of Party B and the New Branch; Party B and members of Party B will be jointly and unlimitedly responsible for the rights, obligations and responsibilities of Party B stated in this Contract.
9. **"Exchange value"**: is the amount in Vietnamese dong after being converted from US

dollar (USD) to Vietnamese dong (VND). This exchange value is determined on the basis of the US dollar selling price of Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank). At each installment of land rental and service fees to Party A, Party B shall be responsible for using the exchange value at that time as a basis for payment. In the event of a change in the exchange value, the corresponding payments based on the exchange value will be adjusted accordingly.

10. "Unit Price" or "Land Rental Unit Price" is the value of each square meter of the Lot, excluding VAT as specified in Article 3 of this contract.
11. "Total Land Rental" is the land rental of the entire Land with the land rental rate including VAT but excluding other fees and taxes specified in Article 4 of this Contract.
12. "Certificate Of Land Use Rights" is the Certificate of land use rights, ownership of house and other assets attached to land or other names as specified by law, issued by a competent state agency to Party B under the Land Sublease Contract signed between Party A and Party B for the land Lot (s) in the Industrial Park and for Party B to sublease the land for the implementation of an investment project in Minh Hung - Sikico Industrial Park.
13. "Transferee" is the common term for a third party authorized to receive the assignment and/ or to receive the transfer of the Lessee's rights and obligations when performing any procedures in accordance with the law (transfer of rights and obligations under the Contract, transfer of assets on land associated with land use rights, authorization, successor, inheritance... as specified in Article 7 of this Contract).
14. "Day": is the calendar day. "Business day" means a day of the week (Monday to Friday) that banks have registered to open for general business in Vietnam, excluding public holidays according to the regulations of the Labor Law of Vietnam.

Part II: CONTENTS OF THE CONTRACT

ARTICLE 1: DESCRIPTION OF THE LAND

1.1. The Area of the Land/ Land lot is 148,209m² (In words: One hundred forty eight thousand, two hundred and nine square meters)

1.1.1. This area (acreage) is identified on the Certificate of land use rights.

1.1.2. In case of any difference in acreage with any reasons compare to the acreage mentioned in 1.1.1., the Parties will adjust the Total Land Rental with the Unit Price as specified in Article 3 of this contract .

1.2. Location and boundary of the Land:

1.2.1. Lot code : Block B6, lot number 1 to 4

1.2.2. Land lot Address : Dong No Commune, Hon Quan District, Binh Phuoc Province

1.2.3. Under land parcel number : No. 25, 27, 32, 39 the Map No. 2 (Minh Hung – Sikico Industrial Park)

According to the Certificate of land use rights, ownership of house and other assets attached to land in the name of Party A, issued by the People's Committee

of Binh Phuoc province

- The certificate number: CT766318; certification No.: CT21331; on 31/12/2019
- The certificate number: CT766320; certification No.: CT21333; on 31/12/2019
- The certificate number: CT766323; certification No.: CT21336; on 31/12/2019
- The certificate number: CT766329; certification No.: CT21342; on 31/12/2019
(Appendix 3: copies attached)

1.2.4. Lot location: According to the map and location attached.

1.2.5. A drawing of the lot location, specific landmarks of the Lot shown in the Handover Minutes attached to the Contract (and identified on the Cadastral Map issued by the Department of Natural Resources and Environment of Binh Phuoc province on October 15, 2019).

1.3. Type of land and standard of land infrastructure:

- 1.3.1. The Land specified in the Contract is the land leased by the State to Party A with one-off rental payment for Party A to invest in the construction of technical infrastructure of the Industrial Park and sublease to the investors to build plants and organize manufacture and business activities in accordance with the provisions of law.
- 1.3.2. Party A invests in the construction of infrastructure of the Industrial Park according to the design approved by the competent state agency to put into use in accordance with the investment schedule of Party B.
- 1.3.3. In order to avoid confusion, the Parties agree that: (i) Party A, at the time of signing the Contract, is constructing the infrastructure items and will be completed according to the schedule as committed in the Contract; (ii) Party A only commits to complete the infrastructure items related to Party B's leased Land but not the entire area of the Industrial Park.

1.4. The purpose of the leased land:

Party B commits to use the Land to invest in the construction of plants and do business activities in accordance with the purposes, business lines in the scope of the Investment Registration Certificate and/ or the Certificate Of Branch Registration issued by a competent state agency. For conditional business lines, Party B must ensure the full satisfaction of the conditions as prescribed by law and by the Industrial Park before conducting business. The case that Party B conducting its conditional business activities but not fully meeting these business conditions is also considered to use leased land for wrong purposes.

1.5. Land use progress:

- 1.5.1. Party B commits to build plants and factories on the Land according to the implementation progress of the investment project stated in the Investment Registration Certificate issued by a competent state agency to Party B. In case that the Investment registration Certificate does not specify land use progress / investment schedule or Investment Registration Certificate is not available, then the land use progress/ investment schedule of Party B will be:

- a) Investment preparation phase: 06 months from the date of signing this Contract.
 - (i) Sign the memorandum of understanding (if any);
 - (ii) Sign a principal contract;
 - (iii) Apply for the Investment Registration Certificate, the Certificate Of Branch Registration;
 - (iv) Prepare technical and economic reports (if any);
 - (v) Prepare environmental impact assessment report or environmental protection plan.
 - (vi) Sign land lease contract, take over the Land
 - b) Construction phase: 12 months from the date Party B receives the hand-over of the Land and no longer than 18 months from the date Party B signs this Contract.
 - (i) Survey, design, prepare cost estimates for constructing works;
 - (ii) Apply for approval of the environmental impact assessment report, or certification of the environmental protection plan;
 - (iii) Carry out fire protection appraisal and approval;
 - (iv) Apply for a construction permit;
 - (v) Select contractors and perform construction of plants.
 - c) Completion of plant construction and put into operation: 12 months from the end of construction phase and no longer than 24 months from the date Party B receives the Investment Registration Certificate or from the date of signing the Land Sublease Contract or from the date Party B receives the Land under this Contract (whichever comes first).
 - (i) Carry out acceptance of works to put into use, assess load-bearing safety, safety of operation during the process of exploitation and use;
 - (ii) Carry out as-built works;
 - (iii) Carry out operation.

Party B can actively perform detailed works of each stage according to this progress to ensure the land use progress / investment schedule.
- 1.5.2. If Party B changes the plan, scale and progress of the plant construction on the Land, it must be approved by the competent state agency and Party B must bear all related costs.
- 1.5.3. Party B hereby understands and acknowledges that: Party B can be sanctioned according to the Law of Vietnam if Party B violates the Law regulations or violates the progress of the investment project and/ or the land use progress in the Investment Registration Certificate issued by a competent state agency to Party B or as specified in Article 1.5.

1.6. Building density and number of floors:

- 1.6.1. Party B commits to build the plant according to the standards specified in the

Decisions approving the planning project of Minh Hung - Sikico Industrial Park and the Law of Vietnam on construction, effective at the time of approving planning and construction documents.

- 1.6.2. The Parties understand and acknowledge that, in the case of the aforesaid reference documents being modified or replaced, Party B must comply with the new construction regulations, recorded in the legal documents in effect at the time of construction.

ARTICLE 2: LAND LEASE TERM AND TERMINATION OF LAND SUBLEASE TERM

- 2.1. Land sublease term: from the date of signing the Land Sublease Contract to the end of Land Use Term. Land Use Term: until May 30, 2066 (hereinafter referred to as "Land Lease Term").

This Land Lease Term includes the period during which Party B does not actually use the land or suspends land use for any reason and any period. The Parties may terminate before the end of the term as specified in this contract or extend the Land Lease Term specified in this Article in accordance with the law at the time of implementation.

- 2.1.1. The Land Lease Term can be extended when the following contents are fully met:

- a) The land use term of Party A under the Industrial Park land lease contract between Party A and the State of Vietnam is extended, and
- b) The competent State agency of Vietnam accepts the extension of the investment project execution term of the Sub-leasing Party in Vietnam, and
- c) The Sub-leasing Party sends a written request for extension to Party A at least 12 (twelve) months prior to the termination of the Land Lease Term and the Parties have re-agreed the terms on land rental, management fee, extension period, and other financial obligations and other basic terms when extending the lease term.
- d) Party B has to pay the land rental, other fees for services in the IP and other financial obligations during the Land Lease Term (including the time allowed for extension) as specified in the contract.
- e) The two parties shall carry out the procedures for extending the Land Lease Term according to the provisions of law and the extension of the Land Lease Term takes effect at the time of signing the extension contract.

- 2.1.2. The Land Lease Term may be terminated before the end of the term in the following cases:

- a) The Parties agree to terminate the lease term before the end of the term (if any);
- b) The land is recovered according to the provisions of the land law;
- c) Party B violates its commitments to pay land rental as specified in Article 3 of this contract.

- d) The investment project of Party B is terminated in accordance with the law on investment.
 - e) In case of Force Majeure as provided in this contract
- 2.2. At the end of the Land Lease Term and/ or when the Land Lease Term is terminated before the end of the term (for any reason), Party B is obliged to dismantle and relocate the assets from the Land, to ensure the requirements for sanitation, environment and returning the land in its original condition when it was handed over.
- At the end of 30 days from the date of returning the Land but Party B does not voluntarily dismantle, relocate and clean out the Land, Party A shall have the right to hire a third party to perform these tasks. Party A shall not be responsible for losses, damages, deteriorations and other risks when the assets are dismantled or removed from the Land. Party B shall pay expenses for dismantling and relocating the assets from the Land and costs of cleaning and restoring the original condition of the Land, including the costs of handling environmental pollution, industrial waste for these assets (if any).

ARTICLE 3: LAND RENTAL

3.1 Total Land Rental

- 3.1.1 Land rental = Land area x Unit Price = $148,209m^2 \times 1,347,340VND/m^2 = 199,687,914,060VND$ (In words: One hundred and ninety nine billion, six hundred and eighty seven million, nine hundred fourteen thousand, zero hundred and sixty Vietnam Dong).

In which:

The Unit Price is the value of each square meter of the Land, exclusive of VAT.

- 3.1.2 Value added tax is calculated by 10% of land rental = **19,968,791,140VND**
- 3.1.3 Total Land Rental (VAT included) = Land rental + VAT = **219,656,705,466 VND** (In words: Two hundred and nineteen billion, six hundred fifty six million, seven hundred and five thousand, four hundred and sixty six Vietnam Dong).
- 3.1.4 Total Land Rental is determined for the entire Land Lease Term (excluding extension period) and excluding other fees and taxes as specified in Article 4 of this Contract.
- 3.1.5 Total Land Rent: Party B shall pay Party A when investing into the Industrial Park under this Contract and Party A shall not refund any amount under any circumstances.

3.2 The payment schedule of Total Land Rental is handled in accordance with Appendix 1 attached.

If any amount is due to be paid on a public holiday, Party B shall be obliged to pay Party A on a business day before the final due date of such payment.

- 3.2.1 **Announcement of Transferring Certificate of Land use rights:** At any time upon request of Party B to apply for the Certificate of land use rights and/ or within 07 (seven) days from the date of receipt of Party A's Notice on the application for the Certificate of land use rights to Party B, Party B shall be responsible for paying the following amounts in full:

- a) The remaining amount that Party B must pay to fulfil 100% of the Total Land Rental of the Land and other amounts (if any);
- b) Registration fee;
- c) Other fees and charges related to the issuance of Certificate of land use rights in accordance with the law which are Party B's responsibility.
- d) All amounts payable in this installment will be redefined by the two Parties on the basis of payment documents issued by the competent state authority and as agreed in this contract.

3.2.2 Handover of Certificate of Land use rights: Within 07 (seven) days from the date of receipt of the notice of handover of the Certificate of land use rights and Request for payment documents from Party A, Party B shall be responsible for making payment to Party A:

- a) Other financial obligations related to land rental, including but not limited to: the amount due to increase/ decrease adjustment due to area difference, VAT, fines, compensation, late payment interest (if any).
- b) The Request for payment Document includes:
 - (i) Request for payment;
 - (ii) Documents/ records, evidence of the difference arised (if any);
 - (iii) Copy of Certificate of land use rights;
 - (iv) Draft of VAT invoice due to Area difference (if any)
- c) Party A will only hand over the originals of the Certificate of land use rights of the Land to Party B after Party B has paid in full the amount payable under the payment terms for such respective Land lots.

ARTICLE 4: SERVICE CHARGE IN INDUSTRIAL PARK

4.1 Management fee: is the fee for management service and infrastructure maintenance in the Industrial Park, calculated from the date Party B receives the actual Land (s), regardless of whether Party B has used the Land or not (hereinafter referred to as "Management Fee").

4.1.1 Management fee shall be calculated as follows:

Monthly Management Fee = [Unit price of management fee X (multiply) Land Lot (s) Area] + (plus) 10% VAT.

In which:

- a) Unit price of management fee: is calculated per square meter of the Land area, exclusive of VAT, is determined to be 0.045 times of the exchange value. The temporary exchange value determined at the time of signing this contract is VND 23,230. Exchange value is determined on the first day of the first month of each quarter.
- b) The Unit price of management fee will be fixed until December 31, 2021. From January 1st, 2022 onwards, the Unit price of management fee will be adjusted by Party A and shall be applied according to the following principles:

- (i) Adjustment cycle: every 3 years (hereinafter referred to as the Adjustment Cycle), specifically applying the adjusted Unit price of management fee on January 1 of 2022, 2025, 2028, 2031. ... until the end of the Land Lease Term.
- (ii) Adjustment rate: The Unit price of management fee will be adjusted to increase by 10% compared to the Unit price of management fee of the previous adjustment cycle.
- (iii) Method: according to the General Notice of Party A applicable to the Industrial Park or according to separate notice applicable to Party B.

4.1.2 Payment term of Management fee:

- a) Management Fee shall be paid in advance, on a quarterly basis.
- b) Payment date: on business days, before the 10th of the first month of each quarter, under which Party B will make payment before January 10, April 10, July 10, October 10.
- c) Management Fee is calculated from the date of field handover.
- d) Management fee of the first period if not 03 months in full will be combined with Management Fee of the next quarter and be paid by Party B within 07 days from the date of signing the Land Sublease Contract or from the date that Party B takes over the land.

4.1.3 Payment documents for Management fee:

- a) Notice of payment for Management Fee;
- b) Draft of VAT Invoice (the original invoice will be sent to Party B within 07 days after Party A receives payment of Party B; date on the invoice is dated Party A receives the payment);

4.2 Wastewater treatment fee:

4.2.1 Wastewater treatment fee shall be calculated as follows:

Wastewater Treatment Fee = (Unit price of wastewater treatment fee X (multiply) actual volume) + (plus) 10% VAT

In which:

- a) Unit price of wastewater treatment fee: exclusive of VAT, is determined according to the first notice from Party A (Appendix 4) and follows the following principles:
 - (i) Party B's wastewater volume will be calculated based on the measurement of the enterprise's wastewater meter at the end of each month.
 - (ii) The determination of Wastewater Level B and the process of controlling and assessing the exceeding wastewater standard will be specified in the Wastewater Treatment Appendix of the Industrial Park (including effluent standards, measuring methods and measuring technology).

- b) The unit price of wastewater treatment fee according to the above notice will be applied until December 31, 2021. Exchange value is applicator (if any) of the Wastewater Treatment Fee is determined on the date Party A gives general notification to all sub-leasing party in the Industrial Park
- c) From January 01, 2022 onwards, the unit price of wastewater treatment fee will be adjusted and announced periodically by Party A to apply to the entire Industrial Park.
 - (i) The adjusted wastewater treatment unit price will increase/ decrease according to market price fluctuations for goods and raw materials and the minimum wage constituting the input price of the industrial park's infrastructure management and maintenance services.
 - (ii) Adjustment cycle: every 2 years, namely on January 1, 2022, 2024, 2026, 2028 until the end of the Land Lease Term.

4.2.2 Standard of wastewater for Party A:

- a) Party A will develop a taking sample/ measurement process to determine the effluent standard of Party B as a basis for determining the wastewater treatment fee.
- b) The Lessee invests in an internal wastewater treatment system with its own funds for preliminary treatment and ensures that the Lessee's wastewater standard meets the system's input effluent standards of the industrial park's general wastewater treatment system.
- c) To apply separately to the Sub-leasing Party in case there is a plating stage in the production process in its business, wastewater is required to be treated to ensure minimum standard of Level B (Physical and chemical). For metal, it must meet Level A according to the provisions of the Law of Vietnam before being discharged into the general wastewater drainage system of the Industrial Park. Party B shall be responsible for the construction/ installation of the monitoring system before connecting to the general waste discharge system of the Industrial Park. This system must be handed over to Party A for daily inspection.
- d) To avoid confusion, the Parties agree that: to ensure compliance with environmental protection legislation and to ensure centralized monitoring from the side of environmental state management agencies, all wastewater of the Sub-leasing Party and other lessee in the Industrial Park must be centrally and uniquely connected to Party A's wastewater treatment system for treatment before being discharged into nature.
- e) Party B shall be responsible for determining and registering the amount of wastewater discharged into the environment with Party A and/or the operator of the wastewater treatment plant and is accepted by Party A and this operator. This approval must be made in writing and is the basis to consider the acts of violation of Party B in this contract. The amount of the registered wastewater is handled accordingly to the Decision of

Acceptance of the Environmental Impact Assessment Report issued by competent government agency to Party B.

4.2.3 Payment term of wastewater treatment fee:

- a) The wastewater treatment fee is calculated on a monthly basis based on the quantity of wastewater meter confirmed by Party A on the last day of each month.
- b) **Payment term:** Party B pays the wastewater treatment fee within 05 days from the date of receiving Party A's notice of payment of wastewater treatment charge.
- c) **Payment request Documents for wastewater treatment fee:**
 - (i) Notice of payment of wastewater treatment fee;
 - (ii) VAT Invoice Draft (the original invoice will be sent to Party B within 07 days after Party A receives payment of Party B; date on the invoice is dated Party A receives the payment);

4.3 Other Service Fees and Charges:

In order to avoid any misunderstanding, the Parties agree that the Total Land Rental, management fee, and wastewater treatment fee do not include the following types of service fees and charges:

- 4.3.1 Cost of transformer station, installation and connection of electricity, water, wastewater and other systems from the connection point of the general system of the Industrial Park located outside the fence of the Land to the internal system of the Sub-leasing Party.
- 4.3.2 Expenses for utility services during the operation of Party B, including costs of using electricity, water, gas services, postal services, telecommunications, television, security services, fire prevention and fighting... (except for public lighting, fire protection and general security of the Industrial Park).
- 4.3.3 Costs related to the registration and administrative procedures related to the construction of works on the Land, application for all relevant permits and certificates that Party B is required to perform.
- 4.3.4 The direct or indirect costs that Party B has to pay to the State and/ or the Third Party in the process of building plants and production and business.
- 4.3.5 Registration fee, other fees as specified that Party B must pay in applying for the Certificate of land use right to Party B as mentioned in this Contract and in accordance with the regulations of the law.
- 4.3.6 Taxes and other costs incurred in the course of Party B doing business on the Land.

ARTICLE 5: RESPONSIBILITY FOR PAYMENT

5.1 Payment receiving account and VAT invoice

- 5.1.1 Land Rental, management fee, wastewater treatment fee and other service fees that Party B is obliged to pay to Party A under the Contract shall be transferred to Party A's account as stated at the beginning of the Contract.

In case there is any change to the payment account specified in this Article, Party A will notify Party B in writing for that payment.

5.1.2 Party A is obliged to issue VAT invoice and provide to Party B within 07 days from the date Party B makes payment to Party A.

5.2 **Payment Currency:** Any amount paid by Party B to Party A under this contract shall be in Vietnamese Dong (VND).

5.3 **Handling measures for breach of payment obligations:**

5.3.1 If Party B delays in payment to Party A for any amount in accordance with the time limit specified in the Contract, Party B must pay additional interest - in addition to the payable amount - for the late payment amount with interest rate is equal to 0.05%/ day but not exceeded 8% of the total value of violating obligations, from the time of due date to the actual payment date, however, the late payment time of each due payment mentioned in this Article must not exceed: (i) 30 days of each payment and must not exceed 45 cumulative days of all installments for Land Rental; (ii) 30 days for management fee, wastewater treatment fee, (iii) 15 days for other payments (if any); The number of late payment days is hereinafter referred to as "**Interest term due to delay**".

5.3.2 Unless otherwise agreed in writing by Both Parties, if at the end of Interest term due to delay mentioned above that Party B has not paid or paid in full, it is considered that Party B has breached the Contract and it depends on any payment that Party B violates, Party A has the right to apply corresponding handling measures:

a) **Violations on Land Rental:**

- (i) Party A shall have the right to unilaterally terminate this contract;
- (ii) Party B accepts to lose the entire amount paid to Party A, including the sublease period that Party B has not actually used, unless a competent state authority does not issue or refuses to issue the Investment Registration Certificate to Party B not due to Party B's fault. In addition, Party B must also pay the incurred administrative costs related to the violation of payment obligations to Party A as specified in this Article (expenses for relocation of assets, equipment, cleaning of the premises of the Land,...);
- (iii) Party A shall have the full right of decision on this Land (use, sublease, mortgage, ...) without having to reimburse any amount to Party B from the time Party A issues notice to unilaterally terminate the Contract with Party B.

b) **Violation on Management Fee:** Party A shall be entitled to suspend/ request the suspension of all services provided by the Industrial Park, including services not directly provided by Party A and/or Party A refuses to allow the transportation of Party B's vehicles and materials until Party B has completed the payment of management fee and

corresponding interest, without having to compensate any damage to Party B when performing these actions, and Party B has no right to complain about these measures until Party B has fully paid the Management Fee, late payment penalty and other related costs (if any). Within a maximum period of 48 hours from the time Party B fully pays management fees, late payment fines and other related costs (if any), Party A will restore/ propose to restore the services provided by the Industrial Park to Party B.

In case Party B fails to fully pay or delay payment of Management Fee for 6 months or more, Party A is entitled to unilaterally terminate this contract without any compensation for Party B, then the handling of this violation is followed the regulations in Point a, Article 5.3.2 above.

- c) **Violation on wastewater treatment fee:** Party A shall have the right to disconnect, not to receive wastewater from Party B without having to compensate any damage to Party B when performing these actions, and Party B has no right to complain about these measures until Party B has fully paid the wastewater treatment fee, late payment penalty and other related costs (if any). Within a maximum period of 48 hours from the time Party B fully pays the wastewater treatment fee, late payment fine and other related costs (if any), Party A will restore the connection and receiving wastewater from Party B. In case Party B fails to pay in full or delay payment of wastewater treatment fee for 6 months or more, Party A is entitled to unilaterally terminate this contract without having to indemnify any amount to Party B, then the handling of this violation is followed the regulations in Point a, Article 5.3.2 above. In order to protect the environment in the Industrial Park when Party A disconnects and does not receive wastewater from Party B, Party B accepts that Party A shall have the right to request the competent authority to suspend the production and business activities of Party B if Party B is capable of causing environmental pollution when wastewater is not connected to the wastewater treatment system of Party A.

5.3.3 Application principles of handling measures in Article 5.3 are as follows: Party A is entitled to apply one or more remedial measures at the same time as specified in this contract. If the application of all the measures will disarm the remedy referred to in this Article 5.3, Party A has the right to apply the more severe sanction/ remedial measure. The determination of sanctions/ stricter handling measures are decided and selected by Party A.

ARTICLE 6: PROCEDURES FOR LAND HANDOVER

6.1 On-site Land handover

- 6.1.1 On-site Land Handover must be made in writing with the signature of the representatives of the Parties.
- 6.1.2 Party A shall be obliged to place the boundary markers. Party B is responsible for protecting the Land and shall have the right to conduct geological exploration drilling, prepare construction documents, gather materials and equipment to start construction after receiving the Land.
- 6.1.3 The event of On-site Land Handover is for Party B to receive, protect the land and start construction without arising all the rights of Party B as the owner of the leased land.
- 6.1.4 The Land handover in which Party B transfers the plant/assets attached to the leased land will be implemented in accordance with Article 7 of this Contract.
- 6.1.5 Unless otherwise agreed upon, Party A will only hand over the Land on-site to Party B at or before or at the same time of the process of applying for the Certificate of land use rights and Party A will send the Notice of handover The Land to Party B within 30 days from the date Party B has fully paid for Party A the amounts due at the time of receiving the handover of the Land. In any case, if Party B wishes to receive the Land before the deadline and before the conditions for receiving the Land specified in Article 3.2, Party B must pay Party A in full 70% of the total rental of the Land.
- 6.1.6 The delay of receiving the Land on-site by Party B will not make Party B exempt from the obligation to pay management fees specified in this Contract, if Party A's notice sent to Party B complies with the terms specified in this contract.

6.2 Granting Certificate of land use rights to Party B

- 6.2.1 Party A shall be responsible for submitting documents for the Certificate of land use rights being granted to Party B within 90 days from the date Party B completes the payment obligation specified in the "Announcement of Transferring Certificate of Land use right" on the land rental payment schedule as specified in Article 3.2, and Party B has submitted a complete application file for the Certificate of land use rights as notified by Party A.
- 6.2.2 The application file for the Certificate of land use right granted to Party B includes:
 - a) Application (according to the form issued by a competent state authority);
 - b) Land Sublease Contract;
 - c) Drawings of the current land lot status;
 - d) Receipt of VAT payment on 100% of the total Land Rental of the land lots;
 - e) As-built drawing and other documents when Party B completes the plant

construction on the Land (if any);

- D) Other documents as specified by law and/ or as required/ instructed by the competent authority.

6.2.3 The expenses related to the procedures for granting the Certificate of land use rights are the responsibility of Party B.

6.2.4 If over the time limit of 90 days from the date Party B fully pays 100% of the Total Land Rental and other amounts as specified in the Handover of the Certificate specified in Article 3.2 and has fully submitted the application to Party A (hereinafter referred to as "The time limit for handing over the certificate") but Party A has not yet handed over this Certificate of land use rights, Party A accepts to be fined with interest rate equal to 0.05%/ day but not exceeded 8% of the total value of violating obligations from the time of violation to the date of officially handing over the Certificate. If the state agency is late in handing over the Certificate of land use rights, the time limit for handing over the certificate mentioned in this Article will be extended corresponding to the time that the competent state agency delays the issuance and delivery of the certificate for Party B and Party A is not considered to violate the deadline for handing over the certificate.

6.3 Procedures for handing over the Land upon termination of Land Lease Term or upon termination of contract:

6.3.1 The two Parties proceed to liquidate this contract, if Party B does not sign the Conclusion Minutes specified in this contract, then Party A will issue a Notice of Contract Conclusion to be officially sent to the correct address and information of Party B as stated in this contract ("Notice of Contract Conclusion"), Party B has to accept this Notice of Contract Conclusion as the replacement of the Contract Conclusion Minutes, then this Contract is automatically liquidated from the date that Party A issues the Notice of Contract Conclusion.

6.3.2 Party B is responsible for completing the procedures for investment termination according to the Investment Registration Certificate and/ or terminating the business according to the Certificate Of Branch Registration that a competent state agency has granted to Party B in accordance with the law.

6.3.3 Party B hand over /return to Party A the Certificate of land use right issued to Party B under this Contract (if any). Party B hereby agrees to authorize Party A to perform the procedures for deregistration of land lease in accordance with the law, unless the Parties agree otherwise. In case Party B does not hand over /return the Certificate of land use right to Party A as specified in this Article, Party B is considered to waive its legitimate rights and interests under the existing Certificate of land use rights. At that time, Party A has the full right of decision on the Land and will carry out necessary procedures in accordance

- with the law for de-registration of lease as specified in this Article.
- 6.3.4 Party B hand over the land as specified in Article 2.2 of this Contract.

ARTICLE 7: TRANSFER OF RIGHTS AND OBLIGATIONS UNDER CONTRACT

- 7.1 Party B is allowed to transfer rights and obligations under this Contract in case: Party B dissolves; shares; separates; mergers; unifies; or transfers assets on land associated with land lease rights to a third party ("Transferee") and Party A commits to support the procedures for Party B to transfer when Party B and the Transferee meet the following conditions:
- 7.1.1 The law in effect at the time of transfer does not prohibit these transactions.
 - 7.1.2 Party B has paid in full to Party A the Total Land Rental under the Contract, any service fees in the industrial park and any obligation due under this Contract.
 - 7.1.3 The transferee agrees to inherit all rights and obligations of Party B arising from this contract, the appendices attached and internal regulations of the Industrial Park.
 - 7.1.4 Party B and the transferee bear all fees, charges and taxes to the State (including contractor tax applicable to foreign investors) and to the third party (if any) including construction costs, connecting infrastructure to the general system of the Industrial Park and other transaction related expenses.
 - 7.1.5 The land lot (s) and/ or assets attached to the leased land of Party B are not mortgaged, or are collateral assets at credit institutions; The Land is not distrained for judgment execution, or other restrictions that Party B is not allowed to move assets under a decision of a competent state agency.
 - 7.1.6 Party B and the Transferee are to comply with the process, conditions and administrative procedures of the State management agency on land and investment law.
 - 7.1.7 Compliance with Clause 7.2.
- 7.2 **Transfer of rights and obligations under this Contract:**
- 7.2.1 When there is a need to transfer rights and obligations under this Contract, Party B and the Transferee must send a written request for the transfer of rights and obligations under the Contract to Party A and the Management Board of Binh Phuoc Economic Zone for informing and being approved before conducting the transaction ("**Request for transfer**"). The written Request for Transfer is a compulsory process before Party B and the transferee carry out the procedures for transferring rights and obligations under the Contract in the next steps.
 - a) Within 03 business days from the date of receipt of the written **Request for transfer**, Party A is responsible for informing the due obligations that Party B has to pay to Party A under this Contract.
 - b) Within 03 business days from the date of receiving this notice, Party B

shall be responsible for paying the remaining obligations under the Contract before conducting transactions with the Transferee.

7.2.2 Unless otherwise provided by law, Party B and the transferee must carry out administrative procedures with the competent state authority to conduct the transaction, including but not limited to :

- a) The written permission to transfer; investment approval (undertaking); The transfer contract is notarized and authenticated according to regulations; Decision to revoke the investment project of Party B/ The document for termination of investment project; Investment Registration Certificate of the Transferee on the Land; financial obligations to the state related to this transaction.
- b) Party A and Party B sign the Minutes of Contract Conclusion, Party A re-signs the Land Sublease Contract with the Transferee (if any).
- c) Party B hand over the Certificate of land use right of Party B issued under this Contract; The Parties shall carry out the procedures for deletion of registration of land lease for Party B in accordance with the provisions of the land law; Party A shall carry out registration procedures for fluctuations due to changes in the Sub-leasing Party being the transferee and/ or have a written confirmation of completion of the transfer of rights and obligations under the contract to the transferee in accordance with provisions of law.

7.2.3 The Request for Transfer must contain the following main contents::

- a) Full information of Party B and the transferee;
- b) Transfer price: (i) Value of the transferred Land lot(s) and (ii) Asset value associated with the transferred land lot(s), (iii) Amount of water discharged into the environment;
- c) Time of transfer: specify the expected date of signing and notarizing the Contract; The expected date that Party B applies for the procedures to terminate the investment project specified in the Investment Registration Certificate on the land lot at a competent state agency; responsibility of each party to Party A; commitments of Party B and the transferee on compliance with the law on investment and land law; commitments to use the land for the right purpose as specified in Article 1.4 and other agreements (if any).

7.2.4 Party B pays Party A a fee for performing administrative procedures related to the transfer as specified in this Article 7 according to the notice of Owner but not exceeding VND 50,000,000 (Fifty million Vietnamese dong), and Party B has to complete its obligation according to Party A's notice before conducting the transfer of rights and obligations under the Contract as mentioned in the Article 7.

7.3 In addition to the provisions in Article 7.1, Party B may transfer the rights and obligations

under this Contract according to other special procedures such as inheritance; at the discretion of the Referee; according to the legally effective Decision/ Judgment of the People's Court; collateral/ collateral disposal; other special procedures. ... Party B or its successor, the person authorized by Party B must notify Party A before performing and carrying out the procedures as specified by corresponding law; and notify Party A of the results after the procedures mentioned in this Article have been completed.

- 7.4 The provisions mentioned in Article 7.2 and Article 7.3 may change the order of execution before or after so that Party B and the transferee are active in the transaction. However, the Transfer of rights and obligations under the contract referred to in this Article is only completed and the transferee is only identified as the legal owner of the property and the legal land user of the land plot (s) at the time Party A completes the registration procedure for fluctuations at a competent state agency due to changes of the Sub-Leasing Party being the transferee.
- 7.5 Party A is entitled to transfer the rights and obligations under this contract in accordance with law and the transferee must continue to perform all rights and obligations of Party A under this contract to Party B. Party A is responsible for notifying Party B and implementing necessary procedures (if any).
- 7.6 All procedures as well as incurred costs related to the transfer under Article 7 of the Contract are performed and paid by Party B, except for cases as mentioned in Article 7.5.

ARTICLE 8: RIGHTS AND OBLIGATIONS OF PARTY A

In addition to other rights and obligations specified in this contract, Party A also has the following rights and obligations :

8.1 Rights of Party A:

- 8.1.1 To unilaterally terminate the Contract in case Party B violates one of the terms of the Contract or in case Party B violates other laws not specified in the Contract that Party B cannot remedy as specified in this Contract or according to the written decision of the competent agency. Party A shall not have to compensate any amount for Party B when it unilaterally terminates the Contract under this Article;
- 8.1.2 To request Party B to make payment on time; request Party B to properly elaborate the technical, standard and aesthetic regulations approved by the competent State agency; to request Party B to stop construction at any time if Party B's violations are found.
- 8.1.3 To request the shutdown if Party B violates the laws on environmental protection, order, security and related activities.
- 8.1.4 To revoke and/ or request the competent State agencies to revoke the Investment Registration Certificate and/ or Certificate of land use rights for the Land Lot (s) when Party B violates the payment of Land rental or fees, investment schedule and/ or land use schedule as committed in the Contract.

8.2 Obligations of Party A:

- 8.2.1 To invest, construct the complete systems of roads, lighting, power supply, greenery, rainwater drainage, wastewater drainage and clean water supply in the Industrial Park and connect with Party B's land according to committed schedule.
- 8.2.2 To support Party B when Party B performs the registration procedures for the Investment Registration Certificate, the Certificate Of Branch Registration, the Construction License (if any).
- 8.2.3 To support Party B when Party B signs a contract on electricity supply and water supply with a service provider for electricity and water in the Industrial Park .
- 8.2.4 To be responsible for investing in the wastewater treatment plant in the Industrial Park according to the committed schedule.
- 8.2.5 To be responsible for the maintenance of infrastructure, ensuring security and order in the Industrial Park on the basis of the collection of service fees in the industrial park specified in Article 4 during the Land Lease Term.
- 8.2.6 Party A shall ensure the stable use of the Land for Party B when Party B has complied with the contents as agreed in this Contract, unless the Land is recovered in accordance with the law.

ARTICLE 9: RIGHTS AND OBLIGATIONS OF PARTY B

In addition to other rights and obligations specified in this contract, Party B also has the following rights and obligations :

9.1 Rights of Party B

- 9.1.1 To be granted by the State a Certificate of land use rights for the Land in the form of one-off payment in the Industrial Park. In case of changing the form of land lease with one-off payment for the entire lease period to the form of land lease with annual payment according to the provisions of law or at the request of a competent state agency, Party A still ensures that Party B has the right to lease the land and use the Land in accordance with the Land Lease Term specified in Article 2.1 of this Contract; At that time, Party A shall not be responsible for damages (if any) when it has to change the form of land lease with one-off payment for the entire lease period to the form of land lease with annual payment.
To clarify, at the time of signing this Contract, the two Parties confirm that Party A's land lot is leased by the State as a form of land lease with one-off payment for the entire lease term.
- 9.1.2 To be entitled to the benefits, investment results on land.
- 9.1.3 To be protected when other people infringe upon their legitimate rights and interests on land.
- 9.1.4 To complain, denounce and sue regarding violations of its legal land use rights and other violations of the law on land.

- 9.1.5 To make contribution of capital with land use rights according to the provisions of law; or mortgage their assets on the leased land with credit institutions licensed to operate in Vietnam after paying 100% of the land rental (VAT included) of such land lot (s).
- 9.1.6 To sell assets attached to land under their ownership concurrently with transfer of the right to sublease land.
- 9.1.7 Party B shall have the right to use the Sublease Land in the Industrial Park for the right purpose, in accordance with the provisions of the Industrial Park and the laws of Vietnam.
- 9.2 Obligations of Party B**
- 9.2.1 To use the land for the right purpose of lease, right boundary of the parcel, in accordance with the regulations on depth in the ground and the height above according to the appraised or approved construction documents and related legal regulations.
- 9.2.2 To comply with the regulations, rules of the Industrial Park, not to affect or harm the legitimate interests of Party A and other land users in the Industrial Park.
- 9.2.3 To comply with the law of Vietnam on finding antiques underground.
- 9.2.4 To return of Certificate of land use rights, clean ground when the Contract terminates and in cases of contract breaches and being forced to terminate the Contracts.
- 9.2.5 Party B uses the Land to carry out production and business activities in accordance with the purpose of land use and investment fields specified in the Investment Registration Certificate issued by a competent State agency to Party B and according to the general regulations of the Industrial Park.
- 9.2.6 Party B shall be responsible for providing necessary legal documents and cooperating with Party A to carry out the procedures for being granted a Certificate of land use rights to Party B. To pay registration fees and other taxes and fees (if any) in accordance with the State's regulations before receiving the Certificate.
- 9.2.7 Party B commits to comply with the regulations and Law of Vietnam on environmental protection, remediation and compensation in case of environmental pollution. In case Party B invests itself in the construction and operation of the internal wastewater treatment system, this system is still subject to the inspection and supervision by Party A and/ or the competent authority through reliable monitoring and measuring equipment, to check the records to monitor the operation of the wastewater treatment plant of Party B;
- 9.2.8 To ensure fire and explosion prevention and fighting measures and implementing security and order and environmental hygiene measures as required by the relevant authorities.
- 9.2.9 Party B shall construct the workshop, fence or other structures to comply with

the Investment Registration Certificate, construction permit and in accordance with the construction regulations in the Industrial Park and make the construction deposit in accordance with the Regulations or announced by the Owner (expected construction deposit is VND 100,000,000 (One hundred million Vietnamese dong)). This deposit will not be charged interest in any case and will refund a part or all of the deposit amount after Party B completes the construction and depends on the level of causing any damage by Party B and the Contractor to the general infrastructure of the Industrial Park and other neighboring entities during the construction of Party B.

- 9.2.10 Party B shall pay the costs of installing the substation ..., the transmission line connecting from the foot of the fence to the works of Party B inside the land, expenses for installing the connecting pipe and water meter from the fence to Party B's works inside the Land.
- 9.2.11 If there is a need to build plants or other auxiliary works which need to dig water supply and drainage pipes or other public works outside the scope of the Land, Party B shall get Party A's consent before commencing construction and shall bear all costs to restore to the original state.
- 9.2.12 To serve Party A's supervision and inspection and to facilitate the cooperation in the connection of infrastructure items (electricity, water, telecommunications, gateways connecting the Land to the routes of Party A) before submitting the Appraisal Document, Party B shall provide Party A with the following documents: (i) drawing of the overall plan of the workshop; (ii) Architectural drawings of the main facade of the plant; (iii) The land supply and drainage system; (iv) Land Power Supply System. Within 5 business days, Party A must consider and discuss with Party B to achieve economic and technical efficiency when connecting the infrastructure items.
- 9.2.13 During its operation, Party B shall bear all taxes, fees and charges as specified in the Investment Registration Certificate/ Certificate Of Branch Registration and other taxes, fees and charges as per the provisions of the law of Vietnam and the laws of the concerned countries (if any).
- 9.2.14 In case Party B subleases an office/ warehouse/ workshop within the scope of the Land to a third party for the correct purpose of using the leased land as stated in Article 1.4, Party B shall notify Party A in writing and shall receive Party A's written consent before signing the lease contract of office/ warehouse/ workshop with the third party.
- 9.2.15 Party B is not allowed to dig, drill wells for groundwater extraction within the leased land or at any location in the Industrial Park without the approval of Party A and the competent State authority.
- 9.2.16 Party B needs to prepare a separate water tank or water tower at Party B's expense to store water in case of water shortage not due to Party A's fault and to maintain stable water pressure during use.

- 9.2.17 Party B shall be responsible and fully compensate Party A in case Party A suffers from damages of the infrastructure of the Industrial Park for any reason arising from the willful or unintentional acts of Party B or its employee or its authorized person during the construction and production and operation in the Industrial Park.

ARTICLE 10: CONTRACT TERMINATION AND FORCE MAJEURE EVENTS

10.1 The Contract shall be terminated in the following cases:

- 10.1.1 As agreed upon by the Parties and approved by a competent state authority. In this case, the Parties agree on the method of handling the remaining obligations and responsibilities of the Parties upon the termination of the Agreement.
- 10.1.2 Party B violates its payment obligation as specified in Article 3.2.
- 10.1.3 The land is recovered by a competent state agency because of Party B's serious violations of law. In this case, Party B must accept damages from the acquisition of the Land and the termination of the Contract before the end of the term.
- 10.1.4 In case one of the Parties goes bankrupt, the Contract shall be terminated and the rights and obligations of the Parties will be based on bankruptcy law. Party A is not obliged to refund any amount received from Party B even in the event of Party B's bankruptcy.

10.2 Force majeure events and principles for handling:

- 10.2.1 Force majeure means an unusual event or case that:
- a) Is out of the control of a Party;
 - b) A Party was unable to make a reasonable provision before signing the Contract;
 - c) Happened but a Party cannot reasonably avoid or remedy.
- 10.2.2 Force majeure events may include, but not limited to, unusual events or cases of the types listed below, if the conditions specified in Clause 10.2.1 are met and are not limited to by:
- a) War, state of war (regardless of whether the war is declared), aggression, operation of foreign enemies;
 - b) Rebellion, terrorism, revolution, insurrection, coup or civil war;
 - c) Rebellion, strike, or siege;
 - e) War ammunition, explosives, radioactive materials or pollution caused by radioactive activities;
 - f) Natural disasters such as earthquakes, tornadoes, hurricanes or volcanic activities.
 - g) Changes in legal provisions (laws, ordinances, decrees, circulars or documents of a competent state agency certifying and directly related to the continued performance of this contract without being unable to overcome.

10.2.3 Force majeure event shall not include: lack of permits, licenses, residence permits, immigration or written approvals required for the performance of the Contract issued by the competent authority; Financial difficulties; and boycotts, strikes and closures to exert pressure, strike, seizure of plants and buildings, and cessation of production or business occurring in plants or buildings belonging to Party B's land.

10.2.4 **Principles for handling:**

a) The failure of a Party to fulfill its obligations due to force majeure events will not be the basis for the other Party to terminate the Contract if the Party that is affected by the force majeure event:

(i) Takes reasonable preventive measures and necessary alternatives to minimize the impact of the Force Majeure Event.

(ii) Immediately notifies the other Party of the Force Majeure Event within 24 hours by phone or fax or e-mail and within 48 hours in writing of the Force Majeure Event.

b) In the event of a Force Majeure Event, the responsibility for performing the obligations of the Contract will be extended equal to the time of the Force Majeure Event and the time for overcoming the Force Majeure Event. This extension shall not under any circumstances exceed the Lease Term.

The affected party is exempted from responsibility due to the delay or failure to perform the work due to a Force Majeure Event.

c) In case the Force Majeure Event occurs but one or both Parties cannot remedy within 90 days or cannot continue to perform the Contract, the two Parties agree to terminate the Contract. For damage caused by the force majeure event, each party shall bear corresponding losses, except for the obligations that Party B owes Party A up to the time of the force majeure event. Party A is not obliged to refund any amount received from Party B even in the event that Party B is affected by force majeure.

ARTICLE 11: NOTICE

11.1 Any notice of this contract between the Parties is deemed to be notified only when made in writing and sent by registered mail or delivered in person or sent to a fax number or sent by email in accordance with the law of Vietnam to the information stated in this contract (including changes notified between the Parties).

11.2 Any notice, request, complaint or transaction correspondence sent by a Party under this contract is deemed to have been received by a Party:

11.2.1 On the sending date in the case of hand-delivered mail with signed receipt or sent by email; or

11.2.2 On the date the sender receives the fax successful transmission notice in case of fax sending; or

11.2.3 On the second day of postmarking in the case of courier or registered mail.

11.3 The recipient of the notice is:

11.3.1 Party A:

Minh Hung Industrial Park Joint Stock Company – Sikico

Address: Group 2, Xa Cam, Hung Chien Ward, Binh Long Town, Binh Phuoc Province, Vietnam.

Or: No. 247 Ung Van Khien, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City.

Recipient: The Customer service department of Cong ty co phan cong nghiep Minh Hung – Sikico

Tel: 0981 555 777 Email: customerservice@sikico.com

11.3.2 Party B:

The name of the Company: **JAPFA COMFEED VIETNAM LIMITED COMPANY**

Address: Address: 16th Floor, Phu My Hung Building, 101 Ton Dat Tien, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam

Recipient: Johnny Ng

Email: johnny@japfa.com

11.4 A Party shall not be liable for the failure of the other Party to receive notices, including the sending of notice of handover, notice of penalty or notice of unilateral termination of the Contract (if any) if the sending of such notice has complied with the above provisions.

11.5 The Parties shall notify each other in writing if there is any change in the address, form and name of the recipient of the notice: when there is such a change, if a Party does not notify the other Party about the change, the Party sending the notice shall not be responsible for the fact that the other Party does not receive the notice.

ARTICLE 12: GENERAL PROVISION

12.1 Both Parties undertake to comply with the terms agreed in this contract. All agreements must be made in writing, signed by both Parties, with reference to this contract and declaring the validity of such revised terms, unless otherwise agreed. All these amendments and modifications are considered an appendix of the Contract and are an integral part of the Contract. In case the Contract and its Appendices are issued at the same time but contain conflicting contents, the content of the Contract will automatically prevail. If the Contract and the Contract Appendices issued at different times have conflicting contents, the documents issued later will automatically prevail.

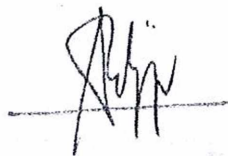
12.2 In the course of implementation, if a conflict arises, it must first be resolved by the two parties through negotiation and mediation. If either Party has an act that obstructs the implementation of the terms specified in the Contract, causing damage to the other Party, it must compensate for the damage caused by such violation. In case the two parties cannot resolve the dispute themselves, the two parties will agree to bring the dispute to a competent court for settlement in accordance with the provisions of the Law of Vietnam.

The Court's judgement shall be the final decision for both parties to implement. While waiting for the Court's judgement, the Parties are still responsible for performing their obligations stated in this contract.

- 12.3 Both Parties agree that in the event of any change to the law and/or the State agency that does not accept the form and/ or content under this contract and requests to comply with the specified form and/ or in order to comply with current provisions of the law to carry out the procedures to apply for the Certificate of land use rights or in case Party A transfers the rights and obligations stated in Article 7.5, the two Parties will jointly sign a new contract in the form specified at the time of signing, based on the basic contents agreed upon under this Contract. The offeree is not allowed to refuse to re-conclude the Contract as provided for in this Article. The offeree is deemed to be at fault if refuse, and the offeror will not be liable in case the signed Contract is invalidated and the offeree disagrees to re-conclude the new Contract.
- 12.4 Party A shall have the right to self-adjust the design, propose and implement the adjustment of the land use planning, construction planning (if any) of the Industrial Park without the consent of Party B, provided that such adjustment increases the value of the industrial park and does not lose the legal right to use the land lot of Party B under this contract, unless this adjustment is according to the planning and/ or regulations of the competent state agency. Party A shall be responsible for notifying Party B when there is an official adjustment result (if any).
- 12.5 The Parties acknowledge that the names given to each area in the Industrial Park are not part of this contract. Party B is only allowed to use the names, trademarks, images, logos of Minh Hung - Sikico Industrial Park outside the purpose of providing Investor's information and addresses to partners, and/ or other names and trademarks of Party A when there is a written consent of Party A.
- 12.6 Each Party agrees to be confidential and not to disclose or notify in any way to any third party (except its advisors, consultants, attorneys or employees as necessary to advise, or as required by law or at the request of a competent authority) any information in connection with this contract. In the event of a Party breaching this commitment, the other Party shall have the right to take any or all remedies including claim for damages outside the Contract in accordance with the law of Vietnam.
- 12.7 The Parties agree that this contract together with its appendices, rules and regulations, regulations on construction management (Appendix 5); regulations on infrastructure building and connecting in the Industrial Park (Appendix 6); general regulations in the Industrial Park, ... and other documents attached to this Contract issued by the Industrial Park management board/Owner will form a complete agreement between the Parties and form an integral part of this Contract and supersede all previous written or oral agreements, memorandums relating to the basic content of this Contract (including the MOU) and Party B understands and acknowledges that Party B will inherit the implementation of all rights, obligations and responsibilities of the Sub-leasing Party as committed in these documents.

- 12.8 Party B confirms that, by signing this contract, Party B has carefully reviewed, understood and completely agreed with the provisions of the Rules of the Industrial Park attached to this Contract. In addition, Party B agrees and is ready to sign any commitments and confirmations as required by Party A to the Rules of the Industrial Park and shall comply with or force other people who are using the Land to strictly comply with these regulations.
- 12.9 The main language used in the Contract, the appendices, documents attached to the Contract and other documents related to the implementation of the Contract is Vietnamese. In addition to Vietnamese language, the Parties may agree to use Chinese and English versions. In case of differences in content between the languages, the Vietnamese version shall prevail for interpretation, implementation and dispute settlement (if any).
- 12.10 After signing the Contract, the Parties may agree to amend and supplement one or more of the terms and conditions of the Contract, which must be made in writing and signed by the authorized representatives of the Parties.
- 12.11 This Contract is made into 6 (six) originals with the same legal validity, Party A shall keep 4 originals, Party B shall keep 1 original and Management Board of Binh Phuoc Economic Zone shall keep 1 original. The Contract shall take effect from the date of signing.
- 12.12 The two parties have carefully read and understood the provisions of the Contract and voluntarily sign below.

ON BEHALF OF PARTY B



ON BEHALF OF PARTY A



Huỳnh Thành Chung

APPENDIX 1: PAYMENT SCHEDULE OF TOTAL LAND RENTAL

(Attached to Contract No.: /2020/HĐ/TĐ/MH-SKC)

1. Payment schedule of Total Land Rental

Instalment	Content	Time	Ratio (%) of land rental	Amount (VND)	Remark
1	Deposit	At the date Party B receives the Investment Registration Certificate (temporarily on 25 th December 2020)	35%	76,879,846,913	The entire amount (including all the amount paid by Party B in accordance to the Memorandum of Understanding, if any) shall be called the "Deposit". At the end of this period, if Party B fails to pay the deposit in full of 35% of the Total Land Rental, this Contract must be automatically canceled. Party B must lose all the amount paid to Party A (if any).
2	The second installment	25/01/2021	35%	76,879,846,913	At the end of the second installment, if Party B fails to pay in full 35% of the Total land rental of this installment, this Contract must be automatically canceled. Party B must lose all the amount paid to Party A (including the Deposit). After paying in full 70% of the Total land rental, Party B shall be entitled to take over the Land. Party B shall be responsible for notifying Party A 15 days in advance of the expected date of taking over the land. The Parties carry out the handover of the land on-site in accordance with Article 6 of this Contract.
3	The third installment	25/02/2021	15%	32,948,505,820	
4	The fourth installment		15%	32,948,505,820	Procedures for granting Certificate of land use rights
Total Land Rental			100%	219,656,705,466	

2. **Deposit handling method**

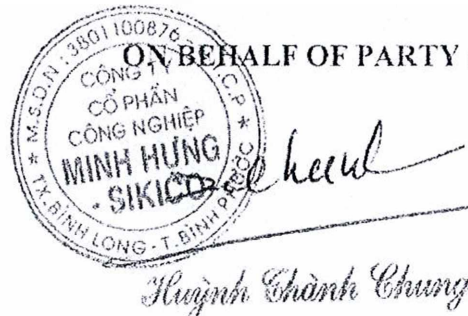
Party A shall refund to Party B the entire deposit received, without interest, within 30 days from the date the Parties officially agree that the competent authority does not issue or refuse to grant the Investment registration certificate to Party B not due to Party B's fault.

3. The method of processing the refund of deposit that Party B has transferred immediately after the New Branch is established and the legal procedures for opening a capital account are completed, if the New Branch and Party B have written requests the transfer of the deposited amount to comply with the regulations on capital contribution, Party A will support this procedure by refunding the deposit that Party B had deposited to Party A within 10 business days from the date Party A has received the full replacement deposit transferred by the New Branch to Party A. Party B and the New Branch shall be responsible for paying Bank charges. In all cases, Party A only supports the implementation of this procedure to the extent permitted by law.
4. This Appendix is signed concurrently with the Contract and is an integral part of the Contract.
5. The two parties have carefully read and understood the contents of this Appendix and voluntarily sign below.

ON BEHALF OF PARTY B

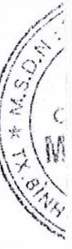


ON BEHALF OF PARTY A

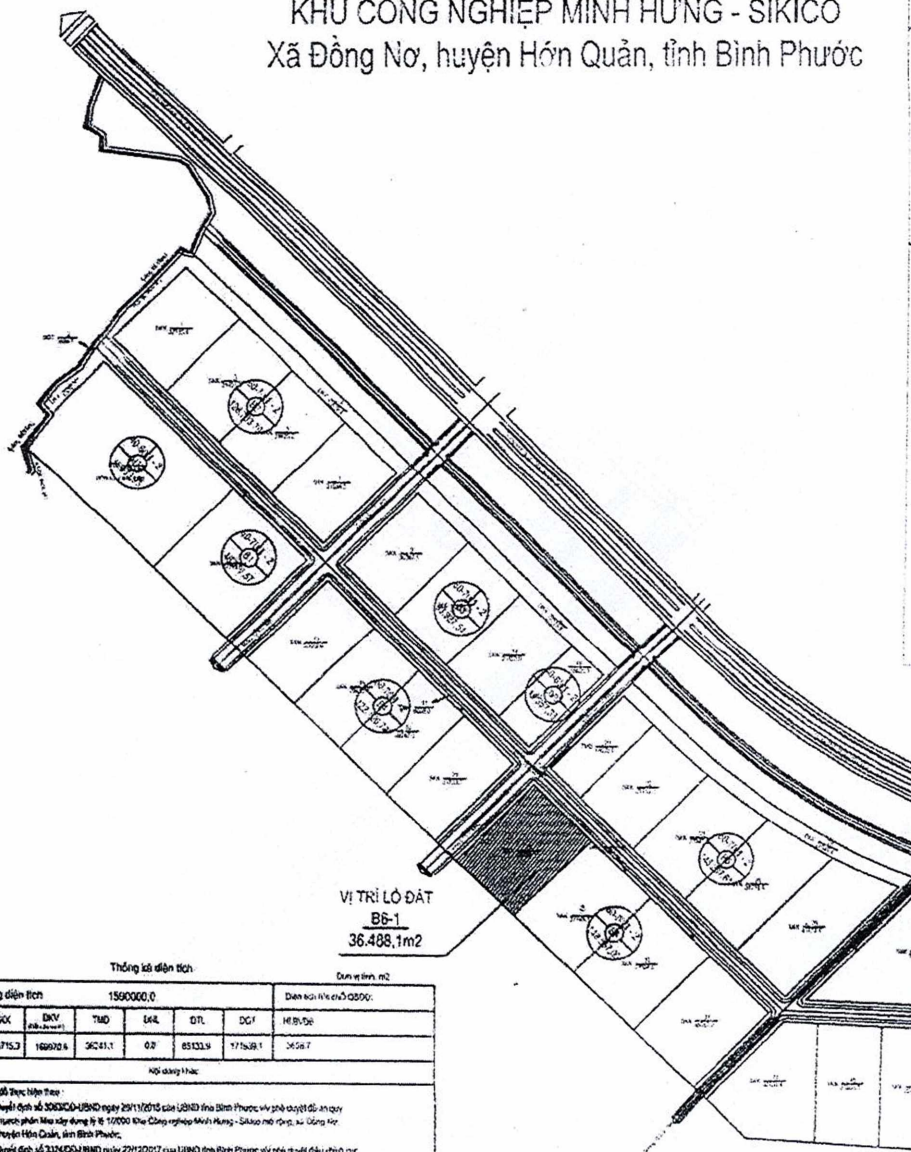


Nguyễn Thành Chung

APPENDIX 2: MASTERPLAN AND THE LOT LOCATION
(Attached to Contract No.: *JAPFA – SH02,2020/MOU.LSA*)



BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH
KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO
 Xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước



Thống kê diện tích:

Tổng diện tích						Diện tích hiện có QSDG:	
SIX	ĐKV	TMD	S&L	ĐTL	ĐC1	H&B/Vô	
1126715,3	169020,6	26241,1	0,7	85133,9	177549,1	2458,7	

Nội dung khác:

Bản đồ thực hiện theo:

- Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 29/11/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1:10000 Khu Công nghiệp Minh Hưng - SIKICO mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thành phần khu xây dựng tỷ lệ 1:10000 Khu Công nghiệp Minh Hưng - SIKICO mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 14/06/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thành phần khu xây dựng tỷ lệ 1:10000 Khu Công nghiệp Minh Hưng - SIKICO và Khu Công nghiệp Minh Hưng - SIKICO mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Bản đồ phân lô và công tác đăng ký bản đồ QSDG
- Diện tích đất giao thông 17529,1m² (trong đó có 3688,7m² thuộc H&B/Vô)

SKK $\frac{21}{31433.1}$

Đường D2 (LG: 44m)

SKK $\frac{25}{36488.1}$

SKK $\frac{27}{37549.1}$

TMD 4

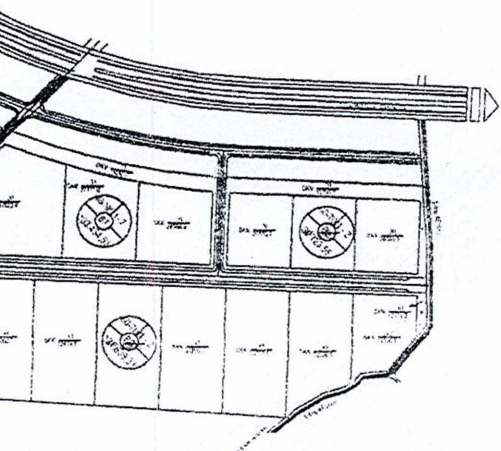
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
MINH HƯNG - SIKICO

BẢN VẼ KHU ĐẤT

San Diego, July 11, 1891

ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - 01000

ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ



COMPTON
SIL
MIL
COP
GAS
GAL

VỊ TRÍ LỖ ĐẤT
B5-2
37.549,1m2

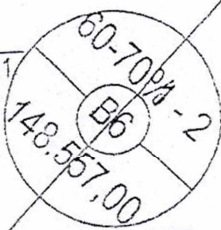
Open up fields, m2

Tổng diện tích		1500000,0				Diện tích khu vực GSDQ	
Độc	DV (diện tích đất)	TMD	DNL	DTL	QDT	H.251598	
1126751,3	1889076,6	36243,1	0,0	35430,9	171808,7	2668,7	
Mô hình khác							
- Sản phẩm thực hiện như sau: - Quyết định số 205/SGDQ-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt đề án quy hoạch phân khu chức năng quy hoạch số 1/20000 Khu Công nghiệp Bình Hưng - Sàikao và vùng lân cận, huyện Bình Phước, tỉnh Bình Phước; - Quyết định số 102/SGDQ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt đề án chỉnh trị quy hoạch phân khu chức năng quy hoạch số 1/20000 Khu Công nghiệp Bình Hưng - Sàikao và vùng lân cận, huyện Bình Phước, tỉnh Bình Phước; - Quyết định số 213/SGDQ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt đề án chỉnh trị quy hoạch phân khu chức năng quy hoạch số 1/20000 Khu Công nghiệp Bình Hưng - Sàikao và vùng lân cận, huyện Bình Phước, tỉnh Bình Phước; - Diện tích phục vụ công tác quản lý công tác xây dựng và quản lý đất đai: - Diện tích đất giao thông: 171808,7 (trong đó có SGDQ: 251.598,7 thuộc H.251598)							

SKK $\frac{25}{35488.1}$

DKV $\frac{29}{9082.8}$

SKK $\frac{27}{37549.1}$



SKK $\frac{32}{37304.6}$

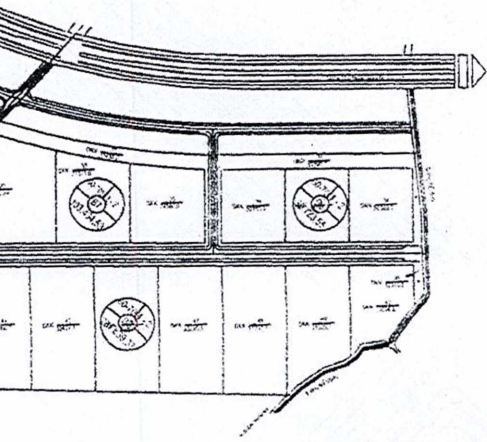
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
MINH HƯNG - SIKICO

BẢN VẼ KHU ĐẤT

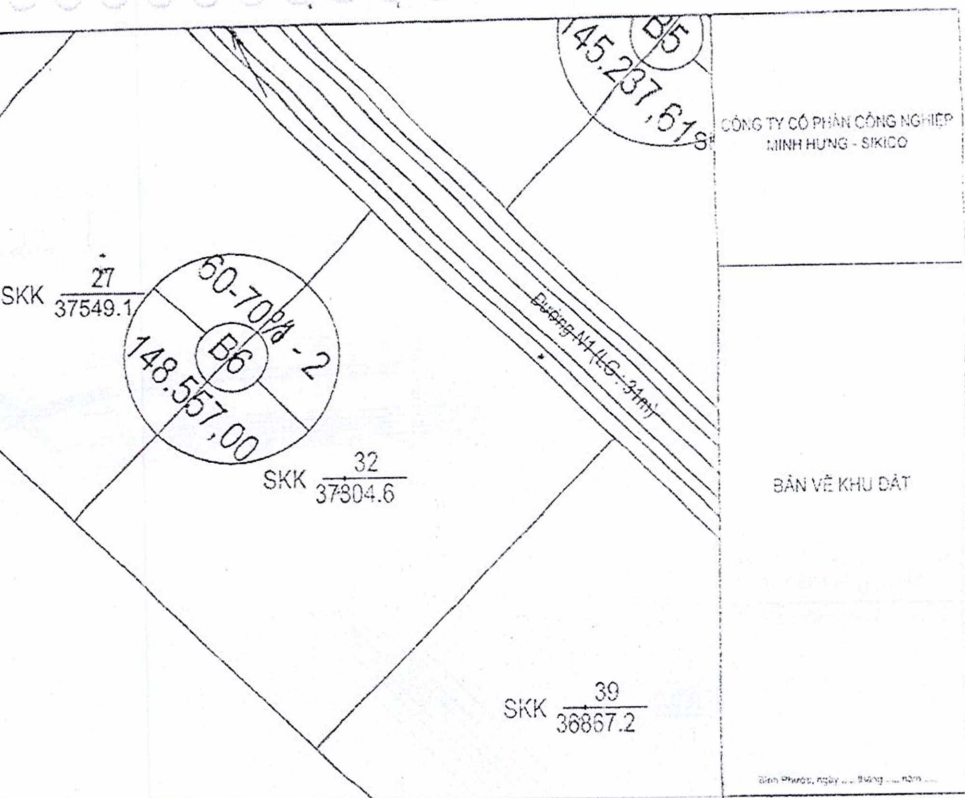
Bản Phức, ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP - MINH HƯNG - SIKICO

ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ



2008/2007
HỒ SƠ
T. 1.0



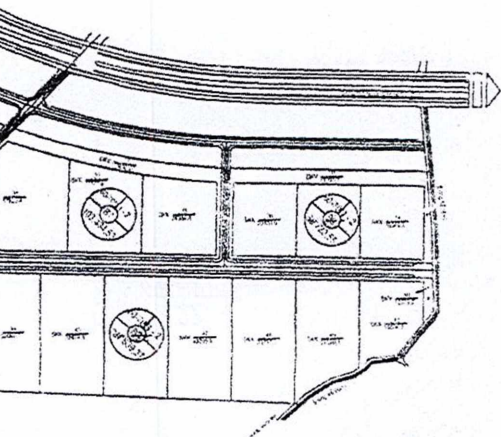
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
MINH HƯNG - SIKICO

BẢN VẼ KHU ĐẤT

Định Phương, ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN BÊN CHO THUÊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO

ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ



BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH
KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO
Xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

SKK $\frac{32}{37504.6}$

SKK $\frac{39}{36867.2}$

Thống kê diện tích					
Tổng diện tích					Đơn vị tính: m²
Số lot	Diện tích (m²)	Tỷ lệ	Đơn vị	Loại đất	Số lot
120715.3	1000000.0	30244.1	0.0	85533.9	174000.1

VỊ TRÍ LÔ ĐẤT
B6-4
36.867,2m²

BẢN VẼ KHU ĐẤT

ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ

[illegible]

APPENDIX 3 THE COPIES OF THE CERTIFICATE OF LAND USE RIGHTS
(Attached to Contract No.: *JAPFA – SH02.2020/MOU.LSA*)

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikeo

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801100876 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 2 ngày 11/7/2018.

- Địa chỉ trụ sở chính: tổ 2, khu phố Xa Cam, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

CT 786318

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 25, tờ bản đồ số: 02 (Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico)
- b) Địa chỉ thừa đất: xã Đông Ngà, huyện Hòn Quẩn, tỉnh Bình Phước,
- c) Diện tích: 36.488,1 m²,
(Bằng chữ: ba mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi tám phẩy một mét vuông).
- d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
- d) Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp,
- e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 30/5/2066,
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: +

6. Ghi chú:

- Miễn tiền thuê đất đối với diện tích 5.086.946,9 m² đất khu công nghiệp (đất SXKD phi nông nghiệp + đất thương mại dịch vụ + đất hạ tầng kỹ thuật) theo Quyết định số 2060/QĐ-CT ngày 13/12/2019 của Cục Thuế tỉnh cụ thể như sau:

+ Tạm miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản với số tiền: 39.432.697.716 đồng từ ngày 12/12/2019 đến ngày 11/12/2022 (tạm miễn 03 năm).

+ Miễn tiền thuê đất ưu đãi theo địa bàn với số tiền: 197.163.488,58 đồng từ ngày 12/12/2022 đến ngày 11/12/2037 (miễn 15 năm).

Bình Phước, ngày 24... tháng 12... năm 2024

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

TU. CH. CHỦ TỊCH

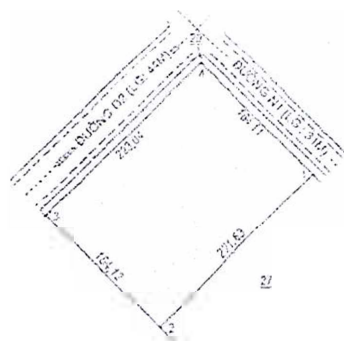
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Lê Hoàng Phấn

Số vào sổ cấp GCN: CT 24334

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



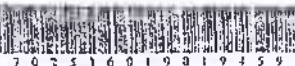
Tỷ lệ 1:5,000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc
sáng bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư
lỗi Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 0 5 5 1 6 0 1 9 3 1 9 4 5 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikeco

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801100276 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 2 ngày 11/7/2018.

- Địa chỉ trụ sở chính: tổ 2, khu phố Xa Cam, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

CT 766320

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 27, tờ bản đồ số: 02 (Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikino)
- b) Địa chỉ thừa đất: xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước,
- c) Diện tích: 37.549,1 m².
(Bằng chữ: ba mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi chín phẩy một mét vuông).
- d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
- đ) Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp,
- e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 30/5/2066,
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: +

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: +

5. Cây lâu năm: +

6. Ghi chú:

- Miễn tiền thuê đất đối với diện tích 5.086.946,9 m² đất khu công nghiệp (đất SXKD phi nông nghiệp + đất thương mại dịch vụ + đất hạ tầng kỹ thuật) theo Quyết định số 2060/QĐ-CT ngày 13/12/2019 của Cục Thuế tỉnh cụ thể như sau:
 - + Tạm miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản với số tiền: 39.432.697.716 đồng từ ngày 12/12/2019 đến ngày 11/12/2022 (tạm miễn 03 năm).
 - + Miễn tiền thuê đất ưu đãi theo địa bàn với số tiền: 197.163.488,55 đồng từ ngày 12/12/2022 đến ngày 11/12/2037 (miễn 15 năm)./.

Bình Phước, ngày 11... tháng 11... năm 2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

TU. CHỦ TỊCH

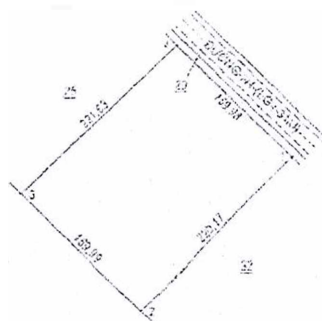
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Đỗ Hoàng Liên

Số vào sổ cấp GCN: CT...11111

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



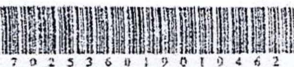
Tỷ lệ 1:500

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nguyên do cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ trống bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị nát hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 0 2 3 3 6 0 1 9 0 1 9 4 6 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC Gắn liền với đất

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikkco

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801100876 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 2 ngày 11/7/2018.
- Địa chỉ trụ sở chính: tổ 2, khu phố Xa Cam, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

CT 766323

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thửa đất số: 32, tờ bản đồ số: 02 (Khu công nghiệp Minh Hưng - Săkico)
- Địa chỉ thửa đất: xã Đông Ngạc, huyện Hón Quán, tỉnh Bình Phước.
- Diện tích: 37.304,6 m²,
(Bằng chữ: ba mươi bảy nghìn ba trăm lẻ bốn phẩy sáu mét vuông),
- Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
- Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp,
- Thời hạn sử dụng: đến ngày 30/5/2066,
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Miễn tiền thuê đất đối với diện tích 5.086.946,9 m² đất khu công nghiệp (đất SXKD phi nông nghiệp + đất thương mại dịch vụ + đất hạ tầng kỹ thuật) theo Quyết định số 2060/QĐ-CT ngày 13/12/2019 của Cục Thuế tỉnh cụ thể như sau:

+ Tạm miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản với số tiền: 39.432.697.716 đồng từ ngày 12/12/2019 đến ngày 11/12/2022 (tạm miễn 03 năm).

+ Miễn tiền thuê đất ưu đãi theo địa bàn với số tiền: 197.163.438,58 đồng từ ngày 12/12/2022 đến ngày 11/12/2037 (miễn 15 năm).

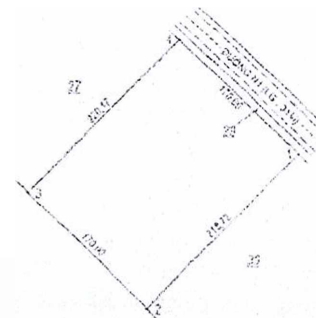
Bình Phước, ngày 24 tháng 12 năm 2023
TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
TUO. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



P. Hoàng Lâm

Số vào sổ cấp GCN: CT/24.552

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



1:5000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan sở thẩm quyền

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

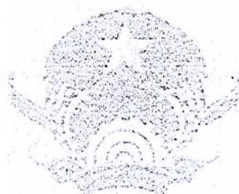
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người dùng cấp Giấy chứng nhận không được sao chép, lấy vào hoặc bán lại cho bất kỳ ai để dùng vào việc Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 0 2 3 7 0 1 9 0 1 2 1 6 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ CỬ VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - SIKICO

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801100876 do Phòng Đăng ký kinh

doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đổi lần thứ 2 ngày 11/7/2018.

- Địa chỉ trụ sở chính: tổ 2, khu phố Xà Cạn, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long,
tỉnh Bình Phước.

CT/ 768320

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 39, tờ bản đồ số: 02 (Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico)
- b) Địa chỉ thửa đất: xã Đồng Nọ, huyện Hòa Quan, tỉnh Bình Phước.
- c) Diện tích: 36.867,2 m².
(Bằng chữ: ba mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi bảy phẩy hai mét vuông).
- d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng.
- đ) Mục đích sử dụng đất: đất khu công nghiệp.
- e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 30/5/2066.
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Miễn tiền thuê đất đối với diện tích 5.086.946,9 m² đất khu công nghiệp (đất SXKD phi nông nghiệp + đất thương mại dịch vụ + đất hạ tầng kỹ thuật) theo Quyết định số 2069/QĐ-CT ngày 13/12/2019 của Cục Thuế tỉnh cụ thể như sau:

+ Tạm miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản với số tiền: 39.432.697.716 đồng từ ngày 12/12/2019 đến ngày 11/12/2022 (tạm miễn 03 năm).

+ Miễn tiền thuê đất từ đất theo địa bàn với số tiền: 197.163.438,58 đồng từ ngày 12/12/2022 đến ngày 11/12/2037 (miễn 15 năm)./.

Bình Phước, ngày 22/11 tháng 11 năm 2022

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

TUQ CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Số vào sổ cấp GCN: CT 24.102

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ 1:5.000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

APPENDIX 4: THE INITIAL NOTICE OF WASTEWATER TREATMENT FEE
(Attached to Contract No.: JAPFA – SH02.2020/MOU.LSA)

**CONG TY CO PHAN CONG NGHIEP
MINH HUNG – SIKICO**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

No.:/TB.MHS.2020

Binh Phuoc,, 2020

NOTICE

(Re: The first charge rate for wastewater treatment in Minh Hung – Sikico Industrial Park)

To: The customer(s)

Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico, first of all, would like to sincerely thank you for trusting and choosing Minh Hung -Sikico Industrial Park as a place to invest and to develop your business.

We are pleased to provide The Initial Notice Of Wastewater Treatment Fee as follows:

Mức Level	BOD ₅ PPM	COD _{cr} PPM	Color Pt-Co	TSS PPM	T-N PPM	Payable Service Fee For Wastewater Treatment [USD/m ³] Until Dec 2021
A	B	C	D	E	F	G
1	50	150	150	100	40	0.45
2	65	195	195	130	52	0.58
3	75	225	225	150	60	0.65
4	100	300	300	200	60	0.80
5	125	375	375	250	60	0.90
6	150	450	450	300	60	1.22
7	300	750	750	400	60	1.22
8	500	1,050	1,050	500	60	1.22
9	700	1,350	1,200	500	60	1.22
10	800	1,500	1,200	500	60	1.22

- The amount of wastewater discharged by Party B will be calculated based on the water meter measuring the actual wastewater discharged by Party B during its operation at the end of each month.
- The wastewater discharge capacity allowed to Party B will be implemented and in compliance with the regulations and general discharge conditions of the Industrial Park.
- The determination of Wastewater Level B and the process of controlling and assessing the exceeding standard will be specified in the Wastewater Treatment Annex of the

Industrial Park (including effluent standards, measurement methods and measurement technology).

- In case, there is any indicator in columns B, C, D, E, F is into the Higher Level in column A, the Payable of Wastewater Treatment Fee according to the respective Highest Rate is applied, and the owner will send the notice to the Customer to charge fee

Term of application: The service fee stated in this notice is applied from the signing date to the end of December 31, 2021.

From 01 January 2022, Minh Hung - Sikico Industry Joint Stock Company will announce the new service fees to Party B.

Adjustment Period: every 2 years, the adjustment will increase / decrease according to market price fluctuations for goods, raw materials and the minimum wage constituting the input price of the IP infrastructure management and maintenance services.

We once again wish you a favorable and sustainable business investment and development in Minh Hung – Sikico Industrial Park.

Sincerely thank you.

*** Recipients:**

- The customer(s) in the Industrial Park;
- Archive document in Owner.
- Contact number: Customer Service: 0981 555777

GENERAL DIRECTOR

APPENDIX 5
REGULATIONS IN BUILDING AND CONNECTING INFRASTRUCTURE IN
MINH HUNG – SIKICO INDUSTRIAL PARK
(Attached to Contract No.: JAPFA – SH02.2020/MOULSA)

CONG TY CO PHAN CONG NGHIEP
MINH HUNG - SIKICO

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

Binh Phuoc, December 1, 2020

REGULATIONS
ON BUILDING AND CONNECTING INFRASTRUCTURE IN MINH HUNG –
SIKICO INDUSTRIAL PARK

(Issued attaching with Decision No. / QD-TGD.2020 dated December 1, 2020)

Chapter 1

GENERAL RULES

Article 1: Definitions

In this regulation, the relevant terms are construed as follows:

- 1.1 “Owner” or “Company” or “Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico” means Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico (tax code: 3801100876) as Owner of Investment project on construction and infrastructure business of Minh Hung - Sikico Industrial Park, located in Dong No commune, Hon Quan district, Binh Phuoc province according to the investment registration certificate for project code: 1781864278 issued by Binh Phuoc Economic Zone Authority for the first time on May 30, 2016 for Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico and other investment certificates changed over time.
- 1.2 “Industrial Park” or “IP” or “Minh Hung - Sikico Industrial Park” is an Industrial Park established under Decision No. 1970/ QD-UBND of People's Committee of Binh Phuoc Province dated 18/07/2016 on the establishment of Minh Hung - Sikico Industrial Park in Dong No Commune, Hon Quan District, Binh Phuoc Province, under the project of investment in construction and infrastructure business of Minh Hung - Sikico Industrial Park by Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico as Owner.
- 1.3 “Investor” means domestic and foreign individuals, units or enterprises with legal status, has a business registration certificate or an investment registration certificate, certificates on leasing workshop, or sublease land in Minh Hung - Sikico Industrial Park to carry out the Construction of works, plants for production and business operations in the Industrial Park.
- 1.4 “Works” includes and not limited to: buildings, workshops, warehouses, plants; main works or sub-works, works with a construction permit or without a construction permit that is invested and built by Investor and/ or a third party at Owner's leased land in the Industrial Park.

- 1.5 **"Third party"** means individuals, units, organizations, and enterprises that are not Investor but have one or more activities related to the processes of construction, supervision, works, operation, declaration, business and other related activities in the IP.
- 1.6 **"Contractor"** means a third party, including: Contractor/ unit that designs, constructs, supervises, supplies materials and equipment for Investor to carry out the construction and installation at the Works.
- 1.7 **"Infrastructure System In The Industrial Park"** is the whole of the general infrastructure works of the Industrial Park including the system of roads, water supply, electricity supply, communication, public works, drainage, concentrated wastewater treatment, warehouses, and wharves, yards, fences, greenery, solid waste storage and treatment areas (if any), incident prevention and response system under the responsibility of Owner's construction investment in the Industrial Park in accordance with the law.
- 1.8 **"Wastewater Treatment Plant"** is an infrastructure project, belonging to the infrastructure system of the Industrial Park, with the function of collecting various types of wastewater from different sources for treatment according to environmental standards of Vietnam.
- 1.9 **"Environmental Protection"** is the activities aimed at keeping the environment inside and around the Industrial Park clean, improving the environment, preventing and overcoming bad consequences caused by industrial activities to the environment.
- 1.10 **"Regulation"** means all of the contents specified in this Regulation, including the amendments and supplements issued by Owner from time to time.
- 1.11 **"Land Sublease Contract"** means the land sublease contract signed between Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico and the Investor to establish Investor's rights and obligations when subleasing Owner's land in the Industrial Park.
- 1.12 **"The Transferee Of The Rights And Obligations Under The Contract"** is the third party permitted to receive the transfer of Investor's rights and obligations under the Land Sublease Contract.

Article 2: Objectives

- 2.1 This Regulation specifies the management of the construction of works and connection, operations and use of the Industrial Park's infrastructure system managed by Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico.
- 2.2 To ensure that Investor builds the Works in accordance with the detailed planning, connecting the Infrastructure System In The Industrial Park in a synchronous, reasonable manner and the general environmental and aesthetic conditions of the Industrial Park.
- 2.3 To ensure that the documentation of Investor's technical design and implementation, operations and use of projects shall be consistent with the natural and social conditions of the region.
- 2.4 To ensure the safety, hygiene and working conditions in the construction site.
- 2.5 To ensure efficient use of investment capital, land, infrastructure and other resources of the project and of the entire Industrial Park.

Article 3: Objects of implementation

This Regulation is applicable to all individuals and units of Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico, the Investors and the Third Parties who connect, work, construct, operate and perform other activities related to the use of the infrastructure system of the Industrial Park.

Article 4: Scope of application

- 4.1 The management, construction of works, connection, operations and use of the infrastructure system of the Industrial Park must comply with the Construction Law, the Law on Environmental Protection, and relevant legal documents of the Company and this regulation.
- 4.2 The construction standards stated in this Regulation are the minimum technical requirements that Investor must comply with in order to develop plant, warehouse or other infrastructure works and comply with the license issued by the competent authority.
- 4.3 The construction standards in this regulation are based on: Regulations on land use, construction of the approved infrastructure system of the Industrial Park, to ensure the landscape architecture, environmental protection and safety in construction, management, operations and use of works within the boundaries of the approved detailed planning of the Industrial Park.
- 4.4 These standards are the basis for project establishment, design, inspection of the construction process, acceptance for the use of the Works and connection of the Works to the Infrastructure system of the Industrial Park as well as the operations and use of the project.
- 4.5 These construction standards shall not include regulations relating to administrative procedures, construction management, public order and hygiene.
- 4.6 Based on the contents of the approved detailed planning of Minh Hưng - Sikico Industrial Park and this Regulation, the Owner shall be responsible for guiding the Investor in project implementation procedures; agreement on architectural solutions, construction planning; the location and construction plan to connect the Project's infrastructure to the Industrial Park's infrastructure system; the Owner shall negotiate, commit or sign a contract on the operations, use and management of the infrastructure of the Industrial Park.
- 4.7 Limited cases for special works will be specified and supplemented in writing.

Chapter II

REGULATIONS ON CONSTRUCTION

Article 5: Construction Design

- 5.1 Construction design shall comply with the construction technical standards and regulations issued by the State. If Investor applies foreign construction technical standards and regulations, a written approval is required from the Ministry of Construction or the competent state agency.
- 5.2 Investor is only allowed to start the construction of the Works after obtaining the valid documents, obtaining the decision on appraisal of the technical design of the Works

which is announced and approved by Owner.

Article 6: Construction commencement of Works

- 6.1 The Investor, before starting construction, within 10 days, shall provide the Company with the following documents:
- a) Investment certificate (01 copy certified by a competent agency).
 - b) Decision on approval of technical design or construction permit (01 copy certified by a competent agency).
 - c) The technical design document appraised by a competent authority (01 copy).
 - d) The Certificate of fire protection and protection design (fire protection) and fire protection equipment (01 copy certified by a competent agency).
 - e) Certificate of meeting environmental standards (01 copy certified by a competent agency).
 - f) Investor shall provide information about the Contractor: Company name, address, telephone number, fax, representative of the project manager, technical supervisor, list of construction teams and construction of signs at the site for the company and management unit to contact when needed.
- 6.2 Notice and provision for Owner with other works:
- a) The Investor and the Contractor inform the Company of the plan and construction progress of the rainwater and wastewater drainage system.
 - b) The Contractor shall register temporary residence for its personnel with the local Police and shall be responsible for managing its personnel during the construction and maintenance of the Works. The workers shall not stay at night (from 6 pm the previous night to 6 am of the next morning) in the construction site, except for managers, storekeepers and security guards who have registered temporary residence and have notified the Owner and/ or Management Unit of the Industrial Park.
 - c) Before executing the Works, the Contractor makes a deposit and sends the Company a written commitment to build the Works according to construction standards in Minh Hung - Sikico Industrial Park and regularly coordinate with technical staff of the Company for guidance during construction. The content of the Contractor's commitment is in the attached form.
 - d) Contractor's deposit: All contractors in the Industrial Park will deposit an amount of VND 100,000,000 to the Owner (one hundred million Vietnamese dong) during the construction period.
 - (i) The Contractor shall promptly remedy any violations affecting the infrastructure system of the Industrial Park or other Investor affected by such violation or immediately repairs the loss, damage, reinforcement or modification of the infrastructure system, roads in the construction area before requesting the Owner to accept and confirm the completion of construction. If Owner self-repairs or hires another Contractor to fix the repair, the cost will be deducted from the deposit, if the deducted amount

- exceeds the amount of the deposit, the actual arising amount, Investor must pay the full amount for repairs and repairs actually incurred.
- (ii) The deposit will be refunded without interest after the Owner and the Contractor sign the Taking-over certificate of the Works.
 - (iii) The Contractor must ensure that the structures of the Infrastructure system of the Industrial Park or neighboring Investor are in good condition and safe. Construction works must not endanger other Investors or Third Parties around the construction area.
 - (iv) The Contractor will pay a deposit along with a commitment letter to Owner before starting work in the Industrial Park.
- c) Before submitting to functional agencies for appraisal of technical design drawings of the Works (especially the infrastructure works of the project connected to the general infrastructure of the Industrial Park such as: Traffic system, electricity, water supply and drainage, information, etc.), the Investor shall request the Company for consultation and agreed on the infrastructure connection according to the regulation.
- f) The Contractor must keep a construction record.

Article 7: Construction Requirements

- 7.1 The Investor, when designing and constructing Project items, shall ensure the specified technical regulations and standards required by Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico.
- 7.2 The Investor and the Contractor are only allowed to build in the land that Investor is allowed to sublease and has been assigned boundary markers and ground elevation by Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico to ensure drainage for the project. The elevation of the ground floor shall not be higher than 0.1 meter above the road center in the project area.
- 7.3 The land areas located at corners (contiguous to traffic intersections) must undergo corner cutting according to traffic safety regulations.
- 7.4 Except for guard house, other works such as office buildings, warehouses, plants, ... in the leased land must have fire protection corridors, greenery, these works must be isolated with the fence of the site; it is not allowed to connect doors or gates directly from these works to the common roads of the Industrial Park.
- 7.5 Construction works shall not affect the landscape, technical infrastructure of the Industrial Park and neighboring buildings; If any damage or loss occurs, it must be reimbursed.
- 7.6 In the process of preparing and investing in the construction and operation of the project, the Investor shall be responsible for complying with the contents related to environmental management such as: Construction of wastewater treatment works, exhaust gas.... and operating organization to ensure compliance with the approved regulations. Before putting the project into official operation, it is required to invite the Company and management agencies for acceptance and recognition.

- 7.7 It is not allowed to cause environmental pollution beyond the permissible standards. To treat or move solid waste out of the Industrial Park; treatment of dust, noise, and wastewater of Works (if any) during construction.
- 7.8 The Investor, the Construction Contractor shall not be allowed to arbitrarily move the remaining ground land, debris beyond the Building or take land in the Industrial Park to use for the Works. The Investor, Construction Contractor who need to move the remaining ground and debris beyond the works must contact Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico for instructions on how to put soil in the correct place.
- 7.9 Motorbike serving the works shall be operated and gathered at the right place. Vehicles transporting construction materials, equipment, goods, etc... must ensure the load capacity, specifications, follow the correct route and speed, with a canvas, shall not let materials drop on the road. It is not allowed to damage the road surface and other infrastructure items, if there is an incident affecting the use of the infrastructure of the IP, the Investor and the related contractors shall be responsible for compensation.
- 7.10 The Contractor shall have the responsibility to protect assets, maintain order, safety, and hygiene during the construction process, the Contractor shall comply with the regulation and closely coordinate with the securities of the Company.

Article 8: Investor's standards for building fences and gates

8.1 Fence:

- a) Fences shall be built in accordance with the assigned boundary and landmark. Before construction, the Contractor shall coordinate with the Company to reposition boundaries and landmarks at the site.
- b) The boundary of the land lot adjacent to other land areas must be built with fences. The construction and management of the common boundary fence between contiguous land areas will be agreed upon by the Investor, to avoid land encroachment, wasting land, affecting the fence ground and adjacent land works.
- c) For the boundary of the land area adjacent to the traffic road of the IP, an open fence with iron bars must be built. The fence shall be divided into 3 parts:
 - (i) Foundation: shall be built at a reasonable depth to ensure the stability and durability of the fence, not affecting the ground and neighboring structures.
 - (ii) Base part: shall be built tightly with the height from the ground from 70cm to 100cm.
 - (iii) Iron bars: shall be built to open air, height up to 200cm.
- d) To ensure visibility for traffic safety, the Works at the corner of the fence at the intersection must be built with airy and beautiful view.
- e) After building the fence or the work items adjacent to the land for greenery, right of way, sidewalk, etc., the Contractor and Investor must reinforce the foundation firmly, at the correct height and clean surroundings.

8.2 Gate:

- a) Gate shall not be built at a location opposite to an existing electric pole, manhole or exposed work item. In the process of building, installing and using the gate,

Investor must ensure compliance with technical regulations, must not damage underground works and surrounding infrastructure of the Industrial Park.

- b) For land lots located at corners (adjacent to intersections), the gate must be located at least 20m (twenty meters) away from the corner in order to ensure traffic safety.
- c) The sidewalks on both sides outside the main gate (adjacent to the sidewalk of the road in front of Investor's Gate to Row) have a width of 2.7m to 3m on each side (from the outer edge of the gate to the edge of the road outside the gate) and must be constructed and/ or paved of the same type or compatible with existing pavement tiles.
- d) Depending on the area, location of the land and the scale of the business, Investor may open a secondary gate, emergency exit, but must obtain the consent of the Company before construction.
- e) The gate and the area around the gate must be of good architecture and clean. Logo, company name, business or other instructions, advertisements must have the correct contents, be presented in accordance with regulations and in compliance with the law on advertising and advertising boards.

Article 9: Coefficient of land use and arrangement of greenery

9.1 Construction density: Construction density is the ratio between the construction area of the ground floor and the area of the land lot, in the industrial construction land lots as follows:

- a) Construction density: $\leq 70\%$.
- b) Number of floors of the works: Not regulated, depends on production requirements.
- c) Construction boundary: Minimum 5m from the fence wall.

9.2 Requirements on greenery: Perennial trees, ornamental flowers, grass beds (if any) inside the sublease land area must be provided with shade, clean, safe and aesthetic environment. It is not allowed to let branches and greenery reach beyond the fence of the subleased land. The area of land for greenery, ornamental flowers, and grass cover must be at most 20% of the leased land area.

Article 10: Fire and explosion prevention system - lightning protection

10.1 The Investor shall be responsible for the design, evaluation, construction, installation, and acceptance of the specialized fire protection agency. At the same time, there is a plan to maintain fire protection equipment as well as lightning protection systems and measures to prevent fire and explosion of its buildings and properties.

10.2 In case the Investor is irresponsible in equipping, maintaining, and preventing fire and explosion and causes damage to the Works, property of Owner, other Investor or a Third Party, the consequences must be remedied or compensated.

Article 11: Rainwater drainage, wastewater, warehouse, garbage - solid waste

11.1 Rainwater drainage system:

- a) Investor's internal rainwater drainage system connected to the common rainwater drainage system of the Industrial Park shall be designed, built and managed by the Investor. This system shall be built separately from the wastewater collection and

drainage system.

- b) It depends on the area, topography of the land lot, the location of the work items to determine the quantity, location of manhole and suitable public line size to connect to the common rainwater system of the Industrial Park, for land under 10 hectares at most 02 manholes are allowed. Internal rainwater manhole of the Investor, before connecting to the common rainwater drainage system of the Industrial Park, must have trash screen and be located inside the fence wall of Investor's land area.
- c) Before connecting to the common system, the Investor must send documents and detailed technical drawings to the Company to agree on technical data, location and connection plan to the rainwater drainage system of the Industrial Park. During the connection, the Company shall supervise the works.

11.2 Wastewater drainage system:

- a) Investor's internal wastewater drainage system (including production wastewater, machinery cleaning, domestic wastewater) is designed, built and managed by the Investor. This system is designed and built separately from the rainwater drainage system to collect, connect to the common sewer line, and carry wastewater to the wastewater treatment station of the Industrial Park. It is not allowed to let wastewater seep into the ground causing environmental pollution.
- b) It depends on the area, topography of the land lot, the location of the work items to determine the quantity, location of manhole and the size of the public line suitable to connect to the general wastewater system of the Industrial Park (for land under 20 hectares at most 1 sewage manhole is allowed).
- c) Sewage pits (test pits) used to take samples of wastewater, and to experiment to determine the quality of wastewater sources must be cleaned regularly or monthly. The plant's wastewater manhole must be close to the fence, outside the leased land (30cm away from the fence to the concrete wall of the manhole). Inside the fence, the sewage pipeline must be screened and cleaned regularly, so that rubbish or soil or sand must not flow into the manhole.
- d) The Investor shall be responsible for registering the quantity of wastewater with Owner and/ or the operator of the Wastewater Treatment Plant; provide parameters of flow, effluent standards... of its own units to the Company to determine the technical parameters, compare comparative standards, and sign contracts for wastewater treatment and to coordinate to manage environmental sanitation and maintenance.
- e) For wastewater from manufacturing, processing and processing industries with higher output parameters (toxic wastewater) than the industrial wastewater standard TCVN 5945: 2010 applicable to the Industrial Park, the Investor must build a local wastewater treatment system to ensure the specified industrial wastewater standards before connecting to the general wastewater treatment system. In the event of any change in the laws on wastewater standards mentioned above, Investor must satisfy the corresponding changing industrial wastewater

standards.

- f) The wastewater system of the plant must be checked and accepted with the participation of Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico before going into operation.
- g) Before constructing the connection of the plant's wastewater system to the common system, Investor must send documents and detailed technical drawings to the Company to agree on technical data, location and connection plan and the plant's waste discharge schedule into the Industrial Park's wastewater drainage system. During the construction of the connector, the supervision of Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico is required.

11.3 Warehousing and storage of garbage and solid waste

- a) An adequate warehouse for temporary storage of garbage and solid waste of the unit's plant must be built at a suitable location in the leased land of the Investor.
- b) It is not allowed to build contest spots or boxes outside the fence or in front of plants and enterprises.

Article 12: Water, electricity and communication systems

- 12.1 The Investor or the Construction Contractor absolutely must not build or drill wells and operate and use groundwater in the leased land and at any position in the Industrial Park without the written approval from the competent authorities, the arbitrarily drilling of wells and groundwater extraction are considered serious violations of this Regulation and the signed Land Sublease Contract. In case of need, the Owner shall have the right to terminate the Land Sublease Contract and recover the leased Land without having to indemnify/ compensate any amount for Investor.
- 12.2 In case the Investor or the Construction Contractor has a need for water for the construction of the Works, for watering greenery or mixing into finished products (not generating industrial wastewater), the Investor should contact Minh Hung Industrial Park Joint. Stock Company - Sikico to discuss the management and installation of separate water supply systems, actual water usage norms and costs with the Investor.
- 12.3 The water supply, power supply and information systems in the leased land must be designed, constructed and connected using locations and technical standards, shall ensure safety, aesthetics and shall not affect the surrounding technical infrastructure. The Investor shall contact specialized service providers and the Company to obtain technical design data, agree on connection and installation locations, sign service provision contracts and coordinate general system management.
- 12.4 The Investor shall be responsible for promptly informing the specialized service provider as well as the Company and shall be responsible for coordinating to deal with damage, loss of electricity, water and communication.

Article 13: Housing - Apartments

The Investor is not allowed to build temporary housing (or other similar forms), permanent houses or apartment buildings for workers and experts in the leased land of the Industrial Park.

If the Investor violates this regulation, Owner shall be entitled to terminate the Land Sublease Contract and recover the leased Land without having to indemnify/ compensate any amount for Investor.

The Investor is not allowed to stay in the plant or plant overnight in any form (except for works: overtime, troubleshooting).

Article 14: Other regulations

14.1 During construction, the Investor shall cooperate with the Company to discuss construction issues and handle technical connectors. When the Works is completed, the Investor and/ or the Contractor must send Owner and the Management Unit of the Industrial Park a set of original documents each, including: as-built drawings, documents related to the taking-over of the works for infrastructure management coordination in the future.

14.2 During the construction process, due to the construction needs, if all or a part of the works under the Industrial Park's infrastructure must be demolished, such as: felling trees, digging sidewalks, construction of roads, information system, water supply, drainage, lighting, etc..., or need to use other public facilities, the Investor and the Contractor must have prior agreement and be approved by Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico on treatment plan, construction, compensation value, payment method to restore affected works and other conditions (if any).

After completing the works and restoring the above works to the original state, the Investor and the Construction and Supervision Contractor must take over; The Taking-over certificate must be confirmed by Owner (Construction Management/ Project Management and Development Department and Finance - Accounting Department) and the Investor shall hand over the restored works to Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico to take over.

14.3 At any stage during the construction of the Works, the Investor and the Contractor must ensure the cleanliness of the construction area, shall not cause environmental pollution and shall ensure labor safety also for the Third-party.

Chapter III

**REGULATION ON CONNECTION, USE AND MANAGEMENT OF
INFRASTRUCTURE**

Article 15: The connection of Investor's infrastructure to the infrastructure system of the Industrial Park

15.1 The purpose of infrastructure connection: To ensure that the infrastructure system of the Industrial Park and internal infrastructure of Investor is operated smoothly, safely and efficiently, to meet the needs of production and business operations of the Investor and Industrial Park management requirements.

15.2 Investor's internal infrastructure system connected to the infrastructure system of the Industrial Park shall include:

- (i) Traffic system and traffic safety
- (ii) Power supply system

- (iii) Water supply system
 - (iv) Rainwater drainage system
 - (v) Wastewater treatment and drainage systems
 - (vi) Communication system
 - (vii) Greenery
- 15.3 Processes and procedures for the connection of the infrastructure system of the Industrial Park:
- 15.3.1 Information establishment about the land lot and infrastructure connection needs of Investor:
- a) After the Investor and the Company reach an agreement on the sublease of land (determined by the minutes, the Land Sublease Contract), the Sales Department shall be responsible for transferring information on the land and construction demand as well as an infrastructure connection of Investor to the Construction Management Department of the Company.
 - b) The Construction Management Department shall coordinate with the Investor in measuring, drawing, setting up land markers, making a land handover record with the Investor, shall inform the Investor of the construction regulation, connection and use of internal infrastructure of the Investor in the Infrastructure system of the Industrial Park; the Investor shall submit a written request for infrastructure connection and transferred the detailed technical design drawing of infrastructure connection to Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico before requesting the authorities to appraise.
- 15.3.2 Inspection of connection design of Investor's internal infrastructure to the infrastructure system of the Industrial Park:
- a) The inspection of the design of the Company is to ensure that the technical design of infrastructure connection is in accordance with the management regulations, it shall not be the basis for the authorities to appraise.
 - b) The Construction Management Department shall be responsible for checking the design according to the Construction Regulation and connection and use of the infrastructure in the Industrial Park:
 - (i) If the design is consistent with the requirements to connect to the Industrial Park's infrastructure system, the Construction Management Department shall inform the Investor so that the Investor can submit to the relevant authorities for appraisal.
 - (ii) If the design has inconsistent points, the Construction Management Department shall discuss with the Investor to consider and modify the design accordingly before sending it to the authorities for appraisal or before the construction of such connection item.
 - c) Cases of infrastructure connection works that must be appraised by the relevant authorities:

After Investor's project design is been appraised by a competent authority, the Investor shall send to the Company (Construction Management Department) a copy of the evaluated design, a copy of the appraisal decision of the relevant authority, list of the commanding board and construction team for the Construction Management Department to supervise the works.

15.3.3 Supervision, construction and connection to the Industrial Park's infrastructure system:

- a) The Construction Management Department shall be responsible for supervising the construction of infrastructure connection of the Investor's works in accordance with the design appraised by the authorities or according to the technical design drawings approved by the Investor and the Company under the minutes.
- b) The Investor shall be responsible for actively coordinating with the Construction Management Department of Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico in the preparation of conditions for legal procedures and resources for construction to connect infrastructure items related to the general infrastructure of the Industrial Park.

Article 16: Management, use and maintenance of the Industrial Park's infrastructure system

16.1 Responsibilities of Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico:

- a) To invest in the construction, operations, use, maintenance and management of the infrastructure system of the Industrial Park.
- b) To consult, guide, facilitate, request and coordinate with the Investor, Third Party in the Industrial Park to connect the internal infrastructure systems of the Investor to the infrastructure system of the Industrial Park and to manage the use and maintenance of infrastructure in accordance with the regulations.
- c) To invest in the provision of infrastructure maintenance services for the Industrial Park; Lands for lease, plants, guest houses, offices, conference halls, to provide environmental services...

16.2 Responsibilities of Investor:

- a) Owner of construction works shall have rights and obligations toward construction works according to the provisions of law.
- b) To manage, use and operate for proper purposes and functions of the infrastructure works within the sublease land area. Regularly maintain, operate and ensure the safety and landscape of the Industrial Park.
- c) To comply with the design drawings approved by the competent agency, in the management of basic construction works, not to build additional works or break the structure or landscape without approval from competent agencies.
- d) In case the Investor has the adjustment of functions, production and business lines or transfer of ownership of construction works and has been approved by the competent authority to construct additional works or to adjust the Works, there

must be technical design drawings which are approved and notified in writing to the Company; it is not allowed to open more gates, build more works or encroach on land outside the project, etc ... that are not in accordance with the approved design.

- e) In case The Transferee Of The Rights And Obligations Under The Contract is approved by Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico and is approved by the competent authority to accept the assignment, inheritance, donation... from Investor under the Land Sublease Contract, it is required to follow the procedures as specified by law to be issued/ updated with the Certificate of Works ownership. At the same time, the transferee of the rights and obligations under this contract must inherit and continue to comply with the construction, repair, maintenance and management of the Works in accordance with the previously approved planning and design.
- f) The connection of infrastructure in the Works to the general infrastructure system of the Industrial Park shall comply with the regulations; absolutely shall not change, confuse connection between the two drainage systems of rainwater and wastewater; strictly abide by the specified wastewater standards. If the Investor is recorded twice as violating, Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico shall have the right to unilaterally suspend the provision of services under the Infrastructure system of the Industrial Park without having to compensate the Investor or in more serious cases, it will unilaterally terminate the Land Sublease Contract with the Investor.
- g) The Investor shall be responsible for managing and solving problems related to its operations and customers in the Industrial Park such as: It is not allowed to leave vehicles and goods of its customers waiting for a long time at the gate area; to encroach on the bed, curb, run improperly, run at high speed, drop materials, cause unsanitary, or other acts affecting or damaging the infrastructure works of the Industrial Park.
- h) The Investor shall responsible for coordinating with the Construction Management Department of the Company to handle arising situations, problems in the connection, maintenance, and management and use of its infrastructure system with the infrastructure system of the Industrial Park; to ensure the internal infrastructure system of the Investor and the infrastructure system of the Industrial Park are always in a state of interconnection, safety, and ready to operate effectively.
- i) Any damage caused by the Investor or a Contractor or a third party managed or controlled by the Investor that fails to comply with the Regulation on the construction of the Works and connection and use of the infrastructure system of the Industrial Park, the Investor shall be responsible for liability compensation.
- j) Disputes (if any) on the use of the Infrastructure system of the Industrial Park among Investors, the Investors shall promptly report to Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico for settlement.

16.3 Responsibilities of Contractor:

- a) The contractor shall ensure that during the construction process, the works of the infrastructure system of the Industrial Park shall not be affected or damaged.
- b) The Contractor shall be responsible for repairing and compensating for the damage to the works of the infrastructure system of the Industrial Park during the construction period.

Chapter IV

IMPLEMENTATION AND SUPPLEMENTATION OF THE REGULATION

Article 17: Implementation provision

- 17.1 This Regulation consists of 4 Chapters and 18 Articles, this Regulation shall take effect from the date of issue, all previous regulations that contrary to this Regulation shall no longer be in effect.
- 17.2 This Regulation is an integral part of the Land Sublease Contract ... signed between Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico and the Investor, along with other specific contents related to the construction management, in order to ensure that related parties must comply with the investment in the construction of works and connection, operation and use of infrastructure in the Industrial Park in accordance with the general planning and technical and environmental standards of the Industrial Park that have been approved by the competent authorities.
- 17.3 In case of any conflict between this Regulation and the Land Sublease Contract, the Land Sublease Contract shall prevail.
- 17.4 Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico, the Investor, the Third Party and related individuals and units shall strictly follow this Regulation.
- 17.5 During the implementation process, the Investor, the Third Party, the Company shall be allowed to adjust and supplement this Regulation to suit the actual situation of the Industrial Park. Any amendment to the provisions of this Regulation shall be decided and approved by the General Director of the Company and shall be notified to the Investor, the third party in the Industrial Park for implementation.

GENERAL DIRECTOR

(signed and sealed)

HUYNH THANH CHUNG

APPENDIX: CONTACT INFORMATION OF THE OWNER
SALES DEPARTMENT AND CUSTOMER SERVICE
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO

Contact address: 247 Ung Van Khiem, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
Head office: Group 2, Xa Cam, Hung Chien Ward, Binh Long Town, Binh Phuoc Province,
Vietnam.

Hotline: 0981 555 777

Email: customerservice@sikico.com



Form of Contractor's Commitment Letter:

Contractor's Commitment

Contractor:

As the Contract for the construction of: under the lot number of
in Minh Hung - Sikico Industrial Park.

To: Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico

1. We are committed to respect and comply with the Regulation on construction works, connection and use of the infrastructure system of Minh Hung - Sikico Industrial Park and all instructions given by Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico during the construction in Minh Hung - Sikico Industrial Park.

2. We are committed to make a deposit of VND 100,000,000 (one hundred million Vietnamese dong) before the commencement of construction, this amount shall be refunded after we complete the works and after the Owner confirms that there was no violation during construction.

3. The deposit shall be refunded without interest after Cong Ty Co Phan Cong Nghiep Minh Hung - Sikico confirms the area completed by the Contractor around the works.

4. We agree to take full responsibility for any damage or remediation to the environment during construction in the Industrial Park.

5. Our expected construction progress shall be as follows:

From to: gathering materials, machines, technical equipment for construction.

From to: commencement and execution

On: expected date of completion of the Works.

6. Contact information:

Board of Directors of

Address:

+ Mr./Ms.: Position: General Director

Tel: Email:

+ Mr./Ms.: Position: Engineer/ Site Manager of the Project

Tel: Email:

We look forward to your cooperation and support.

....., 20

On behalf of

(Signature, full name, title and stamp of the Contractor)

STRATEGIC PARTNERSHIP
FOR OBJECTIVE SUCCESS

MINH HUNG SIKICO JOINT STOCK COMPANY

Office: Group 2, Xa Cam, Hung Chien, Binh Long, Binh Phuoc Province

Industrial Park: Hamlet 5, Dong No, Hon Quan, Binh Phuoc Province

(+84) 981 555 777 | sales@sikico.com | www.minhhungsikico.vn



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2628 /QB-UBND

Bình Phước, ngày 11 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm,
374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm”
do Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam làm Chủ đầu tư
tại lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng - Sikico,
xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy
định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số
40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều
của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường
và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động
môi trường của Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt
37.440.000 con gà/năm, 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000
tấn sản phẩm/năm” họp ngày 09/7/2021 tại Ban Quản lý Khu kinh tế;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy
giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm, 374.400
con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm” đã được
chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 2409/CV-Japfa ngày 27/9/2021 của Công
ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 70/TTr-BQL ngày 07/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm, 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- UBND xã Đồng Nơ;
- Công ty CP CN Minh Hưng – Sikico;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT.



Nguyễn Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “NHÀ MÁY GIẾT MỒ VÀ CHẾ BIẾN THỊT, CÔNG SUẤT
GIẾT MỒ ĐẠT 37.440.000 CON GÀ/NĂM, 374.400 CON HEO/NĂM VÀ
CHẾ BIẾN THỊT ĐẠT CÔNG SUẤT 2.000 TẤN SẢN PHẨM/NĂM”
DO CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
TẠI LÔ B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN MINH HƯNG - SIKICO,
XÃ ĐỒNG NƠ, HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 2628.../QĐ-UBND ngày 11.../10.../2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm, 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam.

Địa chỉ liên hệ: Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng-Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Dự án “Nhà máy giết mổ và chế biến thịt, công suất giết mổ đạt 37.440.000 con gà/năm, 374.400 con heo/năm và chế biến thịt đạt công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm” được thực hiện trên diện tích 148.209 m² tại lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước bao gồm các hạng mục:

- Công trình chính: Nhà xưởng giết mổ gà 1, nhà xưởng giết mổ gà 2, nhà xưởng giết mổ heo, nhà xưởng chế biến thịt, nhà văn phòng, nhà cơ khí, nhà nồi hơi.

- Công trình bảo vệ môi trường: Nhà kho chứa chất thải rắn thông thường, kho chứa chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý nước thải tái sử dụng, hệ thống xử lý khí thải lò hơi...

- Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

Dự án sử dụng dây chuyền giết mổ gà, dây chuyền giết mổ heo, dây chuyền chế biến thực phẩm tự động, hiện đại. Tóm tắt quy trình sản xuất như sau:

1.5.1. Quy trình giết mổ gà: Gà lông → Treo gà → Giật điện → Cắt tiết → Cháy tiết → Chân gà → Đánh lông gà → Dứt đầu gà → Cắt chân → Đục hậu môn → Mở bụng → Mổ lòng → Kiểm tra chất lượng → Đục điều, cuống họng, hút phổi → Rửa → Kiểm tra → Làm lạnh → Cung cấp cho chuỗi cung ứng sản phẩm và dùng làm nguyên liệu cho quy trình chế biến thực phẩm (1).

1.5.2. Quy trình giết mổ heo: Heo → Kiểm tra → Tắm rửa → Cho heo vào giết mổ (A) → Heo mạnh → Một phần cung cấp cho chuỗi cung ứng sản phẩm, một phần chuyển sang quy trình pha lọc (B).

- *Quy trình giết mổ heo (A):* Gây tê → Thọc huyết → Dội nước nóng → Cạo lông → Mổ.

- *Quy trình pha lọc heo mạnh (B):* Heo mạnh → Khu vực lưu kho → Kiểm tra IQC → Kho lưu trữ → Xường cắt → Kho mát → Cân và đóng gói → Hệ thống máy dò kim loại → Kiểm tra OQC → Kho thành phẩm → Cung cấp cho chuỗi cung ứng sản phẩm và dùng làm nguyên liệu cho quy trình chế biến thực phẩm (2).

1.5.3. Quy trình chế biến thực phẩm: Thịt gà (1), thịt heo (2) → Rửa đông, rửa → Xay thịt → Cân → Băm trộn gia vị, phụ gia → Tạo hình → Xông khói → Cắt xúc xích → Đóng gói → Hàn mép, hút chân không → Dò kim loại → Kiểm tra → Dò X-ray → Đóng gói lớn → Đóng thùng, lưu kho.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án và lắp đặt máy móc thiết bị:* Bụi từ quá trình san nền, đào hố móng xây dựng; bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; bụi và khí thải từ hoạt động xây dựng; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại...

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy; mùi từ quá trình giết mổ, chế biến thực phẩm, khu vực hệ thống xử lý nước thải...; bụi, khí thải từ quá trình vận hành lò hơi; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất; chất thải nguy hại...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 2,5 m³/ngày, chủ yếu chứa các thành phần gồm BOD₅, COD₅, TSS, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ...

- *Nước thải xây dựng:* Phát sinh khoảng 03 m³/ngày, chủ yếu chứa bùn, đất cát, xi măng, dầu mỡ...

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 24,5 m³/ngày, bao gồm nước thải từ nhà ăn và nước thải vệ sinh có chứa các chất lơ lửng, chất hữu cơ, các chất cặn bã, dầu mỡ, vi sinh vật...

- *Nước thải sản xuất:* Phát sinh khoảng 4.308,57 m³/ngày bao gồm nước thải từ quá trình giết mổ và chế biến thực phẩm, rửa sàn, tắm heo, rửa xe, giặt quần áo, nước thải lò hơi, nước thải từ quá trình rửa lọc. Nước thải sản xuất chứa các chất ô nhiễm như: Chất hữu cơ, cặn lơ lửng, nitơ, photpho, dầu mỡ, vi sinh vật...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Bụi từ quá trình san nền, đào hố móng xây dựng:* Bụi thô, có kích thước lớn.
- *Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng, từ hoạt động của các loại máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng:* Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x , CO, VOC.
- *Khí thải từ các hoạt động cơ khí:* Quá trình hàn phát sinh chủ yếu là bụi và hơi kim loại.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy:* Thành phần khí thải gồm bụi, SO_2 , NO_2 , CO.
- *Mùi từ quá trình sản xuất:* Trong quá trình giết mổ và chế biến thực phẩm, mùi phát sinh hầu hết tại các công đoạn và tại khu vực nhập gà, heo trước khi giết mổ, khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- *Bụi, khí thải từ quá trình hoạt động của lò hơi:* Nguồn khí thải phát sinh từ hoạt động đốt nhiên liệu biomass (củi, trấu, viên nén, mùn cưa), thành phần chất ô nhiễm chủ yếu gồm bụi, SO_2 , NO_2 , CO. Nếu nguồn thải này không được xử lý sẽ gây tác động đến môi trường không khí không chỉ trong phạm vi khu vực Dự án mà còn ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Phát sinh khoảng 170 tấn trong suốt quá trình xây dựng, chủ yếu là bao bì giấy, ni lông, sắt thép vụn...
- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh 40 kg/ngày, thành phần gồm rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 70% – 80% chất hữu cơ và 20% – 30% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Khối lượng phát sinh khoảng 101,6 tấn/ngày gồm thùng carton, bao bì thải, phụ phẩm từ quá trình giết mổ, tro, bụi... và khoảng 1.518 tấn/năm bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (trường hợp kết quả phân tích bùn không vượt ngưỡng quy định tại QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước).
- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 280 kg/ngày gồm chất hữu cơ, giấy, ni lông, vỏ chai lọ, đồ hộp bằng nhựa hoặc kim loại...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 31 kg/tháng chủ yếu là giẻ lau dính dầu nhớt, que hàn thải, bao bì thải...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 93,75 kg/năm gồm giẻ lau thải có chứa các thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bao bì cứng thải bằng nhựa; hộp mực in thải và khoảng 1.518 tấn/năm bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (trường hợp kết quả phân tích bùn thải vượt ngưỡng quy

định tại QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước)...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động, hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải từ nhà vệ sinh di động theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Thu gom vào hố lắng nước thải tạm thời (có lót bạt chống thấm) với diện tích 06 m² (sau khi xây dựng xong, tiến hành san lấp, hoàn trả mặt bằng); thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải hay cát xây dựng xâm nhập vào cống thoát nước gây tắc nghẽn; tái sử dụng nước thải xây dựng phục vụ quá trình thi công...

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo quy định, không thải bỏ ra môi trường. Nước thải xây dựng được tái sử dụng phục vụ quá trình thi công, không xả ra ngoài môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải:*

+ Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để xử lý nước thải từ nhà vệ sinh.

+ Xây dựng bể tách dầu mỡ với thể tích 10 m³ để xử lý nước thải từ nhà ăn.

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m³/ngày.đêm để xử lý nước thải sinh hoạt (nước thải từ nhà vệ sinh, nước thải từ nhà ăn) và nước thải sản xuất (nước thải từ quá trình giết mổ, nước thải từ lò hơi, nước rửa xe, nước giặt quần áo, nước rửa lọc) với quy trình xử lý như sau:

Nước thải → Trạm bơm → Bể điều hòa → Bể tuyển nổi DAF → Bể điều chỉnh pH → Bể trung gian → Bể UASB → Bể anoxic → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Dẫn nổi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Sikico (1); một phần nước thải được tách dòng dẫn về hệ thống xử lý nước tái sử dụng (2).

Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

+ Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tái sử dụng, công suất 1.000 m³/ngày.đêm với quy trình xử lý như sau:

Nước thải (2) → Bể chứa nước → Lọc (50 μm) → Lọc (05 μm) → Hệ thống lọc UF → Bồn chứa nước → Tái sử dụng.

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tái sử dụng đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Riêng thông số amoni, coliform đạt QCVN 02:2009/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sinh hoạt được tái sử dụng cho mục đích sinh hoạt (rửa tay chân, nhà vệ sinh), rửa sàn, tắm heo, làm mát, rửa xe, giặt quần áo, cấp nước lò hơi, rửa lọc.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

+ Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Minh Hưng - Sikico (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng-Sikico.

+ Đảm bảo nước thải tái sử dụng được sử dụng đúng mục đích, không được tái sử dụng nước thải cho mục đích khác; đảm bảo nước thải tái sử dụng còn dư được thu gom về bể chứa của hệ thống xử lý nước thải tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày.đêm để tiếp tục sử dụng.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào hố móng:* Có kế hoạch nhập nguyên vật liệu xây dựng hợp lý, hạn chế việc tập kết vật tư tập trung vào cùng một thời điểm, tránh tồn đọng làm phát tán bụi theo gió, trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:* Che chắn công trường xây dựng, có kế hoạch thi công thích hợp, các thiết bị máy móc được sử dụng đảm bảo kỹ thuật, được bảo dưỡng thường xuyên, tưới nước ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các hoạt động cơ khí:* Trang bị bảo hộ lao động gồm mắt kính, khẩu trang, găng tay cho công nhân thực hiện các hoạt động cơ khí tại công trình, bố trí thời gian làm việc hợp lý...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên Dự án; bố trí bãi đậu xe hợp lý...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh từ khu vực sản xuất:* Trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại, khép kín; thiết kế nhà xưởng cao, thông thoáng...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động của 02 lò hơi tầng sôi (công suất 04 tấn/giờ và 10 tấn/giờ):* Kiểm soát, đảm bảo quá trình cháy hoàn toàn và lắp đặt 02 hệ thống xử lý khí thải lò hơi với quy trình công nghệ xử lý như sau: Bụi, khí thải lò hơi → Khử bụi thô (cyclone tổ hợp) → Khử bụi tinh (lọc

bụi túi vải) → Quạt hút → Ống thải (Lò hơi 04 tấn/giờ: Chiều cao 18 m, đường kính 0,5 m; lò hơi 10 tấn/giờ: Chiều cao 24 m, đường kính 0,96 m).

Khí thải lò hơi sau khi qua hệ thống xử lý khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v = 1$). Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, lưu giữ trong kho chứa tạm thời diện tích 10 m², hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa rác có nắp đậy, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Trang bị thùng rác các loại để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường (bao bì, thùng carton, giấy, tro...) lưu giữ tại kho chứa có diện tích 20 m². Chất thải rắn sản xuất từ công đoạn giết mổ được lưu chứa tại kho lạnh chứa nội tạng có diện tích 77 m², kho lạnh chứa lông có diện tích 49,7 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại tạm thời tại khu vực xây dựng với diện tích 10 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại diện tích 20 m², có mái che, vách bao quanh, có gờ, rãnh rón để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, biển cảnh báo, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường, không thi công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị máy móc trên nền nhà xưởng trong quá trình lắp đặt, kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị, bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, trang bị nút chống ồn cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Bố trí hợp lý chiều cao nhà xưởng, trang bị hệ thống điều hoà, làm mát không khí, trồng cây xanh trong khu vực nhà máy...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Áp dụng đầy đủ các biện pháp ứng phó, phòng ngừa sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ, ứng cứu sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, chủ Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bể tự hoại 03 ngăn (07 bể, tổng thể tích 38 m³).
- Công trình, hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m³/ngày.
- Công trình, hệ thống xử lý nước thải tái sử dụng, công suất 1.000 m³/ngày.
- Công trình, hệ thống xử lý khí thải lò hơi tầng sôi 04 tấn/giờ (Số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ).

- Công trình, hệ thống xử lý khí thải lò hơi tăng sôi 10 tấn/giờ (Số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 36.000 m³/giờ).

- Kho lưu chứa chất thải thông thường có diện tích 20 m² và 02 kho lạnh chứa chất thải rắn sản xuất (phụ phẩm) gồm phòng lạnh chứa nội tạng có diện tích 77 m², phòng lạnh chứa lông có diện tích 49,7 m².

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 20 m².

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng các hạng mục công trình:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong suốt thời gian xây dựng.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, cách thức phân loại, lưu trữ.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí và thông số giám sát:*

+ *Giai đoạn 1:* Giám sát tại 01 vị trí tại xưởng giết mổ gà. Thông số giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO₂, SO₂, NH₃, H₂S.

+ *Giai đoạn 2*: Giám sát tại 01 vị trí tại xưởng giết mổ gà, 01 vị trí tại xưởng giết mổ heo, 01 vị trí tại xưởng chế biến thực phẩm. Thông số giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO_2 , SO_2 , NH_3 , H_2S .

+ *Giai đoạn 3*: Giám sát tại 01 vị trí tại xưởng giết mổ gà, 01 vị trí tại xưởng giết mổ heo, 01 vị trí tại xưởng chế biến thực phẩm. Thông số giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO_2 , SO_2 , NH_3 , H_2S .

- *Tần suất giám sát*: 01 lần trong suốt quá trình vận hành thử nghiệm.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.2.2. Giám sát khí thải:

- *Vị trí và thông số giám sát*:

+ *Giai đoạn 1*: Giám sát tại 01 vị trí đầu ra ống khói thoát khí thải lò hơi 04 tấn/giờ. Thông số giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, bụi, CO , SO_2 , NO_x .

+ *Giai đoạn 2*: Giám sát tại 01 vị trí đầu ra ống khói thoát khí thải lò hơi 10 tấn/giờ. Thông số giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, bụi, CO , SO_2 , NO_x .

- *Tần suất giám sát*: Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v = 1$).

5.2.3. Giám sát nước thải (Giai đoạn 1 + Giai đoạn 2 + Giai đoạn 3):

* *Đối với hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m³/ngày.đêm*:

- *Vị trí và thông số giám sát*:

+ 01 vị trí đầu vào từ bể điều hòa: Lưu lượng, pH, COD, BOD_5 , chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P, sunfua, amoni, coliform, dầu mỡ động thực vật.

+ 01 vị trí sau xử lý hóa lý (tại bể trung gian): Lưu lượng, pH, COD, BOD_5 , chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P, sunfua, amoni, dầu mỡ động thực vật.

+ 01 vị trí sau cụm xử lý sinh học (tại bể lắng sinh học): Lưu lượng, pH, COD, BOD_5 , chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P, sunfua, amoni, dầu mỡ động thực vật.

+ 01 vị trí tại bể khử trùng trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý tập trung của KCN: Lưu lượng, pH, COD, BOD_5 , chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P, sunfua, amoni, coliform, dầu mỡ động thực vật.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Minh Hưng-Sikico (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

*** Đối với hệ thống xử lý nước thải tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày.đêm:**

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu vào, 01 vị trí sau hệ thống xử lý nước thải tái sử dụng.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P, sunfua, amoni, coliform, dầu mỡ.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Riêng các thông số amoni, coliform đạt QCVN 02:2009/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sinh hoạt.

5.2.4. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại:

5.3.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại xưởng giết mổ gà; 01 vị trí tại xưởng giết mổ heo và 01 vị trí tại xưởng chế biến thực phẩm:

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO₂, SO₂, NH₃, H₂S.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày

10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.3.2. Giám sát khí thải tại nguồn:

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí tại ống thoát của 02 hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi, CO, SO₂, NO_x.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v = 1$).

5.3.3. Giám sát nước thải:

*** Đối với hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m³/ngày.đêm:**

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu vào từ bể điều hòa, 01 vị trí tại hố ga thoát nước thải đầu nối vào hệ thống thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P, sunfua, amoni, coliform, dầu mỡ động thực vật.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Minh Hưng-Sikico (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

*** Đối với hệ thống xử lý nước thải tái sử dụng công suất 1.000 m³/ngày.đêm:**

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu vào, 01 vị trí sau hệ thống xử lý nước thải tái sử dụng.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P, sunfua, amoni, coliform, dầu mỡ.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 40:2011/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Riêng thông số amoni, coliform đạt QCVN 02:2009/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sinh hoạt.

5.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại
- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.
- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.3.5. Giám sát bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại bể chứa bùn từ hệ thống xử lý nước thải công suất 4.850 m³/ngày.

- *Thông số giám sát:* Asen, bari, cadimi, bạc, chì, coban, kẽm, niken, selen, thủy ngân, tổng dầu.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 50:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

6.2. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.3. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.4. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.6. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

6.7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.8. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.9. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số : 44./GPXD

I. Cấp cho : Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam

- Địa chỉ : Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

II. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án Nhà máy Giết mổ và chế biến thịt".

- Tổng số công trình: 17 công trình.

- Theo thiết kế : Kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD dự án: Nhà máy Giết mổ và chế biến thịt của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4 tại KCN Minh Hưng – Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước tại Công văn số 1509/BQL-QHXDTNMT ngày 13/10/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế.

- Đơn vị thiết kế : Trung tâm kiến trúc Miền Nam – Viện Kiến trúc Quốc Gia.

- Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: Ks Nguyễn Minh Hiền và Kts Hoàng Minh Quang.

- Đơn vị thẩm định, thẩm tra : Công ty Cổ phần tư vấn kỹ thuật Xây dựng Đô thị Liên Thành theo Báo cáo Kết quả thẩm tra số 09/BCTTr-L.T ngày 27/9/2021.

- Chủ trì thẩm tra thiết kế: Kts Lê Xuân Vinh và Ks Văn Tuấn Đạt Thông, Ks Nguyễn Bá Tuyên, Ks Đặng Văn Ứng, Ks Nguyễn Việt Thành.

- Vị trí xây dựng : Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

1. Nhà xưởng chính: 01 nhà

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: 7.591,48 m².

- Chiều cao công trình: 18,4m

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,0m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0.000.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng cọc BTCT, dầm kiềng BTCT; cột thép; nền bê tông; vì kèo thép; tường xây gạch bao che; mái lợp tôn; hệ thống cửa nhôm, sắt.

2. Nhà chờ (nhập gà): 01 nhà

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01.

- Diện tích xây dựng: 312,0 m².

- Chiều cao công trình: 6,10 m

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng, dầm kiềng, sàn, cột bằng BTCT; Tường xây gạch; Vì kèo thép, mái lợp tôn; hệ thống cửa nhôm sắt.

3. Nhà rửa xe tải: 02 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01.

- Diện tích xây dựng: 312 m² x 2 nhà = 624 m²

- Chiều cao công trình: 6,10 m

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng, dầm kiềng, sàn, cột bằng BTCT; Tường xây gạch. Vì kèo thép, mái lợp tôn; hệ thống cửa nhôm sắt.

4. Tháp nước: 02 tháp

- Loại công trình: Công trình công nghiệp

- Cấp công trình: Cấp III

- Diện tích xây dựng: 31,5 x 2 tháp = 63m²

- Chiều cao công trình: 30,8 m

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,15 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng cọc BTCT; nền bằng BTCT; kết cấu thép.

5. Nhà máy bơm: 02 nhà.

- Loại công trình: Công trình dân dụng.
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Số tầng: 01.
- Diện tích xây dựng: $50 \text{ m}^2 \times 2 \text{ nhà} = 100 \text{ m}^2$
- Chiều cao công trình: 4,50 m
- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.
- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu: Móng cọc BTCT; đà kiềng, nền, cột bằng BTCT. Tường xây gạch; Vỉ kèo thép, mái lợp tôn; hệ thống cửa nhôm sắt.

6. Hồ nước ngầm: 02 hồ

- Loại công trình: Công trình dân dụng
- Cấp công trình: Cấp III
- Diện tích xây dựng: $380 \times 2 \text{ hồ} = 760 \text{ m}^2$
- Thể tích xây dựng 02 hồ: $760 \text{ m}^2 \times 10 \text{ m} = 7.600 \text{ m}^3$.
- Chiều cao công trình (từ đáy hồ đến nắp hồ): 10,00 m
- Cốt nền công trình: Cao hơn 5m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.
- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu: Móng cọc BTCT; đà kiềng, cột, nền, sàn, dầm sàn, vách bằng BTCT.

7. Nhà nổi hơi: 01 nhà

- Loại công trình: Công trình công nghiệp
- Cấp công trình: Cấp IV
- Số tầng: 01.
- Diện tích xây dựng: 270 m^2
- Chiều cao công trình: 12,40 m
- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,2m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.
- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu: Móng cọc BTCT; đà kiềng, nền sàn bằng BTCT; Cột thép; tường xây gạch trát vữa xi măng cao 7m (bên dưới), lợp tôn (bên trên); vỉ kèo thép, mái lợp tôn; hệ thống cửa nhôm sắt.

8. Phòng máy (Trạm biến áp, phòng điện): 01 nhà

- Loại công trình: Công trình công nghiệp
- Cấp công trình: Cấp IV
- Số tầng: 01.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 232 m².
- Chiều cao công trình: 7,6 m
- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,2m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.
- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu: Móng cọc BTCT; dầm kiềng, nền sàn bằng BTCT; Cột thép; tường xây gạch; dầm mái bằng thép hình; mái bê tông cốt thép; hệ thống cửa nhôm sắt.

9. Xưởng gia công: 01 nhà

- Loại công trình: Công trình dân dụng
- Cấp công trình: Cấp IV
- Số tầng: 01.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 315 m².
- Chiều cao công trình: 5,6 m
- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,2m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.
- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu: Móng, dầm kiềng, nền sàn, cột bằng BTCT; tường xây gạch; vì kèo thép, mái lợp tôn, hệ thống cửa nhôm sắt.

10. Nhà để xe máy: 01 nhà

- Loại công trình: Công trình công nghiệp
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 02.
- Diện tích xây dựng tầng 1: 433,6 m²
- Diện tích xây dựng tầng 2: 433,6 m²
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $433,6 \times 2 \text{ tầng} = 867,2 \text{ m}^2$.
- Chiều cao công trình: 6,5 m
- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,2m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.
- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng, dầm kiềng, nền bằng BTCT; cột thép; dầm sàn (tầng 2) bằng thép hình; sàn bằng tôn deck kết hợp bê tông cốt thép; vì kèo thép; mái lợp tole.

11. Nhà văn phòng chính: 01 nhà

- Loại công trình: Công trình dân dụng
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 03.
- Diện tích xây dựng tầng 1: 416,41 m²
- Diện tích xây dựng tầng 2: 423,61 m²
- Diện tích xây dựng tầng 3: 447,50 m²
- Tổng diện tích sàn xây dựng: = 416,41 m² + 423,61 m² + 447,50 m² = 1.287,52 m².
- Chiều cao công trình: 11,10 m
- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,00 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.
- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu: Móng cọc BTCT; dầm kiềng, nền, sàn, cột, dầm sàn bằng BTCT; tường xây gạch; mái bằng bê tông cốt thép; hệ thống cửa nhôm sắt.

12. Nhà ăn (căn tin): 01 nhà

- Loại công trình: Công trình dân dụng
- Cấp công trình: Cấp IV
- Số tầng: 01.
- Diện tích sàn xây dựng: 544,5 m².
- Chiều cao công trình: 6,0 m
- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,0m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.
- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu: Móng, dầm kiềng, nền, cột bằng BTCT; tường xây gạch; vì kèo thép; mái lợp tôn; hệ thống cửa nhôm sắt.

13. Nhà giặt: 01 nhà

- Loại công trình: Công trình dân dụng
- Cấp công trình: Cấp IV
- Số tầng: 01.
- Diện tích sàn xây dựng: 120 m².
- Chiều cao công trình: 6,0 m

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,0m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng, nền, cột bằng BTCT; tường xây gạch; vì kèo thép; mái lợp tôn; hệ thống cửa nhôm sắt.

14. Nhà bảo vệ 1: 01 nhà

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01.

- Diện tích sàn xây dựng: 44,9m²

- Chiều cao công trình: 4,25 m

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,0 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng, nền, cột bằng BTCT; tường xây gạch; mái bằng bê tông cốt thép lợp ngói bên trên; hệ thống cửa nhôm sắt.

15. Nhà bảo vệ 2 và cổng: 01 công trình

- Loại công trình: Công trình dân dụng

- Cấp công trình: Cấp IV

- Số tầng: 01

- Diện tích sàn xây dựng: 66,5 m².

- Chiều cao công trình: 8,2 m.

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,0 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.

- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu: Móng, đà kiềng, nền, cột bằng BTCT; tường xây gạch; mái bằng bê tông cốt thép; hệ thống cửa nhôm sắt.

16. Nhà rác: 01 nhà

- Loại công trình: Công trình dân dụng

- Cấp công trình: Cấp IV

- Số tầng: 01.

- Diện tích sàn xây dựng: 44 m².

- Chiều cao công trình: 4,22 m

- Cốt nền công trình: Cao hơn 0,0 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.



- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu: Móng, dầm kiềng, nền, cột bằng BTCT; tường xây gạch; vì kèo thép, mái lợp tôn; hệ thống cửa nhôm sắt.

17. Khu xử lý nước thải: 01 công trình.

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật
- Cấp công trình: Cấp III
- Số tầng: 01.
- Diện tích sàn xây dựng: 2.283 m²
- Chiều cao công trình: 7,3 m (tính từ đáy đến nấp dầm mái)
- Cốt nền công trình: Cao hơn 4,9m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu $\pm 0,000$.
- Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu: Móng, dầm kiềng, nền, cột, sàn, mái bằng BTCT; vách bằng BTCT.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất : Diện tích 148.209,0 m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số vào sổ cấp GCN: CT 34495, CT 34496, CT 34497 và CT 34498 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam ngày 13/04/2021.

IV. Ghi nhận công trình đã khởi công : Không.

V. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp. Quá thời hạn trên, Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam phải đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở mặt sau Giấy phép này).

Bình Phước, ngày 14 tháng 10 năm 2021

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu VT. PQHXDTNMT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Huy Hoàng

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY :

- 1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.
- 2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
- 3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
- 4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biên báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
- 5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh :

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của Giấy phép :

.....

.....

.....

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP
MINH HƯNG SIKICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...06/...MHS...2022...

Bình Phước, ngày 8 tháng 9 năm 2022

**BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẦU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỦA DỰ ÁN
TẠI KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG SIKICO**

Dự án : Nhà máy giết mổ và chế biến thịt- Công ty TNHH Japfa comfeed Việt Nam
Địa điểm : Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4 KCN Minh Hưng- Sikico, xã Đồng Nơ, huyện
Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

A. ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG SIKICO

• Ông: PHAN HUỖNH TẤN HOÀNG Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

**B. ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH
BP3**

• Ông: PETER TERINATE Chức vụ: Giám đốc kinh doanh phát triển
thực phẩm tươi sống

Căn cứ hồ sơ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN được thẩm định và phê duyệt kèm
theo Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 23/03/2015 và Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày
29/11/2016 của UBND Tỉnh Bình Phước;

Các Bên cùng thống nhất việc đầu nối hạ tầng kỹ thuật của Dự Án vào hệ thống hạ tầng
kỹ thuật chung của Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico với các nội dung như sau:

I. ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA, THOÁT NƯỚC THẢI:

I.1. Thoát nước mưa: Đầu nối tại 02 vị trí hệ thống thoát nước mưa của Dự án vào hệ thống
thoát nước mưa của Khu công nghiệp.

- Các thông số kỹ thuật của mương/cống thoát nước mưa của KCN tại vị trí đầu nối

Ký hiệu hồ ga: E2.5

+ Kích thước hồ ga/ cống của KCN: 1800x1400, Dcống = 600mm.

+ Cao độ đáy cống của KCN: Hdáy = 55.19m, Hdỉnh = 57.12m

+ Kích thước hồ ga tại điểm đầu nối của Bên B: 1400x1400; Hdáy=55.19m,
Hdỉnh=57.18m

+ Kích thước cống tại điểm đầu nối bên B là D cống = 600mm

Ký hiệu hồ ga: E2.12

+ Kích thước hồ ga/ cống của KCN: 1800x1400, Dcống = 800mm.

+ Cao độ đáy cống của KCN: Hdáy = 53.44m, Hdỉnh = 55.60m

+ Kích thước hồ ga tại điểm đầu nối của Bên B: 1400x1400; Hdáy=54.40m,
Hdỉnh=56.22m

+ Kích thước cống tại điểm đầu nối bên B là D cống = 800mm



[Signature]

- Để kiểm soát nước mưa từ nhà máy ra KCN, đề nghị Chủ đầu tư Dự Án bố trí hố ga thăm đường ống đầu nối tại vị trí đầu nối nước mưa.

- Bên B sẽ chịu trách nhiệm về việc đầu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước chung của KCN (bao gồm các khoản chi phí thực hiện đầu nối và các nội dung đã cam kết).

1.2. Thoát nước thải:

- Đầu nối hệ thống thoát nước thải của Dự Án vào hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp tại 01 vị trí

- Hố ga thu nước thải của KCN tại vị trí đầu nối có các thông số như sau:

Ký hiệu hố ga: D2.1

+ Kích thước hố ga của KCN: 1200x1200. Đường kính=300mm

+ Cao độ đáy hố ga KCN là: Hđáy=56.43m, Hđỉnh=57.77m.

+ Kích thước hố ga nước thải tại điểm đầu nối của Bên B: 1200x1200

+ Cao độ hố ga nước thải tại điểm đầu nối của bên B: Hđáy=56.32m, Hđỉnh=57.77m.

+ Kích thước ống nước thải đầu ra hố ga KCN là ống HDPE D300

- Cao độ đáy cống đầu nối từ nhà máy ra phải cao hơn cao độ đáy cống thoát nước của KCN ít nhất là 0.3m.

1.3. Các yêu cầu chung về đầu nối thoát nước mưa, thoát nước thải:

- Trước khi thi công hệ thống mương/cống ngầm thoát nước mưa, nước thải của Dự Án, Bên B phải cung cấp bản vẽ chi tiết đầu nối vào hệ thống thoát nước KCN (thoát nước mưa, thoát nước thải) và liên hệ với Bên A để có thông tin về các đường ống hạ tầng kỹ thuật ngầm của KCN để có biện pháp thi công an toàn, mọi hư hỏng thiệt hại (nếu có) gây ra, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường.

- Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải trong nhà máy của Bên B phải được xây dựng đảm bảo tách riêng hoàn toàn và chịu sự kiểm soát của Bên A trong suốt quá trình xây dựng và hoạt động.

- Tại các vị trí đầu nối nước mưa từ mái nhà xuống hệ thống thoát nước mưa nhà máy phải thông qua hố ga kiểm tra, không được đầu nối trực tiếp vào đường cống nước mưa ngầm dưới đất.

- Tại các vị trí góc ngoặt, vị trí đầu nối các đường ống nước thải từ các hướng về một điểm giao phải bố trí hố ga kiểm tra để xác định hướng đi đường ống và xác định các đường ống nước thải đầu nối với nhau.

- Cao độ mặt hố ga nước thải phải cao hơn cao độ mặt đất xung quanh ít nhất 20 cm để ngăn nước mưa tràn vào hố ga.

- Trong quá trình Bên B thi công hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, Bên A sẽ phối hợp với Bên B để kiểm tra đảm bảo tách biệt riêng rẽ nước mưa và nước thải. Trước khi tiến hành lấp đất che khuất thì Bên B phải thông báo Bên A đến nghiệm thu. Công tác đấu nối hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải của Dự Án chỉ được tiến hành khi hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải nội bộ đã được Bên B thi công xong và đã được Bên A nghiệm thu.

- Đồng hồ đo lưu lượng nước thải do bên A cung cấp. Vị trí lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải phải bố trí bên ngoài Nhà máy để thuận lợi cho Bên A thực hiện công tác bảo trì và chốt chỉ số lưu lượng nước thải.

- Các yêu cầu khác tham khảo quy chế hoạt động KCN Minh Hưng - Sikico.

II. CẤP NƯỚC SẠCH:

2.1. Nguồn nước sạch:

- Vị trí đầu nối cấp nước: Đầu nối 1 vị trí ở phía đường N1.

- Vị trí lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước nên bố trí gần với cổng ra vào Nhà máy để thuận lợi cho Bên A thực hiện công tác bảo trì và chốt chỉ số lưu lượng sử dụng nước.

- Bên B thông báo cho Bên A về nhu cầu sử dụng, thời gian bắt đầu sử dụng và tiến hành ký hợp đồng sử dụng nước với Bên A. Chi phí đầu nối vào đường ống chung và đồng hồ nước do Công ty cổ phần công nghiệp Minh Hưng- Sikico chịu.

- Bên B phải xây dựng bể chứa dự trữ nước đảm bảo dung tích theo Tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy và đảm bảo hoạt động Dự án theo quy định được Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh Bình Phước phê duyệt.

III. ĐẦU NỐI GIAO THÔNG VÀ CAO ĐỘ NỀN HOÀN THIỆN:

3.1. Đầu nối giao thông:

- Vị trí mở cổng của nhà máy phải đảm bảo an toàn giao thông, vị trí có tầm nhìn thông thoáng từ các phía, đảm bảo mỹ quan chung KCN. Trước khi thi công xây dựng nhà máy, Bên A phải tiến hành gia cố hệ thống hạ tầng bên dưới vỉa hè KCN tại vị trí mở cổng. Để tránh làm hư hỏng hạ tầng bên dưới hành lang kỹ thuật của KCN, công tác đào đất chỉ được thực hiện thủ công.

- Các yêu cầu khác tham khảo quy chế hoạt động KCN Minh Hưng - Sikico.

3.2. Nền hoàn thiện công trình:

- Cao độ hoàn thiện của mặt bằng nhà máy phải được tính toán sao cho phù hợp với cao độ hoàn thiện của đường giao thông giáp ranh khu đất, đảm bảo thoát nước cho Dự Án. Đất dư trong quá trình thi công san nền không được vận chuyển ra ngoài KCN mà phải được tập kết đến đúng vị trí do Bên A chỉ định.

- Cao độ mặt bằng san nền không cao quá 0,1 mét so với tim đường tại khu vực Dự Án công trình.

IV. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ VỀ XÂY DỰNG:

- Diện tích đất dành để trồng cây xanh của toàn nhà máy đạt tỷ lệ tối thiểu 20% trên tổng diện tích lô đất thuê.

- Chỉ giới xây dựng công trình: (Ghi đúng theo quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết KCN hoặc theo Điều lệ quản lý quy hoạch KCN do cơ quan thẩm quyền ban hành).

- Mật độ xây dựng tối đa của Dự án tối đa là 70%.

V. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai Bên thống nhất thực hiện đúng các nội dung trong Biên bản thỏa thuận này. Trong quá trình thực hiện nếu gặp vướng mắc Hai Bên cùng nhau bàn bạc giải quyết.

- Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi Bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B



ĐẠI DIỆN BÊN A



Phan Huỳnh Cấn Hoàng

CÔNG TY TNHH
PHÚC TRƯỜNG HẢI
Số: 01-29/2021/BBBG/PTH-JF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

.....oOo.....

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HỆ THỐNG

(V/v: Cung cấp lò hơi tầng sôi 4 tấn/h dự án Japfa Bình Phước)
(About: Supply The Fluidized Bed Boiler 4 Tons per hour to Japfa Binh Phuoc)



I. THỜI GIAN & ĐỊA ĐIỂM (TIME & LOCATION)

Vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 08/09/2022.

At 09:00, Date: 08/09/2022.

Địa chỉ: KCN Minh Hưng SiKiCo, Xã Đông Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước.

Location: Minh Hung SiKiCo Industrial Zone, Dong No Commune, Hon Quan District, Binh Phuoc Province.

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ (PARTICIPANTS)

A. CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CN BÌNH PHƯỚC 3 (CHỦ ĐẦU TƯ)

JAPFA COMFEED CO., LTD VIET NAM – BINH PHUOC 3 BRANCH (INVESTOR)

KCN Minh Hưng SiKiCo, Xã Đông Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước.

Minh Hung SiKiCo Industrial Zone, Dong No Commune, Hon Quan District, Binh Phuoc Province.

1. Ông/Bà (Mr./Mrs.) Peter Terinade..... Chức vụ: (Position) Head. Co. Direct. South

2. Ông/Bà (Mr./Mrs.) Đặng Duy Khánh..... Chức vụ: (Position) Construction Engineer..

B. CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

(NHÀ THẦU)

PHUC TRUONG HAI CO., LTD

(CONTRACTOR)

KCN Thanh Phú, Xã Thanh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.

Thanh Phu Industrial Zone, Thanh Phu Commune, Vinh Cui District, Dong Nai Province.

1. Ông/Bà (Mr./Mrs.) Nguyen Dai Van Chức vụ: (Position) Director

2. Ông/Bà (Mr./Mrs.) Hoang Duc Huu The Chức vụ: (Position) Production Manager

III. NỘI DUNG NGHIỆM THU (CONTENT OF THE MINUTES ACCEPTANCE)

Hai Bên thống nhất ký kết biên bản nghiệm thu lò hơi đưa vào sử dụng với các nội dung như sau:
Both Parties accept to sign the minutes acceptance of usage boiler with content as follows:

1. CÁC TÀI LIỆU CĂN CỨ (DOCUMENTS BASE)

- + Hợp đồng số: 29/2021/PTH – JAPFA/BP, ký ngày 17/01/2022.

Contract No.: 29/2021 PTH – JAPFA/BP, signed on 17/01/2022.

- + Bảng báo giá số: 04052021/PTH-JAPFA/BP ngày 04 tháng 05 năm 2021 giữa Công ty TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM- CN BÌNH PHƯỚC 3 và Công ty TNHH Phúc Trường Hai.

Quotation No.: 04052021/PTH-JAPFA/BP, signed on 14/05/2022 between JAPFA

COMFEED Co., Ltd Viet Nam – Binh Phuoc 3 Branch and Phuc Truong Hai Co., Ltd.

2. KẾT QUẢ KIỂM TRA (THE RESULTS OF CHECKING)

- Công tác thi công đúng tiến độ được lập với sự đồng ý của Chủ đầu tư.

The construction work on progress is established with the consent of the Investor.

- Công tác thi công đúng quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước ban hành.

The construction work is in accordance with the current progress and regulations promulgated by the Viet Nam State.

- Chung loại vật tư thi công đúng theo tiêu chuẩn thi công của công trình.

The types of construction materials are in accordance with the construction standards of the project.

- Chất lượng vận hành hệ thống: Đạt yêu cầu theo đúng thiết kế cam kết trong hợp đồng.

System operation quality: Satisfy the requirements according to the design committed in the contract.

- Khối lượng công việc : Đã hoàn thành việc cung cấp lắp đặt vận hành chạy thử hệ thống theo hợp đồng. Số 29/2021/PTH – JAPFA/BP.

Work volume: Completed supplying, installation, testing the operation of the system follow the contract. No. 29/2021/PTH – JAPFA/BP.

II	HẠNG MỤC THỰC HIỆN (IMPLEMENTATION CATEGORY)	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)	XUẤT XỨ (ORIGIN)	SỐ LƯỢNG (AMOUNT)	ĐVT (UNIT)
A HỆ THỐNG LÒ HƠI (THE BOILER SYSTEM)					
1	THÂN CHÍNH LÒ HƠI (THE MAIN PART OF BOILER)				
	Balông hơi & nước (Steam & water balloons)	Thép chịu nhiệt A515/516 - GR60/70 (Heat resistant steel A515/516 - GR60/70)	Hàn Quốc (Korea)/ Nhật Bản (Japan)	1	Hệ (Set)
	Ống góp chính (Main collector)	Thép đúc SA/A106-GB SCH40 (Seamless pipe SA A106-GB SCH40)	Trung Quốc TC Mỹ (China USA)		
	Ống sinh hơi (Steam generator pipe)	Thép đúc SA/A106-GB: Ống Ø51 SCH30 (Seamless pipe SA A106-GB: Pipe Ø51 SCH30)	Trung Quốc TC Mỹ (China USA)		
	Cách nhiệt dày 100mm (Insulation thickness 100mm)	Ceramic + Rockwool; tỉ trọng 96 kg/m3 (Ceramic Rockwool: density 96 kg m3)	Trung Quốc/Việt Nam (China/Vietnam)		
	Bao che + sơn 2 lớp (Cover + paint 2 layers)	Thép tấm dày 3mm (thick steel plate 3mm)	Trung Quốc/Việt Nam (China/Vietnam)		
2	HỆ THỐNG VAN TRÊN LÒ (THE VALVES SYSTEM OF BOILER)				
	Van hơi chính (Main steam valve)	DN 100 - PN16	EU	1	Cái (Piece)
	Van an toàn (Safety valve)	DN 40 - PN16	EU	2	Cái (Piece)
	Van tín hiệu (Signal valve)	DN 20 - PN16	EU	1	Cái (Piece)
	Van xả khí/xả nhanh (Quick release/air release valve)	DN 40 - PN16	EU	1	Cái (Piece)
	Van ra cụm ống thủy (Outlet valve for hydraulic hose assembly)	DN 20 - PN16	EU	2	Cái (Piece)
	Kính thủy sáng (Clear glass)	DN 20 - PN16; L = 235x34x17	EU	2	Cái (Piece)
	Van cấp nước (Water supply valve)	DN 40 - PN16	Hàn Quốc Korea	1	Cái (Piece)

	Van 1 chiều(Check valve)	DN 40 - PN16	Hàn Quốc Korea	1	Cái (Piece)
	Van xả đáy balong(Balloon bottom discharge valve)	DN 40 - PN16	EU	1	Cái (Piece)
	Van xả đáy ống góp (Manifold bottom drain valve)	DN 25 - PN16	EU	2	Cái (Piece)
	Hệ đường ống kết nối (Connection pipe system)		PTH Boiler	1	Hệ (Set)
3	BUỒNG ĐỐT TÀNG SÔI (COMBUSTION FURNACE)				
	Mặt sàn buồng đốt tầng sôi (The floor surface of fluidized bed combustion furnace)	Thép SS400, dày 12mm (Steel SS400, Thickness 12mm)			
	Gạch chịu nhiệt vách buồng đốt (Heat-resistant brick wall of the combustion furnace)	Samot A 30% cao nhôm; Việt Nam (Samot A 30% aluminum; Vietnam)			
	Ống phun tầng sôi(Fluidized bed spray pipe)	Gang chịu nhiệt (Heat resistant cast iron)			
	Cửa thao tác (Operation door)	Gang chịu nhiệt, 350x750mm(Heat resistant cast iron)	PTH Boiler	1	Hệ (Set)
	Cách nhiệt 2 lớp dày 100mm (Double layer insulation thickness :100mm .)	Rockwool tỷ trọng 96kg/m ³ (Rockwool density 96kg/m ³)			
	Khung xương bao che (Skeleton frame)	Thép hình U100 -V50 dày 3mm (Sectioned steel U100 - V50 . thickness 3mm)			
	Thép bao che buồng đốt (Steel covering the combustion furnace)	Thép tấm SS400/CT3 dày 3mm((Steel SS400, Thickness 3mm))			
	Sơn 2 lớp (Double coating layers)	Sơn chống rỉ, Sơn màu thẩm mỹ theo yêu cầu(Anti-rust paint. Aesthetic coating on request)			
4	HE CẤP LIỆU				

Băng tải cấp nhiên liệu(Fuel Conveyor)	Loại băng V, B500(type V, B500)	PTH Boiler	1	Hệ (Set)
Chân đỡ băng tải(Conveyor support stands)	Thép hình U100 (sectioned steel U100)	PTH Boiler		
Động cơ hộp số băng tải(Conveyor gear motor)	Công suất 2,2kw; I = 1/60 (Capacity 2.2kw; I = 1/60 Taiwan)	Đài Loan (Taiwan)		
Điều chỉnh (Adjusted)	Biến Tần (Inverter)	Nhật Bản (Yaskawa) Japan (Yaskawa)		

5. HỆ THỐNG TIẾT KIỆM NHIỆT (THE HEAT SAVING SYSTEM)

Ống trao đổi nhiệt (Heat exchanger pipe)	Ống thép Ø34/Ø42 (Steel pipe Ø34/Ø42)	PTH Boiler	1	Hệ (Set)
Thép mặt sàn (Floor steel)	Thép SS400/CT3 dày 6mm(Steel SS400, Thickness 6mm)			
Vỏ bao che(Cover)	Thép SS400/CT3 dày 3mm(Steel SS400, Thickness 3mm)			
Chân đỡ bộ sấy khí(Air dryer stands)	Thép hình I120 hoặc Ø114((Sectioned steel I120 or Ø114)			
Cửa vệ sinh	350x500mm			
Bảo ôn dày 50mm (Insulation thickness 50mm)	Rockwool tỷ trọng 96kg/m3 (Rockwool density 96kg/m3)			
Sơn 2 lớp(Double coating layers)	Sơn chống rỉ, Sơn màu thẩm mỹ theo yêu cầu (Anti-rust paint, Aesthetic coating on request)			

6. CYCLONE TỔ HỢP(CYCLONE COMBINED)

Cyclone module	Thân thép SS400/CT3, dày 4 mm(Steel SS400CT3, Thickness 4-5mm)	PTH Boiler	1	Hệ (Set)
Thân bao che Cyclone (Cyclone cover body)	Thép SS400/CT3 dày 3mm(Steel SS400CT3, Thickness 3mm)			
Còn thu tro (Consumption ash)	Thép SS400/CT3 dày 3mm(Steel SS400CT3, Thickness mm)			
Chân đỡ Cyclone(Cyclone Stand)	Thép hình I120 hoặc Ø114(sectioned steel I120 or Ø114)			
Ván lấy tro (Ash of valve)	DN200			

	Động cơ hộp số Van xoay(Rotary Valve Gearbox Motor)	Động cơ 0.75 kW; Hộp số i=1/30 Đài Loan (0.75 kW motor; Gearbox i=1/30 Taiwan)			
	Sơn 2 lớp(Double coating layers)	Sơn chống rỉ. Sơn màu thẩm mỹ theo yêu cầu (Anti-rust paint. Aesthetic coating on request)			
7	HỆ THỐNG BƠM CẤP NƯỚC & HỆ THỐNG QUẠT (WATER SUPPLY PUMP & FAN SYSTEM)				
	Bơm chính lò hơi 1 chạy 1 dự phòng (Boiler main pump 1 running 1 backup)	Công suất 4,5kw; Q=4÷6m3/h; H=144 - 160m (Capacity 4.5kw; Q=4 - 6m3/h; H=144 - 160m)	Ebara (Ý)(Ebara (Italy))	2	Bộ (Set)
	Quạt gió cấp 1 (Bower level 1)	Quạt trực tiếp. Q=5000m3/h; H=500mmH2O (Directly fan, Q=5000m3/h; H=500mmH2O)	Việt Nam Vietnam	1	Bộ (Set)
		Thân và nguồn: thép SS400; dây 3-6mm; sơn tĩnh điện (Body and source: steel SS400; thick 3-6mm; Powder Coating)	Việt Nam Vietnam		
		Công suất động cơ 11 kW (Engine power 11 kW)	Việt Nam (Teco)		
	Quạt khói (Smoke fan)	Quạt gián tiếp. Q=16000m3/h. H=350mmH2O (Indirectly fan, Q=16000m3/h. H=350mmH2O)	Việt Nam Vietnam	1	Bộ (Set)
		Thân thép SS400; dây 4-6mm; sơn tĩnh điện. Nguồn cách Inox 304; dây 3-5mm (Steel SS400; thick 4-6mm; Powder Coating. Source Insulation Inox 304; thickness 3-5mm)	Việt Nam Vietnam		
		Gối đỡ + Vòng bi SKF (Bearing + SKF)	EU		
		Động cơ công suất 22kW (nếu không túi vải 15kW) (Motor power 22kW (without cloth bag 15kW))	Việt Nam (Teco) Vietnam		
8	HỆ THỐNG ĐIỆN(THE ELECTRICAL SYSTEM)				

	Vỏ tủ điện(<i>Electrical Closet</i>)	Sơn tĩnh điện đạt TCVN/ <i>Power coating based on TCVN</i>	Việt Nam <i>Vietnam</i>		
	Máng cáp điện(<i>Cable tray</i>)	Sơn tĩnh điện đạt TCVN/ <i>Power coating based on TCVN</i>	Việt Nam <i>Vietnam</i>		
	Dây điện động lực (<i>Power wire</i>)	Theo thông số thiết bị(<i>According to device parameters</i>)	Việt Nam (Cadisun) <i>Vietnam (Cadisun)</i>		
	Nút nhấn, con tắc, đèn hiển thị (<i>Button, switch, display light</i>)	Theo thông số thiết bị(<i>According to device parameters</i>)	Nhật Bản (Omron) <i>Japan (Omron)</i>		
	Rơ le trung gian(<i>Intermediate relays</i>)	Theo thông số thiết bị(<i>According to device parameters</i>)	Nhật Bản (Omron)		
	Thiết bị đóng cắt(<i>Switchgear</i>)	Theo thông số thiết bị(<i>According to device parameters</i>)	EU (Sigma)	1	Bộ (Set)
	Biến tần(<i>Inverter</i>)	Băng tải; quạt cấp 1-2; quạt khô (<i>Conveyor; fan level 1-2 ; smoke fan</i>)	Nhật Bản (Yaskawa)		
	Bộ điều khiển thị & điều khiển tần số (<i>Display controller & frequency control</i>)	Tăng số băng tải, quạt cấp 1- 2; quạt khô (<i>Frequency of conveyors, fans level 1-2 ; smoke fan</i>)	EU(Emko)/Ko rea		
	Hiển thị & điều khiển áp suất	Áp suất hơi (<i>Steam pressure</i>)	Nhật Bản (Omron) <i>Japan (Omron)</i>		
	Màn hình HMI(<i>HMI screen</i>)	11 inch (Hiển thị, điều khiển thông số vận hành, nhật ký thời gian làm việc của thiết bị) (<i>11 inch (Display, control operating parameters, log of equipment working time)</i>)	Nhật Bản (Omron) <i>Japan (Omron)</i>		
9	CẦU THANG LÒ HƠI				

	Khung xương (Skeleton frame)	Thép hình U80-100 (sectioned steel U80-100)	PTH Boiler	1	Hệ (Set)
	Bậc thang(Step of ladder)	Thép gân SS400/CT3 dày 3mm (Ribbed steel SS400/CT3, . Thickness 3mm)			
	Tay vịn TCVN (Handrails TCVN)	Thép hình 40(sectioned steel 40)			
	Sơn 2 lớp(Double coating layers)	Sơn chống rỉ, Sơn màu thẩm mỹ theo yêu cầu (Anti-rust paint, Aesthetic coating on request)			
10	BỒN CHỨA NƯỚC NÓNG 5m3 (HOT WATER STORAGE 5m3)				
	Thân bồn(Tank)	Thép SS400/CT3 dày 4mm, sơn epoxy (steel SS400/CT3, thickness 4mm , epoxy painting)	PTH Boiler	1	Hệ (Set)
	Chân đế (stands, legs)	Thép SS400/CT3 dày 6-8mm (Steel SS400/CT3, Thickness 6-8mm)			
	Bảo ôn dày 50mm(Insulation thickness 50mm)	Rockwool tỷ trọng 96kg/m3(Rockwool density 96kg/m3)			
	Bao che thẩm mỹ (Aesthetic cover)	Inox 201 mờ (Stainless steel 201 matt)			
	Van xả đáy(Bottom drain valve)	DN40	Hàn Quốc/Đài Loan Korea/Taiwan		
11	ĐƯỜNG ống PHỤ TRỢ (THE SUPPORT PIPELINE)				
	Đường ống gió cấp 1 (The wind pipeline level 1)	Thép gân SS400/CT3 dày 3mm(Ribbed steel SS400/CT3, . Thickness 3mm)	PTH Boiler	1	Hệ (Set)
	Đường ống dẫn khói (The smoke pipeline)	Thép gân SS400/CT3 dày 4mm(Ribbed steel SS400/CT3, . Thickness 4mm)			
	Sơn 2 lớp(double coating layers)	Sơn chống rỉ, Sơn màu thẩm mỹ theo yêu cầu (Anti-rust paint, Aesthetic coating on request)			
12	ỐNG KHÓI CAO 18 MÉT(18METER HIGH CHIMNEY)				

Thân ống khói (Chimney)	Thép SS400; dày 6mm; sơn 2 lớp epoxi (steel SS400, thickness 6mm, double epoxy painting)	PTH Boiler	1	Hệ (Set)
Thang leo, sàn thao tác (Climbing ladder, working/operating floor)	Thép hình, Thép gân (Sectioned Steel, Ribbed Steel)			
Lỗ đo môi trường (Environmental measuring hole)	Theo TCVN (According to TCVN)			
Kiểm chống sét, dây thu, tiếp địa	Theo TCVN (According to TCVN)			

**B THIẾT BỊ LỰA CHỌN THÊM
(MORE SELECTION DEVICES/EQUIPMENT)**

1 HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÓI THẢI 4 TẤN/H (THE WASTE SMOKE TREATMENT SYSTEM 4 TONS/H)				
Thân hệ túi vải (Fabric cloth bag)	Thép SS400/CT3, dày 3mm, Gân gia cường (Steel SS400/CT3, thickness 3mm, Ribbed reinforcement)	PTH Boiler	1	Hệ (Set)
Hệ túi (Bag system)	Ø160, chịu nhiệt độ 180 oC (Ø160, temperature resistant 180 oC)	Đài Loan/Hàn Quốc		
Van điều khiển khí nén (Pneumatic control valve)		Fenetek		
Thùng chứa, Bonke (Tank)	Thép SS400/CT3, dày 3mm, Gân gia cường (Steel SS400/CT3, thickness 3mm, Ribbed reinforcement)	PTH Boiler		
Lấy tro (Take the ashes)	Vít tải, động cơ hộp số: 1.5kW (Screw load, gear motor: 1.5kW)	Đài Loan		
Bồn chứa khí nén (Compressed air tank)	Thiết kế tính toán theo tiêu chuẩn Việt Nam (Design calculated according to Vietnamese standards)	PTH Boiler		
Chân đỡ, sàn thao tác (Support legs/stands, working floor)	Thép hình 1120 hoặc Ø114 (sectioned steel Ø114 or 1120)	PTH Boiler		
Máy nén khí (Compressor)	5,5 kW	Việt Nam (Fusheng)		

3. CÁC Ý KIẾN KHÁC CỦA HAI BÊN (THE OPINIONS OF BOTH PARTIES)

STT No.	BÊN GÓP Ý The opinions of	NỘI DUNG (CONTENT)
1.	CHỦ ĐẦU TƯ (INVESTOR)	
2.	NHÀ THẦU (CONTRACTOR)	

IV. KẾT LUẬN (CONCLUSION)

- Sau khi hệ thống lò hơi đã đi vào hoạt động Đồng ý hay không Đồng ý "Hệ thống lò hơi 4t/h" để bàn giao đưa vào sử dụng. Chủ đầu tư xác nhận.

After the boiler system has been put into operation, Agree or Disagree "4T/h boiler system" to transfer and put into usage. Investor confirms.

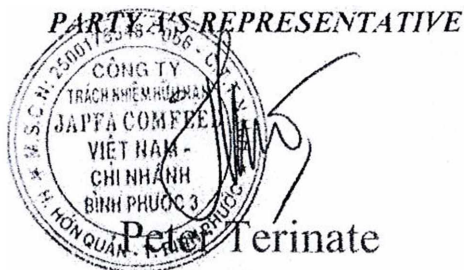
☒ ĐỒNG Ý (AGREE)

☐ KHÔNG ĐỒNG Ý (DISAGREE)

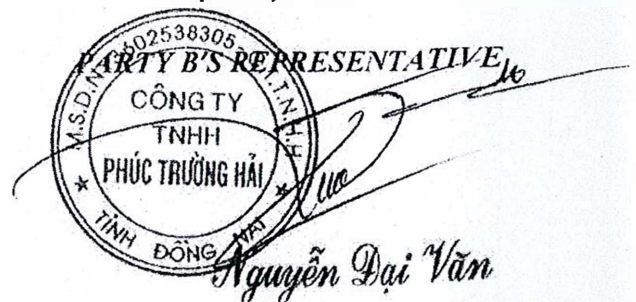
Biên bản được thành lập 04 (bốn) bản, Bên chủ đầu tư giữ 02 (hai) bản, Đơn vị nhà thầu thi công lắp đặt giữ 02 (hai) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

The minutes are made 04 (four) copies, the Investor keeps 02 (two) copies, the Contractor keeps 02 (two) copies and has the same legal validity.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



ĐỢT 4

No. / Số: 04-IOC-P171-JAPFA

Binh Phuoc, Date / Ngày 07 month / tháng 07 year / năm 2022

- Project** : Design and engineering, procurement, construction, commissioning and handing over technology for the wastewater treatment plant (total capacity: 4,850 m³/day) and wastewater reuse system (capacity: 1,000 m³/day) of Slaughter and meat processing factory
- Công trình** : Tư vấn thiết kế, cung cấp thiết bị, thi công, vận hành thử nghiệm và chuyển giao công nghệ Trạm xử lý nước thải (công suất: 4.850 m³/ngày) và Hệ thống tái sử dụng nước thải (công suất: 1.000 m³/ngày) của Nhà máy giết mổ và chế biến thịt
- Location** : Lot B6-1, B6-2, B6-3, B6-4 Minh Hung Sikico IP, Dong No commune, Hoi Quang District, Binh Phuoc province, Vietnam
- Địa điểm** : Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4 khu công nghiệp Minh Hưng Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

1. Participants of inspection / Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

1.1 Representative of Investor: Japfa Comfeed Vietnam Limited Company – Branch Binh Phuoc 3

Đại diện Chủ đầu tư: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước 3

Mr./ Ms.	:	Peter Terinate	Position	:	Head Go Direct South
Ông/ Bà	:		Chức vụ	:	
Mr./ Ms.	:	Rico Rizkiaji	Position	:	BPSH Plant Asst Manager
Ông/ Bà	:		Chức vụ	:	
Mr./ Ms.	:	Nguyễn Minh Hải	Position	:	Maintainance Supervisor
Ông/ Bà	:		Chức vụ	:	
Mr./ Ms.	:	Johnny NG	Position	:	Project Sr Manager
Ông/ Bà	:		Chức vụ	:	
Mr./ Ms.	:	Phan Chí Nam	Position	:	Onsite Feed & Food
Ông/ Bà	:		Chức vụ	:	Project Manager
Mr./ Ms.	:	Đặng Duy Khánh	Position	:	Construction Engineer
Ông/ Bà	:		Chức vụ	:	
Mr./ Ms.	:	Võ NGuyên Minh	Position	:	Electric Engineer
Ông/ Bà	:		Chức vụ	:	

1.2 Representative of Contractor: Koastal Eco Industries Co.,Ltd.

Đại diện nhà thầu thi công: Công ty TNHH Koastal Eco Industries

Mr./ Ms.	:	Trần Anh Đức	Position	:	General Director
Ông/ Bà	:		Chức vụ	:	
Mr./ Ms.	:	Lê Đình Hoàng	Position	:	Project Manager
Ông/ Bà	:		Chức vụ	:	

2. Time of inspection / Thời gian nghiệm thu:

- Start / Bắt đầu: Date / Ngày 03/01 month / tháng 01/2022 year / năm 2022
- Finish / Kết thúc: Date / Ngày 03/01 month / tháng 01/2022 year / năm 2022
- At: Wastewater treatment plant (total capacity: 4,850 m³/day) and wastewater reuse system (capacity: 1,000 m³/day) of Slaughter and meat processing factory

Tại: Trạm xử lý nước thải (công suất: 4.850 m³/ngày) và Hệ thống tái sử dụng nước thải (công suất: 1.000 m³/ngày) của Nhà máy giết mổ và chế biến thịt

3. Assessment of construction work done / Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

3.1 Reference documents for acceptance / Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

a) Request for acceptance of Contractor:

Phiếu yêu cầu nghiệm thu của Nhà thầu thi công:

- No. / Số.: 04 RFA-P171-JAPFA date / Ngày month / tháng year / năm 2022

b) Construction drawing design dossier approval and changing design approval

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận:

- Construction drawing / Bản vẽ thi công;
- Design changes (if any) / Thay đổi thiết kế (nếu có): No / Không

c) Construction regulations and standards application:

Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

- Vietnam construction regulations and standards.

Theo các Quy chuẩn và Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

d) Technical specification document, specification / Tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật, tiêu chí kỹ thuật:

- Following the design dossier, tender document / Theo hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu;
- Following the contract no. P171-2008/KEI-JAPFA/2021, signed date June 12th, 2021

Theo hợp đồng số P171-2008/KEI-JAPFA/2021 ký ngày 12/06/2021

e) Method statement approval: following the tender document.

Biện pháp thi công đã duyệt: theo hồ sơ thầu

3.2 List of equipment and materials installed at the site: as attachment with this minutes

Danh sách vật tư, thiết bị lắp đặt tại công trình: đính kèm biên bản này

4. Conclusion / Kết luận:

- Agree / Đồng ý nghiệm thu
- Construction work quality: comparison with design, construction standards and technical requirement:
Chất lượng công việc xây dựng: đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng và yêu cầu kỹ thuật:
 - o Match with the standards and design dossier / Phù hợp với tiêu chuẩn và hồ sơ thiết kế

Representative of Investor

Đại diện Chủ đầu tư


PETER TERINATE

Representative of Contractor

Đại diện Nhà thầu


CÔNG TY
TNHH
KOASTAL ECO
INDUSTRIES

TRẦN ANH ĐỨC
Tổng Giám Đốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH



ISO 9001:2015



No: 0421	04	IPDT
----------	----	------

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

- Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3**
- Địa chỉ: Lô B6-1, B6-2, B6-3, KCN Minh Hưng Sikico, X. Đồng Nơ, H. Hớn Quản, T. Bình Phước.

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

- Tên đối tượng kiểm định: **BÌNH GÓP HƠI**
- Mã hiệu : **PTH/4.000-BG12/071**
- Số chế tạo : **BG-071/2022**
- Năm chế tạo : **2022**
- Nhà chế tạo : **CTY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI**
- Đặc tính, thông số kỹ thuật:

- ♦ Dung tích : **340 lít**
- ♦ Áp suất thiết kế : **12,0 bar**
- ♦ Áp suất làm việc : **9,0 bar**
- ♦ Nhiệt độ làm việc : **≤ 175 °C**
- ♦ Môi chất làm việc : **Hơi bão hòa**
- ♦ Công dụng của bình: **Chứa và cấp hơi bão hòa**

- Nơi lắp đặt : Lô B6-1, B6-2, B6-3, KCN Minh Hưng Sikico, X. Đồng Nơ, H. Hớn Quản, T. Bình Phước.

Đã được kiểm định lần đầu đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số:

0421/04/IPDT - Ngày: 08/09/2022

Số tem kiểm định: **02692**

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: **08/09/2024 (*)**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 09 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Thanh Niệm

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.



Ngày 08 tháng 09 năm 2022

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN BÌNH CHỊU ÁP LỰC

Số: 0421/04/IPDT

(Theo biên bản ghi chép hiện trường số: 0421/04)

Chúng tôi gồm:

1. Ngô Thanh Niệm

Số hiệu kiểm định viên : 143/KDV-LDTBXH

2. Nguyễn Văn Bé Năm

Số hiệu kiểm định viên : 987/KDV-LDTBXH

3. Trần Khánh Duy

Kỹ thuật viên

4. Nguyễn Văn Thọ

Kỹ thuật viên

5. Trần Quốc Lâm

Kỹ thuật viên

6. Trần Phước Tín

Kỹ thuật viên

Thuộc: CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN

Số đăng ký chứng nhận: Số 132/GCN-KĐ

Đã tiến hành kiểm định: BÌNH GÓP HƠI

Của: CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3

Địa chỉ: Lô B6-1, B6-2, B6-3, KCN Minh Hưng Sikico, X. Đồng Nơ, H. Hớn Quản, T. Bình Phước.

Địa chỉ lắp đặt: Lô B6-1, B6-2, B6-3, KCN Minh Hưng Sikico, X. Đồng Nơ, H. Hớn Quản, T. Bình Phước.

Quy trình kiểm định áp dụng: QTKĐ 07-2016/BLDTBXH

(TCVN 8366:2010; TCVN 6155:1996; TCVN 6156:1996; TCVN 6008:2010;)

Chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1. Ông (Bà): Nguyễn Minh Hải

: Chức vụ: Đại diện đơn vị sử dụng

2. Ông (Bà): Lê Đình Hệ

: Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật

I - THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA BÌNH

- Loại, mã hiệu:	PTH/4.000-BG12/071	- Áp suất thiết kế:	12,0 bar
- Số chế tạo:	BG-071/2022	- Áp suất làm việc(max):	9,0 bar
- Năm chế tạo:	2022	- Dung tích:	340 lít
- Công dụng của bình:	Chứa và cấp hơi bão hòa	- Nhiệt độ làm việc:	≤ 175 °C
- Môi chất làm việc:	Hơi bão hòa	- Nhà chế tạo:	CTY TNHH PHÚC TRƯỞNG HẢI
- Ngày kiểm định lần trước:	Lần đầu	- Do:	CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN

II - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☒ ; Định kỳ ☐ , Bất thường ☐

Lý do trong trường hợp kiểm định bất thường: /

III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra hồ sơ :

- Nhận xét: hồ sơ phù hợp

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

2. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong:

Hạng mục kiểm tra	Đạt	Không đạt
Vị trí lắp đặt	☒	☐
Sân, cầu thang thao tác	☐	☐
Chiều sáng vận hành	☒	☐
Tiếp địa chống sét, tiếp địa an toàn.	☒	☐
Tình trạng bề mặt kim loại các bộ phận chịu áp lực	☒	☐

Tình trạng mối hàn, các mối nối.	☒	☐
Các van, thiết bị phụ trợ	☒	☐
Van an toàn	☒	☐
Áp kế	☒	☐
Đo mức	☐	☐
Các thiết bị an toàn, đo lường, tự động khác	☒	☐

- Nhận xét: Không phát hiện bất thường. Các thiết bị bảo vệ, đo lường phù hợp

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

3. Thử nghiệm :

Nội dung	Môi chất thử	Áp suất thử (bar)	Thời gian duy trì (phút)
Thử bền	Đã được nhà chế tạo thử bền lúc xuất xưởng chưa quá 18 tháng		
Thử kín	/ /	/ /	30
Thử vận hành	Hơi bão hòa	9,0	60

- Nhận xét: Không bị rò rỉ trong suốt thời gian thử vận hành. Các thông số vận hành phù hợp.

- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Bình được kiểm định có kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

2. Đã được dán tem kiểm định số: 02692 - Tại vị trí: Thân bình

3. Áp suất làm việc(max): 9,0 bar

4. Nhiệt độ làm việc: $\leq 175^{\circ}\text{C}$

5. Áp suất đặt của van an toàn: 10,0 bar

6. Các kiến nghị:

- Tại thời điểm kiểm tra thiết bị hoạt động bình thường. Tuy nhiên trong quá trình làm việc nếu thiết bị có biểu hiện bất thường thì đơn vị sử dụng phải dừng thiết bị ngay lập tức để kiểm tra;

- Định kỳ kiểm tra, kiểm định các thiết bị phụ đúng quy định, bảo đảm luôn trong tình trạng tốt, hoạt động an toàn;

- Tuyệt đối không để bình hoạt động vượt quá áp suất quy định.

Thời gian thực hiện kiến nghị: Sau ngày kiểm định

V - THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Kiểm định định kỳ ngày 08 tháng 09 năm 2024

Lý do rút ngắn thời hạn: thiết bị làm việc liên tục. Nên rút ngắn thời gian kiểm định để kiểm tra đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng

Biên bản đã được thông qua ngày 08 tháng 09 năm 2022

Tại: đơn vị sử dụng (Lô B6-1, B6-2, B6-3, KCN Minh Hưng Sikico, X. Đồng Nơ, H. Hòn Quàn, T. Bình Phước.)

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

CO SỞ SỬ DỤNG

Cam kết thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn kiến nghị

NGƯỜI THAM GIA

(ký, ghi rõ họ, tên)

1/ Nguyễn Minh Hải

2/ Lê Đình Hệ

KIỂM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Văn Bó Năm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH



ISO 9001:2015

No: 033	01	IPDT
---------	----	------

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

- Tên tổ chức sử dụng: **CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3**
- Địa chỉ: Lô B6-1, B6-2, B6-3, KCN Minh Hưng Sikico, X. Đồng Nơ, H. Hớn Quản, T. Bình Phước.

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

- Tên đối tượng kiểm định: **NỒI HƠI TÀNG SÔI**
- Mã hiệu : **PTH/4.000-FB12/071**
- Số chế tạo : **FB-071/2022**
- Năm chế tạo : **2022**
- Nhà chế tạo : **CTY TNHH PHƯỚC TRƯỜNG HẢI**
- Đặc tính, thông số kỹ thuật:
 - Công suất : **4,0 tấn/h**
 - Áp suất thiết kế : **12,0 bar**
 - Áp suất làm việc(max) : **9,0 bar**
 - Nhiệt độ môi chất : **≤ 175 °C**
 - Môi chất làm việc : **Hơi bão hòa**
 - Nhiên liệu đốt : **Biomass(Trấu, mùn cưa)**
- Nơi lắp đặt: Lô B6-1, B6-2, B6-3, KCN Minh Hưng Sikico, X. Đồng Nơ, H. Hớn Quản, T. Bình Phước.

Đã được kiểm định lần đầu đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số:
033/01/TPDT - Ngày 08 tháng 09 năm 2022

Tem kiểm định số: **02691**

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: **08/09/2024(*)**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 09 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Thanh Nham

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN
Địa chỉ: 47/59/30 Trường Lộ, Phường Long Trường, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM
Điện thoại: 028 136 886 77 - 0946 456 190
Website: phucdaitin.com.vn - Email: kietdinh@phucdaitin.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Ngày 08 tháng 09 năm 2022

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN NỒI HƠI

Số: 033/01/IPDT

(Theo biên bản ghi chép hiện trường số: 033/01)

Chúng tôi gồm:

1. Ngô Thanh Niệm
2. Nguyễn Văn Bê Năm
3. Nguyễn Văn Tho
4. Trần Khánh Duy
5. Trần Quốc Lâm
6. Trần Phước Tín

- Số hiệu kiểm định viên : 143/KĐV-LDTBXH
Số hiệu kiểm định viên : 987/KĐV-LDTBXH
Kỹ thuật viên
Kỹ thuật viên
Kỹ thuật viên
Kỹ thuật viên

Thuộc: **CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN**

Số đăng ký chứng nhận của tổ chức kiểm định: Số 132/GCN-KĐ

Đã tiến hành kiểm định: **NỒI HƠI TÀNG SÔI**

Của: **CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3**

Địa chỉ trụ sở chính: Lô B6-1, B6-2, B6-3, KCN Minh Hưng Sikico, X. Đồng Nơ, H. Hớn Quản, T. Bình Phước.

Địa chỉ lắp đặt: Lô B6-1, B6-2, B6-3, KCN Minh Hưng Sikico, X. Đồng Nơ, H. Hớn Quản, T. Bình Phước.

Quy trình kiểm định áp dụng: QTKĐ: 01 - 2016/BLĐTBXH; TCVN 12728:2019

Chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1. Ông (Bà): Nguyễn Minh Hải ; Chức vụ: Đại diện cơ sở sử dụng
2. Ông (Bà): Lê Đình Hệ ; Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật

I - THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA NỒI HƠI

- Loại, mã hiệu:	PTH/4 000-FB12/071	- Áp suất thiết kế:	12,0 bar
- Số chế tạo:	FB-071/2022	- Áp suất làm việc(max):	9,0 bar
- Năm chế tạo:	2022	- Công suất:	4,0 tấn/h
- Nhiệt độ thiết kế hơi bão hòa:	≤ 191 °C	- Nhiên liệu sử dụng:	Biomass(Trấu, mùn cưa)
- Nhiệt độ thiết kế hơi quá nhiệt:	./°C	- Công dụng:	Sản xuất hơi bão hòa
- Nhà chế tạo:	CTY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI		
- Ngày kiểm định lần trước:	Lần đầu	Do: Công ty Cổ phần Kiểm định Phúc Đại Tín	

II - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☒ ; Định kỳ ☐ ; Bất thường ☐
Lý do trong trường hợp kiểm định bất thường: ./

III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra hồ sơ :

- Nhận xét: hồ sơ phù hợp
- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

2. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong :

Hạng mục kiểm tra	Đạt	K.đạt	Hạng mục k.trả	Đạt	K.đạt
Tình trạng cấu kiện	☒	☐	Cửa	☒	☐
Hệ thống cấp nước	☒	☐	Áp kế	☒	☐
Chiếu sáng vận hành	☒	☐	Đo mức	☒	☐
Cầu thang, sàn thao tác	☒	☐	Van an toàn	☒	☐
Các thiết bị, bộ phận phụ trợ	☒	☐	Khoảng cách	☒	☐
Các thiết bị bảo vệ, đo lường, tự động khác	☒	☐	Hệ thống chống sét	☒	☐

Tình trạng bề mặt kim loại bộ phận chịu áp lực ☒ ☐ Tình trạng mối hàn ☒ ☐

Đánh giá kết quả:

- Nhận xét: Không phát hiện bất thường. Các thiết bị bảo vệ, đo lường phù hợp.
- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

3. Thử nghiệm:

Nội dung thử	Áp suất thử (bar)	Thời gian duy trì (phút)
Thử bền	Đã được nhà chế tạo thử bền lúc xuất xưởng chưa quá 24 tháng	
Thử vận hành	9,0	60

Đánh giá kết quả:

- Nhận xét: Không phát hiện rò rỉ trong suốt thời gian thử vận hành. Các thông số vận hành ổn định.
- Đánh giá kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐

IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Nồi hơi được kiểm định có kết quả: Đạt ☒ Không đạt ☐ ;
- Đã được dán tem kiểm định số: 02691 - Tại vị trí: Trên tủ điện điều khiển
- Áp suất làm việc(max): 9,0 bar
- Nhiệt độ làm việc hơi bão hòa: $\leq 175^{\circ}\text{C}$
- Nhiệt độ làm việc hơi quá nhiệt: 1. $^{\circ}\text{C}$
- Áp suất đặt của van an toàn:

Vị trí	Áp suất mở (bar)	Áp suất đóng (bar)
Van hơi bão hòa 1	9,9	9,0
Van hơi bão hòa 2	9,6	9,0
Van hơi quá nhiệt	1.	1.

7. Các kiến nghị: - Người vận hành phải được huấn luyện an toàn và có chứng chỉ vận hành nồi hơi theo quy định pháp luật;

- Đơn vị sử dụng thường xuyên kiểm tra công nhân vận hành thực hiện tốt các quy trình quy định đã ban hành cùng các tài liệu liên quan khác về an toàn sử dụng Nồi hơi;

- Định kỳ kiểm tra, kiểm định các thiết bị phụ đúng quy định, bảo đảm luôn trong tình trạng tốt, hoạt động an toàn;

- Tuyệt đối không để Nồi hơi hoạt động vượt quá áp suất quy định.

Thời hạn thực hiện kiến nghị: Sau ngày kiểm định

V-THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Kiểm định định kỳ ngày 08 tháng 09 năm 2024

Lý do rút ngắn thời hạn: //

Biên bản đã được thông qua ngày 08 tháng 09 năm 2022

Tại: đơn vị sử dụng (Lô B6-1, B6-2, B6-3, KCN Minh Hưng Sikico, X. Đồng Nơ, H. Hớn Quản, T. Bình Phước.)

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

CƠ SỞ SỬ DỤNG

(Cam kết thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn các kiến nghị)

NGƯỜI THAM GIA CHỨNG KIẾN

- Nguyễn Minh Hải
- Lê Đình Hệ

KIỂM ĐỊNH VIÊN



Nguyễn Văn Bé Năm



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN
Địa chỉ: 47/50/30 (trường Lạc, Phường Long Trường, Tp. Thủ Đức, TP.HCM)
Số điện thoại: 822. 735 826 77 - 0946 466 188
Web: phucdaitin.com.vn - Email: ktiedint@phucdaitin.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 0401/VAT-IPDT	GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CERTIFICATE OF INSPECTION	Ngày/date: 12/09/2022 Page: 01/02
-------------------	--	--------------------------------------

Đối tượng kiểm định/Instrument: <i>Van An toàn /Safety valve</i>	
Số chế tạo/Serial number: BF0693	Năm sản xuất/Year of manufacture: 2022
Nhà Sản Xuất /Manufacturer: YNV - KOREA	
Mục đích sử dụng /purpose of use: Bảo vệ an toàn cho Nồi hơi (Serial No.: FB-071/2022)	
Đơn vị sử dụng /Client: CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3 Lô B6-1, B6-2, B6-3, KCN Minh Hưng Sikeco, X. Đồng Nơ, H. Hớn Quản, T. Bình Phước.	

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT / TECHNICAL SPECIFICATIONS

Loại van /Type of valve: Lò xo	Áp suất cài đặt cho phép lớn nhất /maximum set pressure: 10,0 bar
Kích thước vào/ra /Size (Inlet/ outlet): 40A/65A	Áp suất cài đặt/Set pressure: 9,9 bar

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THỬ NGHIỆM/TESTING RESULT

Phương pháp kiểm định/Method of calibration: QTKĐ-VAT		Môi chất thử/Testng Fluid: Hơi bão hòa	
Thử nghiệm/Testing	Áp suất/Pressure	Đánh giá /Assessment	
		Đạt/Accept	Không đạt/No accept
♦ Áp suất mở/Popping pressure	9,9	☒	☐
♦ Áp suất đóng/Close pressure	9,0	☒	☐
♦ Thử độ kín/Leakage testing	9,0	☒	☐

- Giấy chứng nhận này có giá trị trong vòng 12 tháng kể từ ngày kiểm định (*)
- This certificate is valid 12 months since date of test.

Người Thực Hiện
(Executor)

Trần Quốc Lâm

Tổng Giám Đốc
(General director)



Ngô Thanh Niệm

(*) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản.
With respectfulness of conditions of use and maintenance.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN
Địa chỉ: 47/50/30 Trường Lộ, Phường Long Trường, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM
Điện thoại: 826. 733 885 77 - 0946 460 196
web: phucdaitin.com.vn - Email: kien dinh@phucdaitin.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 0400/VAT-IPDT	GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CERTIFICATE OF INSPECTION	Ngày/date: 12/09/2022 Page: 01/02
-------------------	--	--------------------------------------

Đối tượng kiểm định/Instrument: Van An toàn /Safety valve			
Số chế tạo/Serial number: AF4789		Năm sản xuất/Year of manufacture: 2021	
Nhà Sản Xuất /Manufacturer: YNV - KOREA			
Mục đích sử dụng /purpose of use: Bảo vệ an toàn cho Nồi hơi (Serial No.: FB-071/2022)			
Đơn vị sử dụng /Client: CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3 Lô B6-1, B6-2, B6-3, KCN Minh Hưng Sikico, X. Đồng Nơ, H. Hớn Quản, T. Bình Phước.			
ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT / TECHNICAL SPECIFICATIONS			
Loại van /Type of valve: Lò xo		Áp suất cài đặt cho phép lớn nhất /maximum set pressure: 10,0 bar	
Kích thước vào/ra /Size (Inlet/ outlet): 40A/65A		Áp suất cài đặt/Set pressure: 9,6 bar	
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THỬ NGHIỆM/TESTING RESULT			
Phương pháp kiểm định/Method of calibration: QTKĐ-VAT		Môi chất thử/Testing Fluid: Hơi bão hòa	
Thử nghiệm/Testing	Áp suất/Pressure	Đánh giá/Assessment	
		Đạt/Accept	Không đạt/No accept
* Áp suất mở/Popping pressure	9,6	☒	☐
* Áp suất đóng/Close pressure	9,0	☒	☐
* Thử độ kín/Leakage testing	9,0	☒	☐
- Giấy chứng nhận này có giá trị trong vòng 12 tháng kể từ ngày kiểm định (*) - This certificate is valid 12 months since date of test.			
Người Thực Hiện (Executor)  Trần Quốc Lâm		Tổng Giám Đốc (General Director)   Ngô Thanh Niêm	
(*) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản. With respectfulness of conditions of use and maintenance.			



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN
Địa chỉ: 47/50/38 Trường Lộ, Phường Long Trường, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM
Điện thoại: 028. 730 606 77 - 0908 460 102
Web: phucdaitin.com.vn - Email: info@phucdaitin.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 0399/VAT-IPDT	GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CERTIFICATE OF INSPECTION	Ngày/date: 12/09/2022 Page: 01/02
-------------------	--	--------------------------------------

Đối tượng kiểm định/Instrument: <i>Van An toàn /Safety valve</i>	
Số chế tạo/Serial number: BF0690	Năm sản xuất/Year of manufacture: 2022
Nhà Sản Xuất /Manufacturer: YNV - KOREA	
Mục đích sử dụng /purpose of use: Bảo vệ an toàn cho Bình góp hơi (Serial No.: BG-071/2022)	
Đơn vị sử dụng /Client: CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3 <i>Lô B6-1, B6-2, B6-3, KCN Minh Hưng Sikico, X. Đồng Nơ, H. Hớn Quản, T. Bình Phước.</i>	

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT / TECHNICAL SPECIFICATIONS

Loại van /Type of valve: <i>Lò xo</i>	Áp suất cài đặt cho phép lớn nhất /maximum set pressure: 10,0 bar
Kích thước vào/ra /Size (Inlet/ outlet): 40A/65A	Áp suất cài đặt/Set pressure: 10,0 bar

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THỬ NGHIỆM/TESTING RESULT

Phương pháp kiểm định/Method of calibration: QTKD-VAT		Môi chất thử/Testing Fluid: <i>Hơi bão hòa</i>	
Thử nghiệm/Testing	Áp suất/Pressure	Đánh giá/Assessment	
		Đạt/Accept	Không đạt/No accept
♦ Áp suất mở/Popping pressure	10,0	☒	☐
♦ Áp suất đóng/Close pressure	9,0	☒	☐
♦ Thử độ kín/Leakage testing	9,0	☒	☐

- Giấy chứng nhận này có giá trị trong vòng 12 tháng kể từ ngày kiểm định (*)
- This certificate is valid 12 months since date of test.

Người Thực Hiện
(Executor)

Trần Quốc Lâm

Tổng Giám Đốc
(General Director)



Ngô Thanh Niệm

(*) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản.
With respectfulness of conditions of use and maintenance.



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN
Địa chỉ: 47/50/30 Trường Lưu, Phường Long Trường, Tp. Thủ Đức, TP. HCM
Điện thoại: 028. 736 886 77 - 0940 460 199
Web: phucdaitin.com.vn - Email: kien dinh@phucdaitin.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 0293/ND-IPD1	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA	Ngày: 12/09/2022 Trang: 1/1
------------------	-------------------------------	--------------------------------

1. Khách hàng yêu cầu:	CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3				
2. Địa chỉ kiểm tra:	Lô B6-1, B6-2, B6-3, KCN Minh Hưng Sikico, X. Đồng Nơ, H. Hớn Quản, T. Bình Phước.				
3. Đối tượng kiểm tra:	<i>Hệ thống chống sét đánh thẳng</i>				
4. Đặc trưng kỹ thuật:	<i>- Kim thu sét: Hiện đại - Dây dẫn: Cáp đồng >50 mm² - Mạng nối đất: /.</i>				
5. Nội dung kiểm tra:	<i>Đo điện trở của hệ thống chống sét đánh thẳng</i>				
6. Thời gian thực hiện:	08/09/2022				
7. Phương pháp đo:	<i>TCVN 9385-2012: Tiêu chuẩn chống sét cho các công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống</i>				
8. Điều kiện môi trường:	<i>Trời nắng, đất ẩm</i>				
9. Thiết bị đo:	<i>Thiết bị chuyên dụng: EARTH TEST MODEL 4105A KYORITSU - JAPAN</i>				
10. Kết quả đo:					
TT	Vị trí đo	Đơn vị	Mức tiêu chuẩn	Kết quả đo	Đánh giá
01	<i>Dây tiếp địa hệ thống chống sét (ống khói lò hơi Mã hiệu: PTH/4.Q00-FB12/071, SCT: FB-071/2022)</i>	<i>(Ω)</i>	<i>≤10,0</i>	<i>9,5</i>	<i>Đạt</i>
11. Kết luận	Đạt yêu cầu				
12. Kiến nghị	<i>- Đơn vị quản lý, sử dụng thực hiện đầy đủ các quy định về An toàn điện và PCCC. - Thời hạn kiểm tra lần sau: 09/2023</i>				
NGƯỜI THỰC HIỆN Trần Phước Tín TỔNG GIÁM ĐỐC Ngô Thanh Niệm					



CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
Địa chỉ: 50/30 Trường Lộ, Phường Long Trường, Tp. Thủ Đức, TP. HCM
Điện thoại: 028. 730 866 77 - 0846 466 189
Email: info@japfa.com.vn - Email: ldm@nh@japfa.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số/No: 0292 /IPDT

TP.HCM, ngày 12 tháng 09 năm 2022

KẾT QUẢ ĐO KIỂM ĐỘ ỒN

NOISE RESULTS

1. Đơn vị yêu cầu : Customer	CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3
2. Địa chỉ kiểm tra : Address	Lô B6-1, B6-2, B6-3, KCN Minh Hưng Sikkico, X. Đồng Nơ, H. Hớn Quản, T. Bình Phước.
3. Thông tin kiểm tra : Điều kiện kiểm tra Sampling conditions	Đo độ ồn Nồi hơi 4,0 tấn/h, Mã hiệu: PTH/4.000-FB12/071, SCT: FB-071/2022 Nồi hơi đang hoạt động
4. Ngày kiểm tra : Sampling time	08/09/2022
5. Thiết bị đo : Measurement methods	Thiết bị chuyên dụng: Digital Sound Level Meter - AR814 S/N: 03099471, Cấp chính xác ± 1.5 dB, China. Hiệu lực hiệu chuẩn đến 02/2023
6. Tiêu chuẩn áp dụng : Applied standard	QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
7. Kết quả đo kiểm: Test results	

Stt. No.	Vị trí đo kiểm Location	Độ ồn (dBA) Noise level
1.	Bên trong nhà đặt Nồi hơi - Vị trí động cơ quạt hút	79,3
2.	Bên trong nhà đặt Nồi hơi - Vị trí đường khói ra khỏi quạt hút	70,0
3.	Bên trong nhà đặt Nồi hơi - Vị trí bơm nước cấp	73,3
4.	Bên ngoài nhà đặt Nồi hơi - Vị trí phía trước cửa nhà lò hơi	56,4
5.	Bên trong nhà đặt Nồi hơi - Vị trí bên ngoài cửa buồng đốt	66,1
6.	Bên trong nhà đặt Nồi hơi - Vị trí bên trong phòng điều khiển	64,0
7.	Bên trong nhà đặt Nồi hơi - Vị trí động cơ quạt cấp gió	73,5

9. Ghi chú / Notes: Kết quả chỉ đúng tại thời điểm đo kiểm.

NGƯỜI THỰC HIỆN
Reporter

Trần Phước Tín

TỔNG GIÁM ĐỐC
General director



Ngô Thanh Niệm

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

(V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt thông thường)

Số: 01.2022/HĐRSR-SHBT



- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 do Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành.
- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam- chi nhánh Bình Phước 3 và khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH MTV TM DV Phạm Thịnh.

Hôm nay, ngày tháng năm 2022 tại văn phòng CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM -CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3 chúng tôi gồm có:

BÊN A : **CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3**

Địa chỉ trụ sở : Lô B7-1, B7-2, B7-3, Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico, xã Đồng Núi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa điểm kinh doanh : Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico, xã Đồng Núi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : (0211)3866170

Mã số thuế : 2500175548-066

Đại diện : (Ông) **PETER TERINATE** Chức vụ : Đại diện theo ủy quyền

BÊN B : **CÔNG TY TNHH MTV TM DV PHẠM THỊNH**

Địa chỉ : Tổ 1, ấp Trung Sơn, xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : 0916.99.33.77

Mã số thuế : 3801258253

Số tài khoản : 833798888 Ngân hàng TMCP Á Châu, CN Bình Phước, PGD-Bình Long

Đại diện : (Ông) **PHẠM THỊNH** Chức vụ : **Giám Đốc**



ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG.

Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận thực hiện dịch vụ thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của bên A.

ĐIỀU 2: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN CHẤT THẢI

2.1 Nơi thu gom chất thải.

Bên B sẽ thu gom chất thải tại địa chỉ: Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

2.2 Thời gian và phương tiện thu gom chất thải.

Việc thu gom chất thải được thực hiện theo tần suất 3 lần/tuần vào ngày thứ 3, thứ 5 và thứ 7 hằng tuần. Trường hợp khẩn cấp có thể thay đổi thời gian lấy rác theo yêu cầu của bên A.

Thời gian thu gom: từ 08h00 đến 11h30

Việc thu gom chất thải phải được thực hiện bằng xe ép rác chuyên dụng để không làm rơi vãi chất thải ra môi trường.

2.3 Điều kiện lưu chứa chất thải.

Chất thải được thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì đảm bảo an toàn, đối với chất thải ẩm ướt phải được chứa trong bao bì kín, thùng chứa, túi chứa không bị rò rỉ nước ra bên ngoài môi trường.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ XỬ LÝ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

3.1 Đơn giá :

Đơn giá xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại:

STT	Hạng mục	ĐVT	Đơn Giá (VNĐ)	Ghi chú
1	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt thông thường	Tháng	6.500.000	Tần suất thu gom 3 lần/tuần vào thứ 3, thứ 5 và thứ 7

Lưu ý:

- Khối lượng 1 lần bàn giao: $\leq 2.000\text{kg}$
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.
- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển và xử lý.

3.2 Phương thức nghiệm thu, thanh toán.

a) Cuối mỗi tháng hai bên căn cứ vào biên bản bàn giao trong tháng để lập bảng kê tổng hợp có đầy đủ chữ ký của 2 bên để bên B xuất hóa đơn GTGT hợp pháp cho bên A.



b) Hồ sơ thanh toán.

Mỗi bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Bảng kê thời gian thu gom rác sinh hoạt hằng tháng có xác nhận của 2 bên.
- Hóa đơn GTGT hợp pháp

c) Bên A thanh toán cho bên B bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam “ trụ sở chính “ của Bên A vào tài khoản: **CONG TY TNHH MTV TM DV PHAM THINH; số TK: 833798888, Ngân hàng TMCP Á Châu , CN Bình Phước, PGD Bình Long** trong vòng 10 (mười) ngày làm việc sau khi nhận được đầy đủ các giấy tờ và biên bản làm việc. Phí chuyển khoản do bên A chi trả.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN.

4.1 Trách nhiệm của bên A.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có nhu cầu.
- Bên A chỉ giao các chất thải được nêu trong hợp đồng và các phụ lục kèm theo hợp đồng (nếu có).
- Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải, tuyệt đối không để lẫn chất thải nguy hại, rác y tế vào chất thải sinh hoạt để giao cho bên B.

4.2 Trách nhiệm bên B.

- Đảm bảo thời gian thu gom chất thải đúng như điều 2.
- Đảm bảo thực hiện việc vận chuyển và xử lý an toàn lượng chất thải mà bên A đã bàn giao đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường Việt Nam. Bên B có trách nhiệm cung cấp các giấy phép liên quan đến việc thu gom, vận chuyển chất thải khi bên A hoặc cơ quan chức năng có yêu cầu.
- Bên B chỉ nhận các chất thải được nêu trong hợp đồng và các phụ lục kèm theo hợp đồng (nếu có). Theo đó, Bên B được quyền từ chối nhận chất thải ngoài danh mục cho đến khi việc điều chỉnh danh mục chất thải của hợp đồng được thực hiện.
- Sau khi chất thải được bên A giao cho bên B, nếu có bất kì sự cố xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu trữ và xử lý thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Tất cả nhân viên của bên B khi đến thu gom rác tại cơ sở của bên A phải tuyệt đối tuân thủ các yêu cầu, quy định của bên A.
- Phương tiện thu gom chất thải phải là xe ép rác chuyên dụng.
- Bên B chịu trách nhiệm về tính hợp pháp trước pháp luật Việt Nam của hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác sinh hoạt của bên B.



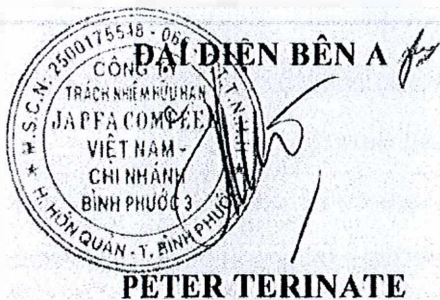
- Sau khi thu gom chất thải của bên A, bên B phải vận chuyển và xử lý lượng chất thải đó đúng theo quy định, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật với khối lượng rác đã thu gom của bên A.

ĐIỀU 5: THỜI HẠN VÀ HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG.

- Hợp đồng này có giá trị trong vòng **01 (một) năm** kể từ ngày ký. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày trước khi hợp đồng hết thời hạn hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng. Nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào khác hợp đồng này đương nhiên được thanh lý sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

- Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- Các phụ lục, biên bản thỏa thuận kèm theo (nếu có) là bộ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực hợp đồng này.
- Trong trường hợp phát sinh tranh chấp về bất cứ vấn đề nào từ hoặc có liên quan đến hợp đồng này hay đến các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ trong hợp đồng này, hai bên sẽ cố gắng tối đa giải quyết những vấn đề này một cách công bằng và thân thiện. Nếu các bên không giải quyết được tranh chấp đó trong vòng 03 tháng kể từ ngày tranh chấp được thông báo bằng văn bản bởi một bên cho bên kia, thì mọi tranh chấp hợp đồng sẽ được phân xử bởi tòa án có thẩm quyền tại Tỉnh Bình Phước, và phán quyết của tòa án sẽ là chung thẩm và có hiệu lực ràng buộc đối với các bên.
- Hợp đồng này được lập 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản, có tính pháp lý như nhau.



HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và công nghiệp thông thường

Số: 12022 /HDMD-NH

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành;
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.
- Căn cứ Giấy phép môi trường số 216/GPMT-BTNMT ngày 16/09/2022 của Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;
- Căn cứ vào nhu cầu Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Bình Phước 3;

Hôm nay, ngày 30 tháng 08 năm 2022, hai bên gồm có:

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Đại diện : Ông NGUYỄN DUY PHƯƠNG Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Điện thoại : 028 35351275 Fax: 028 35352275

Mã số thuế : 3800611275

Tài khoản : 11768689999 tại ngân hàng VPBANK - CN Hội sở HCM

Bên B : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3

Đại diện : Ông PETER TERINATE Chức vụ: Đại diện theo ủy quyền

Địa chỉ trụ sở : Lô B7-1, B7-2, B7-3, Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa điểm kinh doanh : Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại : (0211) 3866170

Mã số thuế : 2500175548-066

Tài khoản :

Hai Bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:



ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG.

- 1.1. Bên B đồng ý giao cho Bên A thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải công nghiệp thông thường (CTCNTT) phát sinh trong hoạt động sản xuất của Bên B.
- 1.2. Tần suất, thời gian, địa điểm thu gom và xử lý:
 - a. Tần suất thu gom: Theo yêu cầu của Bên B
 - b. Thời gian thu gom: Theo thỏa thuận giữa hai Bên (do yêu cầu của Bên B).
 - c. Địa điểm thu gom: Lô B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, Việt Nam
- 1.3. Khối lượng chất thải giao nhận: sẽ được xác định bằng biên bản hoặc chứng từ chất thải nguy hại hoặc theo thực tế giao nhận giữa hai Bên.
- 1.4. Khi Bên B có những CTNH phát sinh ngoài danh mục thì phải báo cho Bên A trước để thống nhất phương án, đơn giá xử lý và cùng ký Phụ lục bổ sung hợp đồng.

ĐIỀU 2: DANH MỤC VÀ ĐƠN GIÁ.

2.1 Chất thải nguy hại:

❖ *Danh mục và khối lượng chất thải nguy hại:*

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/chuyến)	Điều kiện lưu chứa
01	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	≤ 3000	Bao PE, cột kín
02	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06		Bao PE, cột kín
03	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04		Bao PE, cột kín
04	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01		Bao PE, cột kín
05	Bao bì cứng bằng nhựa thải	Rắn	18 01 03		Bao PE, cột kín
06	Bao bì cứng bằng kim loại	Rắn	18 01 02		Bao PE, cột kín
07	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 03		Thùng/can có nắp đậy kín
08	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01		Chứa trong bao riêng biệt
09	Chai đựng hóa chất, bao bì cứng thải bằng vật liệu khác	Rắn	18 01 04		Bao PE, cột kín
10	Que hàn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	07 04 01		Bao PE, cột kín
11	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải, bao gồm hoặc có chứa các chất nguy hại	Lỏng	19 05 02		Thùng/can có nắp đậy kín



❖ **Đơn giá xử lý chất thải nguy hại:**

Chất thải nguy hại được thu gom định kỳ theo yêu cầu của Bên A.

+ Trường hợp khối lượng chất thải thực tế bàn giao > **3.000 kg/chuyến** hoặc khối lượng bóng đèn > **50 kg/chuyến** ngoài việc thanh toán số tiền **7.000.000 VNĐ/chuyến**, thì Bên B phải thanh toán thêm chi phí phát sinh là **15.000 VNĐ/kg**, riêng bóng đèn huỳnh quang là **20.000 VNĐ/kg**.

+ Trường hợp khối lượng chất thải thực tế giao nhận ≤ **3000 kg/chuyến** (điều kiện khối lượng bóng đèn ≤ **50 kg/chuyến**) thì đơn giá xử lý: **7.000.000 VNĐ/chuyến**.

+ Trường hợp Bên B không bàn giao chất thải trong khoảng thời gian hợp đồng có hiệu lực thì Bên B vẫn phải trả cho Bên A **7.000.000 VNĐ/năm**.

2.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường (không chứa thành phần nguy hại):

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Đơn giá (vnđ/kg)
01	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải không chứa thành phần nguy hại	Bùn	14 03 04	1.300
02	Bao tay nhựa, ống tay, yếm nhựa, bao bì	Rắn	03 02 12	1.300
03	Tro lò hơi không chứa thành phần nguy hại	Rắn	04 02 06	1.300
04	Thùng xốp	Rắn	18 01 11	1.300

↓ **Ghi chú:**

- Mã chất thải ký hiệu theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải;
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp Nhà nước có sự thay đổi thuế suất GTGT thì hai bên được quyền điều chỉnh theo quy định

ĐIỀU 3: GIAO NHẬN CHẤT THẢI - ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN.

3.1. Giao nhận chất thải - Chứng từ chất thải:

- Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc tính từ ngày Bên B thông báo giao chất thải bằng điện thoại, e-mail, Bên A sẽ điều động phương tiện hợp lệ và nhân lực đến địa điểm nhà máy của Bên B như nêu ở Điều 1 để tiến hành giao - nhận chất thải.

- Bên B chỉ giao và Bên A chỉ nhận các chất thải, tại địa điểm được ghi trong Hợp Đồng và các Phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có), và Bên A được quyền từ chối nhận chất thải ngoài hợp đồng, ngoài địa điểm quy định, cho đến khi việc điều chỉnh danh mục chất thải của hợp đồng được thực hiện.

- Bên B chỉ giao chất thải lên các phương tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Bên A và chỉ giao chất thải cho người đại diện của Bên A, theo Giấy giới thiệu của Bên A hoặc theo Danh sách có hình do Bên A ký, đóng dấu đề cử.

3.2. Giao nhận, vận chuyển và xử lý:

- Chất thải được giao lên phương tiện của Bên A tại địa điểm của Bên B nêu trên và được vận chuyển về nhà máy của Bên A tại Ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình



Phước, Việt Nam đề xử lý theo Giấy phép môi trường số 216/GPMT-BTNMT ngày 16/09/2022 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp và các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có).

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

4.1. **Chất thải nguy hại:** Ngay sau khi Bên A hoàn thành công tác thu gom CTNH và hoàn trả chứng từ CTNH cho Bên B, Bên B thanh toán cho Bên A toàn bộ số tiền là **7.000.000 VNĐ** (Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT) và chi phí phát sinh (nếu có).

4.2. **Chất thải rắn công nghiệp thông thường:** Sau cuối mỗi tháng, căn cứ vào khối lượng chất thải giao nhận thực tế của từng chuyến riêng biệt thể hiện trên biên bản giao nhận chất thải lập thành Bảng đối chiếu khối lượng được xác nhận bởi đại diện 02 bên, Bên B thanh toán toàn bộ chi phí dịch vụ cho Bên A theo đơn giá tại **Mục 2.2.**

4.3. **Phương thức thanh toán:** Bên B thanh toán cho Bên A bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam “ trụ sở chính “ của bên B trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày bên B nhận được hồ sơ thanh toán từ Bên A và đã hoàn thành việc thu gom, xử lý chất thải.

- Hồ sơ thanh toán gồm:

- ✦ Hợp đồng đã ký.
- ✦ Hóa đơn GTGT hợp pháp
- ✦ Bảng kê khối lượng chất thải đã bàn giao mỗi tháng có sự xác nhận của 2 bên.
- ✦ Chứng từ chất thải nguy hại (theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT) đối với chất thải nguy hại.

- Trong trường hợp Bên B thanh toán không đúng theo thời hạn hợp đồng thì Bên B phải bồi thường vi phạm hợp đồng mỗi ngày 1% tổng chi phí vận chuyển và xử lý chất thải cho Bên A.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM HAI BÊN.

5.1. Trách nhiệm Bên A:

- Vận chuyển chất thải từ kho chứa của Bên B về Nhà máy của Bên A và xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.
- Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với chất thải sau khi được thu gom, vận chuyển ra khỏi nhà máy của bên B.
- Cung cấp cho bên B giấy giới thiệu của Bên A hoặc Danh sách có hình, biển số phương tiện thu gom do Bên A ký, đóng dấu để cử.
- Không để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi đã tiếp nhận và vận chuyển ra khỏi Nhà máy của Bên B.
- Bên A có quyền từ chối tiếp nhận các loại chất thải nguy hại không nằm trong danh mục chất thải nguy hại được quy định trong hợp đồng này.
- Xuất trình giấy tờ cần thiết khi ra vào nhà máy của Bên B.
- Tuân thủ quy định và nội quy làm việc của Bên B.
- Cung cấp phương tiện vận chuyển và mang đầy đủ các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải của Bên B.
- Bên A sẽ không chịu trách nhiệm nào đối với các loại chất thải không đúng với mô tả trong Điều 2 của hợp đồng.
- Hoàn trả chứng từ chất thải nguy hại cho Bên B.



- Bên A có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết.
- Bên A chịu trách nhiệm xử lý hoàn toàn chất thải của Bên B, không để phát thải làm ô nhiễm Môi trường và vi phạm pháp luật. Trường hợp sau khi tiếp nhận chất thải của Bên B mà Bên A không xử lý, thải trực tiếp ra Môi trường thì Bên A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.
- Bên A được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau:
 - † Tạm ngưng thu gom chất thải do bên B vi phạm hợp đồng.
 - † Tạm ngưng do bên B thanh toán trễ hạn.
 - † Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt, ...
 - † Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 6.
- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc Bên B vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên A.

5.2. Trách nhiệm Bên B:

- Tổ chức thu gom, phân loại, đóng gói, dán tem nhãn, lưu giữ tạm thời và quản lý chất thải theo quy định về trách nhiệm của chủ nguồn thải tại cơ sở phát sinh chất thải.
- Không được để chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại lẫn lộn vào chất thải nguy hại. Khi Bên A đến thu gom chất thải, phát hiện Bên B không phân loại chất thải và lưu trữ không đúng quy định môi trường thì Bên A không nhận chất thải.
- Cung cấp cho Bên A những giấy tờ có liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ và thành phần của loại chất thải (sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại hoặc giấy phép môi trường).
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chất thải mà Bên B không giao cho Bên A theo thỏa thuận.
- Giao cho Bên A xử lý các loại chất thải theo đúng nội dung thỏa thuận ở Điều 2 và phải thông báo trước 03 (ba) ngày làm việc về hạng mục, thành phần và số lượng chất thải để Bên A chủ động bố trí phương tiện, công nhân tiếp nhận chất thải.
- Không giao chất thải ngoài danh mục đã nêu ở Điều 2.
- Chỉ giao chất thải lên phương tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Bên A và những phương tiện đó phải có trong giấy giới thiệu của Bên A hoặc Danh sách có hình, biển số phương tiện thu gom do Bên A ký, đóng dấu đề cử. Nếu Bên B tự ý giao chất thải cho phương tiện vận chuyển khác không phải của Bên A thì khi có sự cố xảy ra Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Cung cấp Chứng từ chất thải nguy hại theo quy định pháp luật hiện hành.
- Hỗ trợ Bên A trong việc giám sát, kiểm tra việc thu gom, hỗ trợ xe nâng (nếu có) trong việc bốc dỡ chất thải lên xe chuyên dùng mang đi xử lý, cử nhân viên phối hợp trong việc lập chứng từ giao nhận chất thải.
- Trong thời gian thực hiện hợp đồng Bên B không được phép giao chất thải theo thỏa thuận tại Điều 2 cho Bên thứ 3.
- Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, nếu Bên B có bất kỳ sự thay đổi nào như: tên Công ty, Mã số thuế, địa chỉ thì phải thông báo cho Bên A biết. Nếu không, mọi sai sót về sau Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Thanh toán đúng theo Điều 4 của hợp đồng.



- Trong trường hợp Bên B tạm ngưng giao chất thải cho Bên A xử lý thì Bên B phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho Bên A trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp Bên B giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật, Bên B phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết, hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên A.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp sau đây:
 - + Bên A thu gom chất thải không đúng thời gian mà Bên B yêu cầu làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Bên B
 - + Bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc Bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt, ...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 6.

ĐIỀU 6: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 29/08/2023
- Trong trường hợp hai Bên có nhu cầu và đồng thuận tiếp tục gia hạn hợp đồng thì hợp đồng sẽ được gia hạn bằng Phụ lục hợp đồng trong thời gian 30 (ba mươi) ngày trước ngày kết thúc hợp đồng.

ĐIỀU 7: KẾT THÚC HỢP ĐỒNG

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bất cứ Bên nào cũng có quyền đề nghị kết thúc hợp đồng. Bên đề xuất kết thúc hợp đồng sẽ thông báo cho Bên còn lại bằng văn bản, e-mail, 30 (ba mươi) ngày trước ngày kết thúc.
- Sau 30 (ba mươi) ngày kể từ khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, nếu không còn vướng mắc, khiếu nại hoặc gia hạn hợp đồng thì hợp đồng mặc nhiên hết hiệu lực, tự động thanh lý.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện có thể cùng thỏa thuận và giải quyết ôn hòa trên tinh thần hai bên cùng có lợi.
- Hợp đồng này hai bên không được tự ý sửa đổi bổ sung khi chưa có sự đồng ý của một trong hai bên, nếu có sửa đổi bổ sung nội dung thì ký Phụ lục hợp đồng có đại diện của mỗi Bên ký kết.
- Khi xảy ra tranh chấp hợp đồng quyền và lợi ích của hai bên mà không tự giải quyết được, thì chuyển hồ sơ đến Tòa án Kinh tế - Tòa án Bình Phước giải quyết, sự phán quyết cuối cùng của Tòa, hai bên không được nghị án, bên thua kiện phải thanh toán toàn bộ án phí.
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Giám đốc 



NGUYỄN DUY PHƯƠNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

Đại diện theo ủy quyền 



PETER TERINATE



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHỤ PHẨM VÀ HÀNG GÀ LOẠI

Số: 18082022/JF-HT

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự năm 2015.
- Căn cứ Luật Thương Mại năm 2005.
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại văn phòng Công ty TNHH JAPFA Comfeed Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Chúng tôi gồm:

BÊN BÁN (bên A): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Dại diện : Ông Peter Terinate Chức vụ: Giám đốc **Độc lập sống**
Địa chỉ : Khu C, Tòa nhà WASECO, số 10, Đường Phố Quang Phương 2, Quận Bình, TP. HCM
Điện Thoại : (028) 7300 5224
Mã số thuế : 2500175548-021
Tên TK : Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam.
Số Tài Khoản : 063.100.370 5559 – Vietcombank- CN Long An.

BÊN MUA (Bên B): ĐÀO THỊ HOÀNG THỦY

Địa chỉ : 15C, Tổ 4, Khu phố 3, P.Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện Thoại : 0823567679
CMND : 271745920 cấp ngày 25/04/2020 tại Công an Đồng Nai
MST cá nhân : 8011928669

Hai bên đã thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá theo những điều khoản như sau:

I. GIÁ BÁN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Bên A sẽ thông báo giá bán cho Bên B tại thời điểm đặt hàng.

Phương thức thanh toán:

Bên B chuyển trước cho Bên A sau khi hai bên ký kết hợp đồng và trước khi bắt đầu thực hiện giao hàng. Số tiền ứng trước: **50.000.000 VND** (Năm mươi triệu đồng chẵn).

Bên A có nghĩa vụ xuất hóa đơn điện tử đầy đủ cho Bên B, sau khi giao hàng và đổi chiều thực nhận. Bên A tiến hành trừ số tiền còn nợ trong code khách hàng và thông báo số dư tại code mỗi ngày cho khách hàng.

Bên B cam kết thanh toán cho bên A trước khi nhận hàng bằng chuyển khoản.

II. TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN

2.1 Bên A:

- Thông báo cho bên B kế hoạch lấy phụ phẩm trước một ngày.
- Đảm bảo giao đầy đủ số lượng.
- Hàng phụ phẩm hoặc hàng gà loại sau khi bên B lấy ra khỏi Công ty TNHH JAPFA Comfeed Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, nếu như bên B không làm đúng theo tinh thần trên hợp đồng là làm thức ăn cho cá (hoặc động vật) thì bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.
- Nếu hàng phụ phẩm ra ngoài công ty mà làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh thì bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và có trách nhiệm xuất hóa đơn GTGT hợp pháp cho bên B theo mỗi đợt giao hàng.

2.2 Bên B:

- Phải thu toàn bộ phụ phẩm (hoặc hàng gà loại nếu có) trong ngày, không được để hàng phụ phẩm (hoặc hàng gà loại) tại kho của bên A sang qua ngày hôm sau. Bên B cam kết mọi thứ phụ phẩm (hoặc hàng gà loại) mua từ bên A là để sử dụng cho động vật (diễn hình là cho cá ăn).
- Bên A thông báo giao phụ phẩm hoặc hàng hủy cho bên B mà bên B không đến lấy thì mọi thiệt hại do hư hỏng bên B phải chịu trách nhiệm.
- Thực hiện thanh toán đúng theo hợp đồng đã ký tại điều I

III. Điều khoản chung

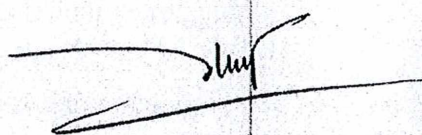
Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ những điều khoản ghi trong hợp đồng, nếu có thắc mắc thì hai bên sẽ thảo luận trên tinh thần hợp tác. Nếu không thống nhất được thì sẽ đưa ra tòa án kinh tế Thành phố Biên Hòa để giải quyết. Mọi chi phí do bên có lỗi chịu trách nhiệm.

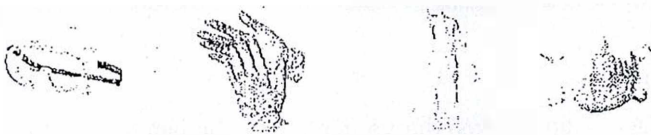
Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, tính từ ngày ký.

Hợp đồng được lập thành 03 bản, bên A giữ 2 bản, bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A


PETER TERINATE

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐÀO THỊ HOÀNG THÚY

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường		BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Axit citric		MSDS: 16/10/2012
Trang phục bảo hộ			Nhãn	HMSI (USA)
			 Reactivity 0 Personal Protection E	
1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT				
Tên gọi: Axit citric Tên thương mại: Số CAS: 77-92-9 Số UN: Số đăng ký EC: Tên nhà sản xuất: Mục đích sử dụng: phân tích hóa độc chất môi trường trong phòng thí nghiệm.		Đơn vị sử dụng: VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP. HỒ CHÍ MINH Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường 159 Hưng Phú, P.8, Q.8, TP.HCM Điện thoại: (84)(08)38559503 -38559719 Liên hệ khẩn cấp: Cháy nổ: 114 Cấp cứu: 115		
2. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT				
Tên thành phần hóa chất	CAS-Number	Công thức cấu tạo	% theo khối lượng	
Axit citric	77-92-9	$C_6H_8O_7$	100	
3. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT				
- Tác động cấp tính <i>Tiếp xúc với mắt:</i> nguy hại (gây kích ứng), có thể tổn thương giác mạc hay mù. <i>Nuốt phải:</i> nguy hại. <i>Hít phải:</i> ít nguy hại. <i>Tiếp xúc với da:</i> ít nguy hại, có thể bị cháy bỏng, quá liều có thể gây tổn thương. - Tác động mãn tính <i>Gây ung thư:</i> không có giá trị. <i>Gây đột biến gen:</i> không có giá trị.				

10/10/2012

(Signature)

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Axit citric	MSDS: 16/10/2012
Gây quái thai: không có giá trị. Độc tính phát triển: không có giá trị. Axit citric có thể gây hại cho răng. Tiếp xúc kéo dài và liên tục có thể làm tổn thương các cơ quan trong cơ thể. Tiếp xúc kéo dài và liên tục nồng độ bụi hóa chất thấp có thể gây kích ứng mắt, viêm da hay phá hủy cấu trúc da. Hóa chất có thể gây tổn thương phổi tùy theo mức độ tiếp xúc hóa chất.		
4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ		
– Tiếp xúc với mắt Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát trùng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút và gặp bác sĩ chuyên khoa. – Tiếp xúc với da Rửa bằng xà phòng và nước, thay bỏ quần áo nhiễm bẩn, gặp bác sĩ chuyên khoa nếu có những kích ứng. Quần áo nhiễm bẩn phải giặt giữ khi sử dụng lại. – Hít thở Nếu ngừng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân, nới lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát. Gọi cấp cứu nếu vấn đề hô hấp không được cải thiện. – Nuốt vào Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, không bao giờ sử dụng miệng để hô hấp nạn nhân. Nếu nuốt phải lượng lớn, cần gọi cấp cứu ngay. Nới lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt...		
5. DỮ LIỆU VỀ CHÁY NỔ		
- Đặc tính cháy của hóa chất: có thể bốc cháy ở nhiệt độ cao. - Nhiệt độ tự bốc cháy: 1010°C. - Điểm bốc cháy: không có giá trị. - Giới hạn có thể cháy: ngưỡng dưới: 0,28 kg/m³ (bụi), ngưỡng trên: 2,29 kg/m³ (bụi)		

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Axít citric	MSDS: 16/10/2012
- Sản phẩm cháy: cacbon oxít (CO, CO_2). - Nguy cơ cháy khi có sự hiện diện các vật chất khác: ít khả năng cháy đến cháy khi có sự hiện diện của nhiệt. Không cháy khi có tác động cơ học rung chuyển. - Nguy cơ nổ khi có sự hiện diện các vật chất khác: ít nổ khi có sự hiện diện nguồn cháy. Không nổ khi có tác động cơ học, rung chuyển. - Chỉ dẫn chữa cháy <i>Đám cháy nhỏ:</i> sử dụng bột hóa chất khô. <i>Đám cháy lớn:</i> sử dụng tia nước, sương hoặc bọt. Không sử dụng vòi phun nước. <i>Lưu ý với nguy cơ cháy:</i> với hầu hết hóa chất hữu cơ, có thể cháy ở nhiệt độ cao. <i>Lưu ý với nguy cơ nổ:</i> bụi mịn phân tán trong không khí ở nồng độ đủ cao và có sự hiện diện của nguồn phát cháy có thể trở thành bụi độc hại gây nổ.		
6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ		
- Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức nhỏ Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rơi vào thùng rác, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và thải bỏ theo qui định của pháp luật. - Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức lớn Ngăn chặn sự rò rỉ. Không cho nước vào thùng chứa. Sử dụng tia nước làm giảm bay bụi. Ngăn tràn rỉ vào hệ thống cống, tầng hầm, khu vực hạn chế. Loại bỏ mọi nguồn gây cháy. Gọi trợ giúp cho việc xử lý. Rửa khu vực nhiễm bẩn bằng nước. Có thể đổ tràn tới hệ thống cống thải.		
7. BẢO QUẢN VÀ TỒN TRỮ		
- Sự đề phòng Để cách xa nguồn nhiệt, nguồn gây cháy. Đặt tất cả thiết bị trên nền đất. Không được nuốt hay hít bụi. Hạn chế tiếp xúc với mắt. Mặc quần áo bảo vệ. Trong trường hợp thiếu thông thoáng, trang bị mặt nạ thích hợp. Nếu nuốt phải, gọi ngay bác sĩ. Giữ hóa chất xa khỏi những hóa chất không tương thích như tác chất oxi hóa, khử, kim loại, kiềm. - Tồn trữ Đóng chặt nắp thùng chứa. Để thùng chứa ở vùng khô ráo, thông thoáng.		

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Axit citric	MSDS: 16/10/2012
8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN		
Kiểm soát kỹ thuật Sử dụng quy trình khép kín, thông thoáng tại chỗ, hay những kiểm soát kỹ thuật khác để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn tiếp xúc. Nếu quá trình vận hành tạo ra bụi, khói hoặc sương, thực hiện thông gió để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn. - Bảo hộ cá nhân: kính an toàn, áo khoác phòng thí nghiệm, khẩu trang thích hợp, găng tay - Bảo hộ cá nhân trong trường hợp rò rỉ lớn: kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, mặt nạ ngăn bụi, ủng, găng tay. Thiết bị trợ hô hấp nếu cần. - Giới hạn tiếp xúc: AGGIH: 10 mg/m³TWA (total inhalable fraction); 3 mg/m³ TWA (respirable fraction).		
9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT		
- Trạng thái và hình dạng vật lý: thể rắn (tinh thể rắn). - Mùi: không mùi. - Vị: vị axit mạnh. - Khối lượng phân tử: 192,13 g/mole. - Màu: không có giá trị. - pH (1% dung môi/nước): không có giá trị. - Điểm sôi: phân hủy. - Điểm tan chảy: 153°C. - Nhiệt độ tới hạn: không có giá trị. - Trọng lượng riêng: 1,665 (nước =1). - Áp suất bay hơi: không có giá trị - Tỉ trọng bay hơi: không có giá trị. - Sự bay hơi: không có giá trị. - Ngưỡng mùi: không có giá trị. - Hệ số phân phối nước/dầu: hòa tan hơn trong nước, log (dầu/nước) = -1,7. - Ionicity (trong nước): không có giá trị. - Tính chất phân tán: hòa tan trong nước, diethyl ether.		

4

 -11

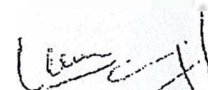
VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Axít citric	MSDS: 16/10/2012
- Sự hòa tan: hòa tan trong nước lạnh, nước nóng, diethyl ether, không hòa tan trong benzene.		
10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT		
- Độ ổn định: hóa chất ổn định. - Nhiệt độ gây không ổn định: không có giá trị. - Những điều kiện gây không ổn định: quá nhiệt, vật liệu không tương thích. - Những hóa chất không tương thích: phản ứng với tác chất oxi hóa, tác chất khử, kim loại, kiềm. - Tính ăn mòn: ăn mòn kẽm, đồng, nhôm và các hợp kim nhôm. Không ăn mòn thủy tinh. - Poly hóa: không xảy ra.		
11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH		
- Đường đi vào: hô hấp, tiêu hóa. - Độc tính lên động vật: liều độc cấp tính qua đường miệng LD₅₀: 3000 (mg/kg) chuột. - Ảnh hưởng mãn tính lên con người: răng. - Ảnh hưởng độc tính lên con người: độc hại trong trường hợp hít phải (phổi). Ít nguy hại khi tiếp xúc với da. - Lưu ý ảnh hưởng độc tính khác lên con người: <i>Độc cấp tính</i> Da: gây ra kích ứng nhẹ đến vừa phải. Mắt: gây kích ứng vừa phải đến mạnh cho mắt, có thể tổn thương. Tiêu hóa: gây kích ứng ruột, dạ dày, buồn nôn, nôn mửa, tiêu chảy. Quá liều có thể ăn mòn răng và hủy hoại canxi. Có thể tác động đến chức năng thần kinh trung ương (run rẩy, rối loạn, co cơ hay liệt). Hô hấp: gây ảnh hưởng vừa phải đến hô hấp hay màng nhầy. <i>Độc mãn tính</i>: sử dụng thường xuyên thức uống chứa chất này có thể làm ăn mòn men răng, kích ứng màng nhầy.		
12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI		
- Độc tính sinh thái: không có giá trị.		

Wan

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Axit citric	MSDS: 16/10/2012
- BOD₅ và COD: không có giá trị. - Sản phẩm phân hủy sinh học: những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại. - Độc tính sản phẩm phân hủy: sản phẩm phân hủy có độc tính hơn.		
13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ		
- Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất. - Biện pháp thải bỏ (áp dụng cho chất thải hóa học nguy hại) <i>Tái sử dụng nếu có thể</i> <i>Thu gom và xử lý dạng rắn</i> - Chai lọ dụng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại. - Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định. <i>Thu gom và xử lý dạng lỏng</i> - Dung môi thải, chứa chất hữu cơ, không chứa chất kim loại: thu gom vào thùng riêng. Sau đó được đem đi đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại. - Dung dịch chứa kim loại nặng: thu gom vào thùng riêng, được xử lý bằng phương pháp xử lý nước thải thích hợp. - Dung dịch chứa axit, kiềm mà không chứa kim loại: có thể trung hòa và thoát vào cống thoát nước. <i>Xử lý hóa chất dạng hơi:</i> vận hành tủ hút có bộ lọc HEPA hoặc hệ thống quạt hút ra ngoài. <u>Chú ý:</u> - Nên thu gom theo từng loại xét nghiệm là tốt nhất, có thể chia theo nhóm nhưng chú ý không được trộn lẫn các hóa chất kỵ với nhau (tham khảo trong bảng). - Cố gắng giảm độc tính nguy hại thành chất ít nguy hại hơn. - Chai/lọ dụng hóa chất đã hết hạn có thể sử dụng để đựng chất thải tương ứng của nhóm đó. - Cần ghi rõ thông tin trên mỗi chai/lọ đựng chất thải các thông tin sau: loại chất thải nguy hại (nồng		

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BANG DỮ LIỆU AN TOÀN Axit citric	MSDS: 16/10/2012
độ nêu có), ngày bắt đầu được thu gom, khoa/phòng có chất thải/ người chịu trách nhiệm thu gom.		
14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN		
- Thực hiện theo 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009. - Xếp loại DOT: không. - Nhận dạng: không.		
15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ		
Quy chuẩn áp dụng Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002. Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009. Xếp loại khác <i>DSCL (EEC):</i> R36- kích ứng mắt, hệ hô hấp và da, S26- trong trường hợp tiếp xúc với mắt, cần rửa ngay với nhiều nước và gặp bác sĩ chuyên khoa. S37/39- trang bị trang phục bảo vệ phù hợp. <i>HMIS (U.S.A.)</i> Độc hại sức khỏe: 2 Nguy hiểm cháy: 1 Độ hoạt hóa: 0 Bảo vệ cá nhân: E <i>National Fire Protection Association (U.S.A.)</i> Sức khỏe: 2 Khả năng cháy: 1 Độ hoạt hóa: 0 Độc hại đặc biệt:		
16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC		
- Thông tin tham khảo: Citric acid MSDS – science lab.com, INC, Mỹ - Ngày ghi: 16/10/2012 - Ngày sửa đổi gần nhất: 16/10/2012 - Tổ chức biên soạn: Viện Vệ sinh Y tế Công cộng TP.HCM, Khoa Xét nghiệm, Labo Hóa		

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Axít citric	MSDS: 16/10/2012
Độc chất Môi trường. <i>Lưu ý người đọc:</i> <i>Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.</i> <i>Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.</i>		



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT
SODIUM HYPOCHLORITE

LOGO CÔNG TY

Số CAS: 7681-52-9

Số UN : 1791

Số đăng ký EC: 017-011-00-1

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có):
không có

Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có): không có



Khang Nghi Company

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: Natri hypochlorit

- Tên thương mại: Natri hypochlorit

- Tên khác (không là tên khoa học): Javen

- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu:

- Tên nhà sản xuất : Nhà máy hóa chất Biên Hòa

Địa chỉ: Đường số 5, Khu Công Nghiệp Biên Hòa I,
Tỉnh Đồng Nai

- Mục đích sử dụng: Tẩy rửa bông vải sợi và dùng để
diệt khuẩn,...

Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn
cấp:

**CTY TNHH TM DV XNK KHANG
NGHI**

Địa chỉ : Số 186, tổ 20B, KP 4, Phường
Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, Đồng
Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0613.816 330 - 331

Fax: 0613.816 332

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Natri hypochlorit	7681-52-9	NaOCl	7

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Handwritten signature

1. Mức xếp loại nguy hiểm : Dạng nguy hiểm, chất ăn mòn, hạng 1 ăn mòn và gây phỏng rộp da.

2. Cảnh báo nguy hiểm :

- Nguy hiểm khi tiếp xúc: gây bỏng da vùng tiếp xúc.

- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng : Tránh dây vào người, thiết bị chứa bằng nhựa hoặc thủy tinh, không

dò rỉ, thận trọng khi vận chuyển sử dụng.

- Đường tiêu hóa: Đau bụng, nôn mửa.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Gây bỏng niêm mạc, tẩy đỏ có thể dẫn đến mù lòa.

- Đường thở : Gây khó chịu.

- Đường da: Ngứa da, rất đỏ, nhợt.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): dùng nước sạch rửa nhiều lần sau đó

dùng dung dịch axit acetic 0.1% rửa đến khi pH=7 rồi chuyển đến cơ sở y tế gần nhất để khám, điều trị tiếp

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Rửa nước nhiều lần, sau đó dùng dung dịch axit acetic

2.5% rửa đến khi pH = 7 sau đó băng bó vết thương chuyển cơ sở y tế kiểm tra điều trị.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Chuyển nơi

thoáng khí nghỉ ngơi,

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống, nuốt nhầm hóa chất): cho súc miệng nước sạch nhiều

lần, chuyển cơ sở y tế xem xét cấp cứu

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có) Không được gây nôn cưỡng bức.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy : Không cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Không

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : không

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Mũ chum đầu, quần áo chống thấm nước, ủng , gang tay

cao su. có axit đi vào hệ thống nước mặt hoặc nước ngầm

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Handwritten signature and initials

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Dùng các loại vật liệu có khả năng thấm hút tốt để thấm thu gom lại phân hủy rồi dùng nước xối rửa sạch nơi tràn chảy hóa chất.
2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Dùng cát đất tạo bờ chắn xung quanh không để hóa chất chảy lan rộng, dùng dụng cụ múc thu gom chứa vào thiết bị chứa khác chở về nơi sản xuất xử lý, sau đó phun nước làm sạch nơi bị tràn chảy

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm: Phải có đầy đủ trang bị phòng hộ cá nhân.
2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản: Thiết bị chứa như nhựa, thủy tinh, composit, phải được đậy kín, có hệ thống xử lý sự cố. Không để lẫn với các chất có tính ô xy hóa mạnh, chống va đập, rơi đổ, các biển báo cần thiết; xung quanh thiết bị, kho chứa phải có bờ chắn bằng vật liệu nhựa để phòng rò rỉ chảy lan tràn không xử lý được

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết : Thông gió, tủ hút hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc.
2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc
 - Bảo vệ mắt: Dùng kính, Mặt nạ, khẩu trang
 - Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo hộ lao động
 - Bảo vệ tay: đi găng tay
 - Bảo vệ chân: đi giày hoặc ủng
3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: mặt nạ phòng độc, quần áo chống thấm, găng tay cao su, ủng, hoặc bộ quần áo chum người có đường khí...
4. Các biện pháp vệ sinh: Tắm rửa vệ sinh thân thể sau khi tiếp xúc với hóa chất, tẩy rửa quần áo

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý :dung dịch lỏng trong suốt	Điểm sôi : 101 °C
Màu sắc : vàng nhạt	Điểm nóng chảy : 18 °C
Mùi đặc trưng : hắc, dễ gây buồn nôn	Điểm bùng cháy : không phù hợp

X. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Ngày lập: 12/12/2014

(Signature)

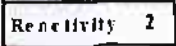
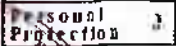
Đơn vị lập: **CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHANG NGHI**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên những kiến thức hợp lý và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro, cháy nổ.

Hóa chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng & tiếp xúc

Ulem
2/16

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường		BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Sodium hydroxide		MSDS: 113 16/10/2012
Trang phục bảo hộ		Nhãn EC	HMSI(USA)	
		 Health 3  Reactivity 2  Personal Protection 3		
1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT				
Tên gọi: Sodium hydroxide Tên thương mại: Số CAS: 1310-73-2 Số UN: Số đăng ký EC: Tên nhà sản xuất: Mục đích sử dụng: phân tích hóa độc chất môi trường trong phòng thí nghiệm.		Đơn vị sử dụng: VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP. HỒ CHÍ MINH Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường 159 Hưng Phú, P.8, Q.8, TP.HCM Điện thoại: (84)(08)38559503 -38559719 Liên hệ khẩn cấp: Cháy nổ: 114 Cấp cứu: 115		
2. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT				
Tên thành phần hóa chất	CAS-Number	Công thức cấu tạo	% theo khối lượng	
Sodium hydroxide	1310-73-2	NaOH	100	
3. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT				
Tác động cấp tính Tiếp xúc với mắt: nguy hại (kích ứng, ăn mòn). Hóa chất tiếp xúc với mắt có thể làm hỏng màng sừng hay gây mù. Nuốt phải: rất nguy hại. Hít phải: nguy hại, gây ra kích ứng tới dạ dày-ruột hay phản trên hệ hô hấp. Trường hợp nặng có thể gây tổn thương cho phổi, nghẹt thở, bất tỉnh hay chết. Tiếp xúc với da: rất nguy hại (ăn mòn, kích ứng, thâm thấu) gây phỏng da, triệu chứng: ngứa, tróc vảy, tẩy đỏ, có thể phỏng dộp.				



Handwritten signature and date.

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Sodium hydroxide	MSDS: 113 16/10/2012
- Tác động mãn tính <i>Gây ung thư:</i> không có giá trị. <i>Gây đột biến gen:</i> gây đột biến gen cho vi khuẩn và vi nấm. <i>Gây quái thai:</i> không có giá trị. <i>Độc tính phát triển:</i> không có giá trị. Hóa chất gây độc cho phổi. Tiếp xúc kéo dài và lặp lại nhiều lần có thể làm tổn hại cơ quan trong cơ thể. Tiếp xúc nhiều lần ở nồng độ thấp có thể gây kích ứng mắt, phá hủy cấu trúc da và viêm da, kích ứng hệ hô hấp cho tới tổn thương phổi.		
4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ		
- Tiếp xúc với mắt Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát trùng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút, có thể sử dụng nước lạnh. Gọi trợ giúp từ y tế. - Tiếp xúc với da Trong trường hợp tiếp xúc, rửa ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút trong khi thay quần áo nếu nhiễm bẩn. Xoa kem làm mềm da. Có thể sử dụng nước lạnh. Quần áo nhiễm bẩn phải được tẩy rửa trước khi sử dụng lại. Gọi trợ giúp từ y tế. Trong trường hợp nặng, rửa với xà phòng khử trùng và xoa kem chống khuẩn. Gọi trợ giúp từ y tế. - Hít thở Nếu ngừng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân, nói lòng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... Cần gọi cấp cứu. Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Cần gọi trợ giúp. Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát. Cần gọi trợ giúp. - Nuốt vào Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế. Không bao giờ sử dụng miệng để hô hấp nạn nhân. Nói lòng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt... Gọi bác sĩ cấp cứu.		
5. DỮ LIỆU VỀ CHAY NÓ		

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Sodium hydroxide	MSDS: 113 16/10/2012
- Đặc tính cháy của hóa chất: không cháy. - Nhiệt độ tự bốc cháy: không có giá trị. - Điểm bốc cháy: không có giá trị. - Giới hạn có thể cháy: không có giá trị. - Sản phẩm cháy: không có giá trị - Nguy cơ cháy khi có sự hiện diện các vật chất khác: không có giá trị. - Nguy cơ nổ khi có sự hiện diện các vật chất khác: không có giá trị. - Lưu ý về nguy cơ cháy: sodium hydroxide + bụi kim loại zinc có thể phát cháy sau đó. Dưới điều kiện nhiệt độ thích hợp, áp suất và dạng, sodium hydroxit phản ứng mãnh liệt với acetaldehyde, ally alcohol, ally chloride, benzene-1,4-diol, chlorine trifluoride, 1,2 dichlorethylene, nitroethane, nitroparaffins, nitropropane, cinnamaldehyde, 2,2-dichloro-3,3-dimethylbutane. Sodium hydroxide phản ứng với nước tạo ra nhiệt có thể làm cháy những vật liệu dễ cháy khác. Phosphorous nung với NaOH sẽ tạo ra hỗn hợp phosphones có thể cháy trong không khí. Sodium hydroxide và cinnamaldehide + nhiệt có thể gây cháy. Phản ứng với kim loại có thể tạo ra khí hydrogen dễ cháy nổ. - Lưu ý về nguy cơ nổ: sodium hydroxide phản ứng với ammonia + silver nitrate tạo ra sản phẩm dễ nổ. Chiết suất Benzen của allyl benzenesulfonate tạo ra từ allyl alcohol và benzene sulfonyl chloride trong môi trường sodium hydroxide trong điều kiện chung cất chân không, phần cặn sẽ màu đen và gây nổ. Sodium hydroxide + tetrahydrofuran tinh khiết có chứa peroxide, có thể gây ra nổ nghiêm trọng. Sấy khô hỗn hợp sodium hydroxide và sodium tetrahydroborate giải phóng hydrogen dễ nổ ở nhiệt độ 230-270°C. Sodium hydroxide phản ứng với muối sodium của trichlorophenol + methyl alcohol + trichlorobenzene + nhiệt sẽ gây nổ. - Chỉ dẫn chữa cháy: không có giá trị.		
6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ		
- Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức nhỏ Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rót vào thùng rác. Nếu cần thiết cần trung hòa phần cặn bằng dung dịch hòa loãng sodium carbonate. - Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức lớn		

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Sodium hydroxide	MSDS: 113 16/10/2012
Loại hóa chất rắn gây ăn mòn nên nhanh chóng ngăn chặn sự rò rỉ. Không được đựng vào hóa chất đổ tràn. Không cho nước vào thùng đang chứa hóa chất. Ngăn hóa chất tràn vào hệ thống cống, tầng hầm hay khu vực hạn chế. Loại bỏ những nguồn gây cháy. Gọi trợ giúp khi thái độ. Trung hòa cặn còn lại bằng dung dịch hòa loãng axit acetic. Cẩn thận khi nồng độ của hóa chất trên mức TLV.		
7. BẢO QUẢN VÀ TỒN TRỮ		
- Sự đề phòng Để cách xa nguồn nhiệt, nguồn gây cháy, nơi ánh sáng chiếu mạnh và trực tiếp vào. Không được nuốt hóa chất, hít bụi. Không cho nước vào thùng chứa hóa chất. Hạn chế shock và ma sát. Trang bị trang phục bảo vệ phù hợp. Trong trường hợp thiếu thông thoáng, trang bị mặt nạ hô hấp phù hợp. Hạn chế tiếp xúc với da và mắt. - Tồn trữ Đóng chặt nắp thùng chứa. Giữ hóa chất ở nơi thoáng mát. Bảo quản mẫu ở nhiệt độ $< 23^{\circ}\text{C}$.		
8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN		
- Kiểm soát kỹ thuật Sử dụng quy trình khép kín, thông thoáng tại chỗ, hay những kiểm soát kỹ thuật khác để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn tiếp xúc. Nếu quá trình vận hành tạo ra bụi, khói hoặc sương, thực hiện thông gió để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn. - Bảo hộ cá nhân: kính bảo hộ, tạp dề, mặt nạ ngăn bụi và khí, găng tay. - Bảo hộ cá nhân trong trường hợp rò rỉ lớn: kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, mặt nạ ngăn bụi, ủng, găng tay. Thiết bị trợ hô hấp nếu cần. - Giới hạn tiếp xúc: CEIL: 2 bởi ACGIH (TLV) (US).		
9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT		
- Trạng thái và hình dạng vật lý: thể rắn. - Mùi: không mùi. - Vị: không có giá trị. - Khối lượng phân tử: 40 (g/mole). - Màu: trắng.		

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Sodium hydroxide	MSDS: 113 16/10/2012
- pH (1% dung môi/nước): 13,5 (bazơ). - Điểm sôi: 1388°C. - Điểm tan chảy: 323°C. - Nhiệt độ tới hạn: không có giá trị. - Trọng lượng riêng: 2,13 (nước =1). - Áp suất bay hơi: không có giá trị. - Tỷ trọng bay hơi: không có giá trị. - Sự bay hơi: không có giá trị. - Ngưỡng mùi: không có giá trị. - Hệ số phân phối nước/dầu: không có giá trị. - Ionicity (trong nước): không có giá trị. - Tính chất phân tán: hòa tan trong nước. - Sự hòa tan: hòa tan trong nước lạnh.		
10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT		
- Độ ổn định: hóa chất ổn định. - Nhiệt độ gây không ổn định: không có giá trị. - Những điều kiện gây không ổn định: không có giá trị. - Những hóa chất không tương thích: phản ứng mạnh với kim loại. Phản ứng các tác chất oxy hóa, tác chất khử, acid, kiềm, độ ẩm. - Tính ăn mòn: ăn mòn mạnh aluminum và những kim loại khác khi có độ ẩm. - Poly hóa: không. - Lưu ý phản ứng với hóa chất: hút ẩm, tỏa nhiệt khi hòa tan trong nước. Sodium hydroxide phản ứng với nước, axit, axit chloride, bazơ mạnh, tác chất oxy hóa mạnh, tác chất khử, dung dịch dễ cháy, halogen hữu cơ, kim loại, nitromethane, axit acetic đóng băng, acetic anhydride, acrolein, chlorohydrin, axit chlorosulfonic, ethylene cyanohydrin, glyoxal, axit hydrochloric, axit sulfuric, axit hydrosulfuric, axit nitric, oleum propiolactone, acrylonitrile, phorous pentoxide, chloroethanol, chloroform-methanol, tetrahydroborate, cyanogen azide, 1,2,4,5 tetrachlorobenzene, cinnamaldehyde. Sodium hydroxide phản ứng với formaldehyde hydroxide tạo ra axit formic và hydrogen.		

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Sodium hydroxide	MSDS: 113 16/10/2012
11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH		
- Đường đi vào: hấp thu qua da, viêm da, tiếp xúc mắt, hô hấp, tiêu hóa. - Độc tính lên động vật: không có giá trị - Ảnh hưởng mãn tính lên con người: gây tổn thương phổi. - Ảnh hưởng độc tính lên con người: vô cùng độc hại nếu hít phải (ăn mòn phổi). Rất độc hại khi tiếp xúc với da (ăn mòn, kích ứng, thâm thấu), tiếp xúc với mắt (ăn mòn), tiêu hóa. - Lưu ý ảnh hưởng mãn tính khác lên con người: có thể làm thay đổi vật liệu di truyền. - Lưu ý ảnh hưởng độc tính khác lên con người: Độc cấp tính: Da: có thể độc hại nếu thâm thấu qua da. Gây ra kích ứng và bỏng nặng, gây ra vết loét sâu. Mắt: có thể gây ra kích ứng và bỏng nặng. Gây viêm màng kết hóa học và tổn thương giác mạc. Hít phải: độc hại, gây ra kích phản trên hệ hô hấp và màng nhầy với triệu chứng ho, phồng, thờ khó khan, có thể hôn mê. Sự kích ứng có thể gây ra chemical pneumonitis và viêm phổi. Nuốt phải: có thể gây ra tổn thương sâu và vĩnh viễn cho bộ phận tiêu hóa như gây kích ứng nghiêm trọng cho phần trên hô hấp hay gây phồng. Có thể gây thủng bộ phận tiêu hóa. Gây ra đau đớn, buồn nôn, nôn ói, tiêu chảy, và shock. Có thể ăn mòn và phá hủy vĩnh viễn thực quản và bộ phận tiêu hóa.		
12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI		
- Độc tính sinh thái: không có giá trị. - BOD₅ và COD: không có giá trị. - Sản phẩm phân hủy sinh học: những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại. Độc tính sản phẩm phân hủy: sản phẩm phân hủy không độc hại.		
13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ		
- Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất. - Biện pháp thải bỏ (áp dụng cho chất thải hóa học nguy hại)		

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Sodium hydroxide	MSDS: 113 16/10/2012
<i>Tài sử dụng nếu có thể</i> <i>Thu gom và xử lý dạng rắn</i> • Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại. • Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định. <i>Thu gom và xử lý dạng lỏng</i> • Dung môi thải, chứa chất hữu cơ, không chứa chất kim loại: thu gom vào thùng riêng. Sau đó được đem đi đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại. • Dung dịch chứa kim loại nặng: thu gom vào thùng riêng, được xử lý bằng phương pháp xử lý nước thải thích hợp. • Dung dịch chứa axit, kiềm mà không chứa kim loại: có thể trung hòa và thoát vào cống thoát nước. <i>Xử lý hóa chất dạng hơi:</i> vận hành tủ hút có bộ lọc HEPA hoặc hệ thống quạt hút ra ngoài. <u>Chú ý:</u> - Nên thu gom theo từng loại xét nghiệm là tốt nhất, có thể chia theo nhóm nhưng chú ý không được trộn lẫn các hóa chất kỵ với nhau (tham khảo trong bảng). - Cố gắng giảm độc tính nguy hại thành chất ít nguy hại hơn. - Chai/lọ đựng hóa chất đã hết hạn có thể sử dụng để đựng chất thải tương ứng của nhóm đó. - Cần ghi rõ thông tin trên mỗi chai/lọ đựng chất thải các thông tin sau: loại chất thải nguy hại (nồng độ nếu có), ngày bắt đầu được thu gom, khoa/phòng có chất thải/ người chịu trách nhiệm thu gom.		
14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN		
- Thực hiện theo 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009. - Xếp loại DOT: Sodium hydroxide, solid UNNA:1823 PG:II. Nhận dạng: không giá trị.		
15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ		
- Quy chuẩn áp dụng Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002.		

VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN Sodium hydroxide	MSDS: 113 16/10/2012
Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009. - Xếp loại khác DSCL (EEC): không HMIS (U.S.A.) Độc hại sức khỏe: 3 Nguy hiểm cháy: 0 Độ hoạt hóa: 2 Bảo vệ cá nhân: J National Fire Protection Association (U.S.A.): Sức khỏe: 3 Khả năng cháy: 0 Độ hoạt hóa: 1 Độc hại đặc biệt:		
16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC		
- Thông tin tham khảo: Sodium hydroxide - science lab.com, INC, Mỹ - Ngày ghi: 16/10/2012 - Ngày sửa đổi gần nhất: 16/10/2012 - Tổ chức biên soạn: Viện Vệ sinh Y tế Công cộng TP.HCM, Khoa Xét nghiệm, Labo Hóa Độc chất Môi trường. <i>Lưu ý người đọc:</i> Những thông tin trong phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tại nạn. Hóa chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.		

(Signature)

BẢNG AN TOÀN HÓA CHẤT			
POLYMER ANION			
Số CAS: 9003-05-8			
Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Không			
Phân loại thông tin doanh nghiệp			
Tên thương mại của chất: POLYMER ANION			
Tên thông mại: POLYMER ANION			
Tên khác (không là tên khoa học): Keo tụ			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ : Công ty TNHH Hoàng Bảo Uyên – Địa chỉ : 150/8, ĐHT03, KP2, Phường Tân Hưng Thuận, Q12, TP.HCM. ĐT : 39442050 – Fax : 37194777.			
- Mục đích sử dụng: Dùng trong ngành xử lý nước.		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: 150/8, ĐHT03, KP2, Phường Tân Hưng Thuận, Q12, TP.HCM.	
Phần II. Thông tin về thành phần nguy hiểm			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Không có			
Phần III. Nhận dạng nguy hiểm			
1. Mức xếp loại nguy hiểm : Không 2. Cảnh báo nguy hiểm : Khi đổ ra ngoài Polymer Anion tạo thành dung dịch nhầy rất dễ trơn khi bị ướt. 3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Đường mắt : Kích ứng màng nhầy. - Đường thở : Kích ứng nhẹ gây ho hoặc thở gấp. - Đường da : kích ứng nhẹ. - Đường tiêu hóa : kích ứng miện và dạ dày.			
Phần IV. Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn			
1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt) : Rửa sạch mắt với nhiều nước ít nhất 15 phút. 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da) : Rửa sạch vùng da tiếp xúc với nhiều nước và xà phòng. 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí) : Nếu hít phải bụi Polymer Anion gây khó thở nên di chuyển nạn nhân ra nơi thoáng mát hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân có triệu chứng ngừng thở.Sau khi dùng biện pháp sơ cứu nếu vẫn còn hiện tượng kích ứng nên gặp bác sĩ để hỏi ý kiến và tuân theo sự hướng dẫn điều trị của bác sĩ. 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất) : Nên gặp bác sĩ để theo dõi. 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)			

(Signature)

Phần V. Biện pháp chữa cháy

1. Xếp loại về tính cháy : Có thể gây nổ bụi nếu bị cháy.
2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy :
3. Các tác nhân gây cháy, nổ : Không.
4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Xịt nước hoặc dùng bình chữa cháy để dập cháy.
5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Đeo mặt nạ và trang phục bảo hộ khi chữa cháy.
6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

Phần VI. Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ : Tạo chất nhờn gây trơn trượt
2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng : Tạo chất nhờn gây trơn trượt

Phần VII. Sử dụng và bảo quản

Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát dưới 32°C.
Tránh để nơi ẩm ướt và chứa trong thùng sắt, đồng hoặc nhôm.

Phần VIII. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

- Bảo vệ mắt : Nên đeo kính bảo hộ để tránh dây vào mắt.
- Bảo vệ thân thể : Nên đeo áo bảo hộ.
- Bảo vệ tay : Đeo găng tay cao su để tránh tiếp xúc trực tiếp với hoá chất.
- Bảo vệ chân : Nên đeo ủng cao su để tránh tiếp xúc trực tiếp với hoá chất.

Phần IX. Đặc tính lý hóa

Trạng thái vật lý	Điểm sôi (°C)
Màu sắc : Màu trắng	Điểm nóng chảy (°C)
Mùi đặc trưng : Không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Nhiệt độ tự cháy (°C) : >150°C
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí)
Độ hòa tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí)
Độ PH	Tỷ lệ hóa hơi : 8-13%
Khối lượng riêng : 0.75-0.95g/m ³	Các tính chất khác nếu có

Phần X. Tính ổn định và khả năng phản ứng

1. Tính ổn định : Ở nhiệt độ thường
2. Khả năng phản ứng:

Handwritten signature

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy : CO, CO₂, HCl, NO, NH₃.
- Khi để gần các chất kiềm và chất oxi hoá mạnh sẽ làm giảm chất lượng Polymer.

Phần XI. Thông tin về độc tính

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
LD50	>2,500 mg/kg	Nồng độ gây kích ứng.	Miệng	Chuột
LD50	>10,000 mg/kg		Da	Thỏ
LC50	>20 mg/l		Hô hấp	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...) : Không.

2. Các ảnh hưởng độc khác

Phần XII. Thông tin về sinh thái môi trường

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
OECD 203	Cá thái dương	96 giờ	180mg/l – LC50
OECD 203	Cá hồi	96 giờ	130mg/l – LC50
OECD 202	Bọ	48 giờ	1000mg/l – LD50

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

Phần XIII. Biện pháp và quy định về tiêu hủy hóa chất

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Theo quy định của Bộ Tài nguyên Môi trường.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải : Phụ thuộc từng quốc gia.

3. Biện pháp tiêu hủy : Xử lý nhiệt hay đốt cháy tại nơi quy định.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

Phần XIV. Quy định vận chuyển

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt						

Handwritten signature/initials

Công ty TNHH Hoàng Bảo Uyên

Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.												
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...												
Phần XV. Thông tin về luật pháp												
1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)												
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký												
Phần XVI. Thông tin khác												
Ngày tháng biên soạn Phiếu: 01/09/2017												
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:												
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH Hoàng Bảo Uyên												
Lưu ý người đọc: - Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. - Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc												

Handwritten signature

PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

POLY ALUMINIUM CHLORIDE		Logo của doanh nghiệp	
Số CAS: 1327-41-9 Số UN: 3264 Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
Tên thường gọi của chất: Poly aluminum chloride		Mã sản phẩm (nếu có) 	
Tên thương mại:			
Tên khác (không là tên khoa học): PAC			
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHANH AN SÀI GÒN 30/17 Đường HT31, KP01, p. Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM Điện thoại: (028).6683.3399 – 08.6683.4499	
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
Mục đích sử dụng: dùng trong ngành công nghiệp xử lý nước			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Poly aluminum chloride	1327-41-9	$Al_n(OH)_mCl_{3n-m}$	30%
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)			
Có khả năng làm hỏng mắt; tiếp xúc kéo dài với da có thể gây viêm da.			
2. Cảnh báo nguy hiểm			
- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc; - Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh; - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.			
3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng			
- Đường mắt: kích ứng mắt - Đường thở: Làm se miệng, mũi và họng - Đường da: - Đường tiêu hóa:			
IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ			
1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)			

Handwritten signature

Dùng nước sạch rửa nhiều lần tối thiểu 10 phút. Yêu cầu giúp đỡ về y tế. 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da) Trút bỏ quần áo dính sản phẩm và xối rửa vùng cơ thể bị thương bằng nước. 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí) Nhanh chóng rời khỏi khu vực bị ảnh hưởng. Yêu cầu giúp đỡ về y tế. 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất) Cho súc miệng nước sạch nhiều lần, sau đó dùng dung dịch Natri Bicarbonate 5% và bằng thuốc làm dịu chống viêm như sữa. 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)
V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN 1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): không cháy 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: không có 3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): không 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)
VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ 1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ Tìm chỗ rò rỉ bịt lại, dùng dụng cụ như xô, ca nhựa múc thu hồi rồi dùng nước xối rửa sạch mặt bằng nơi tràn chảy hóa chất. 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng Dùng cát, đất tạo bờ chắn xung quanh không để chảy lan rộng, dùng dụng cụ múc thu gom chứa vào thiết bị chứa khác chở về nơi sản xuất xử lý, sau đó dùng nước vôi hoặc soda trung hòa, phun nước làm sạch nơi bị tràn chảy.
VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...) Phải có đầy đủ trang bị phòng hộ cá nhân, cách ly khỏi kim loại, các chất hữu cơ, nitrate, chlorate và carbide. 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...) Thiết bị chứa đảm bảo có độ chắc chắn, vật liệu là nhựa, thủy tinh, thép phủ composit, khu vực chứa phải có bờ ngăn, phương tiện thu hồi khi có tràn chảy.
VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...) Thông gió khu vực làm việc, không ăn uống trong khu vực có chứa hóa chất. 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Handwritten signature/initials

Sử dụng kính bảo vệ, mang găng tay, ủng cao su và quần áo bảo hộ lao động.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

Như khi làm việc, trường hợp xảy ra hỏa hoạn, mang mặt nạ thở phòng khí độc.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: dạng bột	Điểm sôi (°C)
Màu sắc: vàng	Điểm nóng chảy (°C)
Mùi đặc trưng: không có	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy (°C): không
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước: tan hoàn toàn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ PH: 3-5	Tỷ lệ hóa hơi
Khối lượng riêng (kg/m ³)	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: khi nhiệt độ cao, sấy khô phân hủy thành khí HCl và Al₂O₃.
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): Tránh tiếp xúc với các chất kiềm như NH₃ và dung dịch của nó; NaOH; KOH; có khả năng ăn mòn kim loại như nhôm, niken, đồng.
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...);
- Phản ứng trùng hợp.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)

Không được phân loại là chất gây ung thư theo OSHA, ACGIH.

2. Các ảnh hưởng độc khác : không

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Làm tổn thương các sinh vật trong hệ sinh thái với lượng lớn.

2. Tác động trong môi trường

- Một lượng lớn chất thải ra có thể gây ra sự axit hóa các dòng chảy, là một chất gây đông có thể gây ra sự lắng đọng các thể rắn trong hệ sinh thái.
- Mức độ phân hủy sinh học: không bị vi khuẩn phân hủy
- Chỉ số BOD và COD

(Signature)

- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: không
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: không

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải
3. Biện pháp tiêu hủy
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	3264		8	25kg/bao		
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký
3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 15-03-2016

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 10-12-2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

1 lần

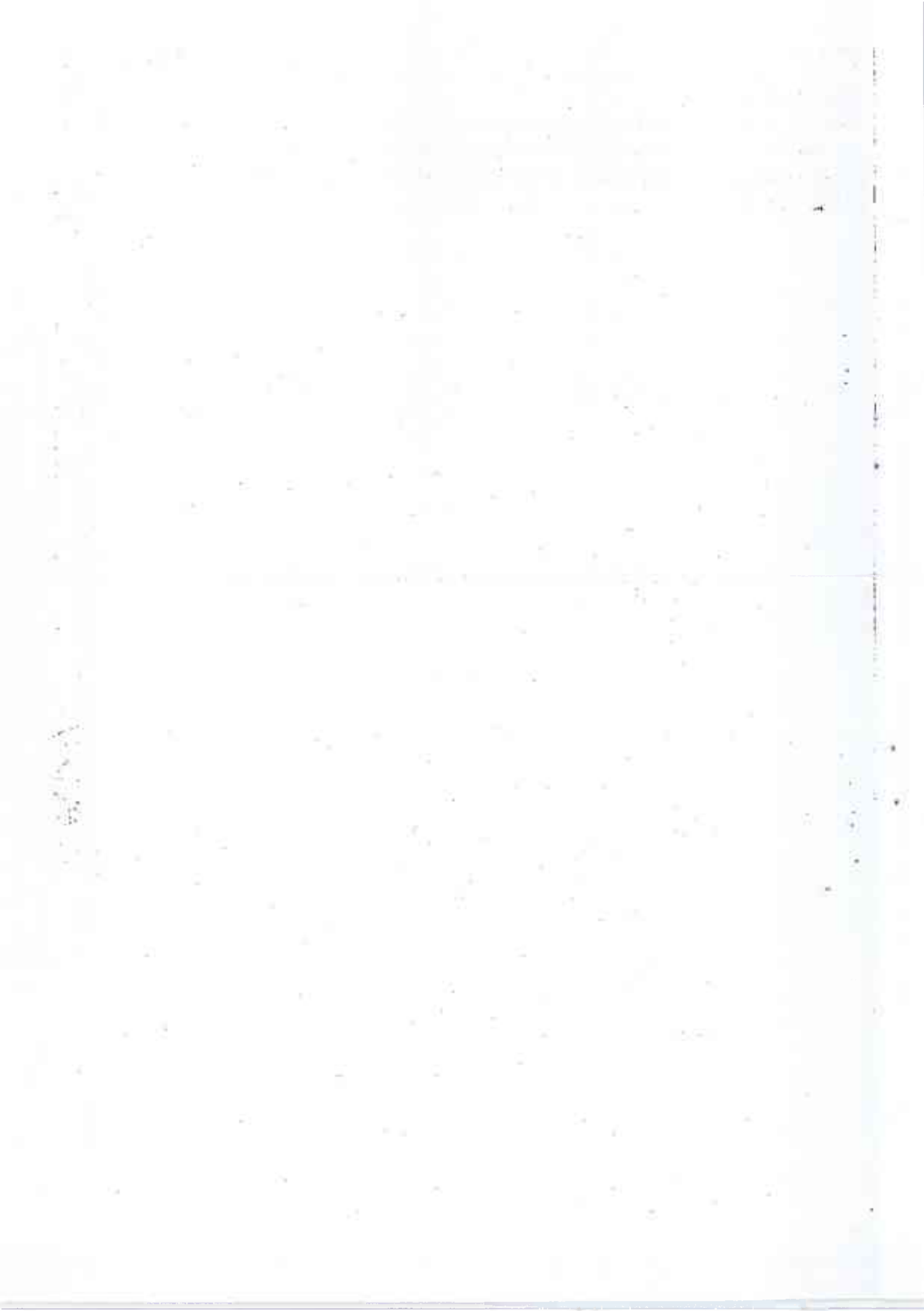
Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

1/1/2021

1/1/2021



QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận.
4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 066

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 066

(Cấp lần 04)

Tên tổ chức:

Công ty cổ phần đầu tư phát triển môi trường Đại Việt

Trụ sở chính: Số 4C1, KDC Nam Long, Hà Huy Giáp,
phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: 386 /QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 3 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng
ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc
môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Phan Thanh Quý Chức vụ: Tổng giám đốc

Số CMT: 025945026

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày cấp: 26 tháng 9 năm 2014

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày 04 tháng 3 năm 2021

Đến ngày 03 tháng 3 năm 2024

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

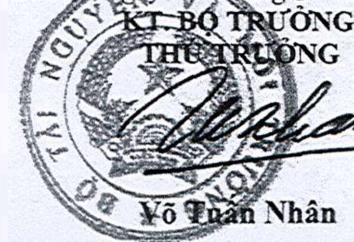
1. Nước:		
- Nước mặt:	Lấy mẫu: 05 thông số	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 02 thông số	Đo tại hiện trường: 03 thông số
- Nước biển:	Lấy mẫu: 02 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Nước mưa:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 05 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 02 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số
2. Đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	
3. Bùn:	Lấy mẫu: 01 thông số	
4. Trầm tích:	Lấy mẫu: 01 thông số	
5. Chất thải rắn:	Lấy mẫu: 01 thông số	
6. Khí:		
- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 26 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 30 thông số	Đo tại hiện trường: 11 thông số

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:	
- Nước mặt:	39 thông số
- Nước thải:	34 thông số
- Nước biển:	27 thông số
- Nước mưa:	11 thông số
- Nước dưới đất:	40 thông số
2. Đất:	17 thông số
3. Bùn:	16 thông số
4. Trầm tích:	09 thông số
5. Chất thải rắn:	19 thông số
6. Khí:	
- Không khí xung quanh:	20 thông số
- Khí thải:	22 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận
kèm theo Quyết định số 386 /QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường)./.

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2021



Phan Thanh Quý



Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

Laboratory:

DAI VIET ENVIRONMENT DEVELOPMENT INVESTMENT CORP

Địa điểm PTN/ Lab location:

4C1, KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, phường Thạnh Lộc, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của

has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

HÓA

Chemical

Mã số

Accreditation No

VILAS 718

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)

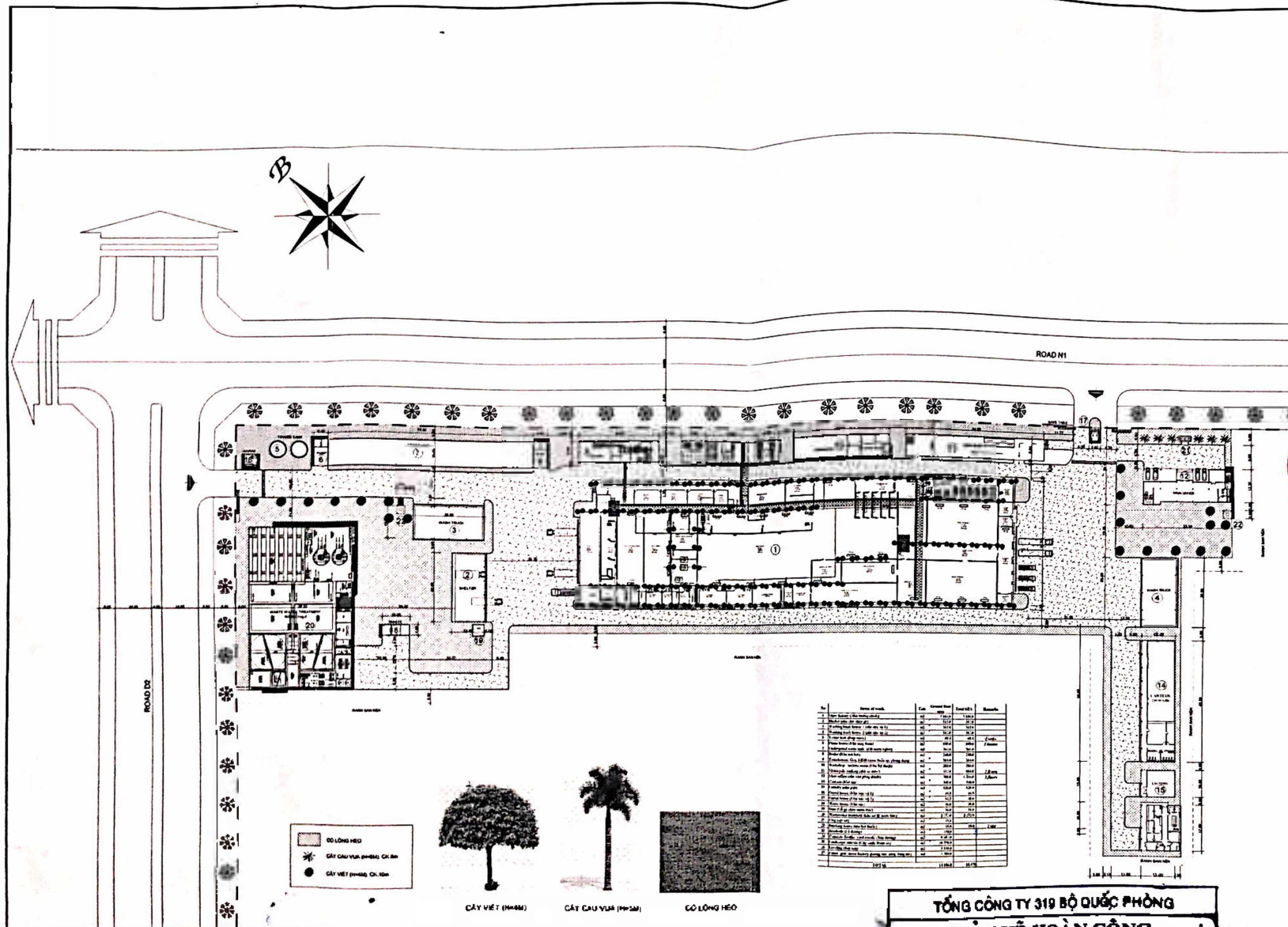


VŨ XUÂN THUY

Ngày/ Date of Issue: 11/08/2020 (Annex of decision: 660.2020/QĐ-VPCNCL date 11/08/2020)

Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 03/08/2023

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 24/01/2014



MASTER PLAN

TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày: ... tháng ... năm 20...

Người lập: ...
 Chủ trì thiết kế: ...
 Người phê duyệt: ...

Le Tuấn Hà

Nguyễn Bá Thịnh

Nguyễn Văn Thanh

KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG CÁC BẢN VẼ

ĐƯỢC PHÁT HÀNH ISSUED FOR

PHIÊN CHỈNH
REVISION

STT
NO.

NGÀY CHỈNH
DATE OF REVISION

CHỈ DẪN CHI TIẾT
REVISION DETAILS

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
MINH PHUNG - SIKICO

CHỦ ĐẦU TƯ OWNER

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM



TỰ VẤN THIẾT KẾ

VIỆN KIẾN TRÚC QUỐC GIA - BGD
TRUNG TÂM KIẾN TRÚC MIỀN NAM

GIÁM ĐỐC DIRECTOR

TRƯỞNG VĂN THƯỜNG

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN PROJECT MANAGER

NGƯỜI NHẬN NHẬN

CHỦ THÌ THIẾT KẾ CHIEP OF DESIGN

NGƯỜI NHẬN NHẬN

VỀ DỰ ÁN BY

HỒ DUY THIÊN

KIỂM TRA CHỌN BY

QUẢN LÝ NHÀ

DỰ ÁN PROJECT

GIỚI HẠN VÀ CHẾ BIẾN THỊT

ĐỊA ĐIỂM LƯU GIỮ

ĐỊA ĐIỂM LƯU GIỮ

SỬ DỤNG MÔI TRƯỜNG MÔI TRƯỜNG

THÀNH PHẦN

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE

MẶT BẰNG CẢNH QUAN

SỐ HIỆU DỰ ÁN

PROJECT MEMBER

SỐ HIỆU BẢN VẼ

DRAWING MEMBER

TỔNG CỐ BẢN VẼ

DRAWING TOTAL

NGÀY PHÁT HÀNH

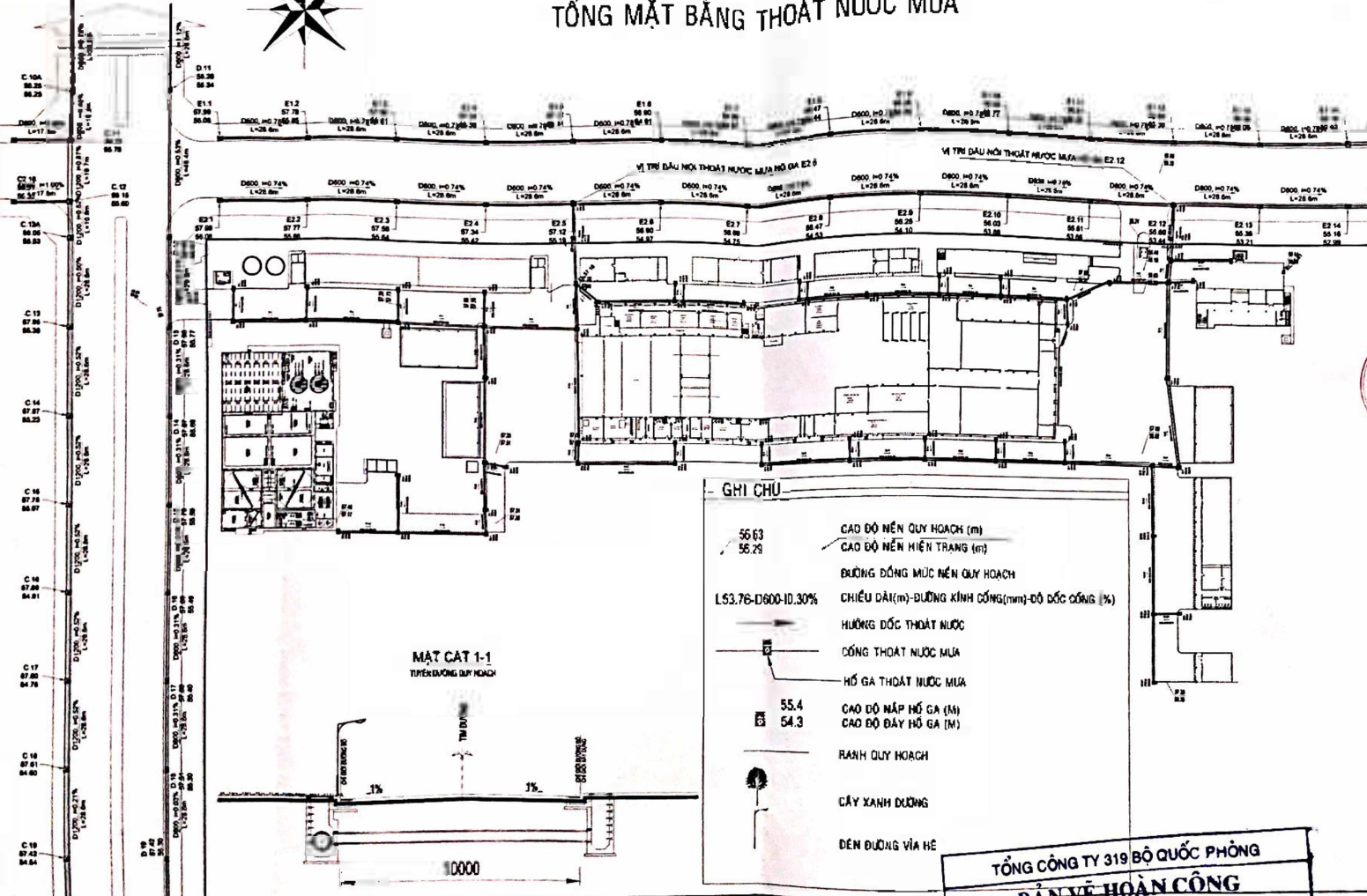
ISSUE DATE

TMB-02

NHÀ MÁY GIẾT MỠ VÀ CHẾ BIẾN THỊT

ĐỊA ĐIỂM: LÔ B6-1, B6-2, B6-3, B6-4 KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO,
XÃ ĐỒNG NƠ, HUYỆN HƠN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM

TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

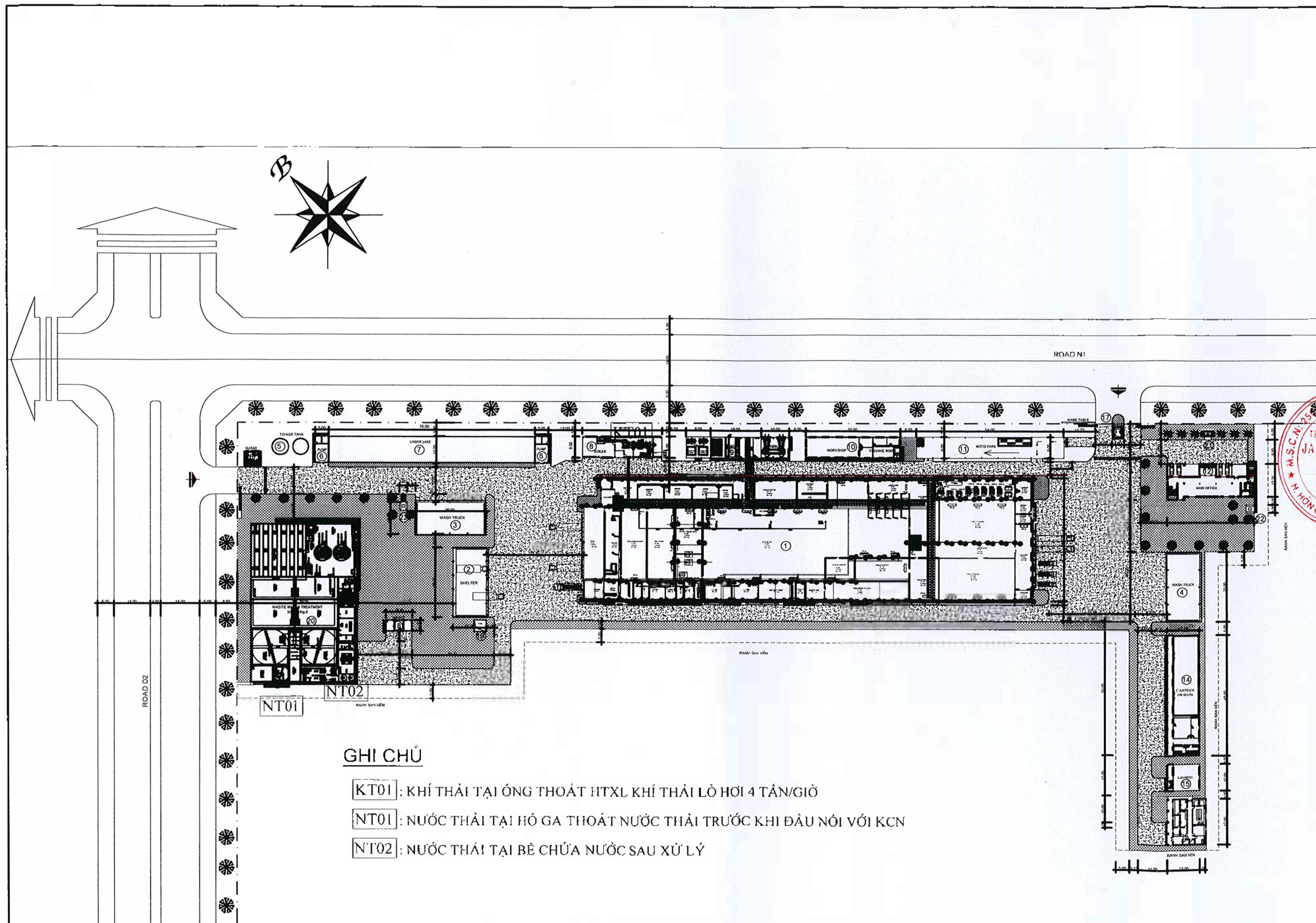


GHI CHÚ

- 56.63
56.29 CAO ĐỘ NỀN QUY HOẠCH (m)
CAO ĐỘ NỀN HIỆN TRẠNG (m)
- ĐƯỜNG DẪN MỨC NỀN QUY HOẠCH
- L53.76-D600-ID.30% CHIỀU DÀI (m)-ĐƯỜNG KÍNH CỐNG (mm)-ĐỘ DỐC CỐNG (%)
- HƯỚNG DỐC THOÁT NƯỚC
- CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
- HỒ GA THOÁT NƯỚC MƯA
- 55.4
54.3 CAO ĐỘ NẬP HỒ GA (m)
CAO ĐỘ ĐÁY HỒ GA (m)
- RẠNG QUY HOẠCH
- CÂY XANH ĐƯỜNG
- ĐÈN ĐƯỜNG VÀ HẸ

TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày.....tháng.....năm 20....		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
	<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>
	Nguyễn Đức Tuấn	Nguyễn Văn Thanh

HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG	
MÔ HÌNH PHÂN TÍCH THIẾT KẾ	
HỒ SƠ THIẾT KẾ	
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO	
CHỦ ĐẦU TƯ (OWNER)	
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3	
TƯ VẤN THIẾT KẾ	
VIỆN KIẾN TRÚC QUỐC GIA - BAO TRƯNG TÂM KIẾN TRÚC MIỀN NAM	
BẢN DỒI DẪN	
TRƯỞNG VĂN PHÒNG	
CHỦ ÁNH DẪN AN-PROJECT MANAGER	
NGƯỜI LẬP	
CHỦ TRƯ THIẾT KẾ-CHIEF OF DESIGN	
NGƯỜI LẬP QUẢN	
VỀ DẪN	
MÔ DẪN THIẾT KẾ	
BẢN THỬ THIẾT KẾ	
DỰ ÁN NHÀ MÁY GIẾT MỠ VÀ CHẾ BIẾN THỊT	
ĐỊA ĐIỂM (LOCATION)	
LÔ B6-1, B6-2, B6-3, B6-4 KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG, QUẬN ĐỒNG NƠ, HUYỆN HƠN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC	
HẠ TẦNG KỸ THUẬT	
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE	
TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA	
SỐ HIỆU DỰ ÁN	
PROJECT NUMBER	
SỐ HIỆU BẢN VẼ	
DRAWING NUMBER	
TỔNG SỐ BẢN VẼ	
DRAWING TOTAL	
NGÀY PHÁT HÀNH	
ISSUED DATE	
THAM KHẢO	

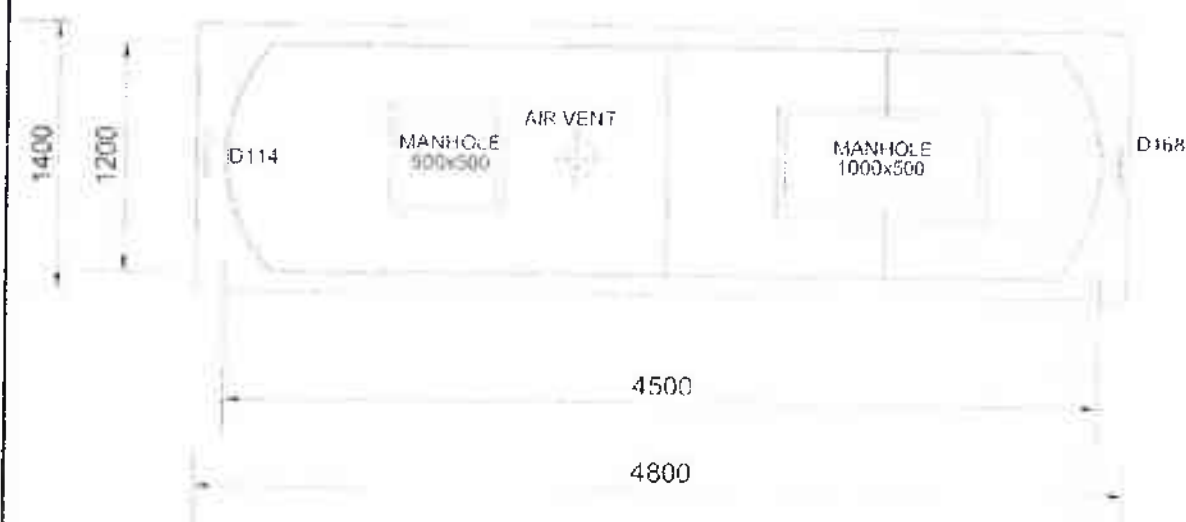


GHI CHÚ

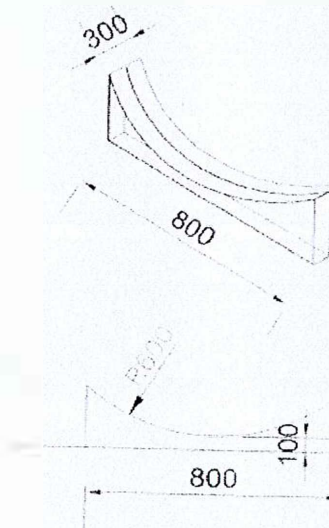
- [KT01] : KHÍ THẢI TẠI ỚNG THOÁT HTXL KHÍ THẢI LÒ HƠI 4 TẤN/GIỜ
- [NT01] : NƯỚC THẢI TẠI HỒ GA THOÁT NƯỚC THẢI TRƯỚC KHI ĐẦU NỐI VỚI KCN
- [NT02] : NƯỚC THẢI TẠI BÈ CHỨA NƯỚC SAU XỬ LÝ

MẶT BẰNG VỊ TRÍ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

Không dùng thước đo kích thước trên bản vẽ		
MỤC DICH PHÁT HÀNH- ISSUED FOR		
HIỆU CHỈNH REVISION		
STT SUFFIX	NGÀY HIỆU CHỈNH DATE OF REVISION	NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH REVISION DETAILS
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO		
CHỦ ĐẦU TƯ- OWNER		
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM		
5548-066-CT CÔNG TY JAPFA COMFEED VIỆT NAM CHÍNH HÀNH BÌNH PHƯỚC 3 H. HON QUYN Đ. PHU TH TR. V. THIẾT KẾ Phan Thanh Lịch		
WAF VIỆN KIẾN TRÚC QUỐC GIA - BXD TRUNG TÂM KIẾN TRÚC MIỀN NAM 14 KỶ DƯƠNG PHƯỜNG 9 QUẬN 3- TP. HCM ĐT: 08 35261401 FAX: 08 39202307		
GIÁM ĐỐC- DIRECTOR		
TRƯỞNG VĂN PHÒNG		
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN- PROJECT MANAGER		
NGUYỄN MINH HIẾN		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ- CHIEF OF DESIGN		
HOÀNG MINH QUANG		
VẼ- DRAWN BY		
NGÔ DUY TIẾN		
KIỂM TRA-CHECKED BY		
DƯƠNG VĂN HẠNH		
DỰ ÁN- PROJECT		
DỰ ÁN NHÀ MÁY		
GIẾT MỠ VÀ CHẾ BIẾN THỊT		
ĐỊA ĐIỂM-LOCATION		
LÔ B6-1, B6-2, B6-3, B6-4, KCN MINH HƯNG - SIKICO		
XÃ DÔNG NƠI, HUYỆN HON QUYN, TỈNH BÌNH PHƯỚC		
HẠNG MỤC-ITEM		
TỔNG THỂ		
TÊN BẢN VẼ- DRAWING TITLE		
MẶT BẰNG VỊ TRÍ GIÁM SÁT		
MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ		
SỐ HIỆU DỰ ÁN PROJECT NUMBER		
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NUMBER	TMB-02	
TỔNG SỐ BẢN VẼ DRAWING TOTAL		
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUED DATE		



CHI TIẾT BÓN TỰ HOẠI ĐIỀN HÌNH



TỔNG CÔNG TY 319 BỘ QUỐC PHÒNG

BẢN VÊ HOAN CỜ

Ngày... tháng... năm 20...

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Đã kiểm tra và chấp thuận
		
Lê Xuân Hà	Nguyễn Tử Xuân	Nguyễn Văn Xuân



**VIỆN KIẾN TRÚC QUỐC GIA - ĐỀ
TRƯNG TẬP KIẾN TRÚC VIÊN NÀP**

Phan Thanh Lợi

VIỆN

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR

TRƯỞNG VĂN PHÒNG

QUẢN LÝ DỰ ÁN - PROJECT MANAGER

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

CHIEF OF THE ARCHITECTURAL DESIGN

TRƯỞNG BỘ TƯ VẤN

PH. - DRAWING

NGƯỜI DẪN

KIẾN TRÚC ARCHITECTURE

QUẢN LÝ DỰ ÁN

QUẢN PROJECT

DỰ ÁN NHÀ MÁY

GIẾT MỎ VÀ CHẾ BIẾN THỊT

QUY ĐỊNH (OPTION)

LƯU Ý: BẢNG DỰ ÁN KINH DOANH VÀ CÁC SƠ ĐỒ

XÁC ĐỊNH CÁC HƯỚNG ĐIỀU KIỆN THIẾT BỊ.

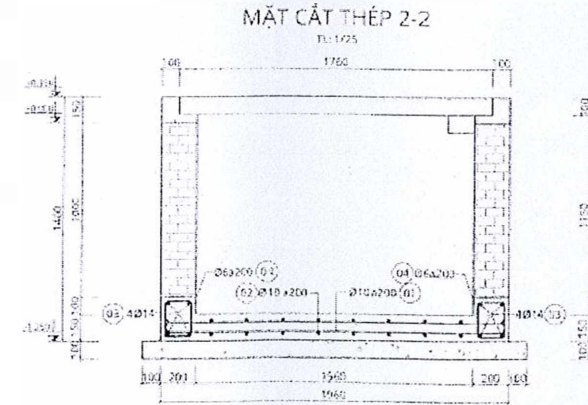
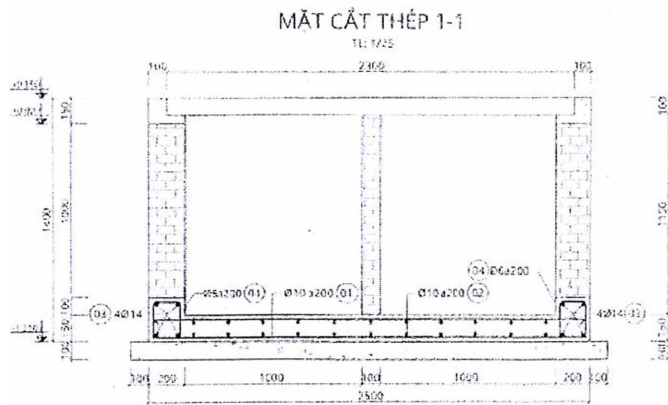
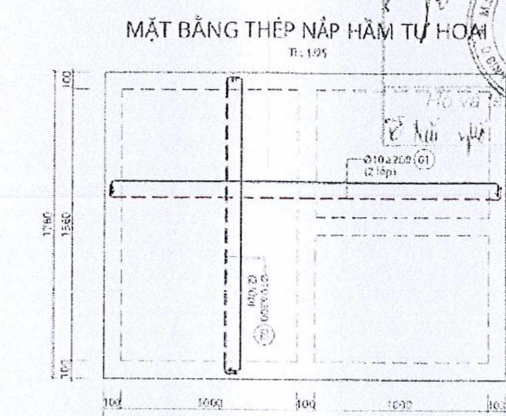
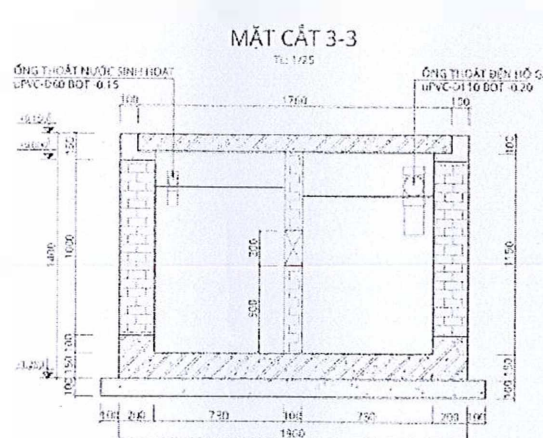
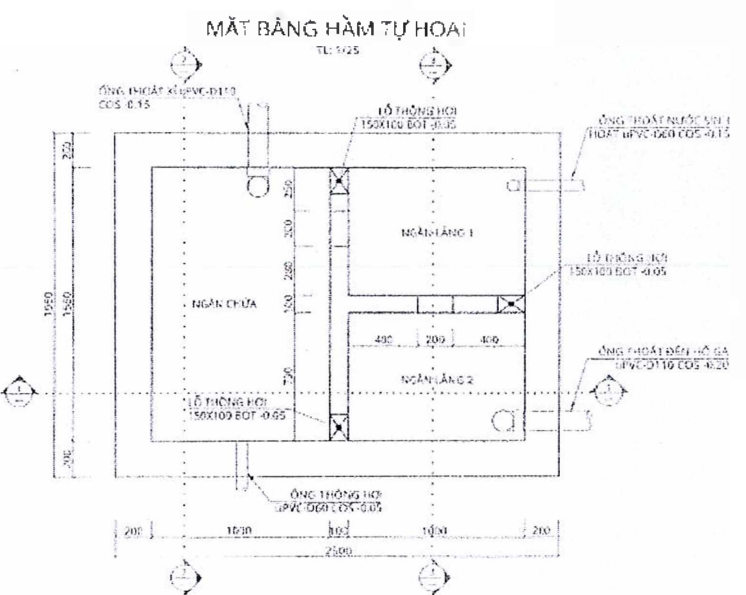
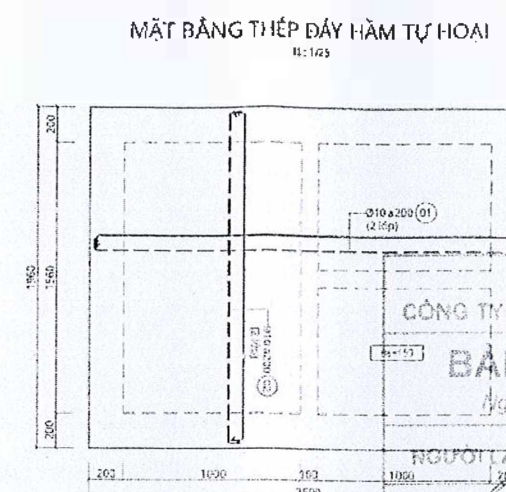
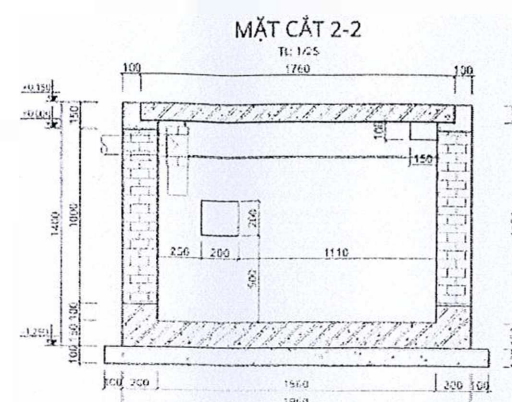
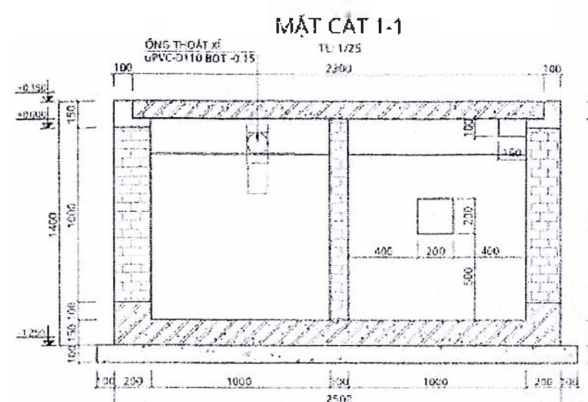
HÀNG NGÀY

TỔNG THỂ

TÊN CÁC V. - DRAWING TITLE

CHI TIẾT BỐN TỰ HOẠI

SỐ HIỆU DỰ ÁN PROJECT NUMBER	
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NUMBER	
TỔNG SỐ BẢN VẼ DRAWING TOTAL	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUED DATE	



CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TS1

THẨM TRA

Theo Văn bản số 64 /NSC/TTKTST-20.../A

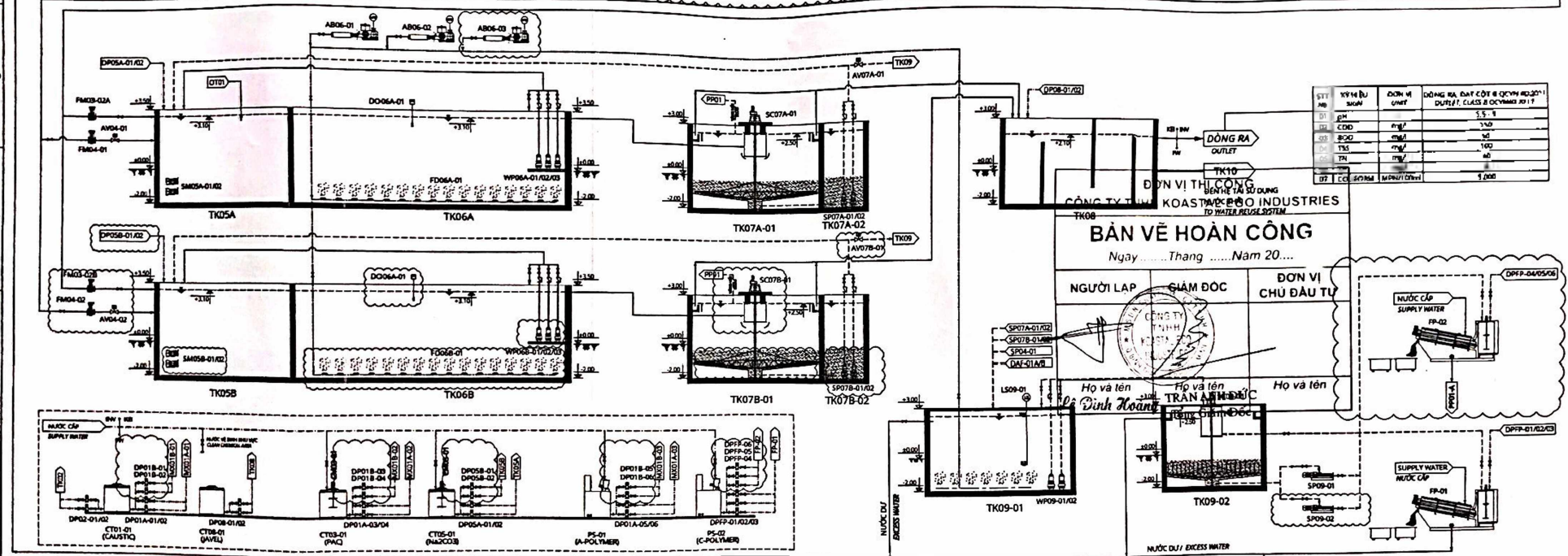
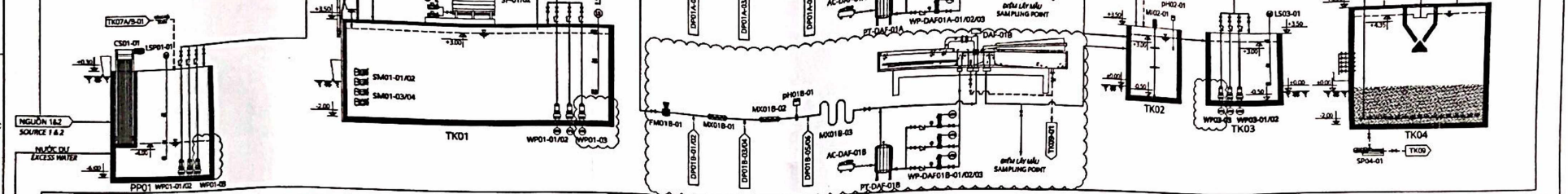
Ngày.....

Chủ trì bộ môn ký tên: 

KS. Nguyễn Phi Thôn

[illegible][illegible]

STT	KÝ HIỆU SỐ	LOẠI VẬT LIỆU	NGƯỜI SỐ 1 SOURCE 1		NGƯỜI SỐ 2 SOURCE 2		CÁI TÍNH THỰC ĐIỀU KIỆN
			GIẾT MÀ KHÔNG SAU HẾT CHỌN	CÔNG BÀN PUNTER	GIẾT MÀ KHÔNG SAU HẾT PVE		
01	LƯU LƯỞNG FLOW	NGƯỜI SỐ 1	3.600	48	1.200	4.800	
02	PH		6 - 9	4 - 6	6 - 9		5 - 9
03	COD	m/gi	2.500	1.000	2.500		2.800
04	BOD	m/gi	1.200	6.000	2.000		1.500
05	TSS	m/gi	800	3.500	1.200		1.000
06	TN	m/gi	100	20	30		130
07	TP	m/gi	15	15	30		20



STT HĐ	NHÂN DƯ SỐ/H	ĐƠN V UNIT	ĐỒNG RA ĐẠT CỘT B CQVH H2.30-1 DUPET, CLASS 8 OCYMH 10.17
01	PH		5.5.9
02	COD	mg/l	240
03	BOD	mg/l	10
04	TSS	mg/l	100
05	TN	mg/l	10
07	COLIFORM	MPN/100ml	9.000

CÔNG TY TNHH KHOA SÁO INDUSTRIES
TK08 TO WATER REUSE SYSTEM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày Tháng Năm 20....

Ngày Tháng Năm 20...		
HOA TÊN	HỌ TÊN	ĐƠN VỊ

NGƯỜI LẬP	GIAM ĐỐC	CHỦ ĐẦU TƯ
-----------	----------	------------



Họ và tên	Họ và tên	Họ và tên

Lê Đình Hoàng

	१००	
	५४९	

TK09-02

[illegible]

NƯỚC DƯ / EXCESS WATER

STT No.	KÝ HIỆU SIGN	TÊN HÀNG MỤC ITEM	STT No.	KÝ HIỆU SIGN	TÊN HÀNG MỤC ITEM
21	PS	BIẾN TẦN / VARIABLE FREQUENCY DRIVE	22	PS	HỆ THỐNG

ĐƠN	16	VFO	BỂ LƯỚI / MESH FILTER	23	MI	ĐƠN
ĐƠN	17	AC	MÁY NÉN KHÍ / AIR COMPRESSOR	23	MI	ĐƠN
ĐƠN	18	DAF	BỂ TUYỂN NÓM DISSOLVED AIR FLOTATION	24	CM	ĐƠN

ATCH	19	OT	HỆ XỬ LÝ MÙI / ODOUR TREATMENT SYSTEM			
AFER	20	CP	BƠM TUẦN HOÀN / CIRCULATION PUMP			
	21	ES	QUẠT HÚT / EXHAUSTED FAN			

CÔNG TRÌNH / PROJECT

ĐC. TRAN THAI VUONG	1 lot	TRẠNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI (CÔNG SUẤT: 4.350 M3/NGÀY) VÀ (CÔNG SUẤT: 1.000 M3/NGÀY) CỦA NHÀ MÁY WASTEWATER TREATMENT PLANT CAPACITY 4,350 M3/DAY
---------------------	-------	---

ĐANG THỊ VĂN ANH

ĐƠN ĐĂNG LẠI 86-1.28-2, 86-1.28-4 Khu công nghiệp Sình Hưng BẮC, xã Sình
 Locality 86-1.28-2, 86-4 Sình Hưng SICH P, Dong Ha commune.

DANG THI VAN ANH	<i>[Signature]</i>	TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE: WWTP SCHEMATIC DIAGRAM FOR JAFPA
------------------	--------------------	---

TOTAL CAPACITY: 4,150
 SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG X
 TỔNG CÔNG SUẤT: 4.150 M

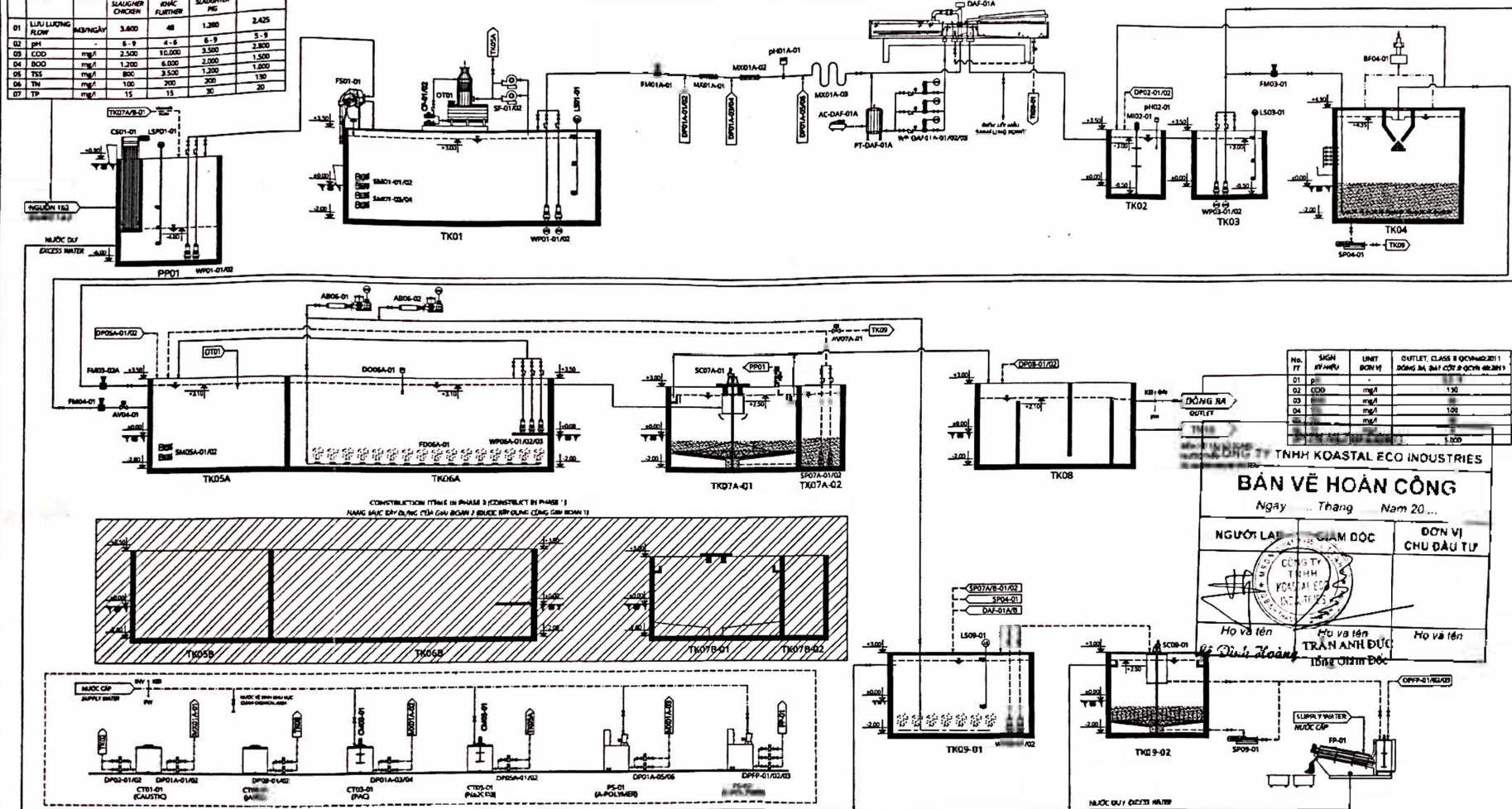
	9	10
--	---	----

100

[illegible]

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HTXLNT NHÀ MÁY JAPFA BÌNH PHƯỚC - CÔNG SUẤT GIAI ĐOẠN 1: 2.425 M3/NG.ĐÊM
WWTP SCHEMATIC DIAGRAM FOR JAPFA SLAUGHTER BINH PHUOC - CAPACITY PHASE 1: 2.425 M3/DAY

STT	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ	NGUỒN 1	NGUỒN 2	ĐƠN VỊ
ANL	SYMBOL	UNIT	SOURCE 1	SOURCE 2	ANL
01	LƯU LƯỢNG	M3/NG.Đ	3.600	48	1.200
02	pH		6-9	4-8	6-9
03	COD	mg/l	2.500	10.000	3.500
04	BOD	mg/l	1.200	6.000	1.500
05	TSS	mg/l	800	3.500	1.200
06	TN	mg/l	100	200	200
07	TP	mg/l	15	15	30



STT	KÝ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC	STT	KÝ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC	STT	KÝ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC	STT	KÝ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC
ANL	SYMBOL	ITEM	ANL	SYMBOL	ITEM	ANL	SYMBOL	ITEM	ANL	SYMBOL	ITEM
01	WP	BƠM NƯỚC THẢI / WASTE WATER PUMP	09	CS	LƯỚI BẮC THỎ / COARSE SCREEN	17	VF	BÌNH TÁN / VARIABLE FREQUENCY DRIVE	25	PS	HỆ THỐNG HỒN HỢP / POLYMER DISPENSATION SYSTEM
02	BP	BƠM NƯỚC / SLUDGE PUMP	10	PS	LƯỚI BẮC TÍNH / FINE SCREEN	18	AC	HẠM ĐIỆN / AIR COMPRESSOR	26	LS	BỂ LƯỚI LƯỚI / FLOTATION
03	CP	BƠM DƯỚI LƯỚI / COARSE PUMP	11	KT	BỂ HỒN HỢP / FINE SCREEN	19	DA	HỆ THỐNG HỒN HỢP / POLYMER DISPENSATION SYSTEM	27	CS	BỂ LƯỚI LƯỚI / FLOTATION
04	TP	BỂ HỒN HỢP / FINE SCREEN	12	L3	PHẠNG NƯỚC / LEVEL SWITCH	20	CP	HỆ THỐNG HỒN HỢP / POLYMER DISPENSATION SYSTEM	28	PS	BỂ LƯỚI LƯỚI / FLOTATION
05	SM	MÁY BƠM CHẠM / SUBMERGIBLE PUMP	13	LS	PHẠNG NƯỚC / LEVEL SWITCH	21	CP	HỆ THỐNG HỒN HỢP / POLYMER DISPENSATION SYSTEM	29	PS	BỂ LƯỚI LƯỚI / FLOTATION
06	SM	MÁY BƠM CHẠM / SUBMERGIBLE PUMP	14	PH	MÀN BƠM / PERMEATE PUMP	22	CP	HỆ THỐNG HỒN HỢP / POLYMER DISPENSATION SYSTEM	30	CP	HỆ THỐNG HỒN HỢP / POLYMER DISPENSATION SYSTEM
07	PH	BỂ LƯỚI LƯỚI / FLOTATION	15	DO	MÀN BƠM / PERMEATE PUMP	23	CP	HỆ THỐNG HỒN HỢP / POLYMER DISPENSATION SYSTEM	31	CP	HỆ THỐNG HỒN HỢP / POLYMER DISPENSATION SYSTEM
08	PH	BỂ LƯỚI LƯỚI / FLOTATION	16	DO	MÀN BƠM / PERMEATE PUMP	24	CP	HỆ THỐNG HỒN HỢP / POLYMER DISPENSATION SYSTEM	32	CP	HỆ THỐNG HỒN HỢP / POLYMER DISPENSATION SYSTEM

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR

CÔNG TY TNHH JAPFA BÌNH PHƯỚC

JAPFA COMPANY LIMITED

VIỆT NAM

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR

CÔNG TY TNHH JAPFA BÌNH PHƯỚC

JAPFA COMPANY LIMITED

VIỆT NAM

THIẾT KẾ / DESIGNER

CÔNG TY TNHH KÔNGTAL ECO INDUSTRIES

KÔNGTAL ECO INDUSTRIES CO., LTD

VIỆT NAM

THIẾT KẾ / DESIGNER

CÔNG TY TNHH KÔNGTAL ECO INDUSTRIES

KÔNGTAL ECO INDUSTRIES CO., LTD

VIỆT NAM

CONSTRUCTION

CÔNG TY TNHH KÔNGTAL ECO INDUSTRIES

KÔNGTAL ECO INDUSTRIES CO., LTD

VIỆT NAM

CONSTRUCTION

CÔNG TY TNHH KÔNGTAL ECO INDUSTRIES

KÔNGTAL ECO INDUSTRIES CO., LTD

VIỆT NAM

THIẾT KẾ / DESIGNER

CÔNG TY TNHH KÔNGTAL ECO INDUSTRIES

KÔNGTAL ECO INDUSTRIES CO., LTD

VIỆT NAM

THIẾT KẾ / DESIGNER

CÔNG TY TNHH KÔNGTAL ECO INDUSTRIES

KÔNGTAL ECO INDUSTRIES CO., LTD

VIỆT NAM

CONSTRUCTION

CÔNG TY TNHH KÔNGTAL ECO INDUSTRIES

KÔNGTAL ECO INDUSTRIES CO., LTD

VIỆT NAM

CONSTRUCTION

CÔNG TY TNHH KÔNGTAL ECO INDUSTRIES

KÔNGTAL ECO INDUSTRIES CO., LTD

VIỆT NAM

THIẾT KẾ / DESIGNER

CÔNG TY TNHH KÔNGTAL ECO INDUSTRIES

KÔNGTAL ECO INDUSTRIES CO., LTD

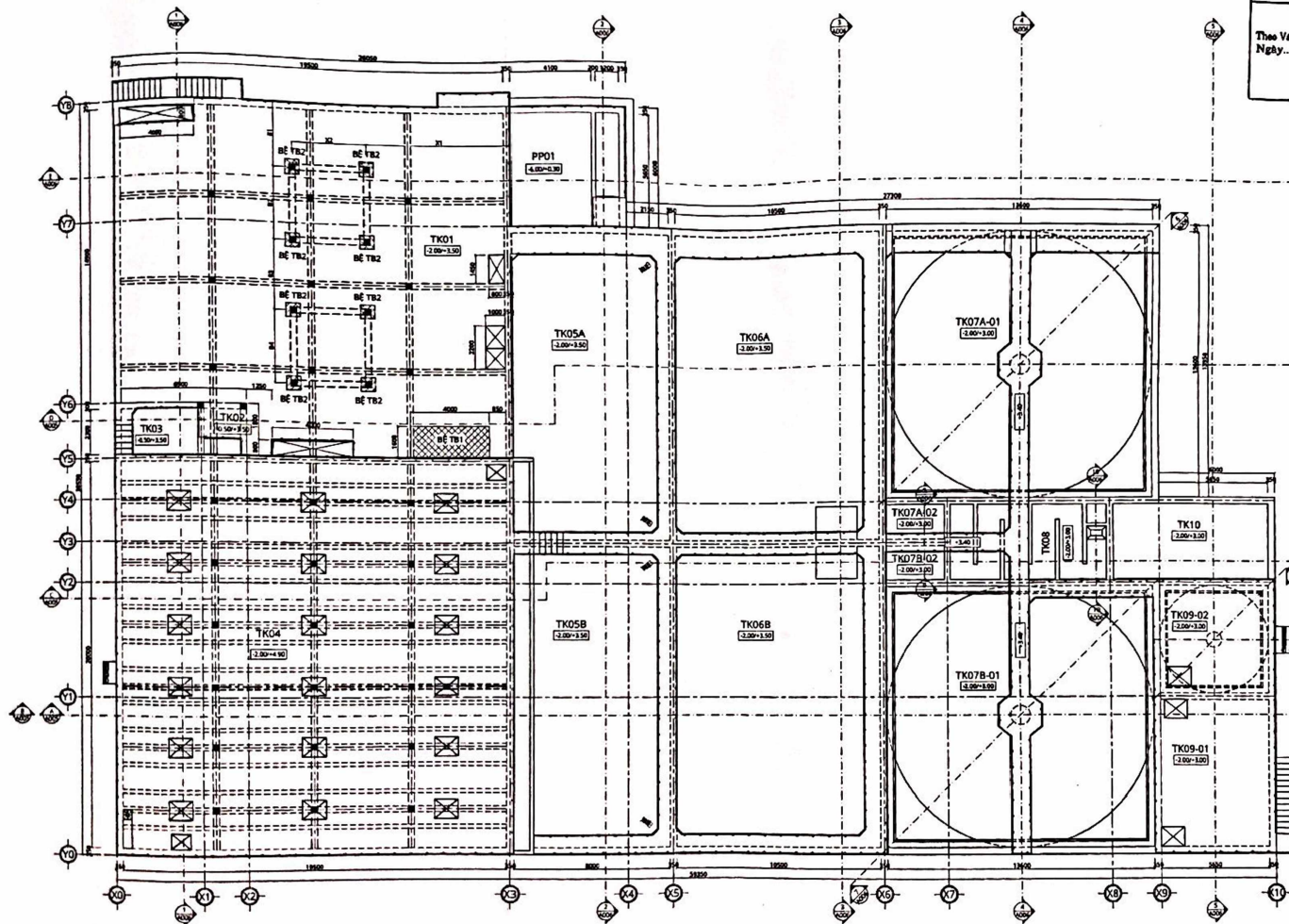
VIỆT NAM

THIẾT KẾ / DESIGNER

CÔNG TY TNHH KÔNGTAL ECO INDUSTRIES

KÔNGTAL ECO INDUSTRIES CO., LTD

VIỆT NAM



CHỖ T: K1, K2, B1-B4 CÁC KỊCH THUỘC CUNG CẤP SẴN

CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 44/BC/TTK/TST-Đ-24.
Ngày:
Chủ trì bộ môn kỹ thuật:

(Signature)

KTS Dương Thị Tuyết Trinh

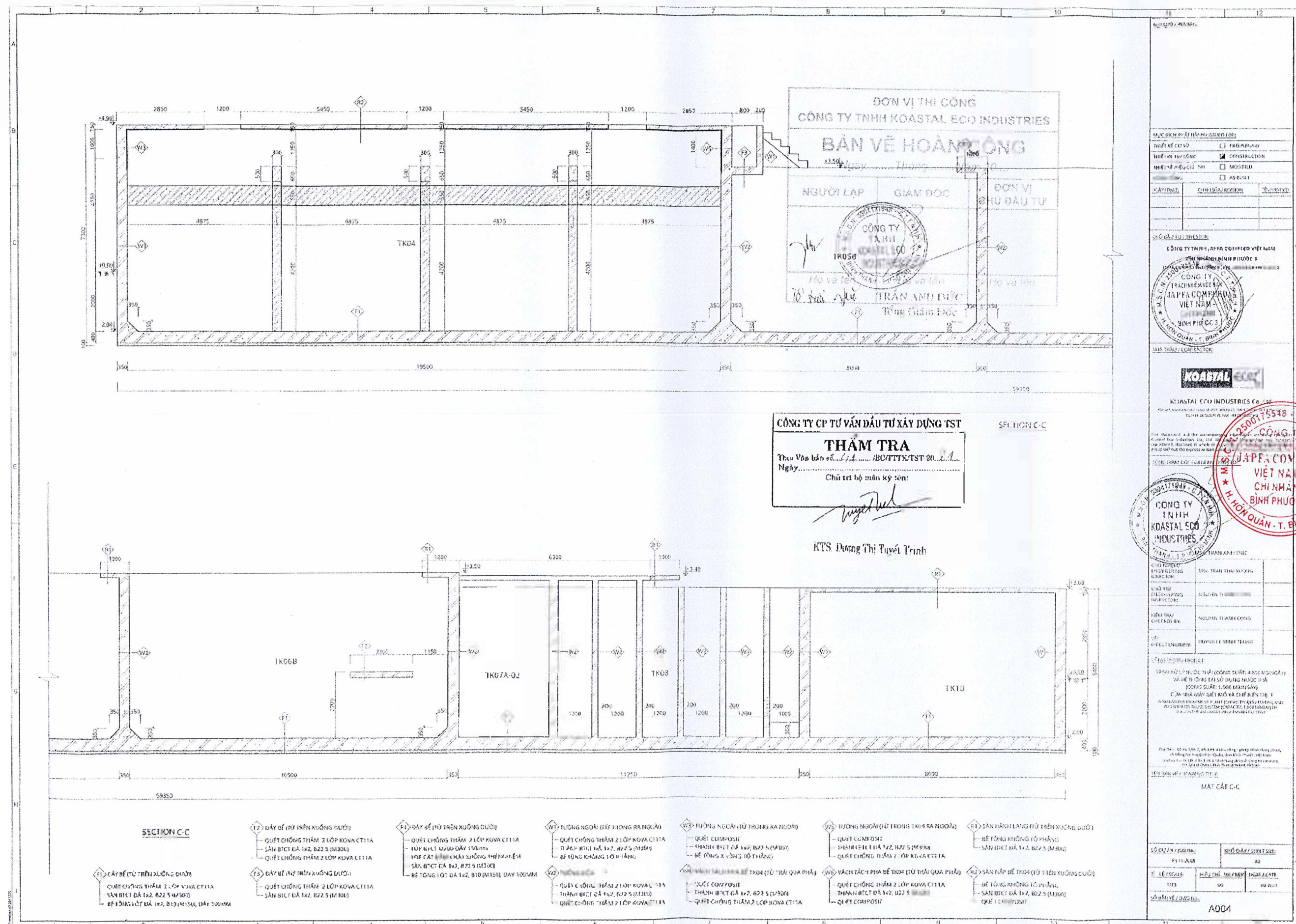
ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY TNHH KOASTAL ECO INDUSTRIES

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày: Tháng: Năm 20

NGƯỜI LẬP	GIÁM ĐỐC	ĐƠN VỊ CHU ĐÁU TƯ
<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>
Họ và tên: <i>(Signature)</i>	Họ và tên: <i>(Signature)</i>	Họ và tên: <i>(Signature)</i>
<i>(Signature)</i>	TRẦN ANH ĐỨC	<i>(Signature)</i>
	Tổng Giám Đốc	

MỤC BỊCH PHẢI NHẢY / REQUIRED FOR: THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ PRELIMINARY THIẾT KẾ THỦ CÔNG ☒ CONSTRUCTION THIẾT KẾ HIỆN CẢNH ☐ MODIFIED NHẬN CÔNG ☐ AS-BUILT NGÀY / DATE:		SƠ LƯỢC / SUMMARY:  CÔNG TY TNHH JAPFA CORP. VIETNAM CHUYÊN SẢN SỮA CHUA		HỢP THỎA / CONTRACT:  KOASTAL ECO INDUSTRIES Co., Ltd. NHÀ MÁY SẢN XUẤT SỮA CHUA VÀ SẢN PHẨM SỮA CHUA Địa chỉ: 41/10 Đường 10, Phường 10, Quận 10, TP. HCM		THÔNG TIN CHUNG / GENERAL INFORMATION: CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER: CÔNG TY TNHH JAPFA CORP. VIETNAM CHỦ THIẾT KẾ / DESIGNER: CÔNG TY TNHH KOASTAL ECO INDUSTRIES KIỂM TRA / CHECKED BY: NGUYỄN THẠNH CƯỜNG KÝ / SIGNED: NGUYỄN THẠNH CƯỜNG DIRECT ENGINEER: NGUYỄN THẠNH CƯỜNG		GIỚI THIỆU / INTRODUCTION: BẢN VẼ NÀY CHỈ DÙNG ĐỂ MÔ TẢ CÁC CÔNG TRÌNH VÀ HỆ THỐNG TÀI SẢN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ. BẢNG MÔ TẢ CÁC CÔNG TRÌNH VÀ HỆ THỐNG TÀI SẢN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC. BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG CHO MỌI MỤC ĐÍCH KHÁC. BẢNG MÔ TẢ CÁC CÔNG TRÌNH VÀ HỆ THỐNG TÀI SẢN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ ĐƯỢC ĐĂNG KÝ TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC. BẢN VẼ NÀY KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG CHO MỌI MỤC ĐÍCH KHÁC.		THÔNG TIN KỸ THUẬT / TECHNICAL INFORMATION: SỐ QUẢN LÝ / DRAWING NO.: P173-2008 NGÀY / DATE: 08/2021 TỶ LỆ / SCALE: 1/100 PHIÊN BẢN / VERSION: 01 SỐ BẢN VẼ / SHEET NO.: A001	
---	--	---	--	--	--	--	--	--	--	---	--



[illegible]

Ngày.....Tháng.....Năm 20...

ĐƠN VỊ
CHỦ ĐẦU TƯ

Nhà và tên

Tổng Giám Đốc

Theo Văn bản số.../4.../BC/TTKTST-20...
Ngày.../.../20...

Chủ trì hồ môn kỹ thuật:

KTS. Dương Thị Tuyết Tru

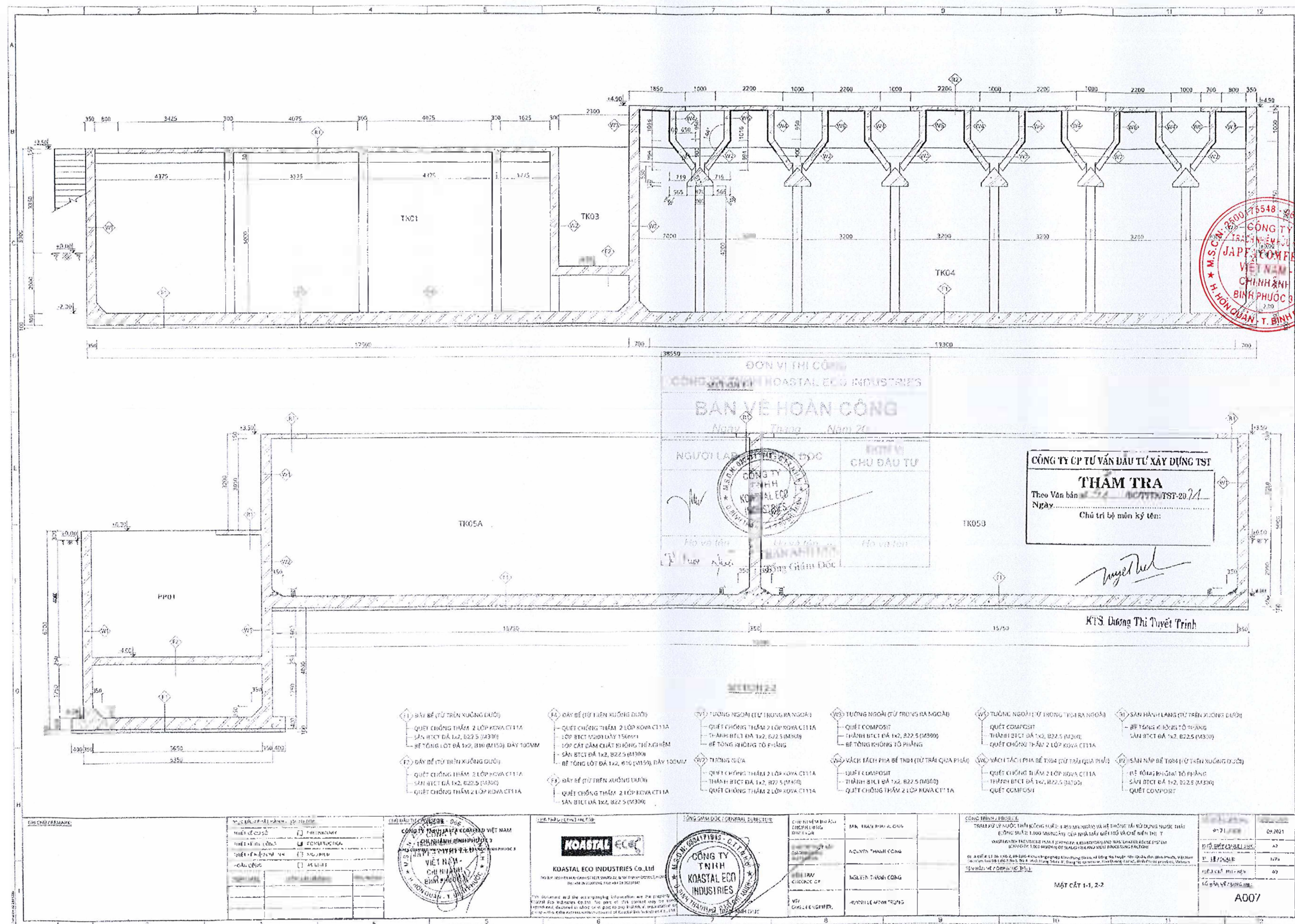


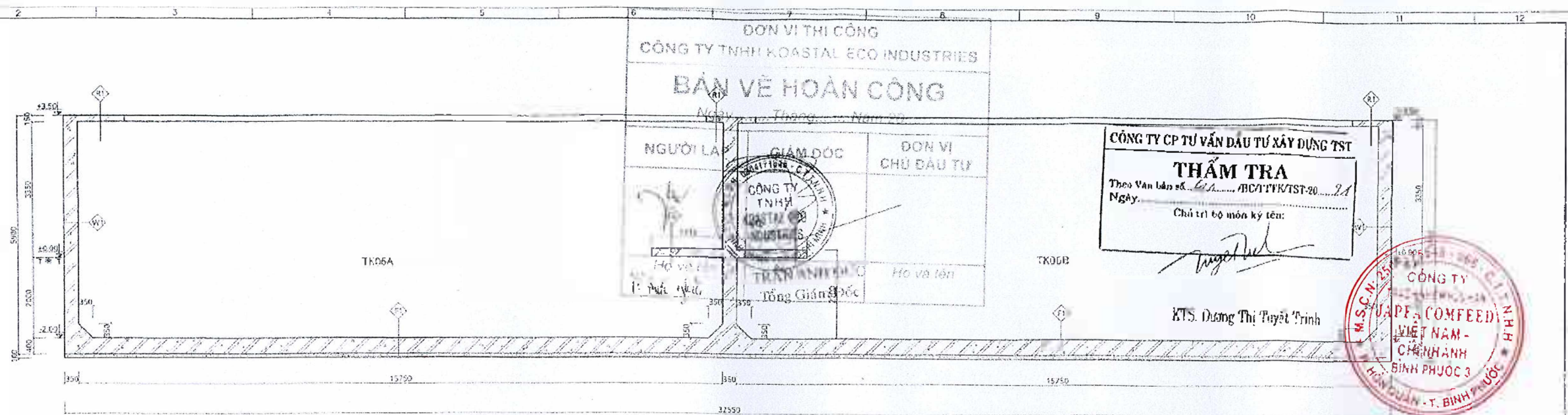
12) SẢN PHẨM BỀ THẠ (TỰ THÉN XƯỚNG DƯỚI)

- BỀ TÔNG KHÔNG TỎ PHƯƠNG
- SẢN BCTC ĐÃ TXX, B22.5 (MAGG)
- (QUÉ COMPOS)

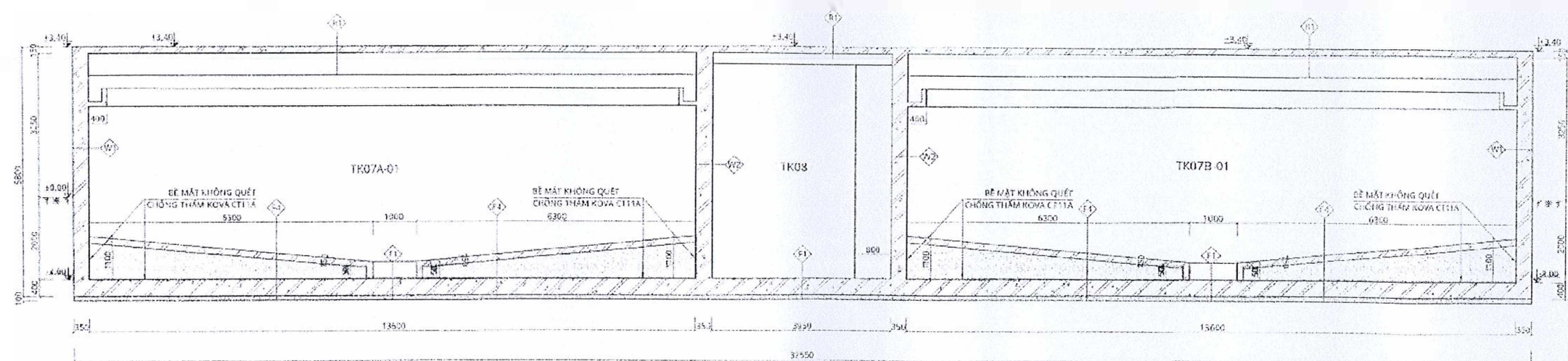
TÊN SẢN PHẨM / FORMING TITLE: MẬT CÀ CHU

[illegible]





SECTION 3-3

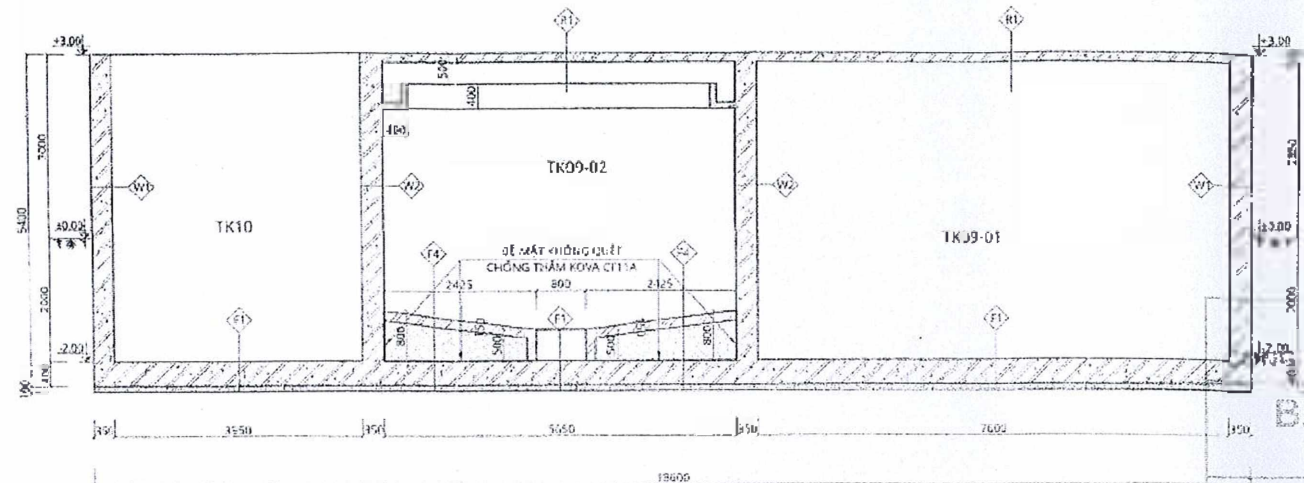


SECTION 4-4

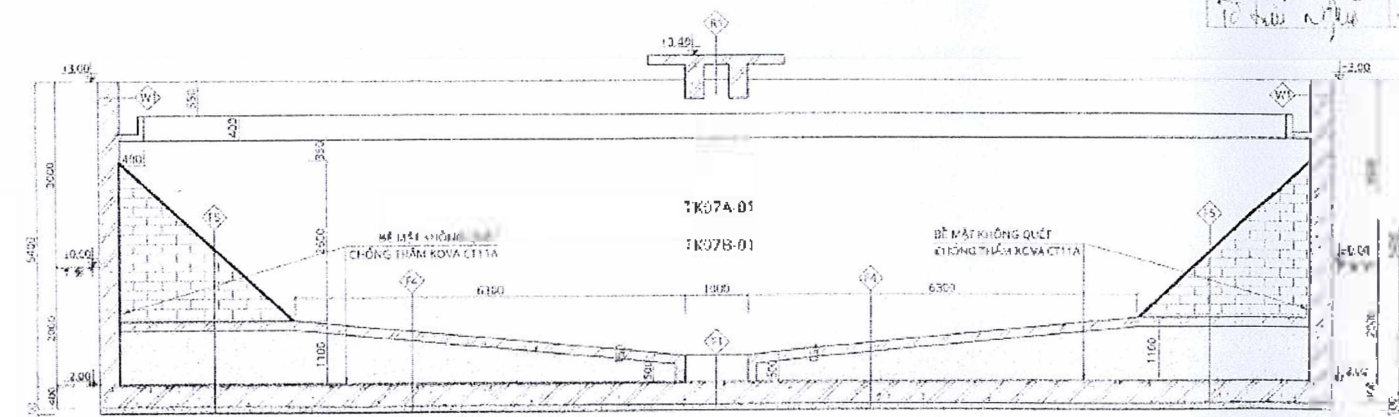
- | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| <p>1. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>1.1. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>1.2. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>1.3. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>1.4. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>1.5. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>1.6. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>1.7. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>1.8. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>1.9. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>1.10. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> | <p>2. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>2.1. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>2.2. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>2.3. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>2.4. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>2.5. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>2.6. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>2.7. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>2.8. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>2.9. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>2.10. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> | <p>3. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>3.1. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>3.2. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>3.3. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>3.4. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>3.5. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>3.6. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>3.7. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>3.8. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>3.9. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>3.10. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> | <p>4. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>4.1. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>4.2. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>4.3. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>4.4. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>4.5. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>4.6. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>4.7. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>4.8. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>4.9. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>4.10. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> | <p>5. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>5.1. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>5.2. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>5.3. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>5.4. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>5.5. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>5.6. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>5.7. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>5.8. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>5.9. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>5.10. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> | <p>6. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>6.1. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>6.2. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>6.3. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>6.4. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>6.5. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>6.6. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>6.7. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>6.8. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>6.9. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>6.10. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> | <p>7. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>7.1. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>7.2. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>7.3. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>7.4. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>7.5. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>7.6. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>7.7. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>7.8. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>7.9. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> <p>7.10. MẶT BẰNG ĐƯỜNG LƯỚI</p> |
|--|--|--|--|--|--|--|

MỤC MÔ TẢ BẢN VẼ / ISSUED FOR:		CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR:		ĐƠN VỊ THI CÔNG / CONTRACTOR:		CÔNG THỨC / PROJECT:		MẬT CẮT 3-3, 4-4	
THIẾT KẾ / DESIGN	☐ PRELIMINARY	CÔNG TY TNHH JAFI (COMFEED) VIỆT NAM	KOASTAL ECO INDUSTRIES Co., Ltd.	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	NGUYỄN THẠNH CÔNG	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS
THIẾT KẾ / DESIGN	☒ CONSTRUCTION	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	KOASTAL ECO INDUSTRIES Co., Ltd.	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	NGUYỄN THẠNH CÔNG	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS
THIẾT KẾ / DESIGN	☐ MODIFIED	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	KOASTAL ECO INDUSTRIES Co., Ltd.	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	NGUYỄN THẠNH CÔNG	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS
HOÀN CÔNG / COMPLETION	☐ AS BUILT	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	KOASTAL ECO INDUSTRIES Co., Ltd.	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	NGUYỄN THẠNH CÔNG	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS
NGÀY / DATE	CHỮ KÝ / SIGNATURE	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	KOASTAL ECO INDUSTRIES Co., Ltd.	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	NGUYỄN THẠNH CÔNG	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS
		CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	KOASTAL ECO INDUSTRIES Co., Ltd.	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	NGUYỄN THẠNH CÔNG	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS
		CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	KOASTAL ECO INDUSTRIES Co., Ltd.	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	NGUYỄN THẠNH CÔNG	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS
		CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	KOASTAL ECO INDUSTRIES Co., Ltd.	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	NGUYỄN THẠNH CÔNG	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS
		CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	KOASTAL ECO INDUSTRIES Co., Ltd.	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	NGUYỄN THẠNH CÔNG	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS	TRẠNG THÁI / STATUS

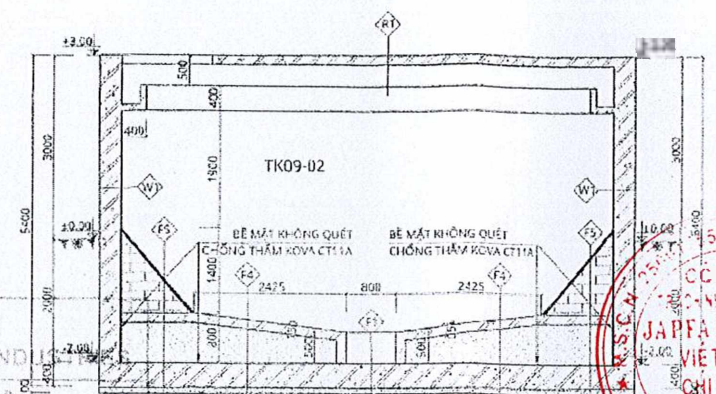
A008



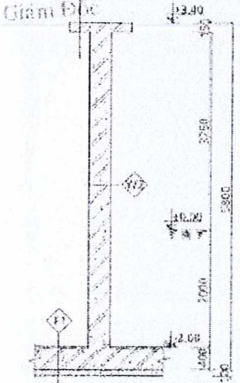
SECTION 5-5



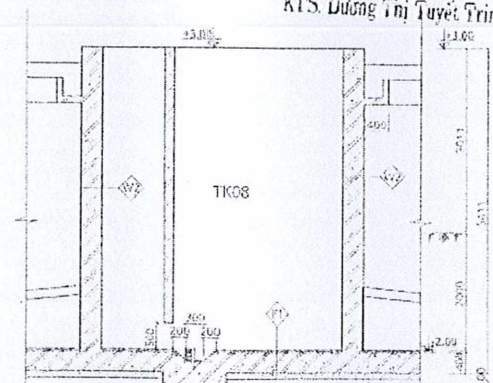
SECTION 6/6/7/7



SECTION 8-8



SECTION 9-9



SECTION 10-10

- 1. DÂY BÊ TÔNG (TỪ TRONG RA NGOÀI):
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
 - THẠNH BTCT DÂY 1x2, R22.5 (M300)
 - BÊ TÔNG KHÔNG TỖ PHẪNG
- 2. DÂY BÊ TÔNG (TỪ TRONG RA NGOÀI):
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
 - THẠNH BTCT DÂY 1x2, R22.5 (M300)
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
- 3. DÂY BÊ TÔNG (TỪ TRONG RA NGOÀI):
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
 - THẠNH BTCT DÂY 1x2, R22.5 (M300)
 - BÊ TÔNG KHÔNG TỖ PHẪNG
- 4. DÂY BÊ TÔNG (TỪ TRONG RA NGOÀI):
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
 - THẠNH BTCT DÂY 1x2, R22.5 (M300)
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
- 5. DÂY BÊ TÔNG (TỪ TRONG RA NGOÀI):
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
 - THẠNH BTCT DÂY 1x2, R22.5 (M300)
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
- 6. DÂY BÊ TÔNG (TỪ TRONG RA NGOÀI):
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
 - THẠNH BTCT DÂY 1x2, R22.5 (M300)
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
- 7. DÂY BÊ TÔNG (TỪ TRONG RA NGOÀI):
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
 - THẠNH BTCT DÂY 1x2, R22.5 (M300)
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
- 8. DÂY BÊ TÔNG (TỪ TRONG RA NGOÀI):
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
 - THẠNH BTCT DÂY 1x2, R22.5 (M300)
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
- 9. DÂY BÊ TÔNG (TỪ TRONG RA NGOÀI):
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
 - THẠNH BTCT DÂY 1x2, R22.5 (M300)
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
- 10. DÂY BÊ TÔNG (TỪ TRONG RA NGOÀI):
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A
 - THẠNH BTCT DÂY 1x2, R22.5 (M300)
 - QUÉT CHỐNG THẨM 2 LỚP KOVA CT11A

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY TNHH KOASTAL ECO INDUSTRIES
BAN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày..... Tháng..... Năm 20.....

NGƯỜI LẬP: NGƯỜI KIỂM TRA: ĐƠN VỊ CHỦ ĐẦU TƯ:

Họ và tên: TRẦN ANH ĐỨC
TỔNG GIÁM ĐỐC

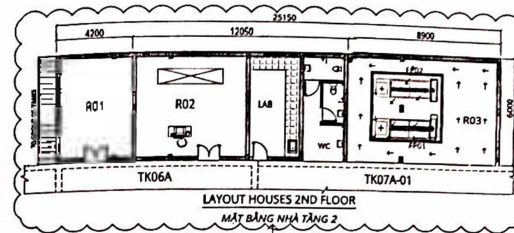
543-066-CT11A
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST
THẨM TRA
Theo Văn bản số...../V.V.TTKTST-20.....
Nên.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

KTS. Dương Thị Tuyết Trinh

QUY CHUẨN THIẾT KẾ CHUNG THIẾT KẾ KỸ THUẬT HOÀN CÔNG NGƯỜI CHẤM THỜI GIAN:	NGƯỜI CHẤM THỜI GIAN:	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST
---	--------------------------	--	--	--	--	--	--

LAYOUT OF WWTP & WATER REUSE SYSTEM FOR JAPFA SLAUGHTER BINH PHUOC
MẶT BẰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ HỆ THỐNG TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI

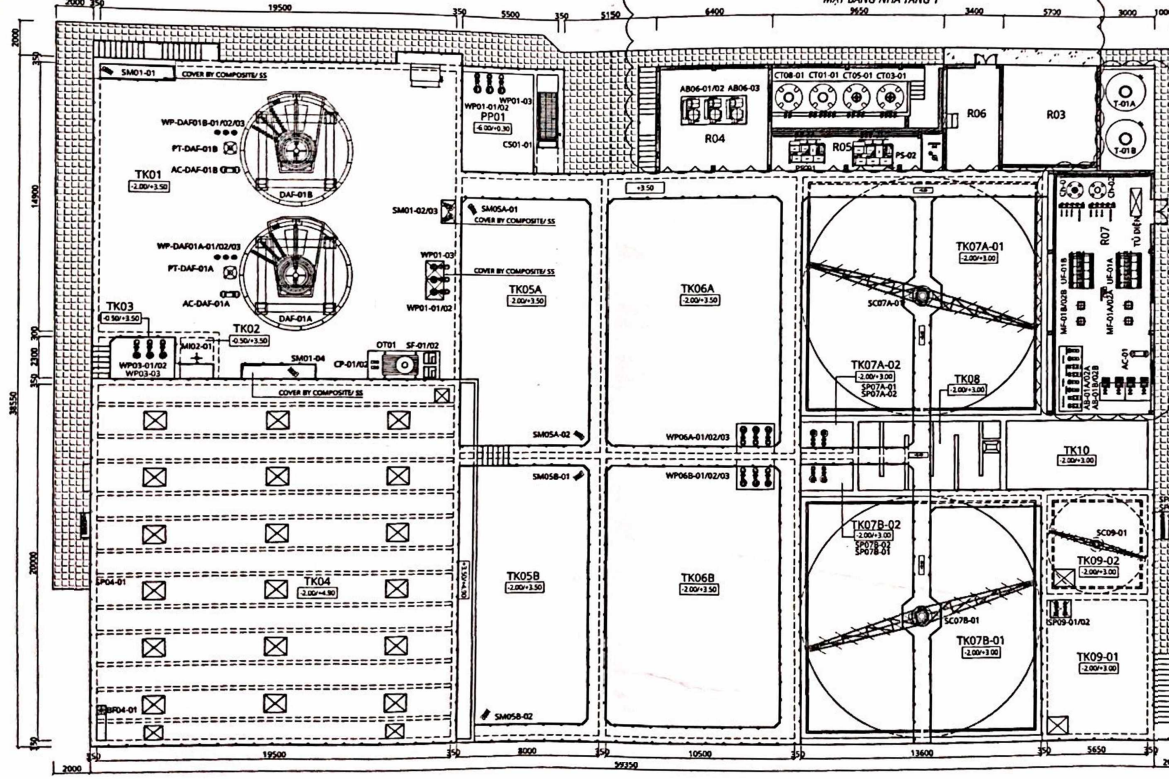
STT	ITEM	THIẾT BỊ / HỒ BƠM
TK01	EQUALIZATION TANK / BỂ CÂN BẰNG	
TK02	pH ADJUSTMENT TANK / BỂ CHỈNH pH	
TK03	INTERMEDIATE TANK / BỂ TRUNG GIẢN	
TK04	LAGER TANK / BỂ LẠNH	
TK05A/B	AERATION TANK / BỂ AƠƠ	
TK06A/B	AERATION TANK / BỂ AƠƠ	
TK07A/B-01	BIO-CLARIFIER / BỂ LẮNG SINH HỌC	
TK07A/B-02	BIO-SLUDGE STORAGE TANK / NGĂN CHỨA Bùn Sinh	
TK08	DISINFECTION TANK / BỂ KHỬ TRÙNG	
TK09-01	SLUDGE OXIDATION TANK / BỂ OXID HỮU BỤN	
TK09-02	SLUDGE THICKENER / BỂ NÉN BỤN	
TK10	TREATED WW STORAGE TANK / BỂ CHỨA SẠCH NƯỚC	
TK11	MAINTENANCE ROOM / PHÒNG BẢO TRÌ	
TK12	CONTROL ROOM / PHÒNG ĐIỀU KHIỂN	
TK13	SLUDGE DRYING & STORAGE ROOM / NHÀ EP BỤN VÀ CHỨA BỤN	
TK14	AIR BLOWER HOUSE / PHÒNG MÁY THỔI KHÍ	
TK15	CHEMICAL DOSING ROOM / NHÀ PHA HÓA CHẤT	
TK16	CHEMICAL STORAGE ROOM / NHÀ KHO HÓA CHẤT	
TK17	TREATED WW REUSE ROOM / NHÀ HỒ TÁI SỬ DỤNG NƯỚC	



CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TST
THẨM TRA
Theo Văn bản số.../BCH/TST-20...
Ngày...
Chủ trì bộ môn kỹ thuật:

KTS. Dương Thị Tuyết Trinh,

ĐƠN VỊ THI CÔNG CÔNG TY TNHH KOASTAL ECO INDUSTRIES	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày... Tháng... Năm 20...	
NGƯỜI LẬP VẼ / CHẤM ĐỌC	ĐƠN VỊ CHU ĐÁU TƯ
Họ và tên Tôn Giám đốc	Họ và tên Tôn Giám đốc



SẴN CHỖ / REMARKS Thiết kế cơ sở Thiết kế kiến trúc Thiết kế kỹ thuật Thiết kế thi công Thiết kế lắp đặt Thiết kế vận hành Thiết kế bảo trì Thiết kế khác	CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM JAPFA COMFEED VIỆT NAM CHỈ NHƯỢNG QUYỀN CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM	NHÀ ĐẦU TƯ / CONTRACTOR KOASTAL ECO INDUSTRIES Co., Ltd. KOASTAL ECO INDUSTRIES Co., Ltd. 10/10/2020	TỔNG GIÁM ĐỐC / GENERAL DIRECTOR CÔNG TY TNHH KOASTAL ECO INDUSTRIES CÔNG TY TNHH KOASTAL ECO INDUSTRIES CÔNG TY TNHH KOASTAL ECO INDUSTRIES	CÔNG TRÌNH / PROJECT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1.000 M ³ /NGÀY VÀ HỆ THỐNG TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI WASTEWATER TREATMENT PLANT CAPACITY 1,000 M ³ /DAY AND WASTEWATER REUSE SYSTEM LAYOUT OF WWTP & WATER REUSE SYSTEM FOR JAPFA SLAUGHTER BINH PHUOC	SỐ DẪN / JOB NO. P171-2008 NGÀY / DATE 08/2021
---	---	---	---	--	---

MẶT BẰNG VỊ TRÍ HỆ THỐNG TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI/
POSITION LAYOUT OF WATER REUSE SYSTEM

MẶT BẰNG VỊ TRÍ HỆ THỐNG TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI/
POSITION LAYOUT OF WATER REUSE SYSTEM

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY TNHH KOASTAL ECO INDUSTRIES

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm 20....

NGƯỜI LẬP VẼ/ĐIỂM ĐỌC

ĐƠN VỊ
CHỦ ĐẦU TƯ

Họ và tên
Trần Anh Đức

Họ và tên

Họ và tên

MASTER PLAN

THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ

THIẾT KẾ HOÀN CÔNG
THIẾT KẾ HOÀN CÔNG



KOASTAL ECO

KOASTAL ECO INDUSTRIES CO., LTD.



THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ

THIẾT KẾ HOÀN CÔNG
THIẾT KẾ HOÀN CÔNG

THIẾT KẾ HOÀN CÔNG
THIẾT KẾ HOÀN CÔNG

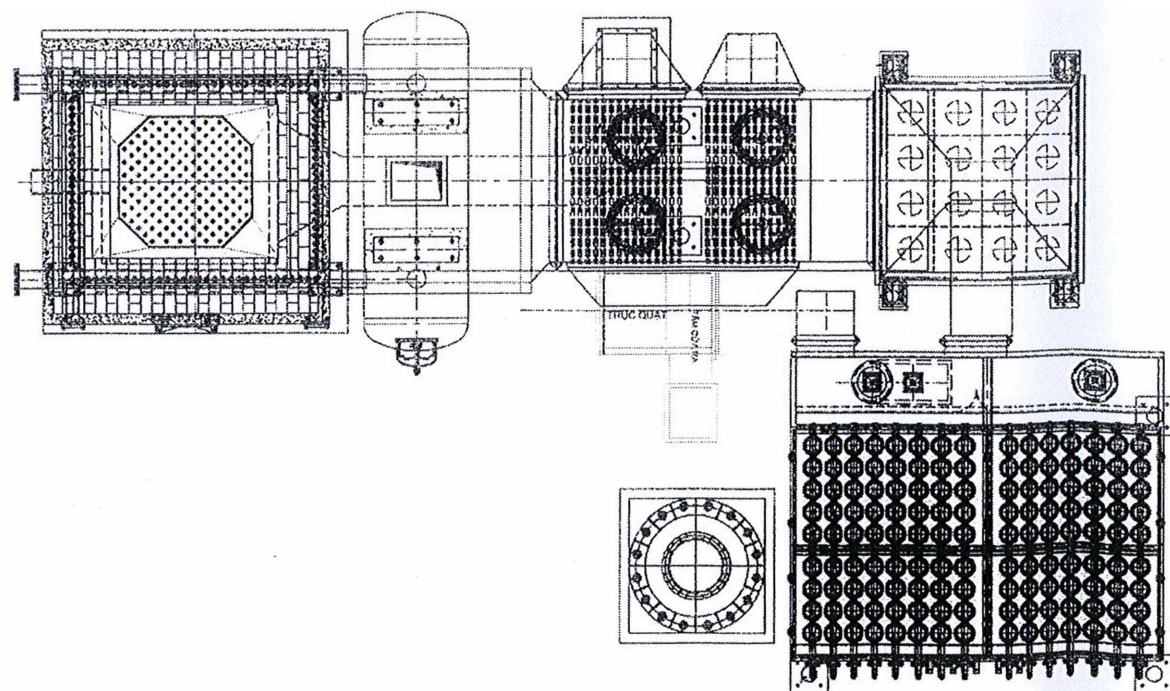
MẶT BẰNG VỊ TRÍ
HỆ THỐNG TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI/
POSITION LAYOUT OF WATER REUSE SYSTEM

MẶT BẰNG VỊ TRÍ
HỆ THỐNG TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI/
POSITION LAYOUT OF WATER REUSE SYSTEM

THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ
THIẾT KẾ	THIẾT KẾ	THIẾT KẾ

SỐ BẢN VẼ/CHỖ M. 0001

STT	STT	STT	STT
01	02	03	04
05	06	07	08
09	10	11	12
13	14	15	16
17	18	19	20
21	22	23	24
25	26	27	28
29	30	31	32
33	34	35	36
37	38	39	40
41	42	43	44
45	46	47	48
49	50	51	52
53	54	55	56
57	58	59	60
61	62	63	64
65	66	67	68
69	70	71	72
73	74	75	76
77	78	79	80
81	82	83	84
85	86	87	88
89	90	91	92
93	94	95	96
97	98	99	100

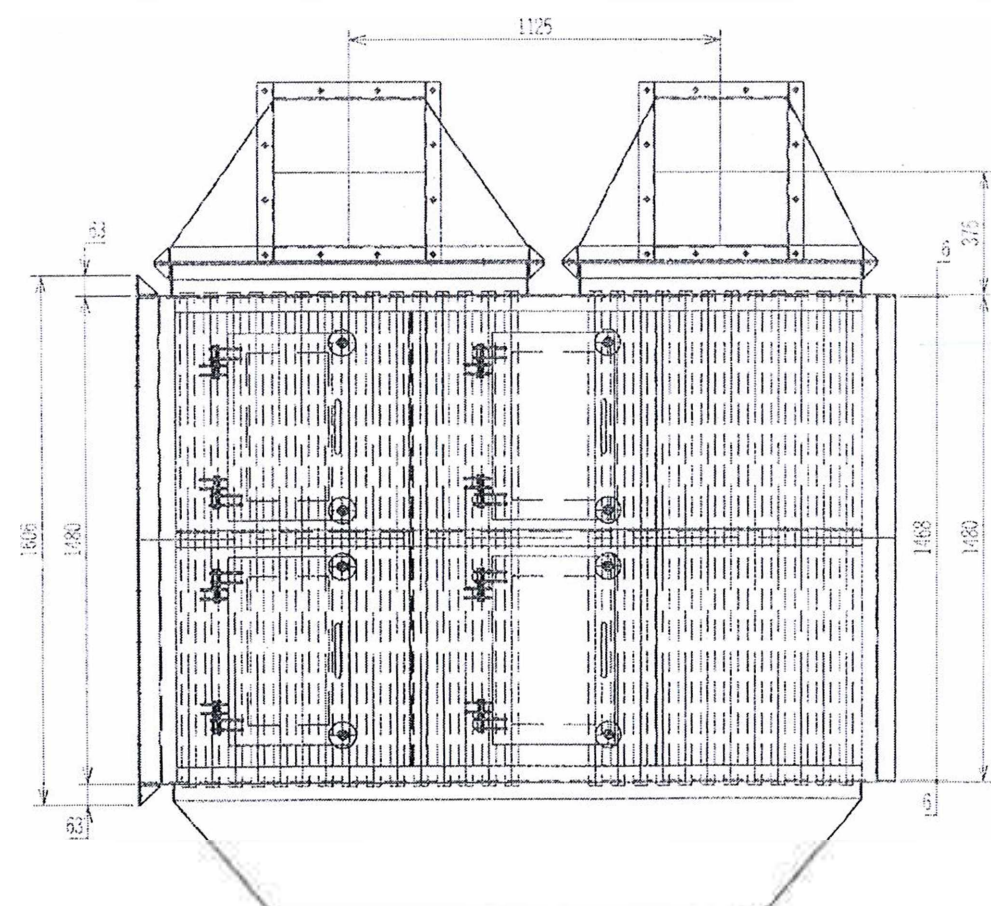
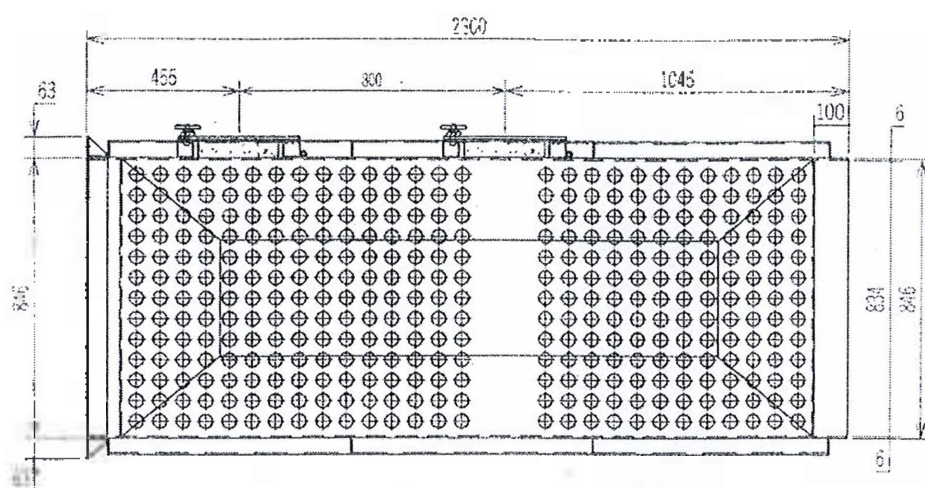


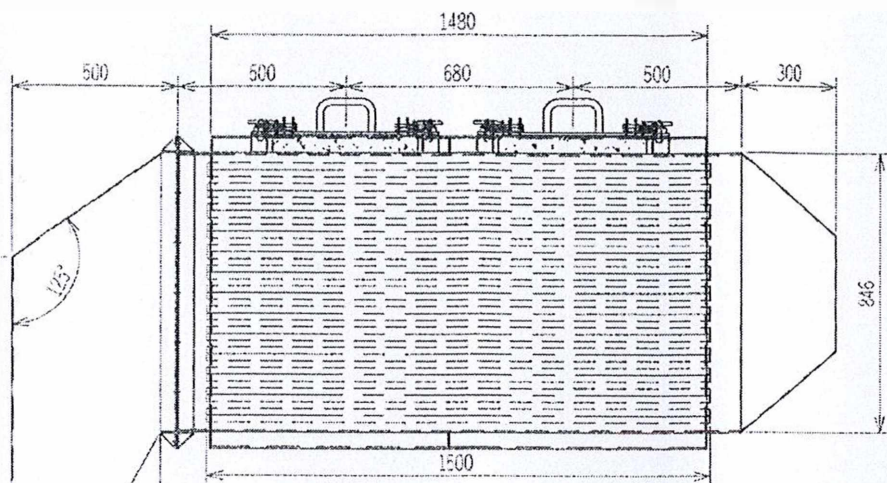
Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
 Vũ Xuân Anh	 	 Đỗ Văn Sơn

Nguyễn Đại Văn

<u>WAY-DATE</u>		<u>FILE-DATE</u>	
JOHNS SECRET NO.	7184025-1071	JOHNS SECRET NO.	7184025-1071

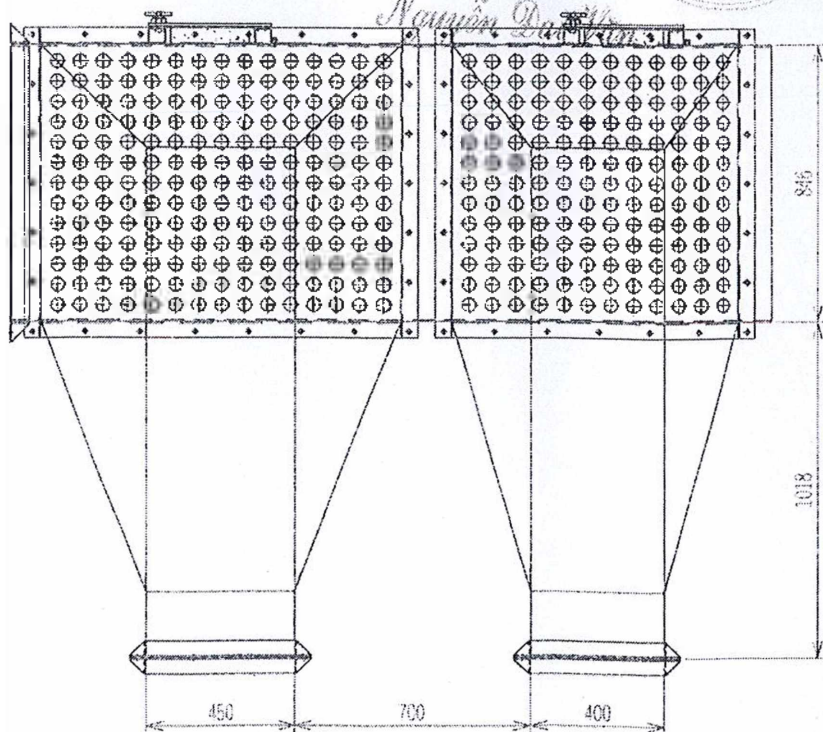




BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....10.....tháng.....02.....năm.....2020

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Vũ Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG KAI	CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM



GIỚI THIỆU - NOTES

1. CỐ ĐỊNH LỖ CẮT RĂNG CỦA TUNG HANG MỤC
2. KHÔNG ĐỒNG THUỘC ĐO TRÊN BÀN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ - ADD

LÔ 86-1, 86-2, 86-3, 86-4, KCN MINH THƯỜNG - BÌNH PHƯỚC, XÃ BÌNH PHƯỚC, TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐƠN VỊ

PHÚC TRƯỜNG KAI

CHỦ ĐẦU TƯ - EMPLOYER

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ - ADD

LÔ 86-1, 86-2, 86-3, 86-4, KCN MINH THƯỜNG - BÌNH PHƯỚC, XÃ BÌNH PHƯỚC, TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐƠN VỊ

PHÚC TRƯỜNG KAI

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY GIẾT MỒ VÀ CHẾ BIẾN THỊT

ĐỊA ĐIỂM LẬP BẢN VẼ - LOCATION

KCN MINH THƯỜNG - BÌNH PHƯỚC, XÃ BÌNH PHƯỚC, TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐƠN VỊ

PHÚC TRƯỜNG KAI

ĐƠN VỊ

PHÚC TRƯỜNG KAI

ĐƠN VỊ

PHÚC TRƯỜNG KAI

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION



CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG KAI

ĐỊA CHỈ - ADD

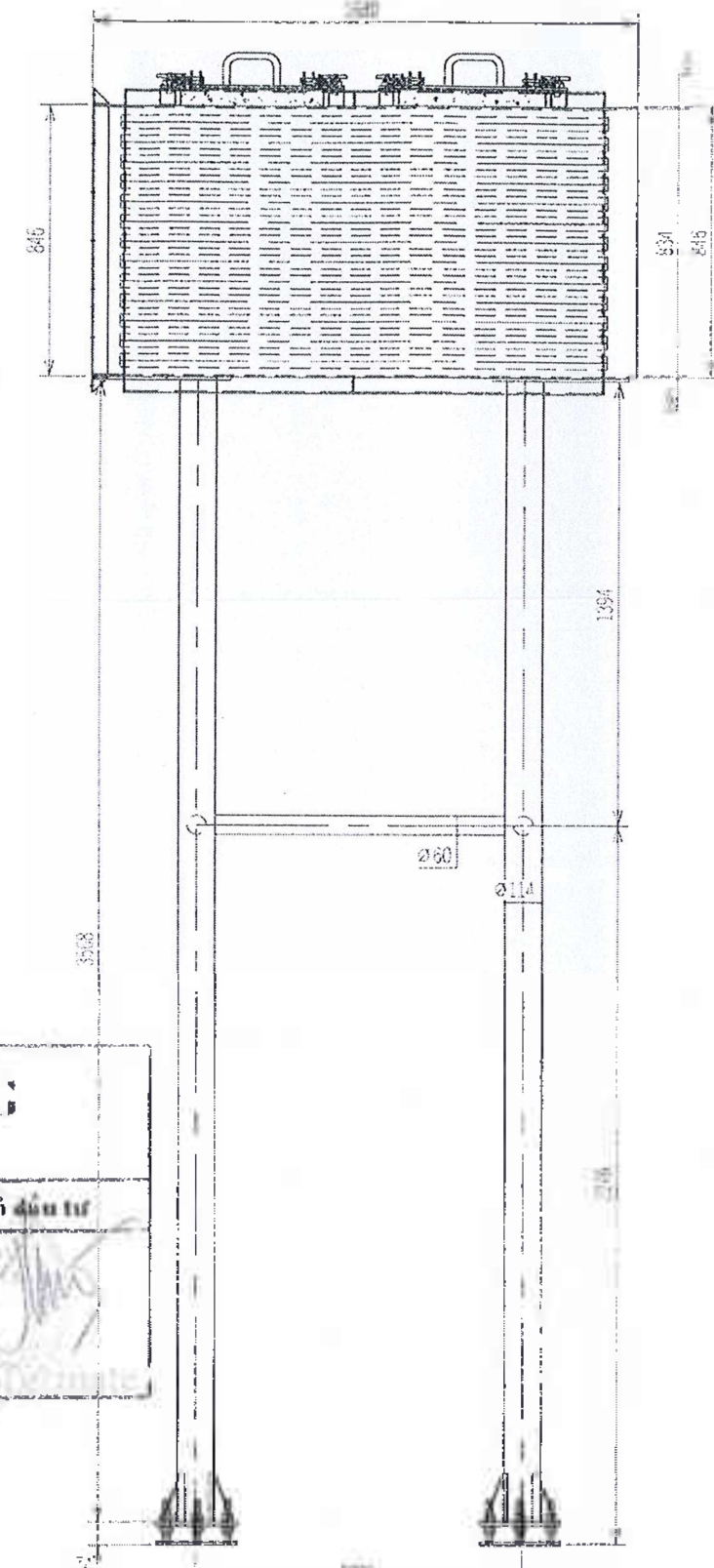
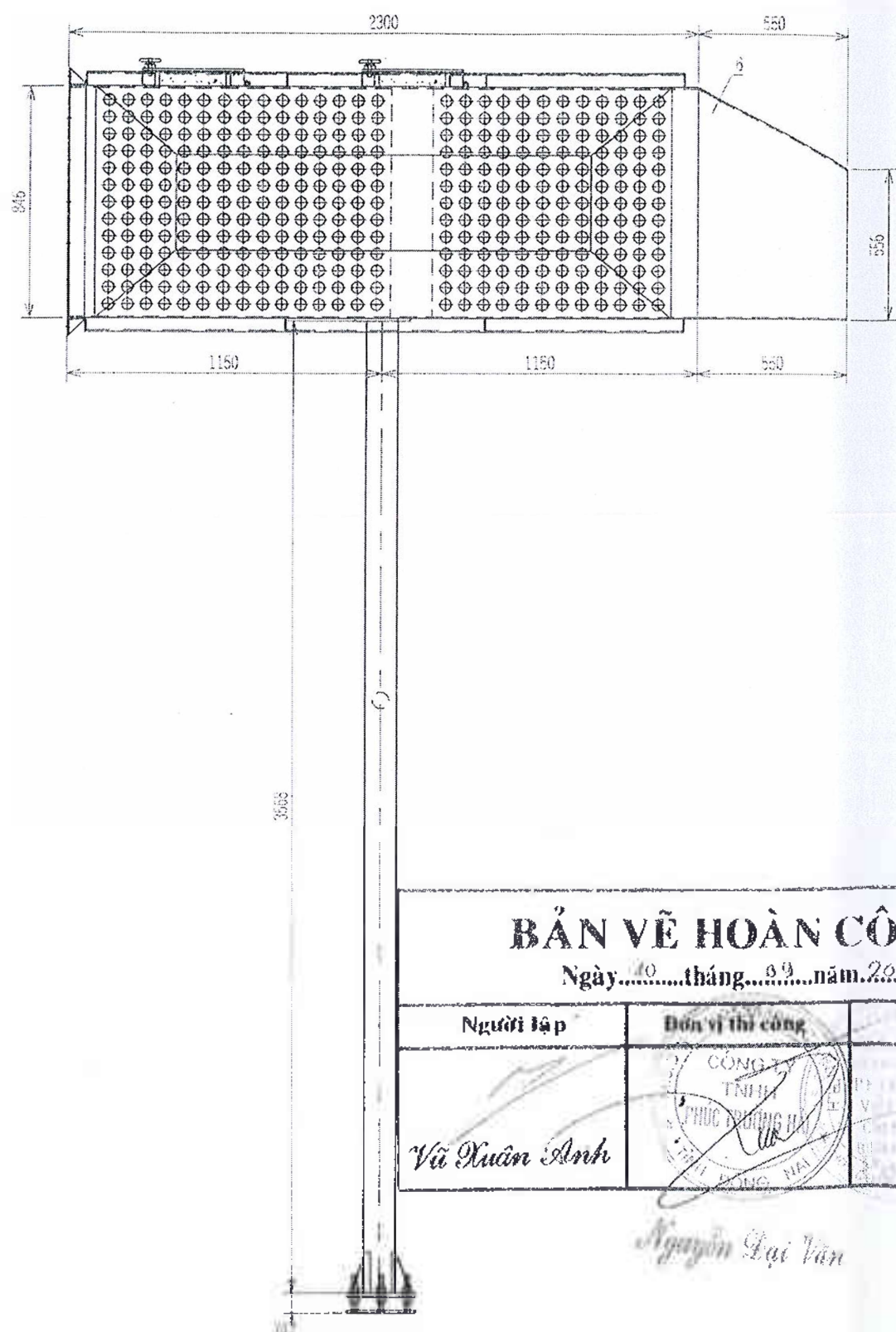
KCN MINH THƯỜNG - BÌNH PHƯỚC, XÃ BÌNH PHƯỚC, TỈNH BÌNH PHƯỚC

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

BẢN VẼ LẬP BỐ SÁY KHÍ

THAM MỐC	NGUYỄN ĐẠI VÂN
THIẾT KẾ	TRƯƠNG HỮU VƯƠNG
CHẾ BIẾN	LÊ HOÀNG PHỤNG
Kiểm tra	NGUYỄN VĂN CHÍNH
Đuyệt	NGUYỄN ĐẠI VÂN

Ngày	Ngày	Ngày
Ngày	Ngày	Ngày



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....2022

Người lập	Đơn vị thi công	Chỗ dấu tư
Vũ Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI	

Nguyễn Đại Văn

GHI CHÚ - NOTES
 1. CẦU LƯỚI BÊ TÔNG CỦA TƯỜNG HẸNG MỤC
 2. KHÔNG ĐƯỢC THAY ĐỔI TRÊN BẢN VẼ

THẠCH HẸNG - CLIENT
 CÔNG TY TNHH IAPA COMFED VIỆT NAM
 ĐỊA CHỈ - ADDRESS
 LÔ 85-1, 86-1, 86-2, 86-3, 86-4, KCN MINH HƯNG - SÀI GÒN
 XÃ ĐÔNG NHÌ, HUYỆN BẾN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Duyệt
 APPROVED BY
 NGÀY - DATE

CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT
 CÔNG TY TNHH IAPA COMFED VIỆT NAM
 ĐỊA CHỈ - ADDRESS
 LÔ 85-1, 86-1, 86-2, 86-3, 86-4, KCN MINH HƯNG - SÀI GÒN
 XÃ ĐÔNG NHÌ, HUYỆN BẾN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Duyệt
 APPROVED BY
 NGÀY - DATE

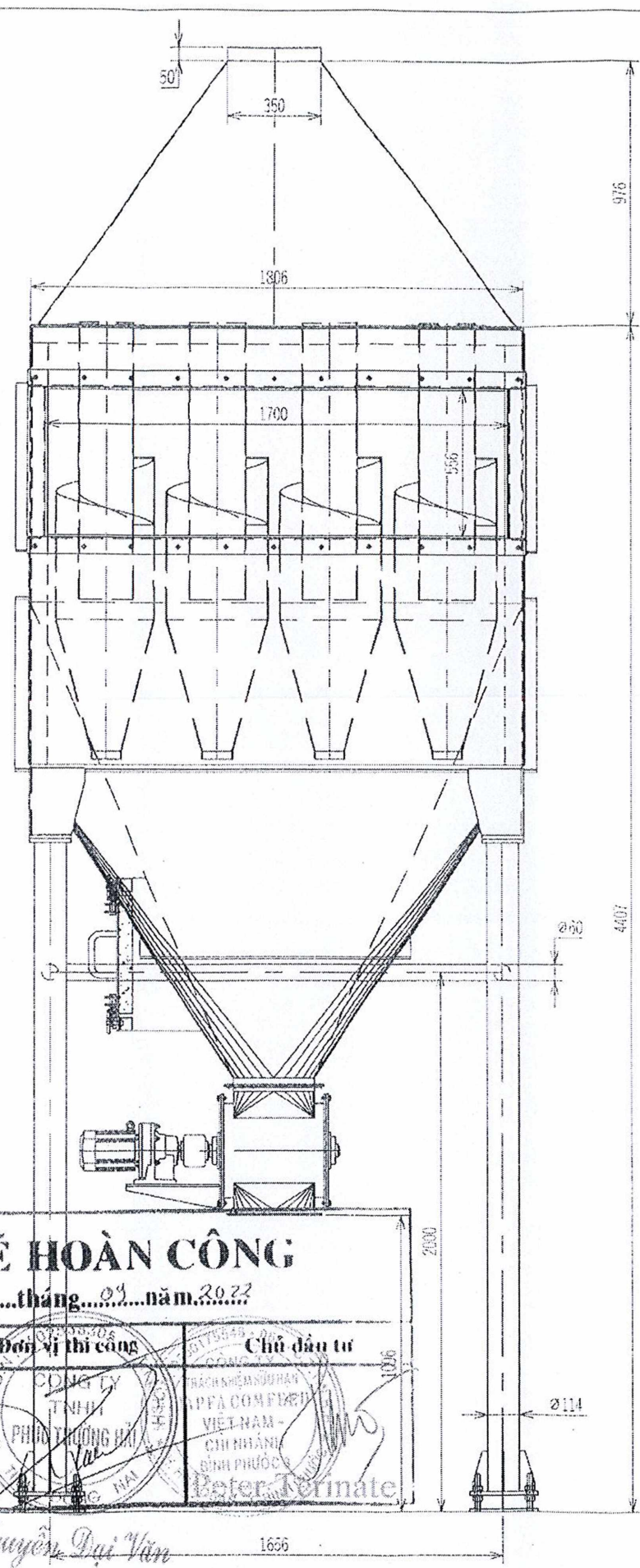
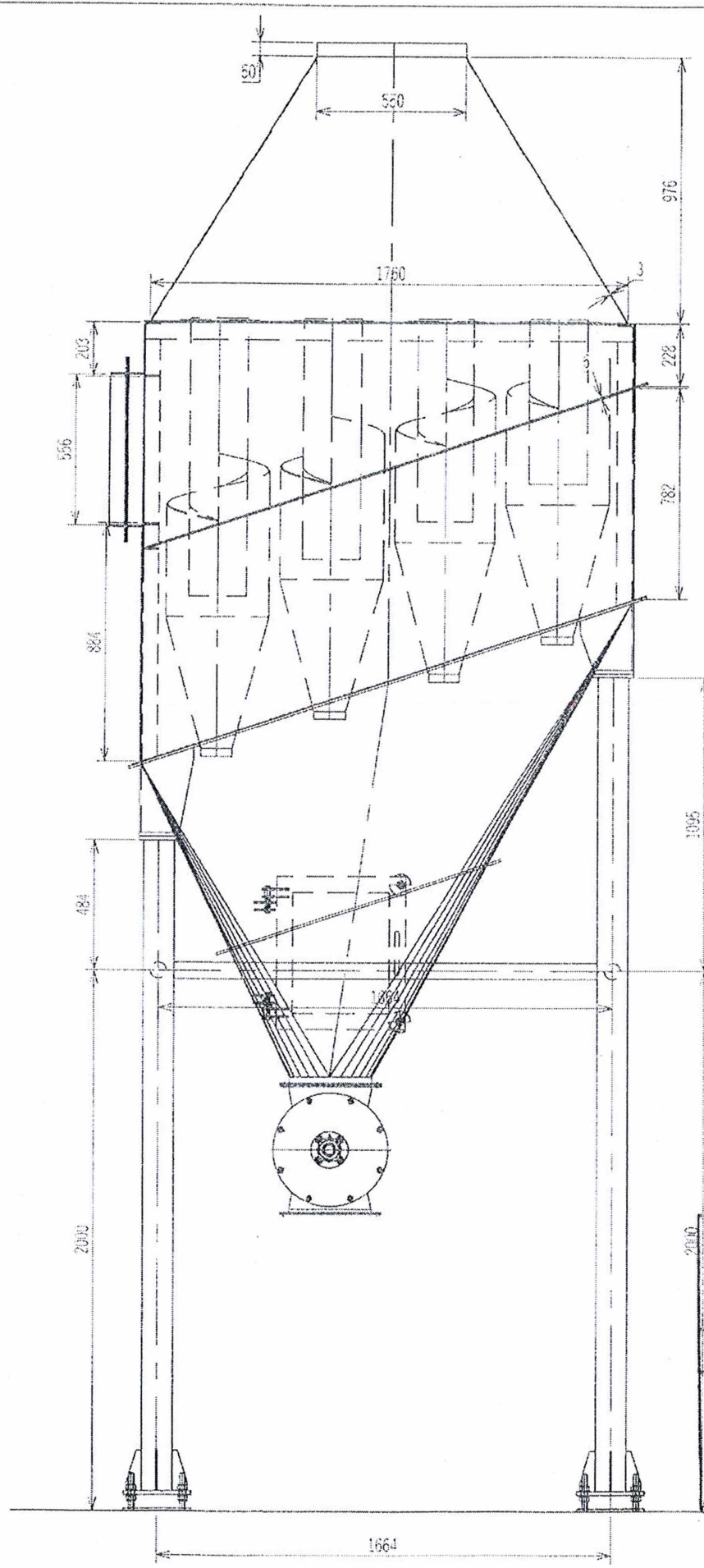
TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE
 NHÀ MÁY GIẾT MÓ VÀ CHẾ BIẾN MÓ
 ĐỊA ĐIỂM LẬP BẢN VẼ - LOCATION
 KCN MINH HƯNG - SÀI GÒN, X. ĐÔNG NHÌ
 H. BẾN QUẢN, T. BÌNH PHƯỚC
 HẠNG MỤC ITEM
 LẬP BẢN VẼ HỒ SƠ THI CÔNG
 GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE
 HOÀN CÔNG THIẾT KẾ

BIÊN BẢN - REVISION
 LẦN
 VER.
 NGÀY
 DATE
 MÔ TẢ
 DESCRIPTION
 KÝ
 SIGN

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION
 CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI
 ĐỊA CHỈ - ADDRESS
 KCN MINH HƯNG - SÀI GÒN, X. ĐÔNG NHÌ, H. BẾN QUẢN, T. BÌNH PHƯỚC
 TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME
 BẢN VẼ LẬP DỒ SẤY KÌ

Duyệt
 APPROVED BY
 NGÀY - DATE
 Duyệt
 APPROVED BY
 NGÀY - DATE
 Duyệt
 APPROVED BY
 NGÀY - DATE

MỤC LỤC
 MỤC LỤC
 MỤC LỤC
 MỤC LỤC



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày...10...tháng...09...năm...2022

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Vũ Xuân Anh	PHÚC TRƯỜNG HẢI	Beter Ternate

GHI CHÚ - NOTES

1. CỘT LÒ LÒ LÀ CỘT RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
 2. KHÔNG ĐỒNG THUỘC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT
 CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
 ĐỊA CHỈ - ADD: LÔ B5-1, B6-1, B6-3, B5-4 KCN MINH HƯNG-SIKKO, X. ĐÔNG SÓ, H. BỐ LỘC, T. BÌNH PHƯỚC
 ĐƯỢC CHẤM DẤU BỞI: [Signature]
 NGÀY - DATE: [Date]

CHỦ ĐẦU TƯ - EMPLOYER
 CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
 ĐỊA CHỈ - ADD: LÔ B5-1, B6-1, B6-3, B5-4 KCN MINH HƯNG-SIKKO, X. ĐÔNG SÓ, H. BỐ LỘC, T. BÌNH PHƯỚC
 ĐƯỢC CHẤM DẤU BỞI: [Signature]
 NGÀY - DATE: [Date]

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE
 NHÀ MÁY GIẾT MÓ VÀ CHẾ BIẾN THỊT

ĐỊA ĐIỂM LẮP ĐẶT - LOCATION
 KCN MINH HƯNG-SIKKO, X. ĐÔNG SÓ, H. BỐ LỘC, T. BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM
 LẮP ĐẶT LÒ HƠI 04 TẦNG GIỚI

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE
 HOÀN CÔNG THIẾT BỊ

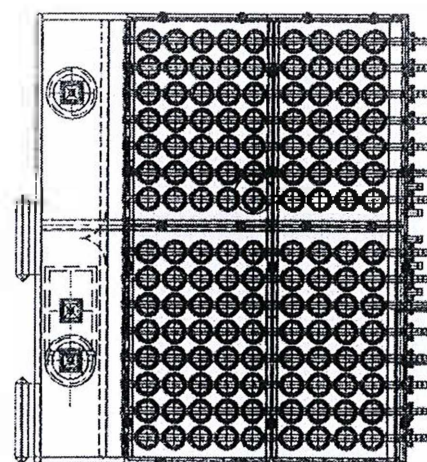
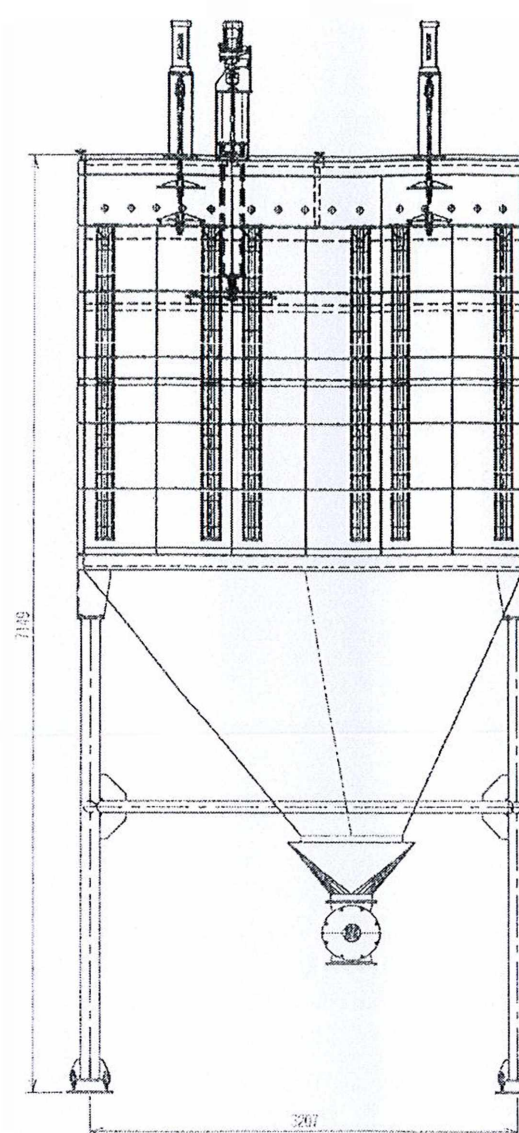
BIỂU CHỈNH - REVISION

LẦN VẼ	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	CHẤM DẤU CHECK

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION
PTH BOILER
 CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI
 ĐỊA CHỈ - ADD: KCN Thành Phố - Xã Thành Phố - Huyện Cầu Lộ - Tỉnh Đồng Nai
 Tel: 02512 360 139 - Website: phucuonghais.com.vn

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME
 BẢN VẼ TỔNG CYCLONE TỔ HỢP

CHẤM DẤU DIRECTOR	NGUYỄN ĐẠI VÂN	[Signature]
THIẾT KẾ DESIGNED BY	TRƯƠNG HỮU VƯƠNG	[Signature]
NGƯỜI VẼ DRAWN BY	LÊ HOÀNG PHỤNG	[Signature]
Kiểm tra CHECKED BY	NGUYỄN VĂN CHINH	[Signature]
ĐƯỢC CHẤM DẤU BỞI: [Signature]	NGUYỄN ĐẠI VÂN	[Signature]
NGÀY - DATE	2022-09-10	10/09/2022
CHẤM DẤU CHECKED BY	PHÚC TRƯỜNG HẢI	20/09/2022

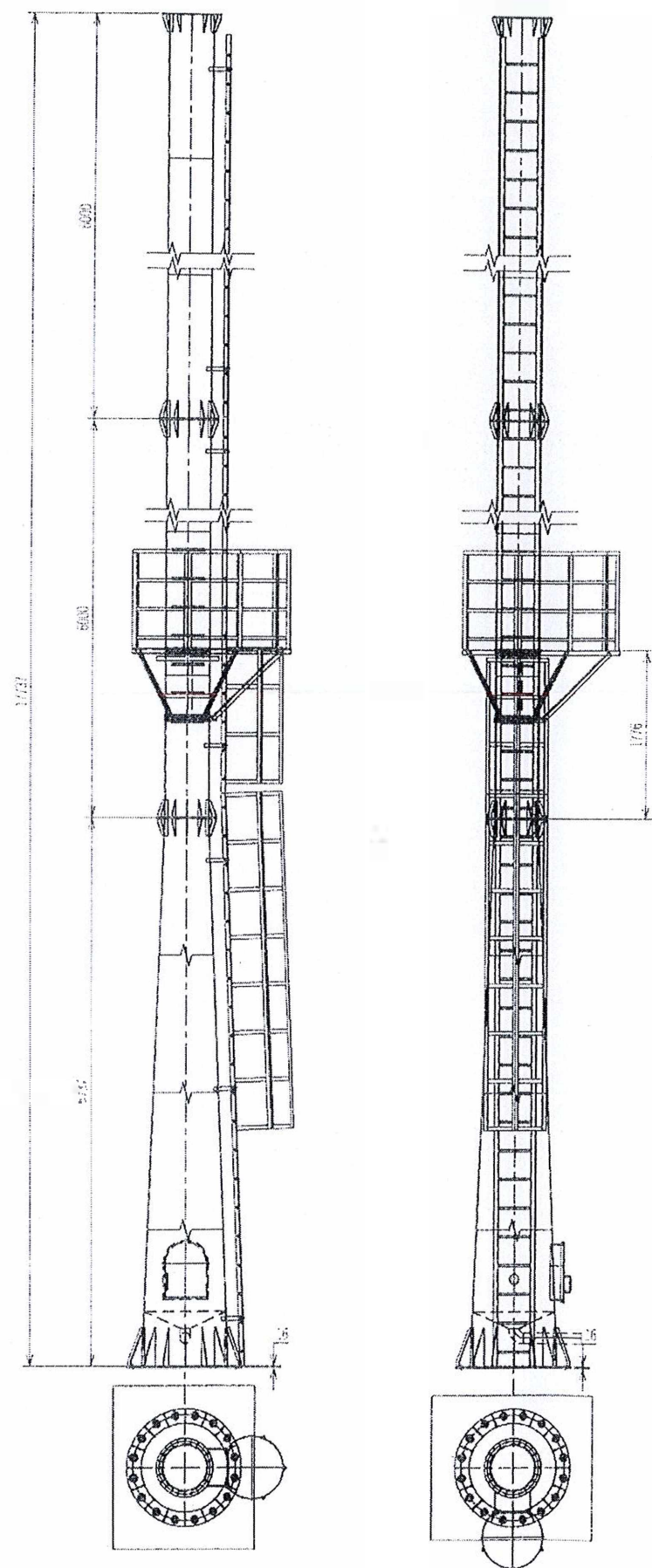


Ngày 40 tháng 09 năm 2022

Chủ đầu tư

Nguyen Tai Van

DATE	TIME	UNIT
10/10/70	10:00	100



Chú ý:
- Các dụng cụ cần lắp đặt phải được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi lắp đặt.
- Tất cả vật tư lắp đặt phải được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi lắp đặt.
- Hướng lắp đặt phải đúng, các chi tiết và các bộ phận phải lắp đúng vị trí.
- Các chi tiết lắp đặt phải đúng theo quy định của nhà sản xuất.
- Việc chuẩn bị đường ống lắp đặt phải đúng theo quy định của nhà sản xuất.

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày...10...tháng...01...năm...2022

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Vũ Xuân Anh		

CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI
PHÚC TRƯỜNG HẢI
HÀNG MỤC - ITEM
LẬP DÂY CHUYỀN TÀNG CỘT
NGUYỄN ĐẠI VĂN

CHẾ NHÚ - NOTES
1. CỘT HƯỚNG LẮP CỐ ĐỊNH CỦA TOWER BANG MỘC
2. KHÔNG ĐƯỢC THAY ĐỔI TRÊN DÂY CHUYỀN

CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ - ADDRESS:
LÔ 86-1, 86-2, 86-3, 86-4, KEN MINH HƯNG - SIKCO
XÃ ĐÔNG SÔNG, HUYỆN HON QUAN, TỈNH BÌNH PHƯỚC
NGƯỜI PHÉP DUY
NGÀY - DATE

CHỦ ĐẦU TƯ - CONTRACTOR
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ - ADDRESS:
LÔ 86-1, 86-2, 86-3, 86-4, KEN MINH HƯNG - SIKCO
XÃ ĐÔNG SÔNG, HUYỆN HON QUAN, TỈNH BÌNH PHƯỚC
NGƯỜI PHÉP DUY
NGÀY - DATE

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
ĐỊA ĐIỂM LẮP DÂY CHUYỀN TÀNG CỘT
KEN MINH HƯNG - SIKCO, X. ĐÔNG SÔNG
H. HON QUAN, T. BÌNH PHƯỚC
HẠNG MỤC - ITEM
LẬP DÂY CHUYỀN TÀNG CỘT
NGUYỄN ĐẠI VĂN

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION
PHUOC TRUONG HAI
CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI
ĐỊA CHỈ - ADDRESS:
KEN MINH HƯNG - SIKCO, X. ĐÔNG SÔNG, T. BÌNH PHƯỚC
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME
DÂY CHUYỀN TÀNG CỘT

CHẾ NHÚ - NOTES	NGUYỄN ĐẠI VĂN
THIẾT KẾ - DESIGN	TRƯỜNG HỮU VƯƠNG
NGƯỜI VẼ - DRAWN BY	LÊ HOÀNG PHƯƠNG
Kiểm tra - CHECKED BY	NGUYỄN VĂN CHÍNH
NGƯỜI PHÉP DUY - APPROVED BY	NGUYỄN ĐẠI VĂN

NGÀY - DATE	17/01/2022	17/01/2022	17/01/2022
NGƯỜI PHÉP DUY	NGUYỄN ĐẠI VĂN	NGƯỜI PHÉP DUY	NGƯỜI PHÉP DUY